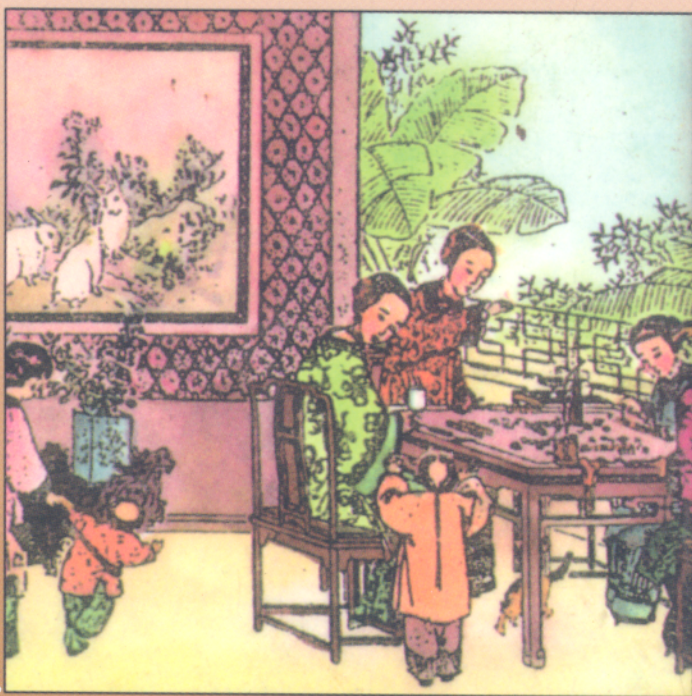


QUA XUÂN NGUYỄN



LỊCH SỬ CỜ BẠC

CAO TỰ THANH dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Qua Xuân Nguyên

Lịch sử cờ bạc

Cao Tự Thanh dịch

Nhà xuất bản TRẺ

Dịch từ nguyên bản Hoa văn ***Đổ bác sử***,
Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1995

Mục lục

*. Lời người dịch	7
Chương 1. Cờ bạc và sự nảy sinh của cờ bạc	11
1. Nguồn gốc của cờ bạc	12
2. Loại hình cơ chế tâm lý khiến người ta mê cờ bạc	15
Chương 2. Những trò cờ bạc đủ loại trong lịch sử Trung Quốc	21
1. Lợi dụng động vật tiến hành đánh bạc	21
2. Loại đánh cờ đánh bài	30
3. Loại cờ bạc suy đoán	60
4. Các trò cờ bạc ngoại nhập thời cận đại	74
Chương 3. Cờ bạc với các hạng người	93
1. Cờ bạc với quý tộc quan lại	94
2. Cờ bạc với văn nhân mặc khách	112
3. Cờ bạc với mệnh phụ kỹ nữ	119
4. Cờ bạc với lưu manh ăn mày	127
5. Cờ bạc và dân thường	138
Chương 4. Sòng bạc ở bạc trong lịch sử Trung Quốc	143
1. Sòng bạc ở Thượng Hải	145
2. Sòng bạc ở Thiên Tân	161
3. Sòng bạc ở Bắc Kinh	169
4. Sòng bạc ở Thẩm Quyến Quảng Châu	177
5. Sòng bạc ở Áo Môn	180
6. Sòng bạc ở Hương Cảng	190
7. Sòng bạc ở Đài Loan	199
8. Sòng bạc ở Thành Đô	201

9. Sông bạc ở Vũ Hán	205
10. Sông bạc ở khu Đông bắc	207
11. Những điều mê tín và kiêng kỵ trong sông bạc	209
Chương 5. Thuật lừa đảo trong lịch sử cờ bạc	213
1. Muốn bắt nên tha	215
2. Thông lung cò mồi	217
3. Lừa trần giò trò	224
4. Ngấm ngấm đánh dấu	235
5. Khéo dùng số học	237
6. Hư trương thanh thế	241
7. Bán cách không thua	242
Chương 6. Cuốn sổ tội ác của cờ bạc xưa nay	246
1. Tan nhà nát cửa	247
2. Dẫn tới phạm tội	259
3. Đầu độc thiếu niên	268
4. Nạn cho vay nặng lãi ở sông bạc	270
5. Có hại cho sức khỏe	272
Chương 7. Việc ngăn cấm cờ bạc trong lịch sử Trung Quốc	277
1. Từ thời Chiến quốc đến thời Nam Bắc triều	277
2. Từ thời Tùy Đường đến thời Minh	280
3. Việc ngăn cấm cờ bạc thời Thanh	286
4. Việc ngăn cấm cờ bạc thời Dân quốc	296

Lời người dịch

Xưa nay, ai cũng biết tác hại của cờ bạc. Người Việt Nam có câu "Cờ bạc là bác thẳng bản", Bồ Tùng Linh trong **Liêu Trai chí dị**, truyện **Đỗ phủ** (Bùa đánh bạc) còn có cả một thiên văn chương biến ngẫu phê phán cờ bạc như sau "Cái làm thiên hạ khuynh gia bại sản không gì mau bằng cờ bạc, cái làm thiên hạ tổn đức mất nết không gì mạnh bằng cờ bạc, sa vào rồi thì như rơi xuống biển mê không biết đầu là đáy. Phàm kẻ làm ruộng buôn bán đều có nghề nghiệp, kẻ học trò đọc sách càng tiếc thời giờ. Đọc sách cắm cây vốn là đường chính để thành gia, chén rượu chung trà cũng là niềm vui trên cõi thế. Thế mà lại theo bạn xấu rủ rê, suốt canh khuya đàn đúm. Nghiêng rương vét túi, treo vàng mọ trên mấy tầng trời ; la thẳng thét ừ, xin thần giúp trong trò ngu dại ...Kể lại bán vợ dợ con, cũng muốn cầu may thử vận ; ngó đầu nắm lông lò lửa, chung quy đầy nước mò trăng. Lúc tàn mạt mới ngẫm lại mình, thấy đã ra người hạ tiện ; đám cờ bạc hỏi ai giỏi nhất, đều tôn ấy bậc không quần. Thậm chí xoa bụng dúi dãi, phải đi làm cướp ; gãi đầu tính lại, đành chịu xin ăn. Than ôi, cờ bạc chính là một con đường dẫn tới chỗ tổn đức mất nết, tan cửa nát nhà đấy". Trong **Những đồng tiền siết máu** trước 1945, nhà văn Lê Văn Trương cũng nói đại ý rằng cờ bạc không chỉ nguy hiểm ở chỗ có thể làm người ta khuynh gia bại sản mà còn ở chỗ nó thủ tiêu nơi người ta niềm hứng thú và lòng kiên nhẫn trong việc chịu khổ cù lao động để kiếm sống và làm giàu, đây chính là điều mà Bồ Tùng Linh gọi là "tổn đức mất nết". Có thể nói ngoài những tác hại về vật chất, cờ bạc còn là một loại cường toan ăn mòn nhân cách và liêm sỉ của con người một cách từ từ mà chắc chắn, và đây cũng là một trong những nạn đề hiện đang đặt ra trước việc xây dựng lối sống mới ở Việt Nam.

Cần nhấn mạnh tới tác hại về mặt lối sống của cờ bạc. Nếu đánh bạc thực sự thì không ai lại muốn thua, nhưng ít nhất thì những người đặt tiền bạc hay thậm chí cả gia sản vào sự vận hành đầy tính may rủi của quân bài lá bạc cũng đã mang tâm lý cầu may, một loại tâm lý không hứa hẹn điều gì tốt đẹp cho từng cá nhân cũng như toàn xã hội. Nhưng sự phát triển méo mó của kinh tế hàng hóa trong thế kỷ XX lại đưa tới một hệ quả là tâm lý cầu may dường như lại được thừa nhận trong xã hội hiện đại, với những biểu hiện vật thể hóa như các thành phố cờ bạc hay thậm chí cả thị trường chứng khoán ở một số quốc gia phát triển - trên con đường kiếm tiền mù quáng của nó, chủ nghĩa tư bản tài chính đã biến luôn nền sản xuất vật chất của xã hội thành một đồ trường! Rõ ràng cờ bạc không chỉ là một hiện tượng xã hội mà đã trở một truyền thống trong ý thức nhân loại, một truyền thống cản trở con người trong quá trình phấn đấu cho các giá trị nhân bản và nhân văn. Trong ý nghĩa này, việc nghiên cứu lịch sử cờ bạc với những nguyên nhân lịch sử và xã hội của nó là điều cần thiết, vì tâm lý cầu may một khi được phổ biến và thừa nhận sẽ tạo ra một lớp người vô trách nhiệm xa lạ với thực tiễn sản xuất của xã hội và không cần nghĩ tới ngày mai.

Đồ bạc sử (Lịch sử cờ bạc) của Qua Xuân Nguyên, thuộc Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tục sử từng thư, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1995 là một công trình tổng kết lịch sử cờ bạc ở Trung Quốc theo định hướng thực tiễn ấy. Ngoài **Lời mở đầu**, sách gồm bảy chương **Cờ bạc và sự nảy sinh của cờ bạc, Những trò cờ bạc đủ loại trong lịch sử Trung Quốc, Cờ bạc với các hạng người, Sòng bạc ở bạc trong lịch sử Trung Quốc, Thuật lừa đảo trong lịch sử cờ bạc, Quyển sổ tội ác của cờ bạc xưa nay, Việc ngăn cấm cờ bạc trong lịch sử Trung Quốc**. Mặc dù các cứ liệu được khảo sát và dẫn chứng trong quyển sách chủ yếu lấy từ lịch sử Trung Quốc, công trình này vẫn có những giá trị thực tiễn chung nhất định, có thể là một tác phẩm bổ ích về cả kiến thức lẫn nhận thức không những với người đọc Trung Quốc mà còn cả với người đọc Việt Nam hiện nay.

Nhiều năm nay, khoa học xã hội Trung Quốc phát triển mạnh theo hướng hệ thống hóa và tổng kết truyền thống văn hóa và tiến trình lịch sử của đất nước như một sự chuẩn bị về tri thức và tinh thần cho việc cất cánh của quốc gia này trong thời gian tới. Quyển **Đồ bác sử** cùng các quyển **Kỹ nữ sử**, **Khất cái sử**, **Lưu manh sử**... trong Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tục sử từng thư của Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã viết về các tầng lớp kỹ nữ, ăn mày, lưu manh ở Trung Quốc ngày xưa vừa là sự thể hiện sinh động vừa là sự phản ánh trung thành đường hướng ấy. Cho nên là một người đọc sách, chúng tôi cũng dịch quyển sách này với chút ít ngậm ngùi "Trông người mà ngẫm đến ta"...

Người dịch

Tháng 2-2001

Chương 1

Cờ bạc và sự nảy sinh của cờ bạc

Thế nào là cờ bạc? Hiện có thể nói gọn là một hoạt động giải trí không chính đáng, là trò chơi theo quy tắc mà mọi người cùng thừa nhận, tiến hành phân chia thắng phụ cao thấp, một loại hành vi dùng tiền bạc hoặc đồ vật đặt cược để chuyển dịch giữa những người chơi với nhau. Bất kể động cơ gì, chỉ cần hơn thua có liên quan tới việc thu hoạch hay mất mát của cải, tiền bạc là cờ bạc. Hiện nay hai chữ "đồ bạc" (cờ bạc) dùng liền với nhau, nhưng nghiêm khắc mà nói, giữa "đồ" và "bạc" có sự khác biệt. Đồ theo *Thuyết văn* là "chữ mới phụ vào", giải thích là "Tùng bối, giả thanh" (Theo bộ Bối, lấy chữ Giả làm phần thanh). Bối (vỏ sò) là tiền tệ thời cổ, ý nghĩa chữ Đồ là chỉ việc dùng tiền để so hơn kém. Vì thế ngày nay phạm những hành động có thể phân biệt thắng phụ cao thấp đều có thể gọi là đồ, như đả đồ (đánh cược, đánh cá), đồ khí (thời vận) vân vân.

Bác, có người cho là thông với chữ Bạc (*trúc đầu + bạc*), là giả tá của chữ Bạc, mà "bác" là một trò giải trí. Nhưng theo sự tìm hiểu của tôi thì chữ Bác có trước, sau đó mới có chữ Bạc. Bác gồm chữ Thập cạnh chữ Phó, cũng lấy chữ Phó làm thanh. Một số chuyên gia văn tự cho rằng chữ Thập trong đó là chữ Giáp viết giản lược, là một loại vũ khí đi săn, nên chữ Bác có nghĩa là "săn được", "đánh đối". *Tống thư, Sách Lễ truyện* dẫn lại *Thác Bạc* Đào dũ Lưu Dụ thư "Nhược yếm kỳ hung tự giả, khả lai Bình Thành cư, ngã vãng Dương

Châu trú, thả khả bác dữ thổ địa" (Nếu ghét chữ ấy xấu, có thể tới ở Bình Thành, để ta tới ở Dương Châu, và lại còn có thể đánh đổi đất đai). Chú "Thương nhân vị giao hoán vị bác" (Bọn đánh bạc gọi việc trao đổi là bác). Chính vì lúc đánh bạc ăn tiền, tiền bạc thường chuyển dịch giữa các con bạc, nên gọi là Bác. Về sau vì chữ Bác với chữ Bạ bắt đầu có sự khác biệt, nên thêm một chữ Trúc trên đầu, trở thành chữ Bạ theo lối hình thanh. Lại chính vì nghĩa "sẵn được" tương thông với chữ Bác, nên cũng có người coi chữ Bác trong Đồ bác với chữ Bạ là một, gọi người cùng đánh bạc thì nói "bạ nhất ký" (chơi một ván). Hai chữ đồ bác dùng liền với nhau, dường như bắt đầu từ thời Đường Tống. *Châu ngọc tử*, *Sơn đình liễu* của Án Thù thời Bắc Tống có câu "Gia trú Tây Tần, Đồ bác nghệ tại thân" (Nhà ở Tây Tần, Lấy nghề cờ bạc nuôi thân) là bằng chứng.

I. Nguồn gốc của cờ bạc

Loại văn hóa cờ bạc méo mó của loài người nảy sinh như thế nào? Ở Trung Quốc tương truyền là do Ô Sào bề tôi của vua Kiệt nhà Hạ phát minh ra cờ bạc, có câu "Ô Sào tác bác" (Ô Sào chế ra cờ bạc)⁽¹⁾, nhưng điều đó chưa chắc đã đáng tin. Vì cổ nhân có một loại ý thức cá nhân nổi bật, cứ quy hết những việc tốt về cho các bậc đế vương anh minh mà đổ hết việc xấu cho các vua chúa bạo ngược. Vua Kiệt nhà Hạ đã là một hôn quân hoang dâm, thì bề tôi của ông ta phát minh ra cờ bạc cũng không có gì lạ. Vì thế mọi người cứ đồn đại, ghi vào sử sách. Chúng tôi cho rằng khảo xét nguyên nhân nảy sinh của một sự vật trong lịch sử thì không thể tìm kiếm trong ý chí của cá nhân mà phải đặt nó vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể để khảo xét, mà chủ yếu phải tiến hành nghiên cứu trong quá trình phát triển của kinh tế, vì sản xuất tư liệu

(1) *Thế bản, Tác thiên*.

vật chất là hoạt động cơ bản mà loài người dựa vào đó để sinh tồn. Sự nảy sinh của cờ bạc đương nhiên cũng không thể là ngoại lệ. Cờ bạc quả thật bắt nguồn từ việc giải trí, nhưng giải trí hoàn toàn không phải là cờ bạc. Bản chất của việc giải trí là loài người mô phỏng hoạt động lao động, là sự tái hiện đời sống. Giải trí cơ hồ nảy sinh đồng thời với loài người. Người nguyên thủy sau khi lao động, để thoải mái thể xác và tinh thần, cũng nhằm huấn luyện việc lao động nên sáng tạo ra các trò giải trí. Cờ bạc là một sự vật nảy sinh lúc sản xuất đã đạt tới một trình độ nhất định, chỉ có lúc sức sản xuất đã nâng cao, có sự dư thừa sản phẩm mới hình thành việc chuyển dịch của cải. Vì thế xã hội loài người phát triển đến cuối thời kỳ xã hội nguyên thủy, đầu thời kỳ xã hội nô lệ thì một bộ phận các trò giải trí mới có thể chuyển hóa thành cờ bạc. Đặc biệt là sau khi bước vào xã hội nô lệ, tư tưởng bóc lột của giai cấp chủ nô vốn có chỗ nhất trí với việc cờ bạc may mắn mà thủ thắng, không vất vả mà thu hoạch, điều đó có tác dụng giúp đỡ sự nảy sinh của cờ bạc. Nhà Hạ ở đúng vào thời kỳ đầu của xã hội nô lệ, nên lối nói "Ô Sào chế ra cờ bạc" có sự hợp lý nhất định vì nó nói được chính xác thời đại nảy sinh ra cờ bạc, mặc dù cờ bạc quyết không phải là phát minh của riêng cá nhân Ô Sào.

Sự nảy sinh của cờ bạc cũng có quan hệ với tư tưởng mê tín thời cổ. Ở cuối xã hội nguyên thủy, tuy sức sản xuất đã nâng cao hơn trước nhưng tóm lại vẫn thuộc thời kỳ phát triển thấp, vẫn bộc lộ sự bất lực trước sức mạnh tự nhiên, vì thế có các hoạt động nhắm mắt sùng bái và thần thánh hóa hiện tượng tự nhiên mà nảy sinh các tư tưởng và hoạt động mê tín. Chắc chắn rằng sự nảy sinh của cờ bạc có mối quan hệ mật thiết với việc bói toán mê tín. Cờ bạc là bày ra những tổ hợp khác nhau, là dựa vào sự may rủi, đó là chỗ sức người không thể khống chế, như có thần thánh trong cõi u minh an bài, rất giống với việc bói toán. Mà sau khi một trò cờ bạc

hình thành lại có thể lấy kết quả của nó dự báo cho người xem bói. Có thể nói bói toán và cờ bạc là anh em song sinh dựa vào nhau mà hình thành. Trong sử sách có không ít các câu chuyện "linh nghiệm" về việc dùng cờ bạc để bói toán. Như thời Thập lục quốc, Mộ Dung Bảo nhà Tiền Yên cùng Hàn Hoàng, Lý Căn chơi Vu bồ, "nói: Nếu có thể phú quý, xin được ba điểm lô. Sau đó gieo xúc xắc ba lần đều được mặt lô"⁽²⁾. Về sau quả nhiên được như sở nguyện, đạt được phú quý, đó là một ví dụ. Đương nhiên đó chỉ đơn thuần là sự trùng hợp ngẫu nhiên, chứ cờ bạc quyết không thể dự báo về điềm tốt xấu may rủi gì cả.

Sự nảy sinh của cờ bạc cũng có quan hệ tới nhu cầu tâm lý về sự kích liệt của loài người. Cờ bạc dựa vào sự may rủi, kết hợp tính chất mưu lợi của sự tham cầu vật chất với tính chất khéo léo của sự cạnh tranh trí lực, rèn luyện tư duy, đều có tính kích liệt rất lớn. Vì bất kể ai cũng có ý thức muốn thắng đối thủ, cơ hồ đều cảm thấy thắng được đối thủ thì trong tâm lý tự nhiên nảy sinh một khoái cảm. Nỗi vui mừng sau thắng lợi trên chiếu bạc vừa vãn thỏa mãn yêu cầu ý thức và khoái cảm cần thiết tiềm tàng ấy của con người. Điều đó cấu thành điều kiện tâm lý của những người ham mê cờ bạc. Đồng thời xác suất biến hóa không theo quy tắc của sự vật càng cao, tính kích liệt càng mạnh. Cờ bạc lại hoàn toàn không có quy luật tất yếu, chỉ cần một lần thành công là có thể thắng được tiền từ hàng chục tới vài chục lần. Vì sự thắng bại trong cờ bạc toàn dựa vào tính ngẫu nhiên hoặc chủ yếu có tính ngẫu nhiên, việc được mất chỉ trong chớp mắt, chuyện hơn thua không bị "tính tất nhiên" chi phối, nên có đủ tính kích liệt lặp đi lặp lại khiến người ta say mê cờ bạc mà không kiểm chế được. Đó là nguyên nhân tâm lý của việc cờ bạc tồn tại lâu dài.

(2) *Tán thư, Mộ Dung Bảo tài ký.*

II. Các loại hình cơ chế tâm lý về động cơ đánh bạc

Căn cứ vào mục đích đánh bạc, tiến hành phân tích động cơ tâm lý của con bạc, sẽ phát hiện ra mấy loại sau đây:

1. Loại vui chơi

Đây hoàn-toàn là đánh bạc để giúp vui hoặc giết thời giờ. Loại này là gặp lúc tết nhất hoặc có chuyện vui mà phùng trường tác hỷ. Như văn nhân thời cổ lúc bằng vàng ghi tên đặc ý, quan quân lúc từ tiền tuyến khái hoàn kéo về thường mượn cờ bạc để giải trí. Sử sách ghi chép "Tháng 3 năm Hàm Thông thứ 13 thời Đường, các Tiến sĩ mới thi đậu họp nhau ở gác Nguyệt Đăng, chơi trò Xúc súc (một hình thức đánh bạc), chơi đùa chán chê, uống say một trận trên gác Phật"⁽³⁾. Thời Nam triều nhà Lưu Tống đánh dẹp An vương Tử Huân nhà Tấn, sau khi thắng trận, "Minh đế đại hội chư tướng ở lầu Tân Đình, ủy lạo chư tướng, chơi Vu bồ"⁽⁴⁾. Thứ sử châu Bắc Tề nhà Lương là Xương Nghĩa Chi được Thứ sử Dự Châu Vi Duệ, Chinh bắc tướng quân Tào Cảnh Tông giúp đỡ đánh bại quân Ngụy, vô cùng cao hứng, "Vì thế đưa ra hai mươi vạn quan đánh bạc"⁽⁵⁾. Lại như thời Nam Tống, lúc đầu năm mới, ắt "mặc sức cờ bạc"⁽⁶⁾ ăn mừng một phen. Đó đều thuộc về tính chất vui chơi giải trí.

Một loại chỉ đơn thuần là cho qua thời giờ rảnh rỗi. Như các bậc đế vương quý tộc, đạt quan quý nhân thời trước lúc vô sự thường cờ bạc, phần nhiều thuộc loại này. Nhất là một số phi tần trong cung buồn bã đánh bạc, ngoài việc cho qua thời giờ thì có thể nói là không có ham muốn gì khác.

(3) Vương Định Bảo, *Đường giá ngôn*, quyển 3

(4) *Nam sử, Lý An Dân truyện*.

(5) *Lương thư, Vi Duệ truyện*.

(6) Nhạc Kha, *Quý đàm lục*, quyển 15

Cho đến hiện nay, một số người già về hưu để xua tan ngày tháng quanh quẩn, lấp đầy cảm giác trống rỗng cũng tham gia cờ bạc. Họ tâm bình khí hòa, lúc vui vẻ thì tiến hành "giao chiến", tiền đặt bạc rất ít, chỉ có vài hào, mục đích cờ bạc chỉ là vui chơi giải trí, không phải ở chỗ tiền bạc. Theo thống kê chưa đầy đủ ở một tổ dân phố, có tám mươi phần trăm những người về hưu tham gia cờ bạc cờ con. Những người già ấy cho rằng đánh bạc chược phải động não suy nghĩ nhưng không đến nỗi tổn thương đầu óc, có thể qua phần lớn thời giờ nhàn rỗi, mà lại ít hao tổn sức khỏe, có thể tụ họp những người quen cùng ở một chỗ lâu dài, lại không cảm thấy vô vị. Vì thế đối với mặt chược họ cảm thấy rất "hứng thú". Nột Xương tiên sinh tham quan sông bạc ở Áo Môn, gặp một cặp vợ chồng từ Đông Nam Á mỗi người mang mấy trăm đồng chơi với Máy đánh bạc tự động (Lão hồ ngật giác cơ) ở góc phòng, không bao lâu tất cả tiền đã bị "Lão hồ" nuốt sạch mà hai người vẫn không hề để ý, vui vẻ không chán, vẫn tiếp tục chơi⁽⁷⁾ cũng là sự phản ánh tâm lý ấy, họ đã lấy cờ bạc làm một hoạt động giải trí để trừ bỏ cảm giác cô độc vô聊.

2. Loại huyễn tượng

Loại người này luôn tự đề cao tăng bốc mình trong sông bạc, khiến người ta để ý. Họ lúc đánh bạc dễ mất kiểm chế, đặt tiền bao nhiêu cũng không tiếc. Một số danh sĩ văn nhân phóng đảng không chịu bị ràng buộc thời phong kiến để giải thoát về mặt tinh thần đã tìm tới chỗ sông bạc tự do thoải mái mà khấn trương. Họ "tranh giành với bọn du thủ du thực", "trợn mắt hò hét"⁽⁸⁾, biểu diễn một phen trong sông bạc. Tiền đặt bạc của họ có thể "ném ra một lần cả chục, có

(7) Nột Xương, *Đổi thành quy lai thoại đồ bạc* (Từ thành phố cờ bạc trở về nói chuyện cờ bạc), *Văn hóa dữ sinh hoạt* (Văn hóa với đời sống), số 5, 1988

(8) *Toàn Đường văn*, quyển 959, Tiết Nhiệm, *Hý Vu bỏ đầu phú*.

khi cả trăm vạn", về hành động có thể "hò hét múa may như bên cạnh không người"⁽⁹⁾. Với một số người xuất thân dân dã đột nhiên phát tích về chính trị thời cổ thì sự phóng đảng huyền ảo, nước bạc biến hóa đa đoan và cơ hội thắng bại trong sông bạc cũng có sức hấp dẫn rất lớn, vì thế họ "đặt một tiếng bạc hàng trăm vạn"⁽¹⁰⁾. Thời cận đại các nhân vật thượng lưu ở Thượng Hải lấy việc tham gia tổ chức cờ bạc "Mà hội" làm điều vinh dự, các "quý khách" tới Áo Môn chơi bạc coi vàng như đất, biết rõ là mười lần đánh chín lần thua cũng làm ra vẻ không hề tiếc rẻ, cũng phản ảnh loại tâm lý ấy. Ngày nay một số con nhà giàu kinh doanh được thời trở nên giàu có, để hưởng lạc khoe giàu mà xưng danh ra oai trong sông bạc. Ở một thị trấn nhỏ trên bán đảo Liêu Đông có một người gọi là Lão Khảm tử để vui chơi bèn đưa 10.000 đồng cho các cao thủ trong sông bạc, nói "Các anh thắng là của các anh, tôi mà thắng thì sẽ cho lại các anh, tôi chỉ cần chơi với bấy nhiêu cao thủ các anh, sau này cũng để lại tiếng tăm"⁽¹¹⁾. Loại người này tham gia cờ bạc là biểu hiện của một loại tâm lý hư vinh méo mó, biểu hiện họ có tiền, có thể tiêu xài xa xỉ, muốn mượn đó để tự đề cao giá trị của mình.

3. Loại tiêu sấu giải muộn

Cờ bạc là sự cạnh tranh khốc liệt, đồng thời cũng là một loại giải thoát về mặt tâm lý. Trong lúc cờ bạc có thể tạm thời chuyển từ chỗ ưu sầu phiền muộn qua vui vẻ, từ đó làm vơi nỗi phiền muộn. Cũng có những người bị một đòn nặng gì đó, để trút gánh nặng tư tưởng, hàn gắn vết thương mà đem tâm tình gửi gắm trên chiếu bạc. Đại thi nhân Lạc

(9) Lưu Nghĩa Khánh, *Thế thuyết tân ngữ, Nhiệm dân*.

(10) *Tống thư, Vũ đề kỷ*.

(11) Viên Hiểu Xuyên, *Thiên đường dịch khốn cảm* (Cảm giác cùng khốn ở Thiên đường), *Cát Lâm Công an*, số 30 - 31

Tân Vương đầu thời Đường đầu thời Đường "buồn bực bất đắc chí", lúc lạc phách vẫn hòa mình vào bọn con bạc, chìm đắm trong cờ bạc là một ví dụ. Hiện nay có một số nhà chính trị gặp chuyện phiền muộn khó xử lý liền đánh mạt chược, cho dù không nghĩ ra được cách thức giải quyết có kết quả cũng sà vào sòng một phen, đó là một cách mượn cờ bạc để giải phiền. Đường đại có một vị tác giả, cứ sau khi gấp rút hoàn thành một bộ sách, vợ ông ta lại thu xếp cho ông ta đánh một sòng mạt chược. Sáng sớm hôm "thư giãn" ấy, ông ta "vứt hết những ký hiệu con chữ, hình tượng nhân vật đầy bụng lên trời, hăng hái bước vào chỗ Đông Tây Nam Bắc, Hồng trung, Bạch bản. Nhưng thể nghiệm trên bàn mạt chược những cảnh ý tình cùng thỏa, gió thổi hạc kêu, trời xoay đất chuyển chẳng cũng vui sao"⁽¹²⁾. Một sòng mạt chược ấy mau chóng khiến tâm tình phiền muộn của tác giả trở thành thoải mái. Đủ thấy cờ bạc quả thật có tác dụng giải sầu.

4. Loại có dụng ý khác

Là người tham gia cờ bạc hoàn toàn không phải vì kiếm thêm tiền bạc mà có sự tính toán riêng. Họ muốn thông qua cờ bạc biểu hiện "phong cách cao thượng" của mình, được quen biết mọi người trong sòng bạc, từ đó giao lưu tình cảm, điều hòa quan hệ giao tế, kết chặt thêm "tình bạn bè". Họ lấy cờ bạc làm một cách quan hệ, tiến hành các thủ đoạn trong hoạt động giao tế. Thậm chí có người trong lúc cờ bạc còn cố ý "thua" cho đối phương thắng để lấy lòng, từ đó được họ giúp đỡ, chiếu cố, trở thành một lối hội lộ biến tướng.

(12) Lương Khánh Thông, *Ngã dịch thê tử* (Vợ tôi), *Gia đình báo*, Thượng Hải (Truyện ngắn chọn lọc, tháng 6. 1990 - tháng 6. 1991), tr. 31

5. Loại hiếu kỳ

Bản thân cờ bạc có một sức mê hoặc nhất định, lại thêm trong lịch sử Trung Quốc việc cấm cờ bạc lúc nghiêm ngặt lúc lỏng lẻo, bề ngoài thì cấm bề trong thì cho. Lúc dòng chảy đen của cờ bạc ngấm tràn tới, có những người bị bọn con bạc dụ dỗ, vì tâm lý hiếu kỳ mà "thử xem", kết quả là "Trường tại hà biên tẩu, Na hữu bất thấp hài" (Cứ dọc bờ sông bước, Làm sao chẳng ướm hài), rơi vào vũng bùn cờ bạc, bị hại rất nặng nề. Một số kẻ lừa đảo cũng lợi dụng tâm lý ấy tiến hành cờ bạc lừa đảo. Trong niên hiệu Vạn Lịch thời Minh ở vùng Thiều Khê có một người tên Trương Sĩ Thăng thấy trong sòng bạc "uống rượu vui vẻ, có thể phóng túng tùy thích", vì thế hiếu kỳ, "bị bọn lưu manh cờ bạc dụ dỗ vào chơi", sau cùng "không đầy vài tháng, thua hết vài trăm lượng bạc"⁽¹³⁾.

6. Loại say mê

Cũng gọi là loại cố chấp, loại cuồng đổ. Mục đích tham gia của họ hoàn toàn là vì tiền bạc. Dưới sự khích liệt được khuếch trương của tiền đặt bạc, đặc biệt là dưới áp lực của việc thua bạc, họ ôm tâm lý đầu cơ muốn thắng lớn trong một ván hay vài ván, chỉ mong may mắn mà thắng để phát tài trở thành giàu có. Tổ chất tâm lý của loại người này rất thấp, năng lực kiểm chế hành vi của bản thân rất kém, thua thì muốn lấy lại vốn, thắng thì muốn thắng thêm, sau một phen cờ bạc như có một loại nấm độc xâm nhập vào cơ thể, sẽ hình thành một loại ham muốn vật dục ngoan cố, rất dễ trở thành nghiện ngập không thôi. Loại này phát triển nhiều hơn tất cả các loại nói trên, như có người bị hành hạ và thua thiệt trên đường đời, vốn muốn tìm cảm giác mạnh, lấy cờ bạc để tiêu sầu, kết quả là càng chìm đắm càng lún sâu, tiền đặt bạc càng đánh càng lớn, không tiếc bán hết đồ vật nhà

(13) Trương Ứng Du, *Giăng hồ kỳ văn xã biến tân thư, Dẫn đổ biến*.

cửa, cam lòng hủy diệt mình trên chiếu bạc, mang tới cho xã hội, gia đình một sự phá hoại lớn. Loại người ham mê cờ bạc trong lịch sử rất nhiều. Như trong niên hiệu Hàm Thông thời Đường có người chết đuối dưới biển còn "tay trái ôm bộ cờ Song lục, miệng ngậm hai hạt xúc xắc. Hai ngày một đêm trôi vào tới bờ, hai tay nhìn thấy xương mà bộ cờ rốt lại không bỏ, xúc xắc vẫn còn trong miệng"⁽¹⁴⁾. Người này có thể nói là mê cờ bạc như tính mạng.

Hiện nay có một số con bạc điên khùng mê man không chịu tỉnh ngộ, ôm mộng đẹp phát tài mau lẹ, họ nói "Thợ bạc bảy bạc tám, chẳng bằng cờ bạc trong vài phút. Muốn phát tài, cứ tới sòng"⁽¹⁵⁾. Họ còn nói nào là "Lên ban không bằng xòe bài", "Làm ăn nhỏ không bằng nhờ lão K". Cũng như hút thuốc phiện, ăn thua càng lúc càng lớn, cách thức cờ bạc càng lúc càng mau lẹ. Thắng rồi vì được tiền dễ dàng nên coi vàng như đất, tiêu tiền như nước, thua thì hai mắt đỏ lửa, hận không tìm được tiền làm vốn để gỡ. Nhưng việc trái với lòng, lúc nôn nóng lại hay lăm lăm, nên đã thua lại thua, kết quả là thua sạch, bị dẫn dụ vào con đường phạm tội.

Trên đây, chúng tôi đã phân tích một số loại hình cơ chế tâm lý của động cơ đánh bạc, nhưng cần nói rõ rằng hoạt động tư duy của loài người cực kỳ phức tạp, nên chưa thể bao quát được hết động cơ tâm lý của những kẻ đánh bạc, và lại ở mỗi con bạc còn phản ánh cơ chế tổng hợp của mấy loại hình khác nhau.

(14) Trương Trạc, *Triều dã thiêm tái, Tập bổ*.

(15) Triệu Dục, *Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại* (Cờ bạc đủ loại và sự nguy hại của chúng), Xuân Phong văn nghệ xuất bản xã, 1991, tr. 101

Chương 2

Những trò cờ bạc đủ loại trong lịch sử Trung Quốc

Đánh bạc là mô hình về việc con người tổ chức đời sống của mình, nhất là trong sự cạnh tranh khốc liệt của loài người. Vì thế theo với sự phát triển lịch sử và sự gia tăng của sức sản xuất, từ dụng cụ cờ bạc tới nội dung và phương thức cờ bạc đều phát triển thay đổi. Một số trò cờ bạc phát triển, lưu truyền, một số thì bị thời đại đào thải.

I. Lợi dụng động vật tiến hành đánh bạc

Mọi người đều biết trong những loài vật của giới tự nhiên đầy sự cạnh tranh để sinh tồn, cạnh tranh và chọn lọc tự nhiên, loài nào có thể thích nghi được với hoàn cảnh sẽ tồn tại, loài nào không thích nghi được với hoàn cảnh sẽ đi tới nguy cơ bị tiêu diệt. Trong loài vật cũng đầy sự cạnh tranh tàn khốc. Động vật để duy trì sự sinh tồn và sinh sôi của mình đã tiến hành sự chọn lọc tự nhiên, trong việc tranh chấp quyền chi phối đối với những con cái, giữa các con đực sẽ mở ra những cuộc quyết đấu sống chết. Việc quan sát loại đấu tranh này có thể thỏa mãn nhu cầu tâm lý cạnh tranh của con người, đồng thời từ khi nhân loại tiến hành cuộc phân công lao động lớn lần thứ nhất, súc vật cũng phát triển, để tuyển chọn giống tốt mà cũng để thể hiện kết quả nuôi dưỡng cầm thú của mình, người ta có ý thức mở ra hoạt động

đấu các vật nuôi, những điều đó tạo ra cơ sở cho việc lợi dụng động vật để tiến hành cờ bạc. Từ chơi trâu tới đá gà đều là từ nhu cầu sản xuất mà phát triển thành cờ bạc. Còn như đấu những loài động vật nhỏ như đá dế, đá kiến thì đó hoàn toàn là hoạt động thường ngoạn để thỏa mãn nhu cầu tâm lý. Đấu cò, đấu trà cũng là nảy sinh từ nhu cầu so sánh kỹ năng lao động. Đấu cò không những so sánh về phẩm chất chủng loại, chất lượng của hoa cò được trồng mà còn cần có một sự tu dưỡng nhất định về văn chương, phải có năng lực "so sánh". Đấu trà thì phải nặng về so sánh kỹ năng và nghệ thuật trồng trà, sao trà. Ở đây giới thiệu vài trò đánh bạc lợi dụng động vật để tiến hành.

1. Đá gà

Đá gà đã thịnh hành từ thời Xuân thu. *Tả truyện*, *Chiêu công nhị thập ngũ niên* chép chuyện Lý thị và Hậu thị hai người đá gà, Lý thị "giữ cho gà" (mặc áo giáp cho gà, có thuyết nói là giã nát hành bôi vào cánh gà, để làm gà đối phương cay mắt), còn Hậu thị "làm cựa sắt cho gà" (dùng sắt mỏng làm cựa giả, gắn vào cuối xương chân gà), qua một trận quyết liệt, cuối cùng gà Lý thị thua. Ở Lâm Tri kinh đô nước Tề thời Chiến quốc, đá gà trở thành trò cờ bạc hấp dẫn. Theo sử sách ghi chép, thời Tây Hán đại thần Viên Ân vì bị bệnh được miễn chức, ở nhà rảnh rỗi cũng bắt đầu đá gà đua chó. Thời Tam quốc Ngụy Minh đế cũng thích đá gà, đặc biệt xây dựng đài lớn, tiến hành hoạt động đá gà đại quy mô. Thời Nam Bắc triều Lương Giản Văn đế có làm thơ văn về việc đá gà, cho thấy đá gà đã trở thành rất phổ biến ở các nhân vật tầng lớp trên. Thời Đường có thể nói là thời toàn thịnh của việc đá gà, hoạt động đá gà đã phổ biến từ thành thị tới nông thôn. Đường Huyền tông thích đá gà đã đạt tới mức ghê người, điều đó kích thích việc đá gà ăn tiền phát triển mạnh. Đường thời trong thành Trường An những kẻ sống bằng nghề

đá gà nhiều không kể xiết, thậm chí một số người không nuôi được gà cũng dùng gà gỗ để đá, ăn bánh vẽ đỡ lòng. Giả Xương là bậc phụ lão ở Đông Thành từ nhỏ đã làm nghề đá gà, được hoàng đế triệu vào làm Trể con trường gà (Kê phường tiểu nhi), "phát lương như quân Long Vũ", chuyên nuôi gà cho hoàng đế. Y nhờ nuôi gà đúng cách được gọi là Thần kê đồng, rất được Huyền tông tin dùng, người đương thời vì thế làm ra câu ca dao, nói "Sinh nhi bất dụng thức văn tự, Đấu kê tấu cầu thắng độc thư" (Sinh con không cần biết chữ nghĩa, Đua chó đá gà hơn học hành)⁽¹⁾. Đó tuy là lời của nhà tiểu thuyết nhưng cũng phản ánh hiện thực đương thời. Hoạt động đá gà như điên thời Đường ảnh hưởng tới các tầng nhân Nhật Bản, các sứ thần nước ngoài đang ở Trung Quốc, khiến trò đá gà truyền qua Nhật Bản. Thi nhân Mai Nghiêu Thần thời Bắc Tống trong bài *Văn bặc quan đấu kê* có tả cảnh hai con gà đá nhau như sau "Dùng kính mao nghênh trương, Nộ mục phê liệt vu" (Lông dựng cổ vươn thẳng, Mắt trừng khoe rách toang)⁽²⁾, lại trong một bài thơ khác có nói "Đấu kê kỳ để bông bông cổ" (Đá gà trông nhỏ thùng thùng thúc), nói rõ thời Bắc Tống việc đá gà rất thịnh hành và phải dùng trống để trợ oai. Thời Nam Tống ở Lâm An có người chuyên bày trò đá gà trong vườn "mua vui cho khách", để nhận tiền thưởng⁽³⁾. Trong niên hiệu Thiên Khải nhà Minh, văn nhân Trương Đại mở Hội đá gà (Đấu kê xã) dưới núi Long Sơn, các bạn bè thường mang đồ cổ, thư họa, tiền lụa, quạt đất Xuyên làm tiền đánh cá tới đó đá gà. Gà của Trương Đại rất khỏe, thường được toàn thắng. Phong khí ấy kéo dài đến thời Thanh. Lý Thanh Chấn từng có bài *Trúc chi từ vịnh* việc đá gà ngoài cửa kinh thành như sau "Hồng quan không giải đấu thiên trường, Kim cự thùỳ kham quán

(1) *Ngũ sơ chi*, quyển 6, *Đông Thành phụ lão truyện*.

(2) Mai Nghiêu Thần, *Uyển lãng tập*, quyển 5

(3) Chu Mật, *Vũ lâm cự cụ sự*, quyển 3, *Phóng xuân*.

ngũ phương! Quái đảo mọc kẻ đô bất thuyết, Cận nhi chỉ ái Cửu cân hoàng (tên một giống gà)" (Mào hồng vốn giỏi đá trăm trường, Cựa sắt ai kham nhất mấy phương! Gà gồ la thay đều chẳng biết, Gần đây chỉ thích Cửu cân hoàng), phản ánh tình hình người Bắc Kinh mê đá gà. Cho đến hiện cũng có một số địa phương như Nam Dương vẫn lấy đá gà làm một trò giải trí, tiến hành biểu diễn vào ngày Tết, có một số địa phương còn thành lập Hội đá gà.

Đá gà là dùng gà trống đá nhau, để chúng xông vào nhau cắn đá, con nào né tránh bỏ chạy là thua. Trong lịch sử lâu dài đá gà được dùng làm trò cờ bạc. Lúc cờ bạc, đôi bên bỏ ra một số tiền ngang nhau để đặt bạc, sau khi hai con gà đá nhau, bên thắng sẽ lấy tất cả.

2. Đá am thuận

Trò đá am thuận bắt đầu từ thời Đường, theo lời kể đời Đường Huyền tông có người ở Tây Lương đem một con am thuận đá có thể theo nhịp trống mà đá vào tiền cống cho vua, các cung nhân thấy hay nên ra sức nuôi dưỡng. Từ đó trò đấu am thuận du nhập vào Trung Quốc. Am và thuận có sự khác biệt nhất định. *Nhĩ nhĩ* sớ nêu rõ tuy hai loại đều màu đen, hình dáng bề ngoài cũng tương tự, nhưng am không có vằn, nuôi dưỡng phải dùng thức ăn thượng hạng, mùa hè nhốt trong lồng, mùa đông thì cho vào túi gấm, lúc giá lạnh còn phải dùng bao da che chở, thả trong tay áo thỉnh thoảng đùa giỡn giải trí. Trong quá trình nuôi dưỡng lâu dài, am thuận phát triển thành nhiều loại khác nhau, Trình Thạch Lân thời Thanh trong *Am thuận phổ* kể ra hơn 44 giống như Đan sơn phụng, Ngũ sắc loan, Xích nhung báo, Ngọc kỳ lân vân vân.

Am thuận qua quá trình chăm sóc cẩn thận, nuôi dưỡng tới mức to khỏe, tới lúc thì có thể đưa ra đá. Đá am

thuần tổ chức sau ngày Sương giáng hàng năm, thường tiến hành lúc chiều tối, lúc đá quây rào thành một vòng tròn nhỏ, đá một lần gọi là một chuồng (Quyển). Trước khi đấu bỏ một ít gạo giữa hai con chim, để chúng tranh giành nhau. Đúng như Mai Nghiêu Thần nói "Tranh hùng duy số lạp" (Tranh hùng vài hạt mọn), "Minh đấu tự vi hùng" (Đấu đá tự khoe tài)⁽⁴⁾. Việc thắng phụ cũng như đá dế, con nào né tránh bỏ chạy là thua. Việc tính toán ăn thua, theo chế độ thời Thanh thì lấy giá mười nhánh hoa làm một bàn, "Người thua nộp tiền một quan hai trăm đồng. Nếu thắng thì bên chủ sòng được lấy hai phần"⁽⁵⁾.

Am thuần thích đá nhưng rất nhút nhát. Vì thế lúc đá phải tránh có bóng người, bóng vật dao động. Nếu có chút gì lay động, am thuần sẽ ngỡ là chim cất tới mà hoảng sợ trốn chạy, không tiếp tục đá nữa.

Việc đá am thuần từ thời Đường trở đi lưu hành rộng rãi, đến thời Nguyên rất thịnh hành, nên trong Nguyên khúc có khúc điệu *Đấu am thuần*. Minh Thanh là thời kỳ việc đá am thuần phát triển mạnh, trên từ vương công đại thần, dưới tới thường dân đều thích nuôi chim đá chim. Có người chơi tới mức trời đấtมืด mờ, thâu đêm suốt sáng không hề mệt mỏi, cũng không ít người vì nó mà khuynh gia bại sản. Đến nay trấn Song Câu huyện Tuy Ninh tỉnh Giang Tô vẫn còn hoạt động đấu am thuần, có điều đã trở thành một loại hoạt động thể dục của nông dân xứ ấy.

3. Đá chim tiêu liêu

Thời Thanh có người thích đá chim tiêu liêu, chuyện này thịnh hành nhất là ở một dải Giang Chiết. Tiêu liêu là một loài chim nhỏ, đầu xanh nhạt, lông cánh xanh vàng, trên

(4) *Uyển lãng tập*, quyển 29, *Đấu am thuần Tôn Man Thúc yêu tác*.

(5) *Cổ Lục, Thanh gia lục*, quyển 9

mi mắt có màu trắng như phấn. Cùng họ với tiêu liêu có hai giống Lục đầu (Trúc điệp thanh) và Hoàng đầu tử hình thù hơi khác. Còn có một loại lớn hơn Lục đầu nhưng lông cánh có pha đốm đen gọi là Tô tử, vì loài chim này đặc biệt thích ăn tô tử nên có người lấy đó trực tiếp đặt tên.

Tiêu liêu cũng như am thuận, vô cùng hiếu chiến. Hàng năm vào cuối xuân đầu hạ, mọi người đều đưa chim tiêu liêu nuôi ra đá để phân thắng phụ, nhưng không phải là thả hai con tiêu liêu vào một chỗ cho đá nhau để mặc sả cánh rách da, mà là "cách lỏng đá nhau, mượn đó so sánh hơn thua"⁽⁶⁾. Cho nên rất lạ như xem hoa giữa đám mây mù, cảm giác có một sự cách bức, xem không thấy dã nghiệp. Đây có thể cũng là lý do khiến việc đá chim tiêu liêu sa sút trong thời cận đại.

4. Đá đế

Đế, thời cổ gọi là Cùg, cũng gọi là Xúc chúc, Khúc khúc. Đá đế bắt đầu có từ thời Đường. Vương Nhân Dụ thời Ngũ đại chép trong *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự* rằng "Mỗi khi đến mùa thu, phi tần trong cung đều lấy lồng vàng nhỏ bắt đế bỏ vào đặt cạnh gối, đêm nghe tiếng gáy, các nhà thường dân cũng học theo". Đó là sự phổ biến của việc đá đế. Vì thế Cố Phùng thời Tống trong *Phụ huyền tạp lục* nói "Trò đá đế bắt đầu có từ năm Thiên Bảo". Đến thời Tống, việc đá đế đã trở nên thịnh hành, trên từ những nhà quan lại giàu sang, dưới tới thường dân bách tính, việc đua nhau bắt đế nuôi đế đá đế nghiêm nhiên trở thành phổ biến. Trong thành Lâm An thời Nam Tống có nơi chuyên mua bán "Xúc chúc nhi", "Xúc chúc bốn". Gian tướng Giả Tự Đạo cuối thời Nam Tống rất thích đá đế, có viết một quyển *Xúc chúc kinh*, thậm chí còn cùng đám tỳ thiếp bỏ rạp xuống đất xem đế đá, đến

(6) Thanh bị loại sao, Đế bác loại.

nổi bỏ mặc tình hình biên giới quân đội không ngó ngàng gì tới⁽⁷⁾. Thời Minh Thanh việc đá dế đã lên tới đỉnh cao. Hoàng đế Tuyên Đức nhà Minh rất thích trò này, năm Tuyên Đức thứ 8 (1433), Chu Trấn phủ ở Tô Châu tiến cống một con dế Hoàng ma đầu sần ở núi Thượng Phương, vừa vào đã đá bại con dế Mai hoa kiêu của hoàng đế Tuyên Đức. Hoàng đế Tuyên Đức vô cùng cao hứng, đích thân hạ chỉ phong nó danh hiệu Kim ty Hoàng ma đầu, cả Chu Trấn phủ tiến cống con dế ấy cũng được "thăng bốn cấp", thưởng một trăm lượng vàng ròng. Vì thế Tô Châu có bài dân dao nói "Tất suất cù cù khiêu, Tuyên Đức hoàng đế yếu" (Dế đá gáy te te, Hoàng đế Tuyên Đức mê)⁽⁸⁾. Nhà vua để xướng, người người hùa theo, "Ở kinh sư đến tháng bảy tháng tám nhà nào cũng nuôi dế", "Thấy đàn ông, trẻ con từng đoàn trong đám cỏ, nghiêng tai qua lại, vẻ mặt khẩn trương như bị mất vật gì. Đến vách tường nhà xí, vừa nghe thấy tiếng gáy là reo hò xông tới như mèo đói gặp chuột. Chậu đất ống tre bày khắp chợ búa, bất kể già trẻ trai gái đều lấy việc đá dế làm trò vui"⁽⁹⁾. Thời Thanh, người Bắc Kinh "thích nuôi dế, mùa thu nhốt trong chậu bình pha lê cho đá nhau. Có con giá tới mấy chục lượng vàng, đem ra chợ bán"⁽¹⁰⁾. Thời Dân quốc phong khí đá dế tràn khắp nơi, một địa phương nhỏ như Thương huyện cũng "bày sòng đá dế, nghiêm nhiên là sòng bạc, bọn lưu manh và con nhà giàu đánh cá hàng trăm hàng ngàn, đầu đầu cùng thế"⁽¹¹⁾.

Người Trung Quốc xưa nay vốn rất thông thạo về việc nuôi dế. Lồng dế là đồ gốm thượng hạng mô phỏng đồ gốm Nhữ Trục, Tuyên Hưng thời Tống chế ra trong niên hiệu

(7) (8) Thẩm Đức Phù, *Vạn Lịch dã biên*, quyển 24

(9) Tưởng Nhất Quý, *Trường An khách thoại*, quyển 2

(10) Phan Vinh Thăng, *Đế kinh tuế thời kỷ thắng*.

(11) *Trung Quốc địa phương chí dân tục tư liệu hồi biên*, Thư mục Văn hiến xuất bản xã, *Hoa Bắc quyển*, tr. 374

Tuyên Đức, trên khắc hoa văn hoa mai, đồ gốm khắc hình rồng mây năm sắc chế tạo trong đời Vạn Lịch. Thức ăn thì dùng cơm rang, còn phải thêm một ít đậu rang, gạo rang, sau ngày Thu phân một tháng thì thêm đậu hoặc một ít gan dê, cào cào, thịt cua.

Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, trong ngoài thành Bắc Kinh, Bình Linh cung, Nghi Phượng trà quán, Song Hòa trà viên ở Nam Kinh, miếu Thành hoàng ở Thượng Hải đều có sông đá đế. Nghi thức mở đầu vô cùng long trọng. Theo *Kim Lăng dã sử*, thì lúc đá đế "Đá có nơi, chứa có vật, coi sóc có người". Sông đá đế đều có ba người Tư bình, Ký trưởng, Giám cục phụ trách chủ trì. Trình tự đá đế như sau: trước khi vào đá phải đăng ký, ghi số, lúc ấy phải giao ra một ít tiền, gọi là Đặt cọc (Kiểu thái), sau đó nói rõ trọng lượng đế, ghép thành nhóm, dùng giấy ghi số hiệu dán lên miệng lồng. Lúc bắt đầu đá, đưa hai con đế có trọng lượng tương đương làm một cặp, đặt vào lồng đá, trong lồng có hàng rào ngăn cách hai con. Người giám trường gọi lớn "Mở rào", có người nhắc hàng rào lên. Dùng diêm thảo (cũng gọi là khiếm thảo), Bắc Kinh gọi là Que lừa đế (Tất suất thám tử), đều dùng que trúc nhỏ hoặc ngà voi làm thành, đầu gắn râu chuột, có người thì dùng cổ xua hai con đế xông tới cắn nhau. Diêm thảo có thể tự làm, cũng có thể nhờ người làm giúp, loại người này gọi là Làm que đế (Chưởng diêm). Lúc đế đá, phàm con kém thế lùi lại, quay đầu bỏ chạy thì tính là thua, ngược lại phồng cánh gáy vang thì kể là thắng. Lúc bấy giờ người giám cục sẽ gọi một tiếng "đế", kể như kết thúc. Người thắng được thưởng, gọi là Thưởng hoa hồng, nhưng phải chia lại cho sông một tỷ lệ tiền Cát lợi nhất định.

Ở Bắc Kinh, Nam Kinh còn có cơ sở đá đế tiến hành quyết đấu, ở Bắc Kinh gọi là Đả tướng quân. Quyết đấu ở Nam Kinh, tiền đánh cá cao nhất là 80 cảnh hoa (80 đồng), theo giá đương thời khoảng 3.000 cân gạo. Người thắng còn

phải mở tiệc, đốt pháo dây để thể hiện tình cảnh vui mừng. Trong việc đá dế thì tiền đánh cá ở lầu Xuân Phong Đắc Ý tại Thượng Hải là cao nhất, có khi tới cả ngàn đồng⁽¹²⁾. Tiền đánh cá ở Bắc Kinh thông thường là vài mươi đồng, ít là từ năm tới mười đồng, nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt, vào khoảng trước sau 1943, Chu Chuồng quỹ mở tiền trang trên đường Diên Thọ Tự ngoài cửa Tiền Môn Bắc Kinh mở sòng đá dế, "mỗi trận đều phải đặt hàng trăm hàng ngàn đồng Kim phiếu"⁽¹³⁾. Ở Thiên Tân thường là từ năm mươi tới một trăm, cũng có khi hai ba trăm đồng. Lúc bắt đầu người đứng xem có thể Đánh theo (Tùy thái - tiếng trong nghề gọi là Nhảy giếng - Khiêu tỉnh), tức đánh cá theo. Người Đánh theo xem dế bên nào khôe thì theo bên ấy, lúc bấy giờ đôi phương nhất định phải bắt cá mới được tiếp tục đá.

Đá dế thuộc loại cờ bạc, và lại lúc bắt dế còn phá hoại cây trồng, nên từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đến nay đã bị cấm. Tục đá dế lắng xuống ba bốn mươi năm, đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX lại xuất hiện như một cơn lốc. Ở một dải phố nhỏ ít nghe tên là đường Lưu Hà tại Thượng Hải đột nhiên biến thành thị trường sôi động, ở đó mua bán công cụ bắt dế nuôi dế, mà nhiều hơn cả là những người mua bán dế. Năm 1990 giá dế lên lên xuống xuống, cao nhất là 1.200 đồng một con. Một số đoạn đường tại Thượng Hải trở thành tụ điểm đá dế, tụ điểm đá dế ở đường Lệ Viên Thượng Hải lúc đánh cá thường có hàng trăm người vây quanh hò hét. Đám con bạc này tới từ khắp nơi, khi Cục Công an ngăn cấm bắt bớ thì họ theo chiến thuật người tiến ta lui, người lui ta tiến nhùng nhằng, phong khí cờ bạc vẫn thịnh không suy. Còn có một số sòng bạc Đại mô tử hoàn toàn không công khai tiến hành mà chờ

(12) Thạch Tam Hữu, *Kim Lăng dã sử, Tân Hoài phong tình, Đấu tất suất*.

(13) Lý Thực, *Tất suất đại đồ cục, Thẻ dục báo*, ngày 2. 9. 1990

lúc đêm vắng người thừa tiến hành trong nhà, một lần đánh cá cả ngàn đồng, và lại còn có một bọn "cùng phe" đánh theo giúp hứng. Theo lời đồn ở Thượng Hải có tới trên 400.000 người mê đá dế, trên toàn quốc thì càng không biết bao nhiêu mà kể. Ngay một số người nước ngoài cũng tham gia, có ký giả người Mỹ dùng 1.000 USD mua một con dế Hoàng đại đầu, mà đá đấu thắng đó, được tất cả 20.000 USD. Đối với hình thức cờ bạc đá dế này, nhà nước cần tiến hành ngăn cấm, không nên vì nó mang lốt "giải trí" mà bỏ qua.

II. Loại đánh cờ đánh bài

Những trò cờ bạc loại đánh cờ đánh bài, nghiêm túc mà nói phải chia làm bốn loại: cờ, cờ gieo xúc xắc, bài và gieo xúc xắc đơn thuần. Chữ Kỳ (cờ) một bên là chữ Mộc, một bên là chữ Kỳ, cũng đọc là Kỳ. Mà chữ Kỳ thật ra là chữ Cơ (cái thúng) lúc đầu, vì thế tôi ngờ rằng đầu tiên cờ có hình tròn nên gọi là Kỳ. Những trò chơi cờ ở Trung Quốc thời cổ có cờ vây, cờ tướng, Trại hý vân vân. Cờ vây, cờ tướng thì mọi người đã biết rõ. Trại hý là đi từng bước từng bước trên bàn cờ, gặp quân cờ thì nhảy qua, hướng đi, nước đi của nó cũng phải có sự tính toán tất yếu, cũng thuộc phạm vi đấu trí như cờ vây. Cờ vốn thuộc công cụ giải trí nhưng cũng có thể dùng làm công cụ cờ bạc, việc tiến hành cờ bạc trên bàn cờ hoàn toàn không phải hiếm hoi. Như *Hồng lâu mộng* hồi 92 do Cao Ngạc viết tiếp, Giả Chính đang mời khách là Chiêm Quang đánh cờ, một người khách khác là Phùng Tử Anh ngồi bên cạnh hỏi "Có ăn tiền không", Chiêm Quang đáp "Có", cái gọi là "ăn tiền" chính là cờ bạc, vì thế Phùng Tử Anh nói tiếp "Có ăn tiền thì không tiện nói nhiều". Lại như Phạm Tây Bình đầu đời Gia Khánh cậy tài đánh cờ cao cường của mình "lớn lối" mời gọi mọi người tới đánh bạc, mà mọi người thêm thường tiền bạc của y, đua nhau vào đánh, nào ngờ chưa hết

nửa ván đều thua tới mức chân tay luống cuống⁽¹⁴⁾. Điều đó nói rõ rằng đánh cờ cũng có thể ăn thua tiền bạc rất lớn, còn những bàn cờ thế bày ngoài đường thì đều nhằm rủ rê người ta cờ bạc.

Cờ gieo xúc xắc là căn cứ vào số điểm gieo xúc xắc được mà đi quân cờ. Trò cờ gieo xúc xắc sớm nhất là Lục bát, Vu bồ, Song lục, về sau phát triển thành Thăng quan đồ, Đả mã, Tuyển tuyên đồ, Lâm thắng đồ vân vân. Sự ăn thua của loại cờ bạc này dựa rất nhiều vào số điểm gieo được, nên mang tính ngẫu nhiên lớn, tất cả đều không thể đoán trước. Ngoài ra còn có trò gieo xúc xắc đơn thuần để quyết thắng phụ, như loại Trừ hồng phổ.

Bài nguyên nghĩa là mảnh gỗ, về sau mở rộng ra chỉ những vật có hình dạng như mảnh gỗ. Trò đánh bài ở Trung Quốc thời cổ bắt đầu từ Tầu bài và Thi bài thời Đường Tống, từ Diệp tử tầu bài phát triển thành Thủy hử diệp tử, Bác cổ diệp tử, Sở tuyển diệp tử, lại phát triển thành Mã điệu, Đấu hồ cho tới bài giấy lưu hành khắp nam bắc Đại Giang. Mà Thi bài đến thời Tống thì phát triển thành Tuyên Hòa bài. Đến cuối thời Thanh lại có người trên cơ sở bài giấy, hấp thu trò gieo xúc xắc và một phần bài Tuyên Hòa, phát minh ra bài mạt chược thu hút toàn xã hội. Trong một số trò đánh bạc xúc xắc đã rơi xuống loại vật phẩm phụ thuộc dùng để gieo điểm, tính toán thứ tự rút bài.

Các trò đánh cờ đánh bài rất nhiều, đây chọn một số trò chủ yếu phân biệt giới thiệu.

1. Trại hý

Trại (cũng viết là Trại - *Trúc đầu* + *Trại*) còn gọi là Cách ngũ, Kiến dung hoặc Kiến thú, là một trò đánh cờ lưu

(14) Mao Tường Lân, *Mặc dương lục*, quyển 14, Kỳ nghệ.

truyền từ thời Tần Hán trở về trước, kéo dài liên tục đến thời Minh Thanh. Thế nào gọi là Trại? *Thuyết văn* nói "Hành kỳ tương trại, cố vị trại" (Đi cờ so tài với nhau, nên gọi là Trại - so sánh). Thế nào gọi là Cách ngũ? "Chỉ ngũ cách tức bất đắc hành, cố vân Ngũ cách" (Tới chỗ cách nhau năm bước thì không được đi, nên gọi là Ngũ cách)⁽¹⁵⁾, đủ thấy Trại hý là trò đánh cờ so tài với nhau. Hình thù bàn cờ Trại hý có thể kiểm chứng từ những hiện vật khai quật được trong mộ cổ thời Tây Hán ở Vân Mộng Hồ Bắc, bàn cờ hình vuông, đường đi giao nhau, dài 38 cm, rộng 36 cm, đường đi dùng đất sét trắng vẽ lên, tương đồng với lời Lý Hiếu Tiên thời Đông Hán trong *Trại phú* tả "Hành tất chính trực" (Đi ắt ngay thẳng)⁽¹⁶⁾. Trại hý có 12 quân, mỗi người 6 quân, tiến lên theo quy tắc nhất định, còn như so tài với nhau thế nào thì không sao biết được. Trại hý phát triển đến thời Đường thì phân hóa, một loại gọi là Kiến thú, mỗi người giữ 5 quân, bàn cờ thì dùng bàn cờ vây thông thường, lúc chơi thì "Vào cuộc giữ một đường, mỗi người đi năm quân"⁽¹⁷⁾. Cách hạ quân thì dùng năm quân trắng đen cùng đi vào đường giữa, "Đi ngang một nước rồi tiến lên một nước, gặp đối phương thì nhảy qua" (xem *Ngôn tinh* của Lữ Trọng Ngọc), cũng tương tự như cờ nhảy về sau, dường như là tiền thân của cờ nhảy hiện nay. Trại hý thời trước thường dùng dùng trong sòng bạc.

2. Vu bồ

Vu bồ lại gọi là Ngũ mộc, cũng gọi là Hô lô, phần lớn dùng gỗ vu làm thành, bồ tức chữ Bác chuyển âm, nên gọi là

(15) *Hán thư*, *Ngô Khâu Thọ vương truyện*, Nhan Sư Cổ chú, dẫn theo *Bảo Hoảng, Tài pháp*.

(16) *Uyên giám loại hàm*, quyển 331

(17) Vương Triều Anh, *Tĩnh Khang tương sách tạp ký*, quyển 9, *Cách ngũ*.

Vu bồ. Cũng là trò đánh cờ gieo xúc xắc đi quân, có người cho rằng là biến thái của trò Lục bác. Xúc xắc dùng để gieo có năm hạt, làm bằng gỗ, cũng có khi làm bằng ngọc. Về hình dáng thì hai đầu nhọn, giống hạt trám mài cạnh. Mỗi quân có hai mặt, một mặt sơn đen, một mặt sơn trắng. Trong đó có hai hạt trên mặt đen vẽ hình con bò (độc), mặt trắng vẽ hình chim trĩ (trĩ). Khi gieo thì có 12 kiểu biến hóa hình thành các loại điểm Lô, Trại, Đóa, Trĩ, Niệu nhất (năm mặt đen, đen, độc, trĩ, trắng), Niệu nhị (đen, độc, độc, trắng, trắng), Khuyết nhất (đen, đen, trĩ, trĩ, trắng), Khuyết nhị (đen, độc, trĩ, trắng, trắng), Độc, Tháp, Khai, Bạch. Trong đó có bốn loại gọi là Vương thái: Lô (ba mặt đen hai mặt độc), Bạch (ba mặt trắng hai mặt trĩ), Trĩ (ba mặt đen hai mặt trĩ), Độc (cũng gọi là Ngưu, ba mặt trắng hai mặt độc). Xác suất xuất hiện của bốn loại trên đây rất ít, đều là $1/32$, nên được coi là có giá trị. Trong đó điểm Lô đứng đầu, vì lúc chơi, mọi người cao giọng hò hét, hy vọng được điểm toàn mặt đen, nên gọi đó là Hô lô (gọi điểm Lô).

Cách chơi Vu bồ có hai lối giản dị và phức tạp. Cách giản dị là chỉ trực tiếp gieo năm hạt, căn cứ vào màu và điểm gieo được mà quyết định hơn thua. Còn lối hơn thua Vu bồ chính quy rất phức tạp, phải đủ năm người chơi, gieo trong chén gỗ, đường cờ trên bàn cờ dùng 120 quân (hoặc 360 quân) thì có tính chất như bày phỉnh ra. Số quân này xếp thành ba lớp, khoảng trống giữa hai lớp gọi là Quan, quân ở trước hay sau Quan gọi là Khanh hoặc Khiếm. Mỗi người chia nhau từ bốn tới sáu quân "Ngựa" (Mã) một màu. Lúc chơi mỗi người căn cứ vào số điểm và màu mình gieo được mà đi ngựa theo quy định. Nếu gieo được điểm Lô 16 điểm, được đi 16 bước. Gieo được một trong bốn điểm Vương thái còn được gieo lần thứ hai. Ngựa mình gặp nhau có thể nối tiếp tiến lên, nếu

gặp ngựa đối phương thì theo quy định có thể đá ngựa (Đa mã). Phàm đá ngựa, qua ải, ra chuồng đều phải gieo được Vương thái. Đường như Vu bỏ lấy việc đưa hết quân ra khỏi chuồng trước là thắng.

Vu bỏ đại khái xuất hiện ở Tây Vực. "Vu bỏ do Lão tử làm ra để bói, người nay dùng làm trò chơi"⁽¹⁸⁾. Lại *Thái Bình ngự lãm* quyển 72 dẫn "Lão tử vào Tây Nhung, chế ra Vu bỏ. Vu bỏ gồm năm hạt xúc xắc bằng gỗ. Có người nói là người Hồ cũng dùng Vu bỏ để bói, Lâu Âm về sau rất giỏi môn này", thì trò Vu bỏ này là do Lão tử tới đất Hồ làm ra. Bài *Vu bỏ phú* của Mã Dung cũng có đoạn miêu tả "Bàn cờ dùng nệm trắng thắm tía, từ Tây Vực truyền vào", vì thế Vu bỏ rất có thể từ phương Tây truyền tới. Cũng có người chỉ ra cụ thể hơn là trò chơi này từ Ả Rập truyền vào.

Vu bỏ đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều thì cực thịnh, không những dùng trong cờ bạc mà còn dùng trong bói toán. Theo *Ngũ mộc kinh* của Lý Cao và *Quốc sử bổ* của Lý Triệu thì thời Đường còn có người dùng "phép cổ Vu bỏ" để đánh bạc. Gian tướng Dương Quốc Trung cũng nhờ sau khi "giỏi trò Vu bỏ được hàm Cung phụng", mà từng bước thăng quan⁽¹⁹⁾. Nhưng từ thời Đường trở đi những chi tiết nhỏ như đá ngựa của lối cổ này dần dần rơi rụng, cuối cùng không sao biết rõ cách tính toán thắng phụ, cơ hồ đã tới mức tuyệt tích⁽²⁰⁾.

3. Song lục

Trò này có thuyết nói là bắt nguồn từ Ấn Độ, một

(18) Trương Hoa, *Bát vật chi trật văn*.

(19) Cố Viêm Vũ, *Nhật tri lục*, quyển 28, *Đỗ bác*.

(20) Lý Thanh Chiếu, *Đã mã đồ kinh*, *Tự*.

thuyết khác nói bắt nguồn từ đất Hồ⁽²¹⁾. Cũng có người cho rằng đây là trò Lục bác ở Trung Quốc sau khi truyền qua Tây Vực lại được du nhập trở lại dưới hình thức Song lục. Người thời Tống quen gọi Song lục là Ác sóc, Trường hành, Ba la trại hý, nhưng thật ra Song lục có sự khác biệt nhất định với các trò nói trên. Lý Triệu thời Đường chỉ ra rằng Trường hành "nảy sinh từ trò Ác sóc, biến thành Song lục"⁽²²⁾, nói rõ ba trò này tuy gần gũi nhưng đều có chỗ khác nhau. Chu Lượng Công thời Thanh trong *Thu ảnh* cũng biện giải việc "Trường hành không phải là Song lục".

Song lục từ khi truyền vào Trung Quốc, lưu hành dưới thời Ngụy Tấn đến mãi thời Tống Nguyên. Thời Đường trong cung đình thường chơi Song lục, thời Tống thì trò Song lục đại thịnh. Ngay quán trà quán rượu cũng bày bàn Song lục cho khách uống trà uống rượu thảnh thơi tiêu khiển, đương thời còn xuất hiện sách *Phổ song* nghiên cứu về trò Song lục của Hồng Tuấn. Thời Nguyên, một số văn nhân và con em nhà phong lưu rất ưa thích Song lục, bọn văn nhân Liễu Quán, Chu Đức Thanh có tác phẩm vịnh Song lục. Đến thời Minh, Song lục vẫn còn lưu truyền trong xã hội nhưng đã không trở thành phong khí phổ biến nữa. Song lục truyền ra các nơi, nhập gia tùy tục, phát triển thành nhiều loại sản phẩm khác nhau, như Bắc Song lục, Quảng Châu Song lục, Đại Thực Song lục, Chân Lạp Song lục, Nhật Bản Song lục vân vân, cách chơi, thuật ngữ, tên gọi đều ít nhiều có sự khác biệt. Bàn cờ Song lục dùng nệm lông hoặc gỗ chế thành. Quán cờ gọi là Ngựa (Mã), phần lớn làm theo hình quả chùy (Nhật Bản, Chân Lạp thì làm ngựa hình tròn). Toàn bàn chia làm hai bên, mỗi bên có 12 đường (lại chia làm sáu đường trước và sáu đường sau), hai bên trái phải và đường thứ sáu

(21) *Nguy thư, Thuật nghệ truyền*, xem thêm Tạ Khải Chế, *Ngũ tạp trở*, quyển 5, *Nhân bộ*.

(22) Lý Khải, *Quốc sử bổ*, quyển hạ.

trước cũng như hai bên trái phải và đường thứ nhất sau đều đặt năm quân, hai bên trái phải đường thứ sáu sau (đường cuối) đều đặt hai quân, hai bên trái phải đường thứ hai trước đều đặt ba quân, tức hai bên đen trắng đều có 15 quân. Quân trắng từ đường thứ sáu sau bên mình tiến lên, từ phải qua trái tới đường thứ sáu trước thì vào ranh giới của đối thủ, kể lại từ trái đi qua phải, quân đen cũng từ đường thứ sáu sau bên mình đi lên, từ trái đi qua phải tới đường thứ sáu trước thì qua ranh giới đối phương, lại từ phải đi qua trái. Lúc chơi, dùng hai hạt xúc xắc gieo để đi quân có thể căn cứ vào điểm số mà đi một hoặc hai quân. Như gieo được điểm Yếu tam có thể đi một quân bốn bước hay hai quân mỗi quân hai bước. Nếu một quân đứng một mình trên một đường, thì quân của đối phương có thể được đá. Quân bị đá có thể được vào bàn lại nhưng phải đặt ở chỗ trống lúc bắt đầu, và lại còn phải gieo được đúng điểm mới có thể được vào bàn. Khi quân của mình bị đá chưa được vào bàn thì không được đi quân. Trong đường thứ nhất, nếu có hai quân của một bên, thì quân của đối phương không được bước vào, nếu lầm bước vào có thể bị đá. Sau cùng đem quân của mình tụ hợp ở đường thứ sáu sau, lại gieo xúc xắc cho quân ra. Nếu hai hạt xúc xắc ra một điểm và sáu điểm, có thể ra hai quân, nếu không đủ sáu điểm thì không được ra quân. Sau cùng ai ra được hết quân thì thắng. Nếu quân bên mình đã ra hết mà quân bên đối phương vẫn chưa về hết, thì mình có thể thắng gấp đôi.

Song lục vốn tồn tại như dụng cụ đánh bạc, nên trong rất nhiều trường hợp được dùng vào việc cờ bạc. Thời Đường có bọn con bạc vì chơi Song lục mà phá sản. Tổ chức Song lục ở các thành thị thời Tống, nếu có người ngoài vào chơi, có lúc có thể nhường từ ba tới bốn lần, hoặc ưu tiên cho họ "lên hàng thứ ba" (tức trước khi đánh, cho đối phương dời hàng sau lên hàng thứ ba trước), đủ thấy người trong tổ chức Song lục này có kỹ thuật cao cường.

4. Diệp tử hý

Cũng gọi là Diệp tử cách, là một loại bài, bắt đầu có từ thời Đường. Vương Tịch Chi thời Tống trong *Thằng thủy yên đàm lục*, quyển 9, *Tạp lục* viết "Thời Đường Thái tông, Thiền sư Nhất Hạnh chế ra Diệp tử cách dâng lên". Chữ Nhân Hoạch thời Thanh trong *Kiên biểu thập tập*, quyển 1 viết "Tương truyền trò Diệp tử là do phụ nữ cuối thời Đường chế ra". Cũng có người cho rằng do một người tên Diệp Tử Thanh chế ra trong khoảng giữa thời Đường trở về sau⁽²³⁾. *Hàm định lục* viết "Lý Cáp thời Đường làm Thứ sử Gia Châu cùng kỹ nữ là Diệp Mậu Liên đi chơi trên sông, nhân gieo xúc xắc, gọi là Diệp tử. Từ niên hiệu Hàm Thông trở đi, người ta rất thích". Mỗi người nói một kiểu, nhưng đều nhất trí ở chỗ trò này bắt đầu có từ thời Đường.

Tại sao lại gọi là Diệp tử hý? Ngoài lối giải thích là vì do Diệp Tử Thanh hoặc Diệp Tử sáng tạo ra, còn có thuyết chiết tự hai chữ Diệp Tử thành "Nhị thập thế Lý". Quả thật vì Thiền sư Nhất Hạnh đã tiên đoán nhà Đường có thể truyền được 20 đời, nhưng đương nhiên đó là lời nói không có chứng cứ, không đủ để tin. Thật ra Âu Dương Tu còn nói "Người thời Đường chứa sách đều làm cuốn trục, phía sau có Diệp tử. Cách thức giống như tập sách ngày nay, phàm văn tự có đủ thẻ đánh dấu, vì cuốn trục khó mở ra gấp lại, nên dùng Diệp tử viết lên"⁽²⁴⁾. Là nói thời Đường sách vở vốn dùng cuốn trục, vì cuốn trục không dễ mở ra, nên người ta sử dụng một tờ giấy ghi lên những phần cần thiết trong cuốn trục. Về sau lâu ngày, người ta cảm thấy có thể viết chữ tô màu lên Diệp tử, dùng đó làm trò vui. Đó chính là lý do làm hình thành cách gọi Diệp tử hý.

Diệp tử đầu tiên dùng trong tử lệnh. Lưu Vũ Tích trong bài *Xuân trì phiếm chu liên cú* có viết "Bồi đình tân

(23) (24) Âu Dương Tu, *Quy điển lục*, quyển 2

lệnh cử, Thi động thái sần mang" (Chén dùng ra lệnh mới, Thơ động thái sần bay). Chữ Thái sần nói tới ở đây chính là Diệp tử, trên Thái sần viết lời tửu lệnh để làm tửu lệnh lúc yến tiệc, ngoài ra *Quy điển lục*, *Thằng thủy yến đàm lục* đều nói tới việc dùng Diệp tử làm công cụ lúc yến tiệc. Lúc uống rượu hành lệnh rút bài (Diệp tử), theo sự biểu thị cách thức trên lá bài mà uống rượu. Diệp tử hý từ thời Đường trở đi rất thịnh hành, vợ Hậu chủ nhà Nam Đường là Chu thị còn có các trước tác *Kịch mộng tiểu Diệp Tử cách*, *Thiên kim Diệp Tử cách*. Đến thời Tống không ít người thích trò này. Cách chơi Diệp tử, theo *Thuyết phu* do Đào Tông Nghi biên tập dẫn ra và *An nhĩ đường quang tập* do Tương Đông Mạn sĩ Tào Kế Thiện soạn thì bài Diệp tử có 119 lá, trong đó có một lá Quang tán, năm lá Quang liệt, năm lá Quang cương, còn lại là 108 lá Quang luật. Các lá bài này chép lại việc những người hay rượu hoặc nghiện rượu trong sách cổ, ghi thành một lá Diệp tử, trên Diệp tử dùng một bài thơ ngũ ngôn tuyệt cú khái quát về nhân vật ấy, lại lấy một câu thoại làm lời kết thúc, sau cùng viết về cách phạt, cách uống rượu. Như lá Diệp tử *Hoa Hâm độc tọa* xuất từ điển "Hâm mạnh rượu, có thể uống hơn một thạch không say, mọi người quan sát kỹ thường lạ lùng về việc Hâm vẫn áo mũ tề chỉnh, Giang Nam gọi là Hoa độc tọa" (*Tam quốc chí*, *Hoa Hâm truyện*), nên bài ngũ ngôn tuyệt cú bên cạnh viết "Thùy năng ẩm bất loạn, Tích hiển diệp phả phả. Tu yếu chỉnh y quan, Toại hiệu Hoa độc tọa" (Ai uống rượu không loạn, Người hiền xưa rất khá, Áo mũ phải chỉnh tề, Nên gọi Hoa độc tọa). Vì Hoa Hâm thích ngồi một mình, nên trong chiếu rượu có một vị áo mũ tề chỉnh ngồi cao, nghiêm nghị như tượng gỗ", phải phạt một chén.

Đến thời Minh trực tiếp kế thừa có Thủy hử Diệp tử, Bác cổ Diệp tử, tới Số tiền Diệp tử thì từng bước từ tửu lệnh

biến thành cờ bạc, trở thành tiên phong của bài mạt chược.

5. Bài Tuyên Hòa

Tương truyền là trò đánh bạc hình thành trong niên hiệu Tuyên Hòa thời Tống⁽²⁵⁾, vì dùng ngà voi hoặc xương chế thành, nên còn gọi là Bài ngà (Nha bài) hoặc Bài xương (Cốt bài). Bài Tuyên Hòa có tất cả 32 quân, mỗi quân dùng hai mảnh xương có điểm ghép thành, lớn nhất là hai lá Thiên bài điểm Lục, cộng là 12 điểm, nhỏ nhất là hai lá Địa bài được điểm Yêu, tức 2 điểm. Cách chơi là trước tiên gieo xúc xắc chọn nhà cái, ai nhiều điểm nhất thì được làm. Sau đó nhà cái chia bài, nếu bốn người cùng chơi thì mỗi người được tám quân, nếu ba người cùng chơi thì phải bỏ đi tám quân bài tạp, mỗi người cũng được tám quân, do người cuối cùng đánh ra trước, nếu nhà cuối đã thành phu, thì lập tức hạ bài, nếu chưa thành phu thì có thể đánh ra quân bài mà mình cho là vô dụng, người ngồi dưới nếu thấy lá bài ấy có ích thì ăn, đồng thời đánh ra một quân vô dụng. Sau cùng xem ai thành được hai phu trước. Cái gọi là thành phu là dùng ba quân bài kết thành một nhóm để tính. Tất cả có chín trường hợp: ba lá gồm ba loại cùng số gọi là Tạp phu, như Yêu nhị, Yêu tam, Nhị tam kết thành nước Toái mẽ tức, trong ba lá có hai Yêu, hai Nhị, hai Tam, số điểm của ba lá như nhau, loại ấy có tám kiểu. Ba lá có thể chia thành hai nhóm đối nhau gọi là Phân tương, như ba lá Yêu yêu, Yêu nhị, Nhị nhị kết thành nước Hồng phạm cửu trù, trong đó có ba Yêu và ba Nhị đối nhau, loại ấy có 15 kiểu. Ba quân bài (cũng như sáu mạt xúc xắc) hợp thành năm mà điểm số tương đồng gọi là Lục xảo ngũ hợp, như hai quân Tam tam, thêm một quân Yêu nhị kết thành nước Chiết tức nhận, điểm của nó là hai quân Tam tam cộng thành bốn Tam, giữa có lá Yêu nhị thêm một Tam,

(25) Trương Tự Liệt, *Chính tự thông, Bài*.

vừa thành năm Tam, loại ấy có 15 kiểu vân vân. Nếu trong tám lá bài có hai nhóm thành phu thì có thể hạ bài.

Xem bài xong, mọi người đặt bạc. Cách đặt tiền là sau khi bỏ sáu quân thành phu ra thì so sánh điểm của hai quân còn lại. Hai quân này gọi là Thôi xuất, bài Thôi xuất có đặt tiền, bài thành phu thì không đặt tiền, nhưng bài Thôi xuất phải phối hợp với bài thành phu thì mới có hiệu quả. Như bài Thôi xuất là hai quân Thiên bài thì có thể thắng gấp năm, nếu là một Thiên bài một Địa bài gọi là Thiên địa phân thì có thể thắng được bốn lần, ngoài ra nếu sáu quân kia thành một phu như Yêu yêu, Yêu nhị, Yêu tam, Yêu tứ, Yêu ngũ, Yêu lục liền nhau thì không cần so bài Thôi xuất, có thể được ăn gấp sáu lần. Còn nếu tám quân thành một phu (như đều có hai lá Yêu Yêu, Nhị nhị, Tam tam, Tứ tứ ghép thành nước Đại tứ đối) thì càng không cần so bài Thôi xuất cũng có thể được ăn gấp sáu.

Bài Tuyên Hòa sau khi được sáng tạo từ cuối thời Tống trở đi, đến các thời Nguyên Minh Thanh rất thịnh hành trong dân gian. Tiền Đường nhân đầu thời Minh soạn quyển *Tuyên Hòa bài phổ*, Kim Hạng Viên thời Thanh cũng từng biên tập quyển *Tuyên Hòa phổ*, từ đó không những có thể thấy sự phát triển của bài Tuyên Hòa mà còn có thể nói rõ tình hình Tuyên Hòa bài trong thời gian này lâu đời mà không suy. Cho đến nay, bài Tuyên Hòa vẫn chưa tuyệt tích trên sông bài, như bài cầu chính là một cách chơi bài Tuyên Hòa.

6. Bài xương Du hòa và Ngạnh hòa

Trò Du hòa trong bài xương khác trò Du hòa trong bài giấy mặt chược, là dùng bài Tuyên Hòa 32 quân. Về nguồn gốc danh xưng có mấy thuyết, một thuyết tức "Du ngô", là một loại tre, Tả Tư trong bài *Ngô đồ phú* có câu "Du ngô hữu

hoàng" (Du 1. 1. 1. có hoàng) đủ làm bằng chứng. Vì trên lưng bài xương dùng trúc ghép thành nên gọi tên như vậy. Một thuyết tức Do ngô, "nói là có thể tùy ý mình", tức theo ý mình muốn mà đánh bài. Thuyết thứ ba là "Du hồ". "Tây Hồ ở Hàng Châu, Hồ Khâu ở Ngô Châu, Hồng Kiều ở Dương Châu, thuyền đều gọi là Hồ thuyền, khách tới chơi đều gọi là Du hồ (Chơi hồ)". Có thể lúc đầu tiên chơi trên thuyền, về sau lưu truyền ra. Về cách chơi thì *Mục trư nhàn thoại* nói rất rõ ràng "Hai ba người hoặc bốn người cùng chơi, chọn một người làm cái, theo thứ tự rút bài, ba quân hợp thành một phu, năm quân cùng màu, hợp hảo, phân tương, có nhiều kiểu thức tên gọi khác nhau, dùng sáu hạt xúc xắc gieo, gọi là Du hồ". Cũng chính là cốt phái dùng mấy quân bài kết thành phu để phân thắng bại.

Ngành hòa. Nó dùng bài Tuyên Hòa 32 quân thêm một bộ rưỡi, mỗi lá đều có 5 quân, thành 80 quân. Còn một loại làm năm quân các loại Tam lục, Tứ ngũ như trong Vũ bài và Văn bài "thì thêm 15 quân, thành 105 quân", cũng gọi là Ngành hòa. Trong đó còn có những tên gọi khác, "hoặc lấy Thiên Địa Nhân Hòa làm tướng, người rút được thắng gấp đôi, hoặc tính số và hạng trong đó ra thiên hội hoa chi, gọi hạng nhất và hạng nhì là ngành hoa để ù, hoặc ngoài 105 quân còn chế thêm một hoặc hai ba quân, trên vẽ đủ màu, có thể tùy ý gọi tên, để sau cùng kẻ có nhiều điểm rút được thì thắng, gọi là Như ý ông (Như ý quân)"⁽²⁶⁾. Đó là khởi nguyên của trò Hoa bài và Bách tháp trong mặt chược. Cách chơi cũng có ăn, đỡ, đại khái giống bài giấy.

7. Quạt hoa

Còn gọi là Hoa bài, cũng là một trò chơi bài xương. Bài có 126 quân, cách chơi là xếp bộ bài thành hình vuông,

(26) Kim Học Thi, *Mục trư nhàn thoại*, *Chiêu đại tông thư*, *Biệt tập*.

trước mặt nhà cái xếp 15 quân, người khác 16 quân. Sau đó căn cứ vào điểm xúc xắc gieo được mà mỗi người theo thứ tự rút 2 quân, sau năm lần thì mỗi người đều có 20 quân. Nhà cái lại rút một quân rồi đánh ra quân mà mình cho là vô dụng, người ngồi dưới có thể ăn lá bài này thì ăn, không ăn thì rút. Mọi người cứ thế luân phiên nối nhau đánh ra, nếu trong 20 lá bài đã thành chín đôi, thì có thể "chờ bài", nếu hai lá còn lại đều là Hoa bài, bài người khác đánh ra bất kể tương đồng với lá nào thì có thể ù (Hòa - cũng gọi là Hồ (*chấm thủy + hồ*) hay Hồ (*mẽ + hồ*), tức thắng), lá còn thừa kia gọi là Nham đầu, không cần tính tới. Nếu hai lá ấy đều không là phải là Hoa bài thì nhất định phải chờ một lá không phải là Hoa bài để ù. Sau cùng, mọi người đếm "đạo số" trong bài. Bất kể ai ù, cứ ai nhiều điểm hơn là thắng. Nhà cái bất kể thua hay thắng cũng phải trả tiền gấp đôi người khác.

8. Bài xương Tiếp long

Đây là trò đơn giản nhất trong các trò bài xương. Nó là đặt điểm tương đồng vào hai đầu quân bài, khi nào hết bài thì thắng. Hai ba người cũng có thể chơi, thậm chí một người cũng có thể dùng để giải trí giết thời giờ. Nhưng một trò "đánh bài" lật vật như thế mà đặt lớn cũng có thể thua thê thảm. Tiếp long "thắng phụ trong khoảnh khắc, ăn thua rất lớn. Phương Bắc rất nhiều người thích trò này. Thường có những người áo mũ chỉnh tề vào sòng, trong chớp mắt cõi trần đi ra, đại khái là thua lớn, tục gọi là Cờ bạc lột da (Tước bì đồ)⁽²⁷⁾.

9. Thiên cửu

Là do điểm của hai quân bài xương kết hợp thành 21 loại khác nhau, trong đó có 10 quân đơn, 11 quân đôi, cộng

(27) Thanh bị loại sao, Đồ bác loại.

32 loại. Quân đôi xưa gọi là Hoa đội, hiện gọi là Văn tử, bài đơn xưa gọi là Di bài, hiện gọi là Vũ tử. Văn tử có Thiên bài (điểm Lục lục), Địa bài (Yêu yêu), Nhân bài (Tứ tứ), Hòa bài (Yêu tam) gọi là Đại bài, Thập nhị Vu Sơn (Tam tam), Điệp thắng hoàn (Ngũ ngũ), Bát châu hoàn (Nhị nhị) gọi là Trường bài, Song điệp hỷ mai (Yêu ngũ), Thiên viên địa phương (Yêu lục), Cẩm bình phong (Lục tứ), Sở Hán tương tranh (Ngũ lục) gọi là Đoãn bài. Trong Vũ tử có hai quân Tứ ngũ, Lục tam 9 điểm, hai quân Nhị lục, Tam ngũ 8 điểm, hai quân Tam tứ, Nhị ngũ 7 điểm, hai quân Nhị tam, Yêu tứ 5 điểm và một quân Tam chùy (Yêu nhị), Đại sáo (Nhị tứ). Bài Thiên cử lấy bốn quân Thiên, Địa, Nhân, Hòa là cao nhất. Trong các quân Văn tử thì Thiên bài đứng đầu, Vũ tử thì Hồng cửu (Tứ ngũ) là lớn nhất, vì bên Văn theo Thiên, bên Vũ theo Cửu nên gọi là Thiên cử. Tương truyền mỗi quân đều có ý nghĩa tượng trưng nhất định, như hai quân Thiên bài (Lục lục) có 24 điểm, đại biểu cho 24 tiết khí, hai quân Địa bài (Yêu yêu) có 4 điểm, đại biểu cho bốn phương đông tây nam bắc.

Cách chơi như sau: Ba người chơi thì lấy ra một phu (Kim bình hoặc Hồ đầu) trong bộ bài, còn thừa 30 quân, mỗi người 10 quân. Bốn người chơi thì mỗi người 8 quân, đầu tiên gieo xúc xắc rồi căn cứ vào điểm xúc xắc mà theo thứ tự rút bài, đánh bài. Lúc chơi lấy lớn đánh nhỏ, nhưng chỉ được tiến hành trong cùng loại, văn bài đánh văn bài, vũ bài đánh vũ bài. Trong văn bài thì các quân Thiên, Địa, Nhân, Hòa theo đó đánh nhau, lại đánh được tất cả các quân Trường bài, Đoãn bài thấp hơn. Ngũ bài cũng thế, nếu hai quân Thiên bài và một quân 9 điểm gặp một quân Địa bài và hai quân 8 điểm thì không được đánh, vì văn vũ bài không đối chọi. Lối chơi này mang màu sắc luân lý phong kiến nhất định.

Cách tính toán hơn thua: bốn người chơi thì được bốn quân là đủ vốn, được năm quân là thắng 1 điểm, không được bài là thua 4 điểm, được một quân là thua 3 điểm, được hai

quân là thua 2 điểm, được ba quân là thua 1 điểm. Nếu sau cùng đánh ra một quân (gọi là "Kết"), có thể lấy một quân thủ thắng mà kết thúc, thì được 5 điểm. Nếu người ấy được nước "Chí tôn" (tức hai quân Yêu nhị, Nhị tứ) thì bất kể là thua hay thắng, mọi người đều phải đền y 2 điểm. Nếu lấy "Chí tôn" kết thúc, thì ngoài điểm bình thường mọi người còn phải đền y 4 điểm.

Trong trò Thiên cử, cũng có khi mỗi người được tám quân, tùy ý xếp thành bốn đôi so sánh với nhau mà phân thắng phụ. Đầu tiên không để người ta thấy bài, ghép thành đôi rồi, bốn người đồng thời lật ra. Trong đó lấy đôi làm lớn, các đôi lớn nhỏ thì theo thứ tự đã nói ở trên. Nếu không thành đôi thì lấy điểm số của hai quân cộng lại mà so lớn nhỏ. Nếu quá 10 điểm thì chỉ tính số lẻ ví dụ Yêu ngũ và Yêu lục cộng được 13 điểm thì chỉ tính là 3 điểm. Nếu hai quân cộng lại vừa đúng 10 điểm, thì là bù (gọi là Kiến thập), nhất định là thua không còn gì nghi ngờ.

10. Bài cầu

Bài dùng để chơi bài cầu chính là bài Thiên cử, chỗ phân biệt giữa chúng chỉ là cách chơi khác nhau mà thôi. Cách chơi bài cầu cũng từ hai tới bốn người, mỗi người 6 quân, nhà cái rút quân thứ 7 đánh ra trước, sau đó mọi người theo thứ tự rút bài (hoặc ăn lên), đánh ra, người nào có hai phu Hoa sắc thêm một quân Di bài là ù (hòa - hồ), hạ bài mà thắng. Người thắng theo số và nước bài của Hoa sắc và điểm của quân Di bài mà tính điểm thắng, các nhà khác thì tính điểm các phu Hoa sắc của mình (không quân Di bài). Tiền thân của lối chơi này là bài xương Du hồ hoặc Do ngô.

Bài cầu còn có một lối chơi khác, lấy bốn quân làm một nhóm, căn cứ vào điểm xúc xắc gieo được, mà mỗi người tự rút một nhóm, sau đó chia bốn quân thành hai tụ, hai

quân một tụ. Sau đó tính có đôi hay không và điểm số lớn nhỏ mà tính toán thắng phụ. Cách tính cũng là đôi lớn hơn không có đôi. Trong các đôi thì thoe thứ tự Thiên, Địa, Nhân, Hòa, Văn tử, Vũ tử mà phân biệt. Không thành đôi thì tính điểm, 10 điểm trở lên thì tính số lẻ. Lối này tục gọi là bài cầu lớn.

Bài cầu lại có một lối chơi khác, hai quân ghép thành một phu, gieo xúc xắc xong, mỗi người căn cứ vào điểm của mình mà rút một đôi, rút xong lật luôn ra, so sánh hơn thua, cách tính toán hơn thua cũng như đã nói ở trên. Lối chơi này tục gọi là bài cầu nhỏ.

Bài cầu cũng như mạt chược được gọi là quốc đồ, là lối cờ bạc được đại chúng hóa phi thường. Lý do là vì lối chơi bài cầu là biến thái của lối gieo xúc xắc, rất dễ nắm vững, và lại số người nhiều ít cũng rất linh động, hai ba người hay bốn người trở lên đều được, và lại số quân bài trong bài cầu cũng ít, rất tiện mang theo, ở mọi nơi hay quán rượu, quán trà, trong nhà, ở nhà trọ, phàm có chỗ trống kín đáo đều có thể mở sòng.

11. Mã diếu

Bắt đầu dấy lên trong niên hiệu Vạn Lịch thời Minh, tương truyền do văn nhân Vương Thế Trinh phát minh ra. Cố Viêm Vũ trong *Nhật tri lục* cho rằng Mã diếu bắt đầu xuất hiện từ niên hiệu Thiên Khải, thuyết ấy không chính xác, vì Phan Chi Hằng chết cuối niên hiệu Vạn Lịch có viết quyển *Diệp tử hý* đã tường thuật rõ về cách chơi Mã diếu và các trò Diệp tử khác, cho nên có thể chứng minh Mã diếu bắt đầu xuất hiện muộn nhất là trong niên hiệu Vạn Lịch. Từ niên hiệu Thiên Khải đến đầu thời Thanh, Mã diếu lan ra toàn quốc, "mà ngày nay các bậc triều sĩ cùng nhân dân vùng

Giang Nam, Sơn Đông, cơ hồ không ai không biết⁽²⁸⁾. Họ chơi tới mức "thâu đêm suốt sáng, như si như cuồng"⁽²⁹⁾, thậm chí ngay cả quan viên sáu bộ nhà Minh cũng chơi tới mức "bỏ ăn bỏ ngủ"⁽³⁰⁾, lại cớ kẻ lấy việc không biết chơi Mã điều làm sự nhục nhã.

Mã điều còn gọi là Mã trát cước, vì lúc đánh bài ắt phải có bốn người cùng chơi, nếu thiếu một người thì cũng giống như ngựa mất một chân, không thể đi được⁽³¹⁾. Lối giải thích của Lý Nghiệp Tự so với thuyết trên thì khác "Gọi là Mã điều, là nói người chơi trò ấy lấy hai trát làm vốn, nay người thắng lên năm trát, mà ba người kia phải được mỗi người một trát, tình trạng giống như ngựa đứng co một chân lên vậy" (thế nào là trát, xin xem phần dưới)⁽³²⁾. Có người cho rằng mã tức trù mã (phỉnh), mà điều là có ý giành lấy. Trù mã biểu thị hơn thua, nên ý của Mã điều là "lấy ngựa lớn thắng ngựa nhỏ"⁽³³⁾. Một bộ bài Mã điều gồm bốn mươi lá, lá bài hình chữ nhật, dài khoảng hai tấc, rộng gần một tấc, bốn mươi lá chia làm bốn loại: Thập, Vạn, Sách, Văn. Quân Thập gồm 11 lá: Tôn vạn vạn quan, Thiên vạn, Vạn vạn, thêm 8 lá từ Cửu thập tới Nhị thập. Quân Sách gồm 9 lá, từ Tôn cửu sách tới Nhất sách, quân Vạn gồm 11 một lá: Tôn không một văn, Bán văn tiền, thêm 9 lá từ Nhất tiền tới Cửu tiền. Trong đó các quân Thập, quân Vạn có vẽ hình các nhân vật Thủy hử, Vạn vạn quan vẽ Hồ bảo nghĩa Tống Giang, Thiên vạn quan vẽ Hành giả Võ Tòng, Bách vạn quan vẽ Đoán

(28) Cố Viêm Vũ, *Nhật tri lục*, quyển 28, *Đổ bác*.

(29) Vương Sùng Giản, *Đông dạ sạn ký*.

(30) Trương Di, *Sưu văn tục bút*.

(31) Phan Chi Hằng, *Diệp tử phổ*.

(32) Lý Nghiệp Tự, *Điều mã thuyết*, xem thêm *Chiêu đại tòng thư*, *Biệt tập*.

(33) Xem Tôn Tuệ Dân, *Thuyết thoại đổ bác*, Thượng Hải văn hóa xuất bản xã, 1989

mệnh nhị lang Nguyễn Tiểu Ngũ, Cửu thập vạn quan về Hoạt Diêm La Nguyễn Tiểu Thất, Bát thập vạn quan về Mỹ nhiệm công Chu Đồng, Thất thập vạn quan về Bệnh Uất Trì Tôn Lập, Lục thập vạn quan về Song tiên Hồ Diên Chúc, Ngũ thập vạn quan về Hoa hòa thượng Lỗ Trí Thâm, Tứ thập vạn quan về Trại Quan Sách Dương Hùng, Tam thập vạn quan về Thanh diện thú Dương Chí, Nhị thập vạn quan về Hồn giang long Lý Tuấn, Ngũ vạn quan về Hắc toàn phong Lý Quỷ, Tứ vạn quan về Tiểu toàn phong Sài Tiến, Tam vạn quan về Đại đao Quan Thắng, Nhị vạn quan về Tiểu Lý Quảng Hoa Vinh, Nhất vạn quan về Lăng tử Yến Thanh⁽³⁴⁾. Vì thế nên lại gọi là Thủy hử Diệp tử. Tại sao phải vẽ hình nhân vật Thủy hử? "Là vì bọn Tống Giang ắt dùng cầm trung nghĩa mà về sau mới có thể thắng, không phải là điều bọn người đọc sách có thể biết, nên những người không đọc sách theo đó"⁽³⁵⁾. Trong bốn loại bài Mã điều thì quân Thập lớn nhất, kế đó là quân Vạn, quân Sách, quân Tiên. Trong mỗi loại đều lấy lớn thắng nhỏ, chỉ có quân Tiên là lấy nhỏ thắng lớn, Nhất tiên lớn hơn Nhị tiên. Trong 40 lá có 4 lá Tôn, Tôn Vạn vạn quan, Tôn Cửu vạn quan, Tôn Cửu sách, Tôn Không tiên vẫn nói rõ chúng là lớn nhất trong loại. Trong các quân Tiển, thì ngoài lá Tôn không tiên vẫn, lá Bán văn tiên là lớn nhất.

Lúc chơi Diệp tứ mỗi người rút tám lá, còn tám lá thừa làm Trung đình. Lại dùng lối gieo xúc xắc, theo điểm số chọn ra chủ tướng, ba người còn lại liên kết bắt đầu tấn công chủ tướng. Mọi người theo thứ tự đánh bài ra, lấy lớn nhỏ so thắng phụ. Bài chưa đánh ra thì úp lại không cho người khác xem, khi đánh ra thì nhất loạt ngửa lên. Người chơi căn cứ vào các lá bài ngửa mà đoán các lá bài úp, sau đó tiến hành đối phó, so tài. Luân phiên hết một vòng gọi là một điệu, như thắng ở vòng này thì gọi là thắng một điệu, thắng được hai

(34) Lục Dung, *Thúc viên tạp ký*, quyển 14

(35) Chữ Nhân Hoạch, *Kiên biểu tập*, quyển 1

điều thì có thể giữ vốn, được ba điều tới năm điều là thắng một trát, từ sáu điều trở lên là thắng hai trát. Nhưng quan trọng nhất là điều thứ tám cho dù bảy điều trước đều thua, chỉ cần điều thứ tám thắng, thì có thể thu toàn công chuyển bại thành thắng, như thế gọi là Thương kết (ăn chót). Nếu nhà cái thắng, có thể tiếp tục làm cái, nếu thua thì người ngồi dưới làm cái. Chiến thuật chơi Mã điều biến hóa rất nhiều, điều này thì Phùng Mộng Long trong *Bài kinh thập tam thiên*, Phan Chi Hằng trong *Diệp tử phổ* thời Minh đều nói tới nhưng đều có một số điểm chưa rõ. Và lại bài Mã điều đến nay tựa hồ đã thất truyền nên về cách đánh Mã điều nói trên cũng rất khó kiểm chứng.

12. Đấu hổ và Chỉ trương

Hai trò đánh bài này đều là Mã điều đơn giản hóa, gọi chung là Hổ giang, nên ở đây gom chung lại để miêu tả.

Đấu hổ. Còn có tên là Khán hổ, vì loại bài này dấy lên từ Côn Sơn, nên còn gọi là bài Côn Sơn. Trò này phần lớn là phụ nữ chơi, để học tập điều mà sách *Mạnh tử* nói "Phùng phụ bác hổ", vì thế gọi là Đấu hổ. Thật ra, "Phùng phụ" không nhất định là đàn bà mà là chỉ một người họ Phùng tên Phụ⁽³⁶⁾.

Trò Đấu hổ dùng bài Côn Sơn 30 lá tức bài Mã điều bỏ đi 9 lá Thập, chỉ lưu lại lá Thiên vạn (tức Thiên thương tinh Hành giả Võ Tòng), thêm 9 lá Vạn, 9 lá Sách, 11 lá Văn. Đấu hổ có thể do hai người hoặc ba người chơi. Như hai người chơi, mỗi người lấy 13 lá, để lại 4 lá Thủ đình không động tới; nếu ba người chơi, thì mỗi người rút 9 lá, lưu lại 3 lá Thủ đình. Cách đánh cũng tương tự Mã điều, mỗi người đánh ra một hoặc ba lá làm một vòng. Cứ đánh từng vòng từng vòng, đến khi hết bài thì thôi.

(36) Xem *Mạnh tử*, *Tận tâm*, Triệu Kỳ chú.

Quy định về các nhóm bài lớn nhỏ như sau: Ba lá có số liền nhau gọi là Thuận, như Ngũ sách, Lục sách, Thất sách là một thuận, lại như Nhị tiền, Tam tiền, Tứ tiền cũng là một thuận. Trong cùng một loại thì thuận lớn thắng thuận nhỏ. Không cùng loại mà có số liền nhau thì có thể xét thứ tự về Vạn, Sách, Tiền mà so lớn nhỏ, như Ngũ vạn, Lục vạn, Thất vạn là một thuận, có thể thắng Ngũ sách, Lục sách, Thất sách. Leo qua loại khác, có số tương đồng thì gọi là Báo, như Nhị vạn, Nhị sách, Nhị tiền hợp thành một báo, gọi là Nhị báo hay Bát vạn, Bát sách, Bát tiền gọi là Bát báo. Báo cũng lấy lớn thắng nhỏ, như Cửu báo có thể thắng Bát báo, trở xuống theo đó mà suy. Báo lớn hơn Thuận. Trong các quân Tiền thì lá Không tiền văn và lá Bán văn tiền có thể hợp thành Bán báo. Thiên vạn, Nhất sách, Nhất tiền hợp thành Yêu báo. Yêu báo nhỏ hơn Nhị báo, có thể thắng Bán báo, Bán báo có thể thắng Thuận. Thiên vạn, Nhất vạn, Nhất sách ba lá hợp thành Hùng, Hùng có thể đè được Cửu báo. Không một văn, Bán văn tiền, Nhất vạn ba lá liên kết thành Bác, Bác có thể chế phục Cửu báo. Thiên vạn, Cửu sách, Không một văn hợp thành Giá. Không một văn, Bán văn tiền, Nhất vạn hợp thành Xuyên sơn giáp. Thiên vạn, Bát vạn, Cửu vạn hợp thành Thiên thống.

Cách thưởng trong một vòng như sau: Dùng Báo hoặc Thuận thắng người khác được thưởng một chương (tức ghi lại một điểm), nếu dùng Thiên thống, Bán báo hoặc Bác mà thắng thì được thưởng thêm một chương, nếu đánh ra quân Ngũ vạn, vì là lá giữa nên được thưởng hai chương, nếu bị bài lớn hơn thắng thì không được thưởng. Bát vạn gọi là Thứ tướng, đánh ra lá Bát vạn có thể thắng được ba chương, nhưng nếu bị bài lớn hơn đè thì không được thưởng. Đánh ra Xuyên sơn giáp được thưởng ba chương. Nhị vạn, Nhị sách, Bát tiền gọi là Cùng, được thưởng bốn chương. Nhất sách, Nhất vạn, Cửu tiền là Hổ, được thưởng năm chương. Giá được

thường sáu chương, Tam bảo, Cửu bảo được thường bảy chương, Cửu vạn, Cửu sách, Không một văn gọi là Phú, được thường tám chương, Hùng thường chín chương.

Chỉ tương. Cũng dùng 30 lá bài Côn Sơn để chơi, có thể chơi từ hai tới năm người. Mỗi người rút 6 lá, xếp thành ba đôi, mỗi đôi 2 lá, sau đó chia làm ba vòng đánh ra so hơn thua. Nó dùng điểm số chung trên hai lá bài để so lớn nhỏ, chín điểm là lớn nhất, quá chín điểm thì lấy số cuối, như mười sáu điểm thì tính là sáu điểm. Nếu điểm số bằng nhau thì theo lá bài mà quyết thắng phụ. Như Lục vạn Tam tiền có thể thắng Ngũ vạn Tứ sách. Người thắng có thể thu được các điểm thưởng.

Bài Hồn giang tuy quy tắc đơn giản, nhưng là cơ sở của bài giấy Du hồ. Nó lưu hành rộng rãi trong các tầng lớp dưới, nên Trương Triều nói "trong giới phu xe tiện dân thì Tam tử, Đả hồ thịnh hành, trong giới sĩ đại phu thì Mã điều phổ biến"⁽³⁷⁾.

13. Chỉ bài

Còn gọi là bài giấy mặt chược, hình thành từ cơ sở bài Mã điều. Nước bài dùng để chơi không khác bài Đấu hồ bao nhiêu, có ba loại Vạn, Sách, Tiền, nhưng đổi Sách làm Điều, đổi Tiền làm Bính, Thiên vạn quan đổi gọi là Lão thiên, Vạn vạn quan đổi là Hồng hoa, hai lá Bán văn tiền, Không một văn đổi là Bạch hoa, Nhất sách đổi là Ngư. Như vậy tổng cộng 30 lá bài thì từ Nhất vạn tới Cửu vạn 9 lá, Nhị điều tới Cửu điều 8 lá, Nhất bính tới Cửu bính 9 lá, thêm Hồng hoa, Bạch hoa, Lão thiên và Tiểu ngư. Vì mỗi loại có 2 lá nên toàn bộ bài có 60 lá. Trên mặt lá bài nước Vạn đều vẽ hình nhân vật, lá bài "dài khoảng hai tấc, bề ngang rộng non nửa bề

(37) Trương Triều, *Giới đồ văn tiểu dẫn*.

dài^{“(38)”}.

Cách chơi có mấy loại. Một loại gọi là Mặc hòa, bốn người cùng chơi, “cử ra một người đầu tiên, theo thứ tự rút bài, mỗi người rút 10 lá”, còn thừa 20 lá do người khác cầm, theo thứ tự chia cho người chơi, gọi là Bả hòa, cũng gọi là Súc giác, vì người ấy ngồi ở một góc^{“(39)”}. Lúc chơi thì dùng ba bốn lá kết lại thành phu, được ba phu là thắng, hai người cùng thắng thì người ra bài trước thắng.

Một loại gọi là Ngạnh hòa. Số lá bài của nó nhiều gấp đôi bài Mặc hòa, tất cả 120 lá (bốn hoặc năm người cùng chơi), cũng có thể nhiều gấp một lần rưỡi tức 150 lá (sáu người cùng chơi). Cách chơi như sau: Trước tiên mỗi người rút một lá hay gieo xúc xắc một lần, xem điểm lớn nhỏ mà quyết định người Yêu đầu, sau đó Yêu đầu rút bài trước, theo thứ tự xoay vòng, mỗi người rút 20 lá, số còn lại đều đặt úp xuống, để tiện rút bài. Vì số bài quá nhiều nên quy định không ít nước bài, thành đôi gọi là Đối tử, ba lá cùng nước liền số gọi là Khâm hoặc Ngạnh, như Nhất vạn, Nhị vạn, Tam vạn hay Tứ bình, Ngũ bình, Lục bình vân vân. Bốn lá cùng loại liền số gọi là Khai chiêu, năm lá gọi là Hoạt chiêu. Thông qua việc thay phiên đánh bài, rút bài, ăn vào, dần dần xếp bài mình thành đôi, Khâm, Khai chiêu, Hoạt chiêu vân vân. Nếu tất cả 20 lá đều thành nhóm thì có thể ngửa bài so sánh hơn thua. Lấy Hoạt chiêu thắng Khai chiêu, Khai chiêu thắng Khâm, Khâm thắng Đôi, một lá thì so lớn nhỏ với bài cùng nước.

Ngoài ra Chỉ bài còn có các lối Biệt côn, Thập hồ. Chỉ bài sau khi xuất hiện cuối thời Minh đầu thời Thanh, đến nay vẫn lưu truyền khắp thành thị nông thôn, chủ yếu vì bài giấy dễ mang đi, cách chơi giản dị dễ học, và lại số người chơi ít nhiều tùy ý.

(38) (39) Kim Học Thi, *Mục trư nhàn thoại*.

14. Ma tương

Còn có tên là Ma tước (Mạt chược), là dạng hỗn hợp giữa Mã điệu và bài xương, nên đầu tiên có tên là bài xương Mã điệu. Về nguyên do của danh xưng Ma tương thì rất nhiều thuyết khác nhau, có người cho rằng Ma tức mã, tước là chữ điệu trong Mã điệu chuyển âm, vì người đất Ngô đọc điệu là điệu (diào) nên gọi như vậy. Nhưng âm đọc giữa điệu và mã cách nhau rất xa, chữ tương là vì trong cách chơi quy định trong một phu bài ắt phải có hai lá giống nhau kết thành một đôi mới có thể tính là Hòa, đôi ấy gọi là Tương bài, hai điệu ấy gộp lại gọi là Ma tương. Tác giả về việc này đã tiến hành điều tra, một số người già nói vì quân Nhất sách trong bài Mã điệu có hình như ma tước (chim sẻ), nên gọi như thế, còn chữ tương trong Ma tương là do cách phát âm chữ Tước sai lạc của người đất Ngô mà chuyển thành. Nơi phát nguyên của Ma tương thì có thuyết nói là ở Thái Thương đầu thời Thanh, Đỗ Á Tuyền thì cho rằng "bài Ma tương đầu tiên lưu hành ở vùng bờ biển Mân Việt (Phúc Kiến, Quảng Đông), đầu niên hiệu Quang Tự nhà Thanh từ Ninh Ba Giang Hạ lan truyền vào vùng Tân Hộ (Thiên Tân, Thượng Hải)"⁽⁴⁰⁾. Dương Manh Thâm gần đây lại đoán rằng nó nảy sinh trong niên hiệu Đạo Quang, sớm nhất là trong nghĩa quân Thái Bình thiên quốc⁽⁴¹⁾, đều có điểm chung là nảy sinh dưới thời Thanh ở phương nam.

/ Mạt chược khác xa Mã điệu mà gần gũi với Mạt hòa trong bài giấy, nên trong tiếng lóng cờ bạc gọi Mạt chược là Diệp tử. Trong bài Ma tương có 36 lá Vạn (tức Nhất vạn tới Cửu vạn mỗi loại 4 lá), Điều tử, Giản tử, cũng như Vạn, cũng mỗi loại 36 sáu lá. Tam tiên: Hồng trung, Bạch bản, Phát tài mỗi loại 4 lá, cộng 12 lá. Tứ phong: Đông Tây Nam Bắc mỗi

(40) Đỗ Á Tuyền, *Bác sử*, chương 20

(41) Dương Manh Thâm, *Trung Quốc du nghệ nghiên cứu*, Thượng Hải văn nghệ xuất bản xã, 1990, tr. 99

loại 4 lá, cộng 16 lá. Quý hoa: Xuân Hạ Thu Đông mỗi loại 1 lá. Lại thêm 4 lá Bách thập, tất cả bộ bài gồm 144 lá.

Có người cho rằng bài Mạt chược là do học giả Vạn Bình Thiệu cuối thời Nguyên đầu thời Minh sáng chế ra. Nói rằng ông ta sùng bái các anh hùng Thủy hử, để các bậc đại quan quý nhân hiểu rõ nội dung Thủy hử cho họ trong lòng khiếp sợ, sau vui thì buồn, mới phát minh ra bài Ma tương. Nói Ma tương lấy 108 lá bài làm số chính là ẩn dụ 108 tướng Thủy hử, như Nhất bính là Hắc toàn phong Lý Quỳ, Nhị điều là Song tiên Hồ Diên Chúc vân vân. Lại nói bài chia ra ba loại Điều Bính Vạn là hài âm với tên người phát minh Vạn Bình Thiệu. Luận thuyết này đưa lịch sử phát minh mạt chược lên rất sớm, nhưng nhân vật Vạn Bình Thiệu không thấy trong sử sách, nên chỉ là lời truyền thuyết trong dân gian, không thể tin cậy.

Mạt chược nhất định phải có bốn người cùng chơi, thiếu một người không được. Vào bàn xong, dùng cách gieo xúc xắc (ở nơi chợ búa gọi xúc xắc trong Ma tương là Cầu), xác định nhà cái. Lúc làm bài, trước mặt mỗi người có 36 lá chồng lên nhau, nối liền thành hình chữ Nhất, hình thành một "bức thành hình vuông". Chúng ta có khi gọi mạt chược là Đánh trận thành vuông (Phương thành chi chiến) hay Xây tường (Thế tường đầu), Chuyển gạch (Ban chuyên đầu) chính vì lẽ ấy. Sau đó lại gieo xúc xắc, theo điểm số mà xác định bắt đầu rút bài từ chỗ nào. Đầu tiên nhà cái rút trước 4 lá, kế đó theo thứ tự rút bài, sau ba vòng mỗi người đều rút một quân, như thế mỗi người có 30 quân. Nhà cái lại đánh ra một quân, nếu người thứ hai ăn được thì ăn, không ăn thì rút quân đánh tiếp, cứ thế xoay vòng. Như bài mình có một đôi, mà lúc nhà khác (không chỉ là nhà trên) đánh ra một đôi tương tự, cũng có thể ăn vào, gọi là Ngạnh (nên đánh Mạt chược còn gọi là Ngạnh ma tương). Thông qua cách ấy, mau lẹ sắp xếp bài mình thành bốn nhóm có ba quân thêm một

đôi, thì tính là Hòa (tức ù). Cái gọi là Thành phu là chỉ ba quân cùng nước liền số, như Tam đồng, Tứ đồng, Ngũ đồng, Lục sách, Thất sách, Bát sách vân vân. Hoặc ba quân giống nhau cũng thành một phu, như ba quân Hồng trung, ba quân Nhất vạn vân vân. Một phu thành đôi cũng gọi là Ma tước đầu, tức hai lá bài giống nhau.

Bài mạt chược sau khi được phát minh, lưu hành khắp toàn quốc, trở thành một loại "Quốc bài", nguyên nhân chủ yếu là vì tính thao tác của bài mạt chược rất mạnh, thậm chí có người cho rằng tính thao tác của nó là vô hạn. Các tổ hợp sắp xếp biến hóa rất lớn. Về cách chơi thì các nơi rất khác nhau, có các lối ở kinh đô, Thượng Hải, Tứ Xuyên, Quảng Đông và vùng Đông bắc. Lúc đánh bài mạt chược không ngừng rút bài, ăn vào, xếp đôi, hình thành những cách cục lưu động, đều hy vọng rút được bài tốt, mà bài trong đồng gạch trên tường thì vĩnh viễn không sao rõ được, đó là chỗ hấp dẫn người ta, và lại có rất nhiều lối hơn thua rất khó tính toán, có thể tính là một lần, hai lần, ba lần. Tóm lại, sự biến hóa của bài mạt chược rất nhiều, đã có kỹ xảo lại có may rủi, đó chính là chỗ hấp dẫn của nó. Vì mạt chược có sức hấp dẫn ấy nên lưu hành ra nước ngoài đến những năm hai mươi ba mươi của thế kỷ này đã lan tới Anh, Mỹ và Áo. Năm 1937, ở Mỹ còn lập ra Hội Liên hiệp Mạt chược toàn quốc (Toàn quốc Ma tương Liên hiệp hội), hoạt động đến nửa sau thế kỷ XX. Nước láng giềng phía Đông là Nhật Bản cũng có rất nhiều người thích chơi mạt chược, nên ở Tokyo, Kyoto đều có không ít các sòng mạt chược, thường rất đông khách.

15. Thăng quan đồ

Là một trò đánh bạc gieo xúc xắc đi quân, còn gọi là Bách quan trạch, cũng gọi là Tuyển quan đồ. Loại trò chơi dân gian này là "Kê khai các chức quan trên giấy, dùng xúc

xác gieo, tính điểm nhiều ít mà định thắng giáng"⁽⁴²⁾. Phàm ai đi quân tới chức quan cao nhất đầu tiên là thắng. Đồng thời trong quá trình gieo xúc xác nếu được điểm đặc biệt cũng có thể thắng, cách chơi cụ thể thì theo *Cốt tử tuyến cách tự* của Phòng Thiên Lý và *Hán quan nghi tuyến cách* của Lưu Phân là lúc chơi đầu tiên gieo xúc xác để quyết định chỗ khởi điểm và đường hoạn lộ, đường hoạn lộ chia làm hai loại Văn và Võ. Sau đó thay phiên gieo xúc xác (một lần gieo sáu hạt), gieo ra các "nước", rồi căn cứ vào điểm số mà đi quân trên bàn cờ giấy, từ chức Huyện úy thấp nhất bắt đầu tới chức Thị trung cao nhất thì thôi. Thông thường được bốn điểm là Đức, sáu điểm là Tài, hai điểm, ba điểm, năm điểm là Công, điểm yếu là Tang, gieo được các điểm Đức, Tài, Công thì có thể được thăng tiến khác nhau, nếu gieo phải điểm Tang thì bị giáng chức hoặc phải qua đường khác. Nếu phạm ba điểm Tang sẽ bị loại, kể như thua. Cho nên *Thăng quan đồ nhạc phủ* của tác giả khuyết danh thời Thanh nói "Nhất triều quan tước nhất trương chỉ, Khả hành tắc hành chỉ tắc chỉ. Luận tài luận đức cánh luận công, Đặc tiến siêu thăng tại bất đồng. Chỉ hữu tang tư đại can luật, Tái phạm tam phạm cục trung xuất. Phân phân tranh dục tố trung thần, Dương Tả Tôn Chu hữu kỷ nhân? Đương nhật trung thần bất tích mệnh, Kim nhật thăng quan hữu tiếp kính" (Quan chức cả triều một tấm giấy, Đi được thì đi nghỉ thì nghỉ, Bàn tài bàn đức lại bàn công, Đặc cách thăng quan vốn chẳng đồng. Chỉ có tham tang phạm pháp luật, Phạm đi phạm lại bị cách tuốt. Tranh nhau ra sức làm trung thần, Dương Tả Tôn Chu được mấy lần? Ngày xưa trung thần không tiếc mạng, Ngày nay lên chức có đường vòng)⁽⁴³⁾. Quan danh trong *Thăng quan đồ* thời Thanh đã sửa đổi, trong đó có chức Bút thiếp thức của người Mãn. Như gieo xúc xác được "thắng làm Quân cơ đại

(42) Triệu Dục, *Cải dư tòng khảo*, quyển 33

(43) Cổ Lục, *Thanh gia lục*, quyển 1, *Chính nguyệt*, *Thăng quan đồ*.

thần là thắng, mọi người bỏ tiền ra mừng"⁽⁴⁴⁾.

Loại cờ bạc này phát minh từ đời Đường gọi là Thái tuyển hoặc Cốt tử tuyển cách. Vương Phùng Nguyên trong *Thái tuyển thi* viết "Tốt vô cấp đệ hiệu, Đồ hữu cao nhân khí. Hôn hôn vong kỳ đại, Ưu ưu tranh kỳ tể" (Đến chết không thi đỗ, Trong bàn có chí cao. Chuyện lớn thì quên sạch, Danh nhỏ lại tranh nhau) đủ làm chứng cho thuyết ấy. Vương Ngự Dương thời Thanh cho rằng "Trò Thái tuyển bắt đầu có từ Lý Cáp thời Đường, Doãn Sư Lỗ thời Tống nối theo. Lưu Hán Phụ lại lấy quan chức thời Tây Hán phổ vào, lấy những lời ghi chép về việc thăng giáng trong bản truyện chú thích ở dưới. Anh ông ta là Nguyên Phụ thích thú bèn nối theo"⁽⁴⁵⁾. Trò Thăng quan đồ sau thời Tống vẫn thịnh hành không suy. Tưởng Xuân Lâm thời Thanh trong bài *Tuyển quan đồ* viết "Cận lai na tiện minh tâm đàm, Nhân loạn quan giai truất thiệp thư" (Gần đây không tiện bàn minh triết, Mất rồi quan hàm cuộc được thua)⁽⁴⁶⁾. Trong bài từ của Lê Phàn Tà cũng có câu "Tuyển quan đồ ngoại luận doanh thâu" (Ngoài sòng quan chức luận hơn thua), đủ thấy nó vẫn lưu truyền đến tận thời Thanh.

Ngoài ra, thời Tống còn xuất hiện Tuyển tiên đồ tương tự, sau đó còn phát triển thành Văn chức thăng quan đồ chuyên tuyển văn chức, Trung ninh thăng quan đồ chia rõ trung ninh, Tuyển Phật đồ vân vân. Thăng quan, lên tiên, thành Phật là những mục tiêu mà người đương thời hy vọng, loại cờ bạc này xuất hiện cũng phản ánh một trạng thái tâm lý xã hội nhất định.

Thăng quan đồ là một trò cờ bạc nhưng trong lịch sử quả có chuyện hoàng đế dùng cách thức cờ bạc để tuyển chọn quan lại. Vua Hưng tông nhà Liêu "cuối đời mỗi một, dùng

(44) Ưông Tăng Kỳ, *Côn Minh niên tục*, *Văn hối báo*, ngày 2. 7. 1993

(45) (46) Xem *Thanh gia lục*, *Chính nguyệt*.

người không thể tự chọn, bèn sai họ gieo xúc xắc, ai thắng thì giao cho chức quan"⁽⁴⁷⁾. Đó đúng là dùng xúc xắc để chọn quan, đủ thấy dưới thời phong kiến, có một số hoàng đế bất tài ngu muội tới mức nào.

16. Lăm thắng đồ

Là trò cờ bạc gieo xúc xắc định hơn thua do Cao Phi người Phúc Kiến thời Thanh phát minh, là chế tác trên cơ sở Thăng quan đồ. Lúc chơi, lấy sáu người làm hạn, căn cứ vào điểm xúc xắc gieo được mà chia ra làm sáu loại nhân vật văn nhân, đạo sĩ, kiếm hiệp, mỹ nhân, ngư phủ, thường dân. Sau đó thay phiên gieo xúc xắc, đi quân cờ trên bàn cờ giấy. Trên bàn cờ giấy vẽ các thắng cảnh, xuyên suốt thành đường đi, mọi người đều bắt đầu xuất phát từ Lao lao đình, nhưng điểm cuối cùng dừng chân đều khác nhau, văn nhân thì tới Doanh Châu, đạo sĩ thì tới Bồng Lai, kiếm hiệp thì tới Thanh Môn, mỹ nhân thì tới Thiên Thai, thường dân thì tới Ngũ Lão phong. Và lại yêu cầu của các địa điểm có khác nhau đối với mỗi loại nhân vật, như trên đường ruột dê ngoằn ngoèo khó đi, không cho nhẩy vọt qua, nhưng kiếm hiệp thì ngoại lệ. Các loại nhân vật đều có màu riêng của mình, nếu gieo được nước phù hợp thì có thưởng, bản sắc của ngư phủ là điểm yêu, gieo được điểm yêu thì được gieo thêm lần nữa. Lại như quân cờ đi tới điểm Mỗ, trên bàn cờ còn ghi rõ uống một chén rượu hoặc kể một chuyện vui. Trò Lăm thắng đồ so với các trò khác có phần văn nhã hơn chút ít, tính thú vị cũng cao hơn. Nhưng cũng có người lấy nó làm công cụ đánh bạc.

17. Trừ hồng phổ

Là một trò gieo xúc xắc. Xúc xắc là để gieo nên còn

(47) *Liêu sử, Gia Luật Nghiễm truyện.*

gọi là Đầu tử, cũng có khi gọi là Minh quỳnh, là phát triển từ chữ Quỳnh (ngọc đẹp). Xúc xắc tương truyền do Trần Tư vương Tào Thục nhà Ngụy phát minh, cũng có người cho là nảy sinh từ thời Tùy Đường. Xúc xắc có chế bằng gỗ, xương, đất nung. Đó là một hình lập phương, trên sáu mặt phân biệt khắc điểm từ một tới sáu. Có một số điểm xúc xắc dùng Hồng đầu (Tương tự tử) khảm vào nên Ôn Đình Quân có câu thơ "Linh lung cốt tử an hồng đầu, Nhập cốt tương tư tri dã vô" (Long lanh xúc xắc yên hồng đầu, Nhung nhớ ghi xương có biết chăng). Xúc xắc vốn chỉ có điểm một là màu đỏ, nhưng theo *Ngôn thanh*, "Đường Minh hoàng chơi xúc xắc với Dương Quý phi, đã sắp thua, chỉ điểm bốn mới cứu được, có một con xúc xắc cứ xoay tròn chưa dừng lại, vua liền tiếp quất tháo, quả nhiên ra điểm bốn. Vua mừng rỡ, ngoái lại ra lệnh cho Cao Lực Sĩ thưởng nó the đỏ"⁽⁴⁸⁾. Từ đó điểm bốn mới có màu đỏ.

Trừ hồng phổ, tục gọi là Trư oa, Trư bà long. Dương Duy Trinh cuối thời Nguyên cho rằng trò này do người thời Tống là Chu Hà phát minh ra, nên gọi là Chu hà. Chu người Hà Nam, theo nhà Tống dời xuống phương Nam, từng làm quan tới chức Thiên quan Trùng tể, vì Chu Hà gần âm với Trư oa, nên về sau ngoa truyền thành Trư oa. Nhưng thuyết ấy không đúng, vì Lý Thanh Chiếu trước thời Chu Hà trong *Đã mã đồ kinh* đã gọi trò gieo xúc xắc là Trư oa, lại nói cách gọi ấy "không thấy trong sử sách".

Cách chơi Trừ hồng như sau: gieo bốn hạt xúc xắc, ai gieo được bốn hạt cùng điểm gọi là Hồn hoa, có sáu loại, từng cặp thành đôi gọi là Diệp nhị, trong đó có năm loại Hồng diệp nhị có điểm bốn, mười loại Tố diệp nhị không có điểm bốn. Nếu gieo được một điểm bốn, thì chỉ kể điểm của ba hạt còn lại (gọi là Trừ hồng chính vì lẽ ấy), từ mười ba điểm trở

(48) *Cải dư tòng khảo*, quyển 33

lên được thưởng, gọi là Nước thưởng (Thưởng sắc), từ chín tới mười hai điểm gọi là Nước xấp xỉ (Trại sắc), phải tiến hành so tài với nhà dưới cũng gieo được Trại sắc, quyết định thưởng phạt. Phàm trong bốn hạt có một đôi ra điểm bốn, bỏ đi Hồng điệp nhì, Tiết tiết cao (hai điểm hồng thêm điểm năm, sáu) gọi là Cường hồng, gieo được điểm ấy là vô hiệu, phải để nhà dưới gieo. Ngược lại nếu không được điểm hồng thì ngoài Hồn hoa và Tổ điệp ra đều gọi là Nước tan tác (Tán sắc) cũng vô hiệu, bị cấm gieo một lần. Gieo được Thưởng sắc thì có quyền gieo lần nữa. Cách thưởng phạt như sau: Gieo được Hồn hoa, Điệp nhì và ba mặt hồng một mặt đen, hai mặt hồng một mặt năm một mặt sáu thì được thưởng từ ba tới mười thiếp. Gieo được Trại sắc thì nhà dưới phải ghi thiếp cho nhà trên, nếu nhà dưới gieo được Cường hồng hay Tán sắc thì vô hiệu, nhất định phải gieo được Phạt sắc hay Thưởng sắc mới thôi, gieo được kết quả thì nhà dưới vẫn thiếu nhà trên một thiếp, gọi là Đạp cước, nhà dưới phải phạt hai thiếp, gieo được Phạt sắc nếu từ ba điểm trở xuống thì ngoài số điểm của mình còn phải bị phạt một thiếp, nhà dưới cùng điểm số với nhà trên gọi là Can thượng, phải thưởng nhà dưới một thiếp. Nhà dưới nhiều hơn nhà trên một điểm gọi là Áp đảo, được thưởng hai thiếp, nếu gieo được Trại sắc nhiều hơn hai hoặc ba điểm thì chỉ được hưởng một thiếp, ít hơn hai hoặc ba điểm cũng chỉ phạt một thiếp. Phàm thiếp thưởng đều do Công thiếp (do người tham gia cử ra) chỉ ra, gieo được Trại sắc thì tiền thưởng do người thua trả.

Trò Trừ hồng được đơn giản hóa, chỉ dùng ba hạt xúc xắc gọi là Tam tử (còn gọi là Hoạt cốt), lấy ba hạt có điểm số giống nhau là lớn nhất, kể là Đại thuận (bốn, năm, sáu), Hoa thuận (ba, bốn, năm), trở lên là Thưởng sắc. Nếu ra Yêu nhị tam, Nhị tam tứ, Đối tử, Đối Yêu là Phạt sắc. Trò này rất lưu hành trong các tầng lớp dưới.

III. Loại cờ bạc suy đoán

Loại cờ bạc suy đoán bắt đầu từ việc đoán vật giấu, đặc điểm là phải kinh qua suy đoán người trúng mới được thưởng, người đoán không trúng thì thua. Bên cạnh đó còn chia làm hai loại lớn: một loại như Cốt bảo, Dao nan, Ấp bảo, Vi tính, Hoa hội, Bạch cấp phiếu thì toàn dựa vào may rủi, kết quả không thể đoán được, trong đó đơn giản nhất là Trừu thiêm, rút bài là có thể quyết định thắng phụ lập tức. Còn một loại như Xạ phúc, Đãng mê, Xao thi báo lại có thể chia làm hai bộ phận Trên mặt (Diện nhi) và Dưới đáy (Đê nhi), từ cái đã biết trên mặt mà suy đoán ra cái chưa biết dưới đáy, cũng là từ cái đã biết suy đoán ra cái chưa biết, điều này yêu cầu người suy đoán phải có trình độ văn hóa và năng lực phán đoán suy lý nhất định.

1. Cốt bảo

Trò Cốt bảo xuất hiện hơi muộn hơn so với Bài cầu, có thể dùng một hoặc hai hạt xúc xắc gieo để tính điểm, căn cứ theo đó mà đặt bạc. Hiện nay thì trò Cốt bảo dùng ba hạt xúc xắc bỏ lên đĩa, dùng chén úp lại, không cho ai thấy, trên bàn Cốt bảo có một tấm vải vẽ các đồ án hoa văn, dùng để đặt bạc. Cách đặt bạc có nhiều lối, một là chia làm hai cửa tài xỉu (Đại tiểu - lớn nhỏ). Quy định lắc được từ 4 tới 10 điểm là xỉu, 11 điểm tới 18 điểm là tài. Sau khi đặt bạc, nhà cái sẽ lắc xúc xắc, xem điểm số của ba hạt xúc xắc mà quyết định hơn thua. Nếu mở ra là tài, thì nhà cái sẽ ăn tất cả tiền đặt ở cửa xỉu mà theo một tỷ lệ nhất định trả cho người đặt ở cửa tài. Nếu mở ra ba hạt cùng điểm thì gọi là Toàn cốt, bất kể tài hay xỉu nhà cái cũng ăn tất.

Hai là chia làm 16 cửa đặt bạc. Vì điểm số của ba hạt xúc xắc nhỏ nhất là ba mặt Yêu tổng cộng 3 điểm, lớn nhất là ba mặt Lục tổng cộng 18 điểm, tức 16 kiểu tổ hợp từ 3 tới

18 điểm. Khách chơi theo các tổ hợp ấy đặt bạc, như đặt ở điểm 8, mở ra mà ba hạt xúc xắc đúng là 8 điểm thì nhà cái phải trả theo tỷ lệ cao nhất. Đồng thời đối với những người đặt không trúng, nhà cái cũng không hề khách khí ăn vào.

Ba là lấy ngay điểm số của xúc xắc mà đặt bạc. Như trong ba hạt xúc xắc có một hạt đúng số anh đặt thì đặt một thắng một, trong ba hạt có hai đúng số anh đặt thì đặt một thắng hai, trúng cả ba hạt thì đặt một thắng ba.

Còn có một cách là xuất phát từ lối gieo xúc xắc. Đem điểm của ba hạt trừ đi bốn, số còn lại phù hợp với điểm số đặt bạc. Ví dụ tổng số của ba hạt là 10 điểm trừ 4 còn thừa 2, thì kể như là "mở hai", người đặt số 2 thắng.

Sau cùng là dùng phương thức của bài cầu đánh bạc, ba hạt xúc xắc có thể phối hợp thành các hình thức của bài Thiên cầu, căn cứ vào quy định của bài cầu mà tính hơn thua. Gieo xúc xắc có nhiều cách thức phong phú đa dạng mà đơn giản dễ làm nên thịnh hành trong một thời gian dài, đến nay vẫn chưa tuyệt tích trong các sòng bạc ở một dải Hương Cảng Áo Môn.

2. Nan phiến

Vốn tên "Yêm tiền", có rất nhiều tên gọi khác như Quỷ ước, Xạ ước, Xạ lâu, Diệt thành, Nan bộ, Diên tiền vân vân. Trò này đã thịnh hành từ thời Hán, gọi là "Ý tiền". Theo truyền thuyết thì Lương Ký thời Đông Hán đã chơi trò này. Cung phi thời Đường cũng có "Trò ném tiền vàng làm vui" ⁽⁴⁹⁾ được sử sách ghi chép. Lý Văn Ủy thời Nguyên trong vở tạp kịch *Yến Thanh bác ngư* càng miêu tả cụ thể hơn về quá trình dùng việc lắc tiền cờ bạc. Truyền đến cuối thời Thanh thì sòng bạc san sát như rừng, người tham gia đông

(49) Vương Nhân Dụ, *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự*, quyển thượng.

nghet. Lắc tiền có các loại cách thức, nhưng nguyên tắc chung là tùy ý nắm lấy một nắm tiền đồng, dùng vật che lại, bảo người ta đoán số mục, hoặc trực tiếp ném tiền, xem sắp hay ngửa mà quyết định hơn thua.

Cách chơi cuối thời Thanh như sau, do chủ sòng làm nhà cái, lúc chơi nhà cái nắm lên một nắm "Nan tử" (dùng tiền kim loại hoặc vật khác có hình tròn, cũng có thể dùng thẻ tre ngắn nhỏ làm thành), dùng một cái chén hoặc vật khác mau lẹ úp lên, không cho người ta biết số lượng bên trong là bao nhiêu, đợi các con bạc đặt tiền xong, thì sẽ "Mở nan". Kế đó bỏ từng nhóm bốn hạt "Nan tử" ra, còn thừa một hạt gọi là Một nan, ngoài ra còn thừa hai, ba hay bốn hạt. Nếu đặt đúng cửa ấy thì đặt một thắng ba, được trả chín phần (sòng thu một phần làm tiền hồ), gọi là "Phiên". Nếu đặt hai cửa mà trúng một cửa cũng tính là thắng, đặt một thắng một, được trả chín phần, đó gọi là "Giác". Nếu đặt ba cửa trúng một cửa cũng có thể thắng, hai cửa còn lại tính là hòa, gọi là "Chính", cũng đặt một thắng một, được trả chín phần, ví dụ người đặt vào cửa 1, mở ra là 1 thì kể là trúng, nếu mở cửa 2, cửa 4 tính là hòa, mở cửa 3 là thua.

Còn có một cách gọi là "Kim tiền nan" (còn gọi là Bách tử nan, Đơn song bảo), là một biến thể của trò Nan tiền. Chính là đem 100 đồng tiền bỏ vào bao, dùng tay tùy tiện bốc ra một nắm thả lên bàn, mau lẹ dùng chén trà úp lên, đợi mọi người đặt tiền xong sẽ mở ra. Cứ năm hạt là một nhóm, còn thừa một hạt, ba hạt gọi là Đơn bảo, thừa hai hạt, bốn hạt là Song bảo, ai đặt trúng thì thắng.

Lối trực tiếp gieo tiền thì có thể dùng từ một tới tám đồng tiền để chơi. Dùng ba đồng gọi là Tam tinh, bốn đồng gọi là Nan, sáu đồng gọi là Lục thành, tám đồng gọi là Bát thành. Tiền có mặt phải có chữ và mặt trái. Cách gieo tiền là dùng một hay vài đồng tiền tung lên, căn cứ vào các mặt sắp ngửa nhiều ít mà tính hơn thua. Phàm gieo được tất cả các

đồng tiền đều sắp hoặc ngựa gọi là Hồn độn, gọi tắt là Thanh, có thể thắng ở mức cao nhất.

Trong lối Nan tiền còn có một loại gọi là Đổ bối tự, so với lối trên hơi khác, là hai người mỗi người đưa ra một đồng tiền nhập lại thay phiên gieo, nếu được một đồng sắp một đồng ngựa thì không tính, phải gieo lại, nếu được hai mặt ngựa thì tính là thắng, hai mặt sắp thì tính là thua⁽⁵⁰⁾.

3. Áp bảo

Trò Áp bảo hưng thịnh vào khoảng thời nhà Thanh, đến đầu thời Dân quốc thì rất thịnh hành. Người viết còn nhớ lúc nhỏ nghe các bậc phụ lão nói, vào khoảng các năm 20 - 30 của thế kỷ này, trò Áp bảo thâm nhập rất sâu vào các vùng nông thôn thị trấn. Cách chơi Áp bảo có nhiều loại, một loại là đặt chế tiền (do Cục Hậu quan đời Hồng Vũ nhà Minh đúc, là tiền có quy định kiểu thức hình dáng) vào chậu, "chia làm Thanh long, Bạch hổ, trước sau bốn cửa, ai đặt vào cửa nào có chữ thì thắng"⁽⁵¹⁾.

Một lối khác là dùng ván gỗ mỏng khắc thành bốn điểm, trong đó điểm yêu, điểm bốn màu hồng, điểm hai, điểm ba màu đen. Lúc đánh bạc thì tùy ý đặt một mảnh ván vào hộp, nhưng không cho con bạc nhìn thấy. Con bạc tham gia tùy theo điểm số lớn nhỏ hay mặt đỏ mặt đen mà đặt tiền, nếu đặt trúng, thì có thể thắng được ba bốn lần.

Lại một cách khác gọi là Áp xoa, là dùng hai đồng tiền xoay thật mau, sau đó mau lẹ dùng chén hoặc tay úp lên. Con bạc có thể đặt cả hai đồng đều sắp, cũng có thể đặt cả hai đồng ngựa hoặc một sắp một ngựa, gọi là Nghĩa nhị. Nghĩa nhị còn gọi là xoa, "trong đó một đồng hơi đỏ, màu đỏ

(50) Ma Quốc Quân, *Trung Hoa truyền thuyết du hí đại toàn*, tr. 27

(51) *Mục trư nhân thoại*

là dương gọi là tiền xoa, được mặt sấp gọi là hậu xoa⁽⁵²⁾, đặt trúng là thắng.

Áp bảo và Nan tiên đại đồng tiểu di, nên cũng có người gọi Nan tiên là Áp bảo.

4. Vi tính

Là một loại cờ bạc suy đoán có quan hệ với chế độ khoa cử rất phổ biến ở một dải Lương Quảng thời Thanh. Cái gọi là Vi, là danh từ khoa cử. Thời Minh Thanh việc khoa cử khảo thí được phân cấp tiến hành, tỉnh khảo (Thi hương) vào mùa thu, gọi là Thu vi, lên kinh thi hội vào mùa xuân, gọi là Xuân vi. Cờ bạc vi tính tương truyền là vào khoảng trước sau năm Quang Tự thứ sáu (1880) do Lưu Học Tuấn người Hàng Châu phát minh ra lúc lên Bắc Kinh thi hội. Một thuyết khác nói là khởi nguyên từ trò Đố màu (Đấu thái) ở thôn Sơn Tử⁽⁵³⁾. Trong hai thuyết này thì thuyết sau đúng hơn, vì Vi tính đã thịnh hành từ đời Hàm Phong. Nó là thu thập tên họ những người thi đậu Tú tài hoặc Cử nhân, viết lên trên giấy, sau đó bảo mọi người đánh dấu hay điền vào (chỉ cần nộp một số tiền nhất định là có thể nhận được loại giấy ấy), đoán xem ai thi đậu hoặc chỉ đoán khoa này họ nào đậu Trạng nguyên. Cách thức mở thưởng là theo bảng báo danh khoa thi hội ở kinh hay thi hương ở tỉnh, ai trúng sẽ được thưởng. Trương, Vương, Lý, Triệu là những họ lớn, xác suất trúng rất cao, nên tiền thưởng ít. Ngược lại một số họ ít thấy, số người đậu Cử nhân Tú tài rất ít, xác suất rất thấp, thì tiền thắng lại cao. Trò cờ bạc này rộ lên âm ỉ một dạo, rồi sau đó theo với việc khoa cử khảo thí bị phế bỏ mà tự nhiên mất tích.

Vì nó lấy việc khoa cử khảo thí thiêng liêng làm nội

(52) Thanh bị loại sao, Đố bác loại

(53) Thanh mặt Lương Quảng địa khu dịch "Vi tính", Lịch sử đại quan viên, số 11, 1992

dụng cờ bạc, cho rằng việc mở thường là căn cứ vào sự khảo thí của quan lại, không giống như những trò cờ bạc khác dễ gian lận, vả lại loại hoạt động này tựa hồ có một mặt cao nhã, vì thế người mắc câu rất nhiều. Thật ra vì tính cũng như các trò cờ bạc khác, cũng có thể gian lận. Còn như cách thức gian lận thế nào sẽ nói rõ ở chương 5.

5. Hoa hội

Hoa hội còn gọi là Tự hoa. Theo truyền thuyết là bắt nguồn từ Hoàng Nham ở Chiết Giang trong niên hiệu Đạo Quang, sau đó truyền tới Quảng Đông Phúc Kiến, lại lan ra một dải Thượng Hải, Giang Chiết. Ở Hương Cảng từng có hình thức Hoa hội bán công khai, đến 1877 mới tuyệt tích. Hoa hội ở Thượng Hải mở ra năm 1900, một đạo thiết lập trong Mãnh Tướng đường, thời kỳ toàn thịnh là từ 1924 đến 1930, trong thời gian đó người chủ trì mở ống Hoa hội là Trương Hàm Sinh (Hoạt chủ ba Hàm Sinh), về sau Trương Hàm Sinh bị mù thì do Lư Văn Anh (nữ lưu manh, còn gọi là Lão Thất) và Tiền Tông Phạm hai người giúp đỡ⁽⁵⁴⁾. Năm 1932 Hoa hội Mãnh Tướng đường bị cấm, Hoa hội ở Thượng Hải dần dần suy giảm, nhưng hoàn toàn không thể cấm tuyệt. Tổ chức Hoa hội gọi là Tự hoa xưởng, tất cả do các nhân viên Hộ gián, Khai gián, Hạch toán, Tả phiêu, Thu dương, Tuần phong, Kê ca tổ chức thành, có từ 35 người đến hàng trăm người khác nhau.

Cách cờ bạc Hoa hội là công bố 36 tên người xưa (có Hoa hội mở 34. Những người này trong lịch sử hoàn toàn không có thật, đều là tự ý đặt ra), sau đó do những người tham gia chỉ ra một hoặc vài tên người mà đặt bạc, viết rõ dán kín lại giao cho bên xưởng. Hoa hội Phúc Kiến quy định, người tham gia "viết lên hai tờ giấy, một tờ gửi cho xưởng,

(54) *Cựu Thượng Hải đích yên đồ xưởng*, tr. 78

gọi là Tiến ba, cũng gọi là Tiến phong. Còn một tờ thì người chơi giữ, để chờ lúc mở số, là biên nhận tiền, còn có tên là Đối ba. Mà người bên xướng lúc Thu ba lại bí mật mở ra, đóng dấu lên đó, giao cho người đánh để làm bằng chứng Đối ba về sau"⁽⁵⁵⁾. Sau khi bên xướng mở ống, nếu ai đoán trúng một tên người thì có thể thắng gấp 30 lần số tiền đặt bạc, nếu đoán không trúng thì thua tất cả tiền đặt bạc. Vì tên người khó nhớ, nên Hoa hội lại phối hợp thêm một lá bài Quạt hoa dưới hình vẽ người ấy, như lá Thiên bài phối hợp với Từ Nguyên Quý, Địa bài phối hợp với Trần Cát Phẩm vân vân, con bạc chỉ cần đặt tiền theo hình vẽ là được. Vì lý do ấy nên loại cờ bạc này được gọi là Hoa hội hay Đả hoa hội. Về sau để thu hút phụ nữ tham gia, lại đổi hình vẽ trên lá bài thành hình động vật, như Lâm Thái Bình là tinh con rồng, Trần Phùng Xuân là tinh con hạc, Từ Nguyên Quý là tinh con tôm⁽⁵⁶⁾.

Cờ bạc Hoa hội tục gọi là Sao gia đồ hoặc Gia thường đồ vì một số địa phương đặt sòng bạc rộng vài mươi dặm, bất kể trai gái già trẻ, cơ hồ có bảy tám mươi phần trăm số người tham gia, giống như ăn cơm bình thường ở nhà, nên có tên ấy. Vì người tham gia rất nhiều, nên ngoài Đại giản mở thưởng, còn đặt ra Thính giản (Phân giản) ở các nơi, về cách đánh bạc ở Thính giản cũng giống hệt như Đại giản, có điều nơi đó không tự mở số, chỉ theo số của Đại giản mở mà thôi. Tất cả phụ thuộc vào số của Đại giản mở, có tới hơn vài mươi chỗ. Trong cờ bạc Hoa hội, người tiêu thụ Hoa phiếu gọi là Hàng thuyền (ở Thiên Tân gọi là Bao phong), tất cả nam Hàng thuyền chuyên liên hệ với các thương gia nhỏ, nữ Hàng thuyền chuyên liên hệ với các phụ nữ thất học. Người báo tin sau khi mở số gọi là Khoái mã. Khách chơi đều phải cấp cho Hàng thuyền và Khoái mã một số tiền thù lao nhất định. Vì

(55) Thanh bị loại sao, Đồ bạc loại.

(56) Cựu Thượng Hải dịch yên đồ xướng, tr. 128

cách đánh bạc ấy không hạn chế số tiền đánh bạc, cách đặt bạc linh hoạt, vả lại có thể còn ủy nhiệm người phụ trách Hoa hội thu xếp, tức gián tiếp đánh bạc, thủ tục đơn giản tiện lợi, lại thêm Hoa hội mỗi ngày chỉ mở một lần, không phải đánh bạc liên tiếp, nên rất nhiều người vui thích vào đó không biết mỗi mết, nhưng tính chất nguy hại của nó lại không thể coi thường.

Thời gian kéo dài, tiền đặt bạc càng sẽ càng lúc càng nhiều, một số khách tham gia cờ bạc cũng sẽ vì thế mà táng gia bại sản. Có một số phụ nữ thất học vì muốn đánh trúng, mong cầu thần thánh khai thị, đi khắp nơi cầu thần lạy Phật, lại tới cả những tượng Ông Trọng, thú vật, ngựa đá ở nơi đồng trống hoang vu mà lễ bái, thậm chí ban đêm ngủ lại chỗ mồ hoang, hoặc đặt đầu lâu bên cạnh nằm ngủ, mục đích là để được thần thánh khai thị cho trong giấc mộng. Nhưng có cầu thần cũng chỉ vô ích, không biết bao nhiêu người đã thua! Vào những năm 30 của thế kỷ này ở vùng Lê huyện Hà Bắc lưu hành lối cờ bạc Hoa hội, "Người bị tập nhiễm khuynh gia bại sản, sa đọa thất tiết, không gì không làm"⁽⁵⁷⁾. Vì thế tác giả *Loan huyện chí* coi Hoa hội như moocphin, heroin làm thành ba nguồn độc lớn làm hại xã hội. Ở khu vực Triều Xuyên có bài thơ châm biếm Hoa hội vạch rõ ra rằng "Nhất tiền chi lợi thập bồi tam, Hảo hảo thiết nhi ngu phu tham, Nhất nhân ngẫu đắc chúng nhân mộ, Khanh tận Trường Bình na phục ngộ!" (Một đồng mà trúng tới ba mươi, Khéo thả mỗi câu dụ dỗ người, Một người may trúng nhiều người mộ, Chôn sống Trường Bình chưa tỉnh ngộ!)⁽⁵⁸⁾, miêu tả sự nguy hại của Hoa hội cũng tàn khốc như việc tướng Tần Bạch Khởi chôn sống bốn mươi vạn quân Triệu ở Trường Bình thời Chiến quốc, người tham gia Hoa hội cũng như kẻ tự tìm cái chết. Đủ thấy Hoa hội gây hại rất lớn.

(57) *Trung Quốc địa phương chí dân tục tư liệu hồi biên, Hoa Bắc quyển*, tr. 272,

6. Bạch cáp phiếu

Bạch cáp phiếu, còn gọi là Bật cáp phiếu là một lối đánh bạc lưu hành trong dân gian vùng Quảng Đông thời Thanh. Người chủ Bạch cáp phiếu dùng hai mươi câu trong *Thiên tự văn* (cộng 80 chữ) để đoán, mỗi ngày rút trong 80 chữ ấy ra 20 chữ giấu kín cho người ta đoán, nếu trúng 10 chữ thì có thể thắng gấp một trăm lần tiền đặt bạc, từ 9 chữ trở xuống thì tiền thắng giảm dần theo thứ tự, tới 4 chữ là thua. Tiền đặt bạc lấy phiếu làm đơn vị, cứ 2 đồng 8 hào là một phiếu. Khách chơi đánh nhiều hay ít không hạn chế. Tại sao gọi là Bạch cáp (Bỏ câu trắng)? "Phàm chim thì con trống đập con mái, nhưng bỏ câu thì con mái đập con trống, mà tính thích có đôi, lấy 80 chữ làm con mái, mà 10 chữ làm con trống, rất dễ thành đôi. Ý nghĩa đại khái là theo đó" ⁽⁵⁹⁾. Loại Bạch cáp phiếu này là "xảo thuật kiếm tiền" của một số lưu manh cờ bạc, nếu ham mê không tỉnh ngộ, có thể khiến "kề ngu mất nghiệp, người trí nhọc thần" ⁽⁶⁰⁾.

Về sau hình thức vé số thời cận đại hưng khởi, có chỗ tương tự Bạch cáp phiếu, nên cũng có người gọi Thái phiếu (vé số) là Bạch cáp phiếu.

7. Sơn phiếu

Là một loại Thái phiếu cũ, tương tự Bạch cáp phiếu, cũng nảy sinh vào cuối thời Thanh. Phiếu xưởng kinh doanh trò cờ bạc này lấy 120 chữ trong *Thiên tự văn* cho người ta đoán mà mua số. Khách chơi dùng 0,15 đồng mua một phiếu, có thể chọn 15 trong 120 chữ. Nếu sau khi mở thưởng trúng được 11 chữ trở lên thì có thể được thưởng. Khách chơi mua phiếu không nhất định phải tới Phiếu xưởng mà có thể do Đối gia chuyên mua Sơn phiếu mua giúp. Phiếu gồm một tờ

(58) (59) (60) *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí*, thiên hạ, quyển 7, Quảng Đông.

bốn liên, có ghi số hiệu, liên 1 giao cho người mua để làm chứng cứ lãnh thưởng. Mỗi tháng Sơn phiếu mở thưởng vào các ngày 2, 12, 22, cả năm tổng cộng mở 36 lần.

Mở thưởng dùng lối "quay lồng cầu". Phiếu xổng chuẩn bị sẵn hai lồng cầu to bằng nhau, cái thứ nhất đựng 120 quả cầu không tô màu, trên khắc một chữ trong *Thiên tự vận*, cái thứ hai đựng 90 quả cầu sơn trắng và 30 quả cầu sơn đỏ là những số thắng. Sau đó đặt hai lồng cầu cạnh hai cái ống tròn, kẻ đó chia nhau quay hai lồng cầu, nếu lần đầu lồng cầu bên phải ra quả cầu có chữ Hoàng trong câu "Thiên địa huyền hoàng", bên phải ra một quả cầu đỏ thì chữ hoàng được tính là trúng. Nếu bên phải ra một quả cầu trắng thì chữ Hoàng kể như không trúng, quay đủ 120 lần sẽ ra hết 30 chữ trúng thưởng.

Sơn phiếu lấy 65% thu nhập để trả thưởng, trong đó giải nhất 60%, giải nhì 25%, giải ba 15%. Ví dụ bán phiếu thu được tất cả 20.000 đồng thì tiền thưởng là 13.000. Giải nhất được thưởng 7.800, giải nhì được thưởng 3.250, giải ba được thưởng 1.950, mà số còn thừa là 7.000, trừ thuế cờ bạc và các chi phí khác thì đều thuộc về chủ Phiếu xổng.

8. Phổ phiếu

Phổ phiếu là loại vé số cờ bạc dân gian có thưởng đặt ra để thu tiền đắp đê chống lũ, thịnh hành ở một dải Quảng Đông cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc. Trong niên hiệu Quang Tự, hai huyện Nam Hải, Thuận Đức tỉnh Quảng Đông để lo kinh phí đắp đê, trước tiên hỏi vay 1.200 lượng bạc của 120 thương hộ (mỗi hộ 10 lượng), để trả món nợ ấy chính quyền đặc biệt phát ra một loại vé thưởng, trên vé in tên các thương hộ để tuyên dương nghĩa cử nhiệt tâm vì việc công của họ, loại phiếu thưởng ấy gọi là Phổ phiếu.

Một tờ Phổ phiếu có giá một lượng hoặc nửa lượng. Người mua phiếu theo danh sách các thương hộ in trong

phiếu, tùy ý chọn ra mười chữ làm một dòng, được 1.000 đồng là một quyển.

Phổ phiếu mỗi tháng mở thưởng một lần, mỗi lần ra 12 chữ. Việc mở số là theo lối quay lồng cầu, thường tiến hành ở miếu thờ thần. Trước tiên do nhân viên Phổ phiếu ném ra ba ký hiệu, cho người ta tranh cướp, người nào cướp được sẽ trở thành người chủ trì việc quay số: một người phụ trách ném chén, một người phụ trách nhặt chén, một người xướng lên. Sau đó do người ném chén cầm hai chiếc chén giống nhau ném lên không (phải tới một độ cao nhất định), khi chén rơi xuống, do người nhặt chén nhặt lên. Nếu một chén lật miệng lên, một chén úp xuống gọi là thắng bôi, hai chén đều ngửa miệng lên gọi là dương bôi, hai chén cùng úp xuống gọi là âm bôi. Tiếp đó căn cứ vào tình hình ném chén mà xướng "thắng bôi", "dương bôi" hoặc "âm bôi". Phạm được thắng bôi, lập tức ghi lại, nếu kế đó lại được thắng bôi thì ghi tiếp, đến khi nào ném được dương bôi, âm bôi thì thôi, rồi đem những chữ "thắng" thêm vào, ra một số thắng bôi. Kế đó xướng chữ thứ hai cứ thế suy ra cho tới chữ cuối cùng trong phiếu, sau cùng xem tới các chữ thắng bôi, tối đa là 12 chữ, 12 chữ này là ký hiệu trúng thưởng (Người Quảng Đông gọi là Phiếu mẫu). Dĩ nhiên người trúng nhiều chữ nhất được giải nhất, kế đó là giải hai, giải ba, tiền thưởng gồm 60% tiền bán vé, ngoài ra 30% làm tiền đắp đê, 10% dùng để thù lao cho nhân viên. Cùng giải thì cùng nhận tiền như nhau, ví dụ ba người đều trúng giải nhất, thì tiền thưởng được chia đều cho ba người.

Về sau, để trừ tính kinh phí bảo vệ bờ biển, một số thương nhân cờ bạc tổ chức ra hai loại Phiếu xướng Xương hưng, Phát tài, bao thầu trò cờ bạc Phổ phiếu. Họ bỏ đi tên các thương hộ in trên phiếu mà dùng 120 chữ do mình viết ra làm phiếu tử, mua một phiếu có thể trúng 10 trong 120 chữ. Giá Phổ phiếu chia làm năm loại 10 đồng, 5 đồng, 2 đồng, 1

đồng, 5 hào, mỗi 1.000 phiếu đóng thành một quyển, trích 70% tiền bán phiếu làm tiền thưởng. Vào thời Dân quốc, có một đạo Phố phiếu bị cấm. Đến 1913, họ đổi Phố phiếu thành "Hữu tướng nghĩa hội" (Nghĩa hội có thưởng), tiếp tục đánh bạc, cách đánh cũng đổi thành quay lồng cầu như Sơn phiếu.

9. Xao thi bảo

Còn gọi là Áp thi bảo, Xai thi mê, do trò Xạ phúc phát triển mà thành, thịnh hành vào cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc. Cách chơi là giấu đi một chữ trong câu thơ, để mọi người suy nghĩ cẩn thận, chọn chữ thích hợp điền vào, sau cùng đối chiếu với chữ gốc, trúng thì thắng, không trúng thì thua. Loại cờ bạc này phải hao phí tinh thần suy nghĩ, nên gọi là Xao thi.

Cách chơi cụ thể là dùng một mảnh giấy dài bốn năm tấc, chép ra một câu thơ ngũ ngôn hay thất ngôn, trong câu thơ ấy giấu đi một chữ, viết chữ ấy ở cuối tờ giấy cho vào phong bì dán lại. Lại ghi bốn chữ phù hợp với ý tứ câu thơ, thêm chữ cho vào phong bì, dán ở thư phòng, bảo người ta đoán. Như câu "Nhất nhật chu hành X bách hồi" (Một ngày thuyền lướt X trăm hồi), bên cạnh chú năm chữ "tam, ngũ, kỷ, cửu, nhị" (ba, năm, mấy, chín, hai), đổ chữ thứ ba. Ngoài ra đặt một tờ giấy vuông trên bàn tên tờ giấy vẽ thành năm đường, mỗi đường đại biểu một chữ, người tham gia đặt tiền lên đường ấy. Sau cùng mở phong bì ra, phạm người đoán trúng đặt 1 đồng được thưởng 3 đồng. Như câu thơ nói trên thì đặt vào đường thứ ba là thắng. Loại cờ bạc này rất dễ khiến người tham gia mắc câu, vì chữ nào trong năm chữ cũng rất không phù hợp, nhất là chữ bị giấu trong câu thơ. Nếu xảy ra tranh chấp, nhà cái sẽ rút ra tập thơ ngẫu tạo biện bác với anh, nên người chơi chỉ đành nhận thua.

Loại cờ bạc này ăn thua không lớn, lại hàm chứa sự phong nhã, nên người tham gia rất đông, đặc biệt thịnh

hành ở Thượng Hải từ 1923 đến 1925. Lúc bắt đầu, các nơi giải trí như Đại Thế giới, Tân Thế giới, Tiểu Thế giới, Thiên vận lâu đều đặt ra một số chỗ thả thơ, làm một thủ đoạn mời gọi khách khứa. Khách mua thẻ vào đó, người đoán trúng có thể được thưởng một số hiện vật. Như trong Đại Thế giới có tới hơn 40 chỗ thả thơ, nếu khách đoán trúng có thể nhận được thuốc lá thơm Tư lệnh, Gia lực khắc. Và lại bất kể thua hay thắng cũng được một tấm vé vào cửa, hoan nghênh anh ngày mai trở lại. Vì thế chỗ thả thơ đặc biệt náo nhiệt, ngay đại văn hào Quách Mạt Nhược cũng dặt một đám bạn bè tới đó thả thơ⁽⁶¹⁾. Như thế không những bản thân chỗ thả thơ thu được không ít tiền, mà còn đẩy mạnh sự "hung long thịnh vượng" của Đại Thế giới.

Vì trò thả thơ có sức thu hút lớn, nên về sau phát triển thành trò cờ bạc chính thức. Trên các đường Quảng Tây, Tây Tạng và Cửu Giang ở Thượng Hải chuyên đặt sòng bạc Đả thi bảo, trong sòng còn có chiếu dãi rượu và thuốc phiện. Có lúc một số con bạc thi bảo để đặt bữa một ván còn mạo hiểm Ăn cả (Ngất chú), tức ai thấy được đúng đặt vào chữ nào là thắng, bèn khua hết tiền đặt bạc của mọi người đặt vào cửa của mình. Nếu trúng chủ sòng phải trả y gấp ba, nếu không trúng người ấy cũng phải trả gấp ba. Thả thơ từng lan ra các nơi, sòng thả thơ ở Nam Kinh đặt trong miếu Khổng Tử, đến sau những năm 20 của thế kỷ này mới dần dần suy giảm. Ở Thương Châu từ năm Quang Tự thứ 1 đã thịnh hành trò này, "Mỗi khi đến kỳ thi, thì sòng thả thơ đầy rẫy khắp nơi"⁽⁶²⁾. Đến 1933, mỗi khi gặp "năm hết tết đến, người mở sòng vẫn còn nhiều".

(61) Long Tế Dân, "Đại Thế giới" sáng biện nhân Hoàng Sở Cửu (Hoàng Sở Cửu, người sáng lập "Đại Thế giới"), *Thượng Hải than* (bản tinh tuyển).

(62) *Trung Quốc địa phương chí dân tục tư liệu hồi biên*, Hoa Bắc quyển, tr. 374,

10. Tự bảo

Tự bảo bắt nguồn từ trò đánh đố. Đánh đố là ám thị sự vật hoặc văn tự, qua quá trình suy đoán mà biết được. Hoạt động đánh đố này sinh từ rất lâu, câu dân ca thời Thương "Nữ thừa khuông, vô thực, sĩ cát dương, vô huyết" (Phụ nữ cầm giỏ không có quả, đàn ông cát dê không có máu) chính là dùng lối ẩn ngữ để vịnh xướng tình hình nam nữ cùng cát lông dê.

Trò cờ bạc Đánh đố ở Trung Quốc còn gọi là Đẳng mê (một tên khác là Đẳng hồ), vì treo cạnh lồng đèn nên gọi như thế. Đẳng mê cũng khó đoán như bắn cọp, vì thế còn nảy sinh những tên gọi như Đả đẳng hồ nhi (Đánh cọp đèn), Xạ đẳng hồ nhi (Bắn cọp đèn). Lại vì lúc Đả đẳng mê, đầu người lắc lư, đứng dưới ngọn đèn bàn bạc thương lượng về câu giải đáp nên cũng gọi là Thương mê. Hình thức Đả đẳng mê dấy lên từ thời Tống tất cả đều là trò chơi tổ chức vào ngày rằm tháng giêng.

Từ thời Minh trở đi, Đẳng mê xuất hiện nhiều hình thức, đây nêu vài ví dụ: Hội ý. Đây là lối phổ thông nhất, chỉ cần hiểu ý là có thể đoán được, như câu "Lãnh đạo ngạch thương thiên xu văn" (Trên trán lãnh đạo thêm nếp nhăn), đố một thành ngữ, lời giải là "Đầu đầu thị đạo" (Trên đầu là đường). Chiết tự, tức chiết tự một chữ làm câu đố, như "Hạng Vũ tự vẫn" đố một chữ, lời giải là "Thủy" (trong Hán tự chữ *thủy* có thể chiết tự thành hai chữ *Vũ* + *tốt* (chết), phù hợp với nghĩa Hạng Vũ tự vẫn). Quyển liêm, lúc đoán yêu cầu phải đọc câu đố từ phía dưới, ý tứ là thêm phần đánh đố, như câu "Duy diệu duy tiêu", đố một địa danh, lời giải là "Chân Như" (Chân Như đọc ngược là Như Chân). Đối ngẫu, yêu cầu lời giải không dưới hai chữ, phải thành đôi thành cặp, phối hợp mật thiết với câu đố. Như câu đố là "Hồng nhật", đố một địa danh, lời giải là "Đan Dương". Hải thanh, yêu cầu hiểu ý mà hòa hợp về thanh điệu, như "Tây Thi trứ mi" (Tây thi

cau may), đổ một tên hoa, lời giải là "Mỹ nhân tiêu", ngoài ra còn có các lối Giải đối, Hệ linh, Hà tu, Từ phi vân vân.

Bắt đầu từ thời Tống đã có người lấy Đả mê làm một hoạt động cờ bạc, thời Tống có nhiều nghệ nhân lấy Thương mê để sinh sống, ngoài việc giúp người ta đặt ra câu đố còn kiêm làm việc cờ bạc. Trần Đại Thành cuối thời Minh đầu thời Thanh trong vở *Xuân đăng mê* nói lúc dự hội đêm rằm tháng giêng ở miếu Hoàng Lăng tại Tương hương Hồ Nam, có một bọn nghệ nhân Thương mê, tay cầm lồng đèn dán câu đố cho người ta đoán. Đoán trúng được thưởng một chuỗi tiền, gọi là giải nhất, đoán không trúng thì phải thua một chuỗi tiền. Như thế đã hạ thấp trò chơi cao nhã này xuống hàng cờ bạc. Cuối thời Thanh trong trò đánh bạc Tự bảo lưu hành ở một dải Tô Nam, Chiết Tây có một lối gọi là Thoại vật, hoặc gọi là Vật cách, thực chất cũng là Đăng mê. Câu đố được viết trong sòng Tự bảo, sau đó đưa ra 34 lời giải cho người ta đoán mà đặt tiền. Nếu đặt trúng thì 1 đồng có thể thắng 30 đồng. Như sòng Tự bảo ở Hoàn Kinh Ngô huyện trong niên hiệu Hàm Phong ra một câu đố là "Nhất môn tam tiến sĩ, tứ quý sinh tài" (Một nhà ba Tiến sĩ, bốn mùa phát tài) đổ một con vật. Đương thời có Tưởng Dẫn Sinh cho là "lộc" (con hươu), "vì hươu có biệt danh là Chu Thanh Vân, Thanh Vân là có ý toại nguyện công danh", bèn đánh chữ "lộc" 100 đồng, "lại sợ không trúng, đổi đặt 60 đồng, lập tức tới miếu đặt tiền. Đến khi mở ra, quả nhiên là Chu Thanh Vân, liền thắng 1.800 đồng". Từ đó có thể thấy Tự bảo thực chất là trò Đăng mê dùng trong cờ bạc.

IV. Các trò cờ bạc ngoại nhập thời cận đại

Trong các loại cờ bạc thời cận đại, một số hạng mục truyền thống như mạt chược, bài giấy, bài cầu với "my lực" đặc biệt của chúng tức có tính may rủi và tính kỹ xảo nhất

định vẫn được bảo lưu. Thời kỳ này trong dân gian còn nảy sinh một số trò cờ bạc khác như Đánh đề, Vi tính. Sau Chiến tranh Thuộc phiên trở đi, không ít trò cờ bạc mới từ nước ngoài được đưa vào. Chúng tựa hồ đều mang tính quốc tế, tính phổ biến, vì thế có tác dụng "thúc đẩy" sự phát triển của cờ bạc ở Trung Quốc.

1. Phốc khắc

Tiếng Anh là poker, là một loại bài lá nước ngoài, bắt đầu thấy xuất hiện trong tư liệu thư tịch từ năm 1526. Một số người cho rằng bài poker do người Ý phát minh ra, theo truyền thuyết thì mấy trăm năm trước thương nhân Uy Nê Tư vượt biển buôn bán, để giết thời giờ lúc sinh hoạt trên biển đã phát minh ra. Nhưng người Thụy Sĩ và Bỉ cho rằng họ phát minh ra bài poker sớm hơn người Ý. Ở Pháp lại có người nói là họ phát minh ra bài poker để trị liệu tâm lý cho vua Charles VI từ 1392. Lại có người cho rằng cha mẹ của bài poker là ở Trung Quốc, tổ tiên xa xưa của nó là bài Diệp tử, thông qua Con đường tơ lụa mà tới phương Tây. "Đại quái" trong bài là Khương Tử Nha hoặc Lão tử, "Tiểu quái" là Thương Trụ vương hoặc Chu Văn vương. Ông Đỗ Á Tuyên cho rằng poker bắt nguồn từ bài Mã điều, "trong Chiến tranh Thập tự chinh du nhập" vào châu Âu⁽⁶³⁾. Bài poker truyền vào Trung Quốc cuối thời Thanh, lúc đầu phổ biến trong giới đạt quan phú thương, cuối đời Tuyên Thống thì lưu hành ra dân gian.

Bài poker có 54 lá, trong đó hai lá là Đại quái, Tiểu quái. Có 52 lá có chữ, chia làm bốn nước: Hắc đào, (cũng gọi là Thiết sần hoặc Thiết binh), Hồng đào (cũng gọi là Hồng tâm, Kê tâm), Phương khảm (cũng gọi là Phương giác), Thảo hoa (cũng gọi là Kim hoa thái). Mỗi nước có 13 lá (từ 2" tới

(63) Đỗ Á Tuyên, *Bác sử*, Khai Minh thư điểm, 1934, tr. 3

"10" cộng 9 lá, "J" (11 điểm), "Q" (12 điểm), "K" (13 điểm) và "A" (14 điểm hoặc 1 điểm) tất cả có bốn lá hình người). Con số 52 lá này tương truyền có quan hệ với lịch pháp, đại biểu cho 52 tuần lễ trong năm. Trong bốn nước thì Hắc đào cao nhất, kế là Hồng đào, Phương khảm, Thảo hoa là thấp nhất. Trong cùng một nước thì "A" lớn nhất, "2" nhỏ nhất. Dựa vào bài poker có thể chơi nhiều trò khác nhau, có thể tới một trăm mấy chục trò, thường dùng để đánh bạc có mấy trò sau đây:

Tỷ điểm tử. Đây là lối đánh bạc đơn giản nhất, xào bài xong, mỗi người rút một hoặc hai lá, lật ra lập tức, so điểm lớn nhỏ, ai điểm lớn là thắng, tốc chiến tốc quyết, vô cùng đáng sợ.

Sa giải. Cũng gọi là Thoa hợp, Sĩ hòa đan, tục gọi là Qua sa giải, có lúc cũng dùng để chỉ bài poker. Người chơi không hạn định số lượng, nhưng không được quá mười người. Lúc chơi phải bỏ hai lá Đại Tiểu quái. Cách đánh như sau, trước tiên mỗi người rút một lá bài, người nhiều điểm nhất là nhà cái, do y xào bài, chia bài. Đầu tiên chia mỗi người hai lá, lá thứ nhất ngửa (mình bài), lá thứ hai úp (ám bài). Sau đó người có lá bài ngửa lớn nhất đặt tiền trước, mọi người căn cứ vào bài của mình mà quyết định theo hay không (số tiền theo nhất định phải bằng số tiền người thứ nhất đặt). Nếu trên bàn lá bài ngửa lớn nhất là K mà lá bài ngửa của mình chỉ là 2, mà lá bài úp cũng là 2, hai lá thành một đôi, lớn hơn lá K không thành đôi thì tất nhiên sẽ theo. Nếu bài úp của mình là 3, điểm quá nhỏ, lại không thành đôi, thì có thể không theo. Người không theo thì không rút bài tiếp. Sau đó nếu ai cho rằng bài mình lớn, lại đặt tiền thêm thì những người khác lại quyết định theo hay không theo. Lúc anh đặt tiền quá lớn, không ai theo nữa thì có thể thắng toàn bộ số tiền trên chiếu bạc. Lúc mấy người cùng đặt tiền như nhau, chia lá bài thứ ba xong cũng do người có bài lớn nhất đặt

tiền, những người khác quyết định theo hay không theo. Nếu mấy người cùng đặt tiền, thì có thể chia lá bài thứ tư, đến lá thứ năm là thôi. Qua việc đặt tiền và theo, đến lúc không ai đặt tiền nữa thì người đặt tiền nhiều nhất có thể ăn hết tiền đặt bạc. Nếu số tiền đặt bạc đều như nhau, không ai đặt thêm thì lật lá bài úp lên so lớn nhỏ, bài ai lớn nhất thì thắng. Trong trò Sa giải, bài người thắng không nhất định phải lớn nhất, vì lá bài ấy không ai biết, có thể căn cứ vào những lá bài ngửa trên chiếu mà liều mạng đặt lớn, khiến người ta không dám đặt theo để ăn thua. Lối cờ bạc này rất kích liệt, trong sòng đầy tiếng hò hét quát tháo, không khí căng thẳng đầy đe dọa, có thể trong khoảnh khắc khiến người ta thua hết tiền bạc. Cuối thời Thanh, các đại quan quý nhân đánh bạc lớn rất thích trò này. Chuyện một lần ném ra cả vạn lượng vàng, từ sáng đến tối mấy lần lên voi xuống chó thỉnh thoảng vẫn nghe. Các thương nhân giàu có cũng dần dần tham gia, rất thịnh hành ở kinh sư, Thiên Tân, Thượng Hải, Hán Khẩu⁽⁶⁴⁾.

Tương tự Sa giải là Bao mã, cách chơi đơn giản hơn, người tham gia đều đặt một số tiền như nhau lên bàn, sau đó do nhà cái hoặc người khác chia cho mỗi người năm lá, sau cùng xem bài ai lớn nhất thì người ấy được lấy tất cả tiền đặt bạc.

Trong Sa giải và một số lối đánh bài poker thì nước bài lớn nhỏ "Xếp thứ tự theo đồng hoa thuận sắc, tứ đồng, toàn thủ, đồng hoa, thuận sắc, tam đồng, hai đôi, một đôi"⁽⁶⁵⁾, tức năm lá cùng nước liền nhau là lớn nhất, bốn lá cùng số là thứ hai, kế là toàn thủ (tam đồng thêm một đôi), đồng hoa (năm lá cùng một nước), thuận sắc (năm lá có số liền nhau), ba lá cùng số, hai đôi, một đôi. Nhỏ nhất là năm lá đã không

(64) Đặng Tử Cẩm, *Trung Quốc phong tục sử*, Ba Thục thư xã, 1988, tr. 333 - 334

(65) *Thanh bị loại sao, Đồ bác loại*.

cùng nước, lại không thành thuận, không thành đôi.

Bài 21 điểm. Tiếng Anh là twenty one. Số người tham gia không hạn chế, nhưng không nên quá mười người. Đầu tiên mỗi người đặt ra một số tiền, sau đó tiến hành rút bài, người rút được điểm cao nhất là nhà cái, do nhà cái xào bài, chia bài, nhà cái tuần tự chia cho mỗi người một lá bài ngựa, một lá bài úp. Nếu hai lá bài cộng lại vừa đúng 21 điểm mà bài nhà cái không phải thế thì nhà cái thua, phải trả gấp đôi số tiền người kia đặt. Cách tính điểm như sau: A là 1 điểm hoặc 11 điểm, bài có hình người tính là 10 điểm, số còn lại thì theo điểm chúng mang. Như hai lá bài một lá là Q, một lá là A, thì tính là 21 điểm. Một lá Q, một lá K tính là 20 điểm, một lá Q một lá K tính là 20 điểm, nếu một lá 3, một lá A có thể tính là 14 hoặc 4 điểm. Nếu điểm hai lá còn nhỏ, mình cho rằng không thể so với nhà cái, thì có thể yêu cầu chia thêm lá thứ ba (bài ngựa), thậm chí còn có thể được thêm lá thứ tư, nhưng nếu thêm lá thứ ba hoặc lá thứ tư mà vượt quá 21 điểm thì kể như bài hỏng, nhất định tính là thua. Nếu cho rằng hai lá, ba lá, thậm chí bốn lá bài của mình vẫn chưa đủ 21 điểm thì có thể ăn thua với nhà cái, và lại nhà cái không cần rút thêm, thì đôi bên sẽ lật lá bài úp lên, tính toán điểm số, nếu nhà cái lớn hơn thì mình thua, nếu nhà cái nhỏ hơn thì mình thắng. Nếu bài của nhà cái bằng bài của mình thì phải xem số là bài của đôi bên, nếu bên nào nhiều hơn thì thua. Lại nếu điểm số bằng nhau, số lá bài bằng nhau, thì có thể xem nước bài mà quyết định thắng phụ. Lối đánh bạc này mau lẹ nhanh chóng, ăn thua không nhỏ.

Đả tứ thập phân. Bốn người cùng chơi chia ra ngồi bốn phía, hai người đối mặt kết thành một cặp, hình thành quan hệ đồng minh. Sau đó tiến hành rút bài, phàm ai có lá bài lớn nhất là nhà cái, phải xào bài và là người rút bài đầu tiên. Sau đó theo thứ tự rút bài, mỗi người rút mười hai lá

xong, còn lại sáu lá úp xuống. Trong quá trình rút bài người nào rút được lá 2 thì lập tức lật ra, nếu là lá 2 Hồng đào thì lá nhỏ nhất trong nước Hồng đào ấy sẽ thành chủ (Đại Tiểu quái cũng là chủ theo thứ tự, lá chủ thứ ba là lá 2 Hồng đào, ba lá 2 còn lại cũng là chủ), nếu rút được lá 2 Phương khảm, đồng thời cũng thành nhà cái, sau khi rút bài xong, nhà cái có thể cầm số bài còn lại đối với bài mình, bỏ đi sáu lá mà mình cho là vô dụng, sáu lá này cũng gọi là bài úp) sau đó tiến hành chơi. Người thứ nhất là nhà cái đánh ra, y đánh ra lá bài nước gì, những người còn lại đều phải ra lá bài nước ấy. Trong một vòng người nào có bài lớn nhất thì giành được quyền ra bài đầu tiên lượt sau, nếu có điểm thì có thể lấy điểm. Nếu không có lá bài nào nước ấy thì có thể dùng lá bài chủ để đỡ, nếu không có bài chủ thì chỉ còn cách bê hết bài rác của người khác lên, như vậy thì không thể thắng vòng ấy. Nếu một người có mấy lá bài cùng nước mà mình cho rằng lớn nhất cũng có thể đánh ra cùng lúc. Ví dụ được ba lá A, K, Q Hoa thảo, là lớn nhất trong nước Hoa thảo thì có thể đánh cả ra, người khác phải đánh ra ba lá bài Hoa thảo, nếu ngay một lá Hoa thảo cũng không có thì có thể đánh bài chủ ra để đỡ. Nếu không có hoặc không đủ ba lá bài chủ thì chỉ còn cách đánh ra ba lá bài nước khác để đến. Nếu được bốn lá cùng số như bốn lá 6 cũng có thể đánh ra, người khác cũng phải đánh ra bốn lá cùng số nhưng phải lớn hơn 6 mới đỡ được. Nếu không có bài khác mà chỉ còn bài chủ thì có thể dùng bốn lá bài chủ để đỡ. Điểm trong bài có các lá K, 10, 5, K và 10 là 10 điểm, lá 5 là 5 điểm, tất cả 100 điểm, cứ thế luân phiên đánh bài ra. Lúc chơi người đồng minh phải chi viện cho nhau, cố gắng không để đối phương được điểm. Cuối cùng xem bên nào nhiều điểm hơn thì bên ấy thắng. Nếu bên chủ sòng không được 40 điểm thì bên kia giành được tư cách chủ sòng trong ván sau, nếu được 60 điểm thì không những giành được tư cách chủ sòng trong ván sau mà còn từ lá 3 (lúc ấy lá 3 cũng được thắng làm chủ, tiếp theo theo thứ tự mà

suy) đánh ra, nếu được 80 điểm thì có thể từ lá 4 đánh ra, như thế gọi là vượt cấp. Nếu sau cùng ra bài lần chót, chủ sông thua thì phải mở bài ở dưới ra, trong đó nếu có bài có điểm thì phải nhân gấp đôi chia cho phía không phải chủ sông. Như thế từng ván từng ván đánh ra đến khi thắng cấp tới lá A là xong.

Đá La Tống. La Tống là biệt danh của Nga La Tư, trò đánh bài này có thể từ Nga La Tư du nhập vào. Cách chơi như sau: Bốn người cùng chơi, dùng cách rút bài hoặc cách khác xác định một người làm cái, sau đó theo thứ tự rút bài, mỗi người 13 lá (bỏ hai lá Đại tiểu quái), sau đó mỗi người căn cứ vào bài mình mà chia thành ba nhóm, nhóm thứ nhất ba lá, nhóm thứ hai năm lá, nhóm thứ ba cũng năm lá. Sau đó chia ba lần lật bài, so sánh lớn nhỏ với nhà cái mà quyết định hơn thua. Nước bài lớn nhỏ trong bài La Tống tương tự với bài Sa giải. Lớn nhất trong nhóm thứ nhất là tam đồng (ba lá cùng một số), nếu ngay cả một đôi cũng không có là nhỏ nhất. Đạo thứ hai, đạo thứ ba thì lớn nhất là Đồng hoa kiêm thuận sắc, kế đó là Tứ đồng (hoặc gọi là Tứ Hồ điệp, tức bốn lá cùng một điểm), kế là Phu la (Tam đồng thêm một đôi), nhỏ nhất là Tàng tàng (Tán tương) tức ngay một đôi cũng không có. Tàng tàng thì lấy lá lớn nhất trong năm lá để so sánh. Trò Đá La Tống này rất thịnh hành ở Thượng Hải vào những năm 40.

Bách gia lạc. Bắt nguồn từ Pháp, vốn tên là Ca lạp bài (baccarat) gần âm với "Bách gia lạc" (Trăm nhà vui), nên dịch âm ra như thế. Lúc chơi dùng từ ba tới sáu bộ bài poker xào chung, đặt trên đĩa để phân phát. Lúc ấy chọn người nào nhiều tiền nhất làm nhà cái, kế chọn hai người khác làm hai người hai bên. Đầu tiên do nhà cái chia sáu lá bài úp xuống, ba người mỗi người đều được hai lá. Lúc ấy người ngoài có thể tùy ý chọn một trong hai nhà kia mà đặt tiền, hoặc đặt vào cả hai nhà. Lúc ba nhà lật bài lên ai được 8 hay 9 điểm thì

tính là thắng. Nếu điểm của nhà cái cũng thế thì lấy tiền về chia bài lại. Nếu hai nhà kia được 6 hay 7 điểm thì không được thêm bài, được 4 điểm hay nhỏ hơn thì có thể rút thêm một lá, được 5 điểm thì muốn rút thêm hay không là tùy ý. Riêng nhà cái nếu chưa được 9 điểm vẫn có thể rút thêm bài. Sau cùng thì tính điểm (K, Q, J, 10 tính là 0 điểm) rồi so bài, bài nhà nào nhỏ nhất thì thua. Bài Bách gia lạc hiện vẫn còn lưu hành ở một dải Hương Cảng Áo Môn.

2. Đua ngựa

Đua ngựa ở nước ta có lịch sử lâu đời, từ thời nhà Thương đã xuất hiện việc đua ngựa và đua xe. Tướng Tể Điền Kỵ thời Chiến quốc cùng các công tử đua ngựa nhờ theo lời Tôn Tân, thay đổi chiến thuật mà thắng được ngàn vàng. Cho đến thời Thanh, vẫn có hoạt động đua ngựa. Phú Tế Đôn Sùng trong *Yên Kinh mộng thời kỳ*, *Điều Ngự đài* viết "Điều Ngự đài ở ngoài cửa Phụ Thành ba dặm, mỗi khi đến tiết Trùng dương, bọn thiếu niên Trường An (chỉ Bắc Kinh - tác giả) phần nhiều đua ngựa ở đó, tục gọi là Vọng hải lâu". Đua ngựa là hạng mục thể dục truyền thống của người Mông Cổ. Việc đua ngựa tiến hành vào ngày Tế ngọc bác. Thời Dân quốc, ngựa về nhất có thể được thưởng từ 50 tới 100 lượng bạc⁽⁶⁶⁾, nhưng là việc so tài giữa người cưỡi (cũng là chủ ngựa) với nhau, còn thuộc trình độ thấp. Ý nghĩa của từ đua ngựa thời cận đại là sau khi Trung Quốc mở năm cửa khẩu thông thương với nước ngoài. Năm 1842 Hương Cảng mượn đất Áo Môn cử hành lần đua ngựa đầu tiên, sau đó hai năm xây trường đua ngựa ở bãi đất hoang Hoàng Nê. Năm 1891 bắt đầu đánh cá ngựa, lại mở ra các lối cờ bạc như hiện nay. Ngoài ra Thượng Hải còn thành lập Bảo mã Tổng hội, trước sau xây dựng hơn 30 Bảo mã sảnh. Các nơi Thiên Tân, Bắc

(66) *Tuy Mông tập yếu, Cảnh mã*, 1936

Kinh cũng có trường đua ngựa và tổ chức đua ngựa.

Trong các trường đua ngựa ở Thượng Hải trước kia có Hương binh đại trại là lớn nhất, mỗi năm cử hành hai lần vào mùa xuân mùa thu, vòng đua dài 125 km. Ngựa dự đua phải đóng 100 đồng lệ phí, lúc đầu còn phải đóng tiền trồng cỏ 100 đồng. Sau khi đua, ngựa đoạt giải nhất được thưởng 3.000 đồng, đoạt giải hai được thưởng 1.500 đồng, đoạt giải ba được thưởng 750 đồng. Thượng Hải Bảo mã sánh cử hành Hương binh đại trại, mỗi vé bán 10 đồng, vô cùng nhiệt náo. Theo định ngạch mỗi lần bán ra 50.000 vé, phần lớn đều bán hết sạch. Tiền thưởng cho người đánh cá cũng từ 100.000 dần dần lên tới 224.000 đồng.

Cách cờ bạc trong đua ngựa có loại Độc doanh tức mua vé mang số ấy, nếu con ngựa ấy về nhất thì được thưởng. Có loại Vị trí, cũng là mua một vé mang số của hai con ngựa khác nhau, chỉ cần một trong hai con đoạt giải là được thưởng. Ngoài ra còn có loại Liên doanh vị, là chỉ việc mua hai vé liền số, sau khi đua nếu ngựa mang số ấy về nhất hay nhì sẽ trúng thưởng. Song Độc doanh là chỉ việc con ngựa có số trong vé đều thắng trong hai lần đua cùng ngày, được thưởng gấp đôi. Vì người tham gia đánh cá rất nhiều, về sau lại phát triển thành đánh cá ngoài trường đua, ở rất nhiều khu vực thiết lập trạm đánh cá bên ngoài để tiện cho những người mê cá ngựa không thể đích thân tới trường đua. Trong phương thức đánh cá ngoài trường đua, hấp dẫn nhất là Tứ trùng thái và Lục hoàn thái. Tứ trùng thái là chỉ trong một vòng đua, mua trúng bốn con ngựa về nhất, nhì, ba, tư, lại thêm đúng thứ tự thì được thưởng gấp đôi. Lục hoàn thái liên tục mua sáu vòng, trúng một hoặc hai con.

3. Đua chó

Theo tên xét nghĩa, là lợi dụng chó để tiến hành đánh

bạc. Nước ta từ thời Chiến quốc đã có việc đua chó, chính là cái vẫn gọi là Tẩu khuyến⁽⁶⁷⁾. Việc đua chó thời cận đại là từ phương Tây du nhập. Cách đua như sau: trong trường đua treo tên những con chó tham dự, trước khi đua thì nhốt chó trong chuồng sắt, ngoài có bảng ghi tên chó và số hiệu, khách đánh cá ứng ý con nào thì mua vé có số hiệu của con ấy, số lượng không hạn chế. Lúc đua là sáu con cùng đua. Trước khi đua có một con thả máy chạy một vòng quanh trường đua, kẻ đó mở chuồng chó ra, đám chó đua lập tức xông ra đuổi theo con thả máy, người săn ta đuổi, xem con nào về đích trước nhất. Lúc ấy người khách đánh cá mua vé có số hiệu của con chó ấy có thể được lãnh tiền thưởng. Sau khi cuộc đua kết thúc, trường đua sẽ lập tức phát "tiền thưởng". Ngay sau đó nhân viên trong trường đua sẽ mang nhóm chó thứ hai ra, bắt đầu đua vòng sau.

Đua chó cũng như đua ngựa, đều là sòng bạc theo lối đặt cược. Việc đua chó trước 1949 từng thịnh hành ở Thượng Hải một thời.

4. Đả đạn tử

Cũng là trò đánh bạc phát triển từ thời cận đại. Đả đạn tử là lối đánh bạc chuyên nghiệp. Đả đạn tử cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc có hai lối: một lối gọi là Đạn gỗ (Mộc đạn), là lối ném đạn đánh bạc, tục gọi là Đạn lớn (Đại đạn tử), trên mặt đất đặt một đường ván gỗ dài, đầu kia có mười cái cọc gỗ đầu tròn như quả chùy, lúc so tài mọi người đứng từ xa dùng Đạn gỗ ném ngã các cọc gỗ, căn cứ vào số cọc ngã mà quyết định thắng phụ. Lối này cũng tương tự như Bảo linh cầu (bowling) hiện nay.

Một lối khác là Đạn nhỏ (Tiểu đạn tử). Trong một

(67) *Chiến quốc sách, Tề sách.*

gian phòng lớn bày một sạp gỗ, dài trên dưới một trượng, rộng nửa trượng, "phúc dĩ đa nê, có gờ cao chung quanh, đặt bốn quả cầu bằng ngà voi lớn như quả trứng vịt, phát cho gây gỗ, đôi bên cùng đánh quả cầu, để so hơn thua"⁽⁶⁸⁾. Cách chơi như sau: Một ván hai người so tài. Trước tiên đem bốn viên đạn hai màu trắng hai màu đỏ đặt lên bốn điểm màu đen trên sạp. Giữa sạp còn có một điểm đen còn trống, để chuẩn bị sau khi đạn bị bắn ra, đặt ở đó để lát sau dùng lại. Lúc chơi, hai người đều dùng một viên trắng làm đạn chủ. Đạn chủ thì dùng gây gỗ đánh đi xong không ngừng chuyển động, nếu đạn chủ đánh trúng hai viên đạn kia mới tính điểm, nếu không thì không có hiệu quả. Cách tính hơn thua như sau: phạm đạn chủ đánh trúng một quả trắng hai quả đỏ là năm lần, tính là 5 điểm, đánh trúng hai quả đỏ là ba lần, một quả đỏ một quả trắng là hai lần, còn lại thì không lần nào, không có điểm. Phạm ai đạt tới số lần giao ước trước là thắng. Ở Thượng Hải, Nhất Phẩm Hương là nơi đầu tiên thiết lập phòng chơi đạn, về sau Hồng Viên, Hoa Chúng Hội, Lãng Uyển cũng đua nhau làm theo, càng ngày càng nhiều.

5. Thái khoán (Xổ số)

Xổ số (Thái khoán) cũng gọi là Xổ số có thưởng (Tuợng khoán), là một trò cờ bạc thuộc loại suy đoán dựa vào may rủi, cũng từ phương Tây du nhập vào. Vì cách thức đánh bạc cũng tương tự Bạch cấp phiếu nên Thái khoán cũng được gọi là Bạch cấp phiếu. Nghe nói xổ số xuất hiện sớm nhất là ở Ý năm ngàn năm trước, nên đến nay Ý vẫn là nước phát hành vé số nhiều nhất thế giới. Nhưng cũng có người cho rằng xổ số xuất hiện sớm nhất là ở Tây Ban Nha. Việc phát hành vé số phần lớn là do chính quyền tổ chức, nên có màu sắc quan phương. Cách chơi là mỗi người mua một số vé số,

(68) Hoàng Thúc Quyền, *Tùng Nam mộng ảnh lục*.

trên vé đều ghi rõ số hiệu, đến một ngày nhất định, do công chúng giám sát, dưới sự chứng kiến của cơ quan pháp luật, thông qua những cách rút thẻ, rút số, bốc thăm mà mở số. Nếu số ấy phù hợp với số trên vé số thì trúng thưởng, lại căn cứ vào việc trúng được nhiều hay ít số mà chia ra giải thưởng khác nhau.

Loại vé số này cũng có lịch sử gần trăm năm ở Trung Quốc. Năm 1894, người Mỹ công khai phát hành Lữ Tống phiếu trong tô giới Thượng Hải, mở đầu lịch sử xổ số ở Trung Quốc, cuối thời Thanh Trương Chi Động ở Hồ Bắc phát hành Hồ Bắc Thiêm quyền phiếu, có thể nói là loại vé số phát hành đầu tiên ở nước ta. Sau cách mạng Tân Hợi, chính quyền địa phương Thượng Hải cùng một số cơ quan từ thiện phát hành Vé số từ thiện như Tương chấn Từ thiện Cứu tế khoán, Chiết Giang Đường công Tưởng khoán vân vân, sau đó lại thành lập Vạn quốc Trừ súc hội, Trung Pháp Trừ súc hội, Quốc dân đảng còn phát hành Toàn quốc Hàng không công lộ kiến thiết tưởng khoán, đều lấy số tiền thưởng lớn làm chiêu bài. Lão Bắc Môn ở Thượng Hải và một số nơi ở Bắc Kinh có cửa hàng chuyên bán vé số, tiêu thụ rộng rãi. Tên các cửa hàng bán vé số cũng rất lớn lối, như Phi Lai Phúc, Hồng Vận Lai, Quảng Lợi Nguyên vân vân. Ở cổng cảng các khẩu hiệu viết chữ lớn như Giải nhất vẫn còn (Đầu thái thượng tại), Vận may đã tới (Hiệu dạn dĩ đáo), người bán vé còn đập quẩy rao lớn "Vé số phát tài đây! Mau đoạt giải thưởng đi!", âm ỉ không ngớt. Trong vé số thì phát hành lâu đời nhất là vé số Hồ Bắc, còn đáng tin cậy nhất thì phải nói tới Chiết Giang Tiêu Thiệu đường công khoán.

Hữu tướng trừ súc (Tiết kiệm có thưởng) có thể nói là một loại vé số, thực chất cũng là một lối cờ bạc. Vạn quốc Trừ súc hội chia làm hai loại là Chính lô và Tán lô, Chính lô 12 đồng, Tán lô 3 đồng. Giải thưởng của Chính lô là 2.000 đồng, Tán lô thì chia theo tỷ lệ số dư tiền gởi. Kỳ hạn là mười lăm

năm, sau mười lăm năm trả lại nguyên vốn. Nếu gởi chưa đủ hai năm thì cả vốn cũng không được lấy lại⁽⁶⁹⁾. Loại cờ bạc tiết kiệm có thưởng này bóc lột rất nặng.

Phong khí ấy lan ra, đương thời một số thành thị nhỏ cũng dấy lên hoạt động tiết kiệm có thưởng bằng hiện vật, huyện Tây Hoa Hà Nam ngày rằm tháng tám bán bánh Trung thu đặt ra đủ loại phiếu tiết kiệm như Đoạt Trang nguyên phiếu, Phàn quế tử hương để thu hút người ta mua bánh, từ đó thu lợi. "Người được giải nhất tức Trang nguyên, có thể được thưởng bằng hiện vật, người tham lợi nướm nược kéo tới mua"⁽⁷⁰⁾.

Ở Đài Loan những người ham mê vé số cũng không ít, có một loại cờ bạc gọi là Đại gia lạc, nảy sinh từ vé số phát hành ở khu vực Đài Trung, kết quả như một cơn lốc lan ra khắp Đài Loan⁽⁷¹⁾.

Áo Môn ngoài Bạch cáp phiếu và Lục hợp thái, còn thịnh hành vé Ba Nã Trìu, mỗi vé bán từ 5 hào đến 1 đồng. Nó là in số từ 1 đến 99 trên 99 quả cầu nhỏ, mỗi lần rút từ 10 đến 15 số làm số trúng thưởng, giải nhất được 10.000 đồng⁽⁷²⁾. Một số người có thu nhập trung bình rất say mê loại vé số này. Đồng thời còn thịnh hành loại Vé số mở tại chỗ (Tức phát thái phiếu). Nó là loại vé số mang hình thức mới bắt đầu được phát hành từ tháng 12. 1984, cũng dùng số để trúng, bên trên lại tráng thêm một lớp màng đục. Người mua vé xong lập tức cạo lớp màng, con số sẽ hiện ra, nếu trong sáu số có ba số giống nhau thì được thắng theo tỷ lệ nhất định. Tiền thưởng chia ra tám hạng từ 100.000 đồng đến 10

(69) *Cựu Thương Hải dịch yên đồ xướng*, tr. 71

(70) *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí*, thiên hạ, quyển 2, Hà Nam, Tây Hoa Trung thu tiết.

(71) *Hình hình sắc sắc dịch đồ bác cập kỳ nguy hại*, tr. 10

(72) Xem *Cảng Áo khải lâm*, Quảng Đông Nhân dân xuất bản xã, 1990, tr. 274 - 276

đồng. Năm 1986, Áo Môn lại phát hành Vé số sáu con mở tại chỗ (Tức phát lộc hợp thái), những người chiếu cố loại vé số trúng ngay này phần lớn là nhân dân lao động tầng lớp dưới.

Hoạt động xổ số thực chất là dựa vào may rủi mà khiến tiền bạc di chuyển, tập trung vào một số ít người, vì vậy thuộc loại cờ bạc. Cho nên một số trí thức đã sớm nêu ra rằng cần phải ngăn cấm hoặc có sự hạn chế.

6. Luân bàn đồ

Là một loại cờ bạc bằng máy móc, tiếng Anh là roulette. Lối đánh bạc dùng mâm xoay ở Trung Quốc đã có từ thời cổ. Thời Tống đã có một số người bán kẹo làm một cái mâm tròn đường kính ba thước, "trên vẽ mấy trăm hình chim cá, đồ vật. Hình vẽ không đầy nửa tắc, hình lớn bằng đầu ngón tay út, hình nhỏ chỉ bằng hai hạt đậu... Lấy kim làm tên, gắn lông chim ngũ sắc để phân biệt. Lúc xoay mâm, người mua bỏ ra một đồng, lấy tên bắn vào, nếu trúng thì được thưởng kẹo"⁽⁷³⁾. Lúc cái mâm xoay tròn mà bắn "tên", cũng có ý vị "đánh bạc bằng mâm xoay". Thời Thanh cũng có trò "đánh bạc bằng mâm xoay" tương tự, có một loại gọi là Xổ số trúng kẹo (Chuyển đường đắc thái), dùng một cái mâm vuông lớn, ở giữa vẽ một cái vành tròn lớn để bắn, giữa vòng có một cái trục, đầu trục có một cần gạt nằm ngang để xoay chuyển mâm, một đầu cần gạt buộc vào một cái kim lớn buộc dây đỏ, đầu kia buộc vào một hòn gạch nhỏ để giữ cho cân. Phanh bỏ ra một phân bạc thì được quay một lần, nếu cái kim xoay xong dừng lại trên vành thì được thưởng, nếu ngoài vành thì phân bạc ấy sẽ lập tức bị "thu hết".

Nhưng cách đánh bạc bằng mâm xoay được hiện đại hóa là có nguồn gốc từ Pháp. Một số sử gia cho rằng năm

(73) Tăng Tam Thắng, *Đồng thoại lục*.

1655 nhà khoa học Pháp B. Bách tư ca lúc tu hành trong tu viện phát minh ra loại cờ bạc này, rất mau chóng lan truyền qua các nước Âu Mỹ. Đánh bạc bằng mâm xoay về hình thức có hai loại, một loại chỉ có một đồ án đặt bạc, mâm xoay đặt ở đầu kia, một loại là mâm xoay đặt ở giữa, chung quanh đều đặt đồ án. Mâm xoay là một cái mâm tròn lớn, chia làm 38 ô đánh số từ 1 tới 36, lại thêm hai ô chắn lẻ. Trên mặt mâm có một cái rãnh tròn. Lúc xoay chuyển, người điều khiển dùng một quả cầu nhỏ ném vào rãnh, quả cầu rơi vào ô nào thì ô ấy thắng⁽⁷⁴⁾. Lúc mâm còn xoay vẫn có thể tiếp tục đặt bạc. Tiền đặt bạc là dùng tiền mua phỉnh, chọn ô nào thì đặt phỉnh xuống ô ấy. Nếu chỉ đánh một cửa (gọi là Cô đĩnh) mà trúng thì 1 đồng được thưởng 34 đồng. Cũng có thể đặt phỉnh lên hai ô, nếu trúng được thưởng 17 đồng, còn lại theo đó mà suy. Còn có thể "Đánh lớn nhỏ", từ 1 tới 18 là nhỏ, từ 19 tới 36 là lớn, khách chơi có thể đặt vào cửa tài hay xỉu, đặt 1 thắng 1. Cũng có thể "Đánh đen đỏ", số 1, 3, 5, 7 là đỏ, số 2, 4, 6, 8 là đen. Vì thực tế có 38 ô mà chỉ được thưởng 34 đồng, nên nói chung khách chơi chỉ nắm phần thua. Vào những năm 20 của thế kỷ này, người Hoa trong tô giới ở Thượng Hải mượn danh nghĩa người ngoại quốc, mở ra sòng roulette, "dụ dỗ thanh niên và phụ nữ nhà lành vào chơi, người táng gia bại sản không biết là bao nhiêu"⁽⁷⁵⁾.

7. Ngặt giắc tử lão hổ

Còn gọi là Gia khắc phốc, là một loại máy đánh bạc hiện đại có nguồn gốc từ máy bán hàng tự động. Tương truyền mô hình sớm nhất là do Thi thác nhĩ duy khắc người Đức phát minh ra, năm 1888 ông dùng gỗ chế ra chiếc máy bán chocolat tự động đầu tiên trên thế giới. Về sau ông ta lại

(74) *Cựu Thượng Hải đích yên đồ xứng*, tr. 140

(75) *Thân báo*, ngày 10. 9. 1927

phát minh ra gà mái đẻ trứng tự động, chỉ cần bỏ một đồng tiền kim loại vào, "con gà mái" sẽ cục tác một tiếng, đẻ ra quả trứng, khiến bọn trẻ con rất ngạc nhiên vui thích. Đầu thế kỷ này hãng Thổ Linh nước Đức chế ra một bộ Thùng rót bia tự động (Sáo thống bi tửu cơ), chỉ cần bỏ một đồng tiền kim loại vào thùng thì có thể có bia uống. Ngật giác tử lão hồ cũng có nguyên lý như máy bán hàng tự động, cũng gồm một cái thùng sắt không lớn hơn cái máy ghi âm bao nhiêu, trên có một lỗ nhỏ để nhét đồng tiền vào, dưới có một khoảng hở. Chỉ cần bỏ tiền kim loại hoặc dùng tiền giấy đổi phỉnh bỏ vào lỗ nhỏ bên trên, quay tay quay hoặc gạt cái chốt bên phải một cái, bánh xe răng của máy bên trong sẽ lập tức xoay mau, đến khi dừng lại, chỗ khoảng hở sẽ tung ra hai đồng, bốn đồng, tám đồng, thậm chí mười đồng tiền hào, nhưng trong rất nhiều trường hợp không có đồng nào. Đây là trong bộ máy có một công thức số nhất định, xác suất nhả ra đồng tiền cực nhỏ, hàng ngàn người mới có một hai người gặp được.

Số máy đánh bạc Ngật giác tử lão hồ đầu tiên ở Trung Quốc là do gã lưu manh người Mỹ Kiệt khắc - Lạp lai chớ tới Thượng Hải năm 1927, đặt ở các nơi giải trí như vũ trường, quán bia, sòng hội lực cầu. Vì đánh bạc bằng "máy Lão hồ" đơn giản dễ làm, tiền đánh bạc cũng nhỏ, nên rất nhiều người dễ mắc câu. Nếu say mê không tỉnh ngộ, cứ la cà lâu ngày với loại Lão hồ này thì cho dù một núi vàng cũng không còn. Có người tính toán, thì một chiếc máy Ngật giác tử lão hồ mỗi tối có thể nuốt từ 200 đến 400 đồng, ngày tháng kéo dài, con số vô cùng đáng sợ, Kiệt khắc - Lạp lai cũng nhân đó vớ được một khoản tiền lớn.

8. Máy giải trí điện tử

Đây là một trò cờ bạc điện tử hoàn toàn hiện đại,

cũng xuất phát từ máy bán hàng tự động. Năm 1971, Bộ thập nạp nhi nước Mỹ nghiên cứu chế ra một máy vòng cầu điện tử dùng trong thương nghiệp, sau đó do sự kết hợp với mạng điện tử, cuối cùng phát minh ra máy giải trí điện tử. Có người bèn lợi dụng nó làm công cụ đánh bạc. Nhà cái biên soạn chương trình đưa vào máy, làm nảy ra những con số ngẫu nhiên không sao đoán trước, nếu khách chơi đặt trúng các con số ngẫu nhiên ấy sẽ thắng. Như máy đua ngựa, những người tham gia mỗi người tự chọn một "con ngựa" đặt tiền xong, máy đánh bạc sẽ theo chương trình bắt đầu vận hành, trong quá trình vận hành sẽ nảy sinh ra một "con ngựa ngẫu nhiên", nếu đặt trúng con ngựa ấy sẽ được thắng. Lại như Bình quả cơ, trên mâm có 60 đĩa đèn tròn nhỏ, sáu đĩa một nhóm, tổng cộng 10 nhóm. Khách chơi đặt tiền xong, máy sẽ tạo ra con số ngẫu nhiên, do các ngọn đèn xoay chuyển phát sáng, sau khi vận hành, chỉ còn một nhóm sáng. Đặt trúng nhóm ấy sẽ thắng, xác suất thắng là 1/10.

Máy đánh bạc điện tử rất thịnh hành ở một dải Hương Cảng Đài Loan, không ít thanh thiếu niên bị máy giải trí dẫn dụ. Gần đây một số nơi đặt máy giải trí ở đại lục để "thu hút" khách, cũng lợi dụng máy giải trí tiến hành cờ bạc, họ đưa ra đủ trò đua tài có thưởng, lúc đua ngựa lấy hiện vật, tiền bạc, chứng khoán, vé số để đặt bạc, tiến hành đánh bạc⁽⁷⁶⁾, chuyện này rất đáng chú ý.

9. Hồi lực cầu

Vốn là một cách thức vận động bằng quả cầu trong phòng, về sau bị người ta dùng để đánh bạc. Hồi lực cầu tương truyền là do người ở trại Cát bốt núi Ba tư khắc phía tây núi Tỹ lợi ngư tư chỗ giáp giới nước Pháp và Tây Ban

(76) Tào Chí Tiễn, *Du hý cơ ngoạn phong liễu* (Phát điên vì máy đánh bạc rồi), *Kinh tế thế giới*, số 3

Nha phát minh ra. Vốn tên là Pelota Vasca, ý tứ là trò chơi cầu của người Ba tư khác. Năm 1900 nó từ Tây Ban Nha truyền qua Cu ba, thịnh hành ở châu Mỹ Latinh, vào những năm 20 của thế kỷ này lan truyền qua Mỹ. Sòng hồi lực cầu do ba bức tường hợp thành, dài từ 40 đến 60 mét, rộng từ 11 tới 15 mét, tường cao từ 11 tới 14 mét sơn xanh. Phía không có tường là khán đài, quanh cầu trường sơn vạch đỏ. Quả cầu dùng vật liệu cứng độn bên trong, ngoài bọc da dê mềm, đường kính khoảng 5 cm, nặng 140 gam. Vợt đánh cầu hình chiếc thuyền, làm bằng gỗ liễu, trên chỗ đánh cầu có căng lưới.

Lúc so tài có chia ra đánh đơn, đánh đôi hoặc đánh ba, đôi bên cùng chơi với nhau. Trước tiên vận động viên một bên phát cầu, quả cầu phải rơi vào khu vực quy định. Vận động viên đối phương phải mau lẹ chạy lên. Lúc quả cầu rơi xuống lần thứ hai thì lập tức đón lấy, đánh lại vào tường. Nếu một bên ném cầu sai chỗ hoặc khiến quả cầu rơi ra ngoài đường ranh thì thua 1 điểm. Người dẫn trước 4 điểm sẽ thắng, lấy 13 hiệp quyết định thắng phụ.

Vào những năm 20 - 30, ở Thượng Hải, Thiên Tân đều có sòng Hồi lực cầu. Đánh đơn có 5 cầu viên (về sau đổi thành 6 người) ra đấu, trên lưng áo đều có số hiệu, lúc đấu thì thay phiên hai người chơi, loại một người, ai được 5 điểm trước là thắng, đánh đôi cũng thế, là hai người hợp tác như một người mà thôi. Còn có một loại là Hồng lam đại trại, là đội viên hai đội mặc áo hồng, áo lam, hai người đấu với hai người, ba người đấu với ba người, tiến hành so tài, tổng cộng 12 điểm, bên nào nhiều điểm thì thắng.

Trò đánh bạc Hồi lực cầu là đoán kết quả đánh đơn, đánh đôi, cách chơi có hai lối Độc doanh và Vị trí⁽⁷⁷⁾. Hồng lam đại trại thì dùng cách so điểm. Ngoài ra còn có các lối

(77) *Cựu Thượng Hải dịch yền đồ xướng*, tr. 112 - 113

Song độc doanh, Doanh vị phiêu, Bắc trại phiêu liên tục hiệu mã. Hồi lực cầu là do người đánh, vì thế càng dễ gian lận.

Trở lên là một số lối cờ bạc chủ yếu, đại khái có thể chia làm hai loại là so tài và đấu cơ. Thật ra danh mục các loại cờ bạc còn dài hơn trên đây rất nhiều, phạm những việc so tài hoặc không thể đoán trước đều có thể trở thành nội dung cờ bạc, như đoán số trên tờ giấy bạc, đoán biển số xe chẵn hay lẻ, trong một phút trên đường có bao nhiêu chiếc xe chạy qua, trong bao thuốc lá có bao nhiêu điếu, trong trận đá bóng bên nào thắng vân vân. Gần đây có thương nhân cá thể họ Trương ở miếu Khổng tử Nam Kinh là một người mới giàu phát lên nhờ giỏi việc đoán số, được gọi là Thần toán Trương, nhưng có lần vì đoán sai mà thua một cái ti vi Tùng Hạ 450 giá 4.900 đồng, nhất thời trở thành trò cười. Họ đánh cá là đoán biển số xe hơi chẵn lẻ. Loại cờ bạc không thể đoán này có tính chất co giãn trong nháy mắt, trong một thời gian đặc biệt nhất định, không thể quá dài. Mà các loại cờ bạc dùng kỹ xảo có tính dự báo nên không dễ trở thành cao trào. Nhưng tất cả những trò cờ bạc mang tính đấu cơ lại có kỹ xảo nhất định hoặc theo một trình tự cố định đều có sức tập hợp mạnh, lại kéo dài không suy.

Chương 3

Cờ bạc với các hạng người

Cờ bạc có tác dụng rất mãnh liệt dẫn tới sự tham lam vật chất. Dưới sự kích thích của ma trận cờ bạc, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều có người đắm chìm vào đó. Thời Hạ Thương ở nước ta vì có người ưa thích nên phát minh ra cờ bạc. Thời Xuân thu từ bậc chư hầu tới kẻ chăn dê đều có người mê đắm nó. Thời Chiến quốc bất kể là chư hầu hay du hiệp, vũ phu hay văn nhân, từ thành thị tới nông thôn đều có người cờ bạc. Thời Hán thì "trên là đế vương, dưới là dân quê đều thích" cờ bạc⁽¹⁾, không ít chư hầu vì cờ bạc mà phạm tội. Từ thời Ngụy Tấn tới Nam Bắc triều cờ bạc càng thịnh, "Tụ họp đông người, dần dần thành phong tục"⁽²⁾. Đến thời Đường trong xã hội còn xuất hiện các tổ chức cờ bạc chuyên nghiệp, bắt đầu tạo ra tục lệ họp nhau đánh bạc xấu xa. Lý Khải trong *Quốc sử bổ* nói "Mượn cơ chia chác, gọi là Thác gia, Thác gia lấy một phần mười, gọi là Ăn tiền đầu (Ngặt đầu)". Cái gọi là Thác gia là chủ sòng mở sòng đánh bạc, là kẻ tổ chức cờ bạc. "Ăn tiền đầu" ý nói việc thu tiền hồ.

Thời Tống, có một số Kẻ lêu lổng (Nhân hán) chuyên đánh bạc kiếm sống, công khai không hề úy kỵ; hình thức cờ bạc cũng tăng lên, có các trò đá đế đá kiến, cờ bạc cũng phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, lại đã có người mở sòng

(1) Cù Đoái Chi, *Hán đại phong tục chế độ sử*, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1991, tr. 215

(2) *Dữ Dục tập dẫn từ Thái bình ngự lãm*, quyển 754

bạc để lừa đảo. Thời Nam Tống ở thành thị còn xuất hiện hoạt động "đánh bạc" rút gọn - Đầu dít (Phác mại). Loại hoạt động này là dùng tiền giấy làm công cụ đánh bạc, lấy "chữ" hay "số" để định hơn thua, người thắng có thể lấy tiền mua vật dùng. Hoạt động Đầu dít tràn ngập các chợ búa, nên có từ Chợ Đầu dít (Phác mại doanh thị)⁽³⁾. Trong những việc có liên quan tới trò Phác mại thời Tống, thì có từ Ra số (Xuất cừ), Hợp sòng (Hòa hợp) để gọi kẻ đánh bạc, lại có các từ Trùm sòng (Nhiệm đại đầu), Khoái hoạt tam vân vân.

Dưới thời Minh ở các thành thị lớn nhỏ xuất hiện không ít sòng bạc, người chủ gọi là Kinh lý sòng bạc (Đổ hàng kinh kỹ)⁽⁴⁾, hoặc Người quen (Tương thức) hay Nhà còn sót (Di gia). Ở kinh sư có người chuyên sống bằng nghề cờ bạc, được gọi là Hán tử phong lưu⁽⁵⁾. Thậm chí một số con em nhà giàu sang, sĩ đại phu sau khi về hưu cũng mở sòng bạc. Thời Minh Thanh một số quan lại đánh bạc tới mức quên ăn quên ngủ, thâu đêm suốt sáng, ham mê như điên. Ở một số địa phương còn tới mức "phong tục thích tranh giành, tới mức không chỗ nào không đánh bạc, không ngày nào không đánh bạc"⁽⁶⁾. Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc cờ bạc lại được công khai hóa, lại xuất hiện một số sòng bạc hiện đại, du nhập không ít các hình thức cờ bạc nước ngoài.

Tóm lại, cờ bạc phổ biến khắp các nơi, thu hút tất cả các hạng người.

I. Cờ bạc với quý tộc quan lại

Trước nay trong giới quý tộc quan lại không ít người

(3) *Tây Hồ lão nhân phồn thắng lục*.

(4) *Minh Anh tông Thực lục*, quyển 139, *Chính Thống thập nhất niên tam nguyệt*.

(5) *Nam Thông châu thặng tư*, quyển 1, *Tạp thức, Phong tục*.

(6) *Thường Chiêu hợp chí cáo, Thường Chiêu hợp chí, Phong tục chí*.

thích cờ bạc. Quách Vu Thuần nước Tề thời Chiến quốc là một nhà ngoại giao xuất sắc, ông từng nói rõ rằng mình đã tham gia "hội làng", "gieo thẻ đánh bạc"⁽⁷⁾, cho thấy việc quan lại đương thời tham gia cờ bạc là chuyện bình thường. Đến thời Tây Hán có người nhờ đánh bạc giỏi mà được chức quan lớn, như Thọ vương ở Ngô Khâu, nhờ "Giỏi trò Cách ngũ, được chiếu triệu vào"⁽⁸⁾, nhưng cũng không ít quý tộc vì cờ bạc mà bị xử phạt, *Hán thư*, *Cao Huệ Cao hậu Văn công thần biểu* có ghi chép lại ba chuyện xử phạt chứ hầu có liên quan với việc cờ bạc:

"Kỷ hầu, năm Nguyên Sóc thứ 5 nối ngôi, đến năm thứ 8. Năm Nguyên Đinh thứ 1, vì cờ bạc, cướp ngựa của công chúa, nước phong bị diệt".

"Phân hầu, năm Nguyên Sóc thứ 2 nối ngôi. Năm Nguyên Đinh thứ 4, vì cờ bạc, nước phong bị diệt".

"An Khâu hầu Trương Thập, năm Nguyên Đinh thứ 4 vào vườn Thượng uyển định bắt trộm hươu, lại vì cờ bạc, nước phong bị diệt".

"Nước phong bị diệt" là hình phạt rất nặng, kẻ phạm tội phải bị nghiêm trị, đeo gông làm khổ sai một thời gian. Những người này dám liều lĩnh phạm pháp, cho thấy họ đã nghiện cờ bạc rất sâu. Ngoài ra Đông Phương Sóc thời Vũ đế cũng thường chơi trò Xạ phúc. Thị trung Trung lang tướng Trương Phóng cuối thời Tây Hán cũng thường cài trang theo Thành đế ra ngoài rong chơi, "đá gà đua ngựa trong thành Trường An, liên tiếp mấy năm"⁽⁹⁾. Đại tướng quân Lương Hoàng thời Đông Hán lúc trẻ cũng đã "thích tiền" mà đánh bạc⁽¹⁰⁾. Văn thần vô tướng, công hầu quý tộc thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều có thể nói là cờ bạc thành thói. Ôn Kiều lúc

(7) *Sử ký*, quyển 126, *Hoạt kê liệt truyện*.

(8) *Hán thư*, quyển 54, *Ngô Khâu Thọ vương truyện*.

(9) *Hán thư*, quyển 59, *Trương Thang truyện*.

(10) *Hậu Hán thư*, *Lương Ký truyện*.

địa vị không cao "thường đánh bạc với khách buôn Dương Châu, Hoài Trung, không hề so đo. Thường cầm cố những vật có giá trị lớn" ⁽¹¹⁾, Ôn Kiều thua không còn cách nào, đành cầu cứu bạn thân là Dữu Lượng, "Dữu lập tức đưa tới, sau đó được trả lại, mấy lần như thế" ⁽¹²⁾. Ôn Kiều thua tới mức không còn cách nào trả nợ, nhiều lần nhờ Dữu Lượng giúp đỡ mới được giải vây. Hoàn Ôn từ nhờ nhà nghèo, đánh bạc thảm bại, "chủ nợ đòi ráo riết". Hoàn Ôn về cơ bản không thể trả nợ, bèn cầu cứu Viên Đàm người Trần quận giỏi đánh bạc, Viên "lập tức ưng thuận, không hề bủn xỉn. Bèn thay đổi y phục, đội mũ vải theo Ôn tới đánh bạc với chủ nợ. Đàm vốn nổi tiếng cờ bạc, chủ nợ vào sòng nói: Chuyện này không liên quan gì tới ông, ông là Viên Ngạn Đạo (tên tự của Viên Đàm) phải không? Rồi cùng đánh bạc" ⁽¹³⁾. Viên Đàm tố cao dần lên, tới một trăm vạn thắng lớn, lột mũ ra ném xuống đất, hiên ngang nói với chủ nợ: Rốt lại người biết Viên Ngạn Đạo ta chưa!". Trong khoảnh khắc thắng đối phương mấy trăm vạn, sau cùng giúp Hoàn Ôn trả hết nợ.

Cuối đời Đông Tấn, Lưu Dụ và Lưu Nghị đánh bạc ở Đông phủ, tiền đặt bạc rất lớn, họ "gieo xúc xắc cực lớn, một lần gieo là vài trăm vạn, mọi người đều sợ sệt bỏ cuộc, chỉ còn Dụ và Nghị chơi. Nghị gieo lần thứ hai được điểm tri, cả mừng bèn vén áo lên giường, nói với mọi người "Nếu không thể ra điểm lô thì không thềm chơi làm gì". Dụ ghét, nhân lúc năm con xúc xắc hồi lâu, nói "Lão huynh thử trả lời y xem". Kế bốn con xúc xắc đều ra mặt đen, chỉ có một con xoay tròn chưa ra, Dụ lớn tiếng quát tháo, liền ra điểm lô" ⁽¹⁴⁾. Lần đánh bạc ấy Trịnh Tường cháu gọi Lưu Nghị bằng cậu cũng có mặt, y "cùng theo lên giường quát tháo, la hét ầm ầm" ⁽¹⁵⁾. Hai đoạn văn nói trên miêu tả việc các bậc đạt quan

⁽¹¹⁾ ⁽¹²⁾ ⁽¹³⁾ Lưu Nghĩa Khánh, *Thế thuyết tân ngữ, Nhiệm Diên Niên*.

⁽¹⁴⁾ *Tấn thư*, quyển 58, *Lưu Nghị truyện*.

⁽¹⁵⁾ *Tống thư*, quyển 54, *Trịnh Tiên Chi truyện*.

quý nhân trong sông bạc bất kể thân phận, người giành ta cướp, tình trạng cay cú vô cùng cụ thể sinh động.

Trong thời kỳ ấy không chỉ đánh bạc lấy tiền mà còn đánh bạc lấy đồ vật. Theo *Thế thuyết tân ngữ*, *Thái di thiên*, có lần Vương Khởi (Quân Phu) đánh bạc với Vương Tế (Vũ Tử), vì Vương Khởi có con trâu rất đẹp, bèn đem ra đặt bạc. Vương Khải nghĩ dù mình thua thì Vũ Tử cũng không thể giết chết con trâu, vì "con vật đẹp như thế đời nào lại giết!". Lúc vào chơi, Vũ Tử gieo xúc xắc trước, nào ngờ vừa gieo là thắng. Lúc ấy Vũ Tử lập tức giết chết con trâu của Vương Khởi, móc quả tim trâu sai người mang đi, "Trong khoảnh khắc nướng chín, còn bao nhiêu thì bỏ", ăn một miếng bèn bỏ con trâu lại mà về. Vương Vũ Tử chỉ vì một lúc chơi đùa mà làm chết một con trâu đẹp, cho thấy rõ sinh hoạt của quan lại nhà Tấn vô cùng xa xỉ. Cùng thời ấy, danh sĩ Vương Diên cũng có ghi lại việc vì cờ bạc mà giết chết một con trâu đua. Tương tự, năm Thái Bình thứ 8 (383), lúc bắt đầu trận đánh ở Phì Thủy, Thừa tướng Đông Tấn là Tạ An để bớt căng thẳng, bèn "Sai đưa kiệu lên nhà riêng trong núi, hội họp hết tân khách, lấy đó đặt cược đánh cờ vây với (Trương) Huyền"⁽¹⁶⁾. Tạ An rõ ràng lấy một tòa biệt thự làm vật đặt cược, đủ thấy tiền đặt bạc lớn ghê người.

Một số quan lại quý tộc đương thời đối với cờ bạc có thể nói là vô cùng say mê. Nhà Lang Nha vương sĩ tộc thời Đông Tấn có truyền thống cờ bạc, từ Vương Diên, Vương Huyền cho tới Vương Cảnh Văn, Vương Chất đều mê cờ bạc. Cuối thời Bắc Ngụy, Nhĩ Chu Thế Long và Thượng thư bộ Lại Nguyên Tuyền lúc vui chơi ăn uống tiến hành chơi Ác sôc⁽¹⁷⁾. Y bất kể tình thế quân sự ngoài tiền tuyến gấp rút mà mê đắm vui chơi, cái điểm thất bại đã hiện rõ. Cuối thời Bắc Tề

(16) *Tư trị thông giám*, quyển 105, *Thái Nguyên bát niên thất nguyệt điều*.

(17) *Ngụy thư*, quyển 75, *Nhĩ Chu Thế Long truyện*.

lúc Ngô Minh Thiết nhà Trần Bắc phạt, hạ thành Tầm Dương, lấy hết đất Hoài Nam mà bọn bảy tôi gian nịnh nhà Tề, nhân vật cầm quyền "Mục Đê Bà, Hàn Trường Loan nghe báo Tầm Dương bị hãm, vẫn chơi Ác sọc không nghĩ, nói: Đó vốn là đất của họ, cứ để họ lấy lại"⁽¹⁸⁾. Đúng là vì cờ bạc mà ngay cả vận mệnh quốc gia cũng không để ý. Cũng có một số quan lại vì nghiện cờ bạc mà phạm pháp như Ân Duệ con rể của Tạ Côn "Thích trò Vu bồ, lấy hết nữ trang của em gái, lại còn mắc nợ cờ bạc"⁽¹⁹⁾, bị trị tội. Lưu Khang Tổ thời Lưu Tống "ở làng xóm không lo học hành, chỉ lêu lổng ở những chuyện rượu chè cờ bạc". Làm Viên ngoại lang hơn mười năm, vẫn không sửa đổi tính nết, "lại vì đánh bạc bị cách chức"⁽²⁰⁾. Bí thư giám nhà Bắc Tề là Tổ Đình thường cùng một bọn con em nhà giàu tới kỹ viện "Đưa ra hơn trăm tấm lạng Đại tín Sơn Đông và lụa Khổng tước liên châu, sai đám bà già hầu hạ gieo xúc xắc đánh bạc với nhau, lấy đó làm trò vui"⁽²¹⁾. Để lấy tiền đánh bạc, còn lấy trộm bộ sách quan trọng trong cung là *Hoa lâm biến lược* đem bán, bị hoàng đế nghiêm trị.

Trong các quan lại tham gia cờ bạc có một số người có dụng ý riêng, như Nhan Sư Bá và Vũ đế Lưu Tuấn nhà Lưu Tống đánh bạc, "Vua gieo được điểm trĩ cả mừng, cho rằng nhất định thắng. Sư Bá gieo được mặt lô, vua thất sắc. Sư Bá bèn gom xúc xắc lại nói: Mấy lần được điểm lô rồi. Hôm sau Sư Bá thua một lần hàng trăm vạn, vẫn được thắng làm Thượng thư bộ Lại, Hữu Thừa tướng. Vua không muốn người dưới cầm quyền nên những người được tuyển trước sau chỉ lúu rúu vâng dạ, nhưng Sư Bá một mình độc đoán, tờ tâu dâng vào không điều gì không được chuẩn y"⁽²²⁾. Nhan Sư Bá đánh

(18) *Tư trị thông giám*, quyển 171, *Thái Kiến ngũ niên thập nguyệt*.

(19) *Dẫn từ Uyển giám loại hàm*, quyển 330.

(20) *Tống thư*, quyển 50, *Lưu Tổ Khang truyện*.

(21) *Bắc Tề thư*, quyển 39, *Tổ Đình truyện*.

(22) *Nam sử*, quyển 34, *Nhan Sư Bá truyện*.

bạc đúng là Ý của ông say không ở rượu, thông qua thủ đoạn cờ bạc cố ý thua mà lấy lòng tin của hoàng đế để được quan lộc.

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, quý tộc đại thần quen cờ bạc, ảnh hưởng tới thuộc viên môn sinh. Liêu thuộc của danh thần Dữu Dục thời Đông Tấn "hợp bọn đánh bạc", khiến việc đánh bạc "dần dần thành lệ"⁽²³⁾. Một người giúp việc của Đào Khả rất mê cờ bạc, thường vì cờ bạc mà "bỏ bê công việc". Gia tộc họ Vương nhà Đông Tấn mê cờ bạc, môn sinh của họ cũng tụ hợp chơi Vu bồ⁽²⁴⁾. Ngự Huyền ăn hối lộ phạm pháp, liêu thuộc của y cũng phóng dăng không chịu ràng buộc, tụ hợp đánh bạc thành thói, họ "chơi Song lục ăn tiền, hết tiền thì lấy hoa vàng đánh tiếp, Ngự Huyền nói được hoa hơn được tiền"⁽²⁵⁾.

Lúc bấy giờ phong khí cờ bạc còn lan tới khu vực các dân tộc ít người ở nơi xa, thậm chí lan ra cả nước ngoài. Ở khu vực Lâu Lan vùng Tân Cương và Thổ Lỗ Phồn đều phát hiện những lời bói toán bằng văn tự Đột Quyết và Tây Tạng về cờ bạc. Người Đột Quyết vì chịu ảnh hưởng của Hán tộc, nên "đàn ông thích Vu bồ"⁽²⁶⁾; người Bách Tế có những trò Đầu hổ, Vu bồ, Lộng châu, Ác sóc; Nhật Bản cũng thế, có đủ loại cờ bạc du nhập. Điều đó cho thấy việc vua chúa quan lại cờ bạc có ảnh hưởng rất lớn tới phong tục một thời.

Trong quan lại thời Đường cũng có kẻ thích cờ bạc, như trò Song lục, "Vương công đại nhân có kẻ rất đam mê, thậm chí bỏ bê việc chia buồn chúc mừng, bỏ ăn bỏ ngủ"⁽²⁷⁾. Điều đó cho thấy có một số quan lại thời Đường đặc biệt ưa thích cờ bạc. Lúc Võ Tắc Thiên hạ chiếu mở yến tiệc, "Hai

(23) *Thái bình ngự lãm*, quyển 754, dẫn từ *Dữu Dục tập*.

(24) Lưu Nghĩa Khánh, *Thế thuyết tân nghĩa*, *Phương chính*.

(25) Đoàn Thành Thúc, *Tây dương tạp trở*, *Thảo thiên*.

(26) *Bắc sử*, *Đột Quyết truyện*.

(27) Lý Khải *Quốc sử bổ*, quyển hạ.

Trương và những người họ Võ chen chúc chơi Vu bồ⁽²⁸⁾. Hai Trương tức hai sủng thần Trương Xương Tông, Trương Dịch Chi của Võ Tắc Thiên, những người họ Võ là chỉ đám cháu của Võ Tắc Thiên, là bọn quý tộc quan lớn đương thời. Họ đều coi việc được hầu hạ nữ hoàng đế cờ bạc là điều vinh dự, đã coi cờ bạc là việc bình thường trong sinh hoạt hàng ngày. Lúc bấy giờ rất nhiều đại thần cũng giỏi cờ bạc, có lần đại thần Dịch Nhân Kiệt tâu việc, Võ hậu sai Dịch Nhân Kiệt chơi Song lục với Trương Xương Tông, lấy tấm áo Tập thủy cừu của Võ hậu ban cho Trương Xương Tông làm tiền đặt bạc. Trước mặt Dịch Nhân Kiệt phong thái oai nghiêm, "Trương Xương Tông lòng dạ rồi bời, mất hết khí thế, thua liên tiếp mấy ván. Lương công bèn lột tấm áo cừu khoác về"⁽²⁹⁾. Dịch Nhân Kiệt nhờ thắng mà lột được tấm áo Thủy cừu của Trương Xương Tông thì mục đích không phải vì một tấm áo, mà là nhân cơ hội để áp đảo kẻ sủng thần ngênh ngang. Điều đó cũng nói rõ Dịch Nhân Kiệt về việc cờ bạc thì mười phần tinh thông nên mới có thể thắng liên tiếp mấy ván. Lại như Thôi Sư Bản làm Huyện lệnh Lạc Dương là yếu địa ở kinh sư "Thích trò Vu bồ thời cổ", rất sành Vu bồ. Ngoại thích Dương Quốc Trung đời Huyền tông vốn "Nghiện rượu chè cờ bạc, nhiều lần xin xỏ vay mượn người ta, không có hạnh kiểm, họ hàng không coi là con người". Y dành dụm tiền đi đường và tiền cờ bạc "Tới Thành Đô chơi Vu bồ, một ngày thua sạch, bèn bỏ trốn". Về sau y vào kinh, nhờ giỏi trò Vu bồ được tiến cử với Huyền tông. Lúc Quốc Trung hầu hạ hoàng đế, "Chuyên chơi Vu bồ, lo lường tính toán không hề sai chạy"⁽³⁰⁾, rất được lòng Huyền tông, làm quan tới chức Tể tướng. Huyện úy Vạn Niên ở kinh đô Trường An còn "Thường để sẵn mấy trăm quan tiền trong quan sảnh" để các đạt quan

(28) *Uyên giám loại hàm*, quyển 331, dẫn từ *Không thiết*.

(29) *Tiết Dung Nhược*, *Tập dị ký*, *Tập thủy cừu*.

(30) *Tân Đường thư*, quyển 206, *Ngoại thích truyện*.

quý nhân ghé chơi đánh bạc. Đó cũng là dùng tiền công để làm vốn lấy lòng quan trên. Quan lại các địa phương thời Đường cũng ham mê cờ bạc thành thói như "Quan lại Diêu Châu tụ họp chơi Vu bồ, một lần gieo xúc xắc là mấy vạn đồng"⁽³¹⁾. Huyện lệnh Thuần Nghi trước kia, "Sau khi bãi nhiệm, vợ chết, vào chơi đất Thục, sớm chiều uống rượu đánh bạc với những nhà giàu trong đất Thục"⁽³²⁾.

Một số quân phiệt nhà Đường cũng ham mê cờ bạc. Trong chiến tranh bình định Hoài Tây, Lý Sư Đạo phái Lưu Yến Bình theo đường tắt ngấm vào do thám Hoài Tây đang bị Tiết độ sứ Thái Châu Ngô Nguyên Tế cật cứ. Lưu Yến Bình trở về nói "Nguyên Tế có vài vạn quân nhưng thường đánh bạc vui chơi với thẻ thiếp, nhất định sẽ thua"⁽³³⁾. Về sau quả như lời ấy, Lý Sóc nhà Đường nhân đêm tuyết tập kích Thái Châu, cuối cùng tiêu diệt Ngô Nguyên Tế. Lúc quân Đường tới sát còi, Ngô Nguyên Tế vẫn thản nhiên đánh bạc với người nhà, đủ thấy y ham mê cờ bạc tới mức bất kể tính mạng. Lại như Tiết độ sứ U Châu Lý Khuông Uy cuối thời Đường "Lúc trẻ hiếu dũng, không câu nệ tiểu tiết... chỉ uống rượu đánh bạc"⁽³⁴⁾, Kỳ vương Lý Mậu Trinh thời Ngũ đại sau khi nhậm chức không lo công việc, "Chỉ thích đua chó đánh bạc, chạy theo theo tiếng tăm lặt vặt"⁽³⁵⁾. Một số quan quân còn lấy cờ bạc làm vui, như Lưu Tín nhà Nam Đường tấn công Nam Khang, thắng trận khai hoàn, "Nghĩa tử sai chư tướng đánh bạc làm vui. Tín say rượu, nắm sáu con xúc xắc trong tay, nói: Tín không phụ ngài thì gieo một lần được toàn mặt đỏ"⁽³⁶⁾. Quả nhiên gieo được "toàn mặt đỏ", kết quả vua tôi

(31) *Tân Đường thư*, quyển 120, *Trương Gián Chi truyện*.

(32) Lý Ẩn, *Tiêu Tương lục*.

(33) *Tân Đường thư*, quyển 213, *Lý Sư Đạo truyện*.

(34) Tôn Quang Hiến, *Bắc mộng tỏa ngôn*, quyển 12

(35) Văn Oanh, *Ngọc hồ thanh thoại*, quyển 10

(36) Trịnh Văn Bảo, *Nam Đường cận sự*.

đều vui vẻ. Cuộc đánh bạc ấy đúng là mười phần náo nhiệt.

Đương thời cũng có một số quan lại lợi dụng cờ bạc tiến hành lường gạt. Đời Tuyên tông, Thứ sử Giác Châu An Trọng Bá có lần cố ý mời một người khách buôn đầu giàu có tới đánh cờ vây ăn tiền, mỗi ngày chỉ hạ không quá mười quân, người khách không sao chịu nổi, đành hiến mười nén vàng cho Trọng Bá mới được nghỉ chơi⁽³⁷⁾.

Cũng có một số quan lại sĩ tử dùng cờ bạc làm công cụ bói toán. Có một người tên Phòng Thiên Lý, vào năm Khai Thành thứ 3 (838) theo đường thủy lên bắc, dùng thuyền ở phía bắc hồ Động Đình, vì gió lớn sóng to đậu lại ba ngày. Lúc ấy y gặp mấy người tự xưng là Tiên sĩ "Dùng sáu con xúc xắc vui chơi, lúc gieo xúc xắc tính điểm nhiều ít để xem số phận đồ đạt làm quan"⁽³⁸⁾, cũng là cách gieo xúc xắc để đoán hoạn đồ thuận lợi hay trắc trở. Gieo xúc xắc đương nhiên không thể đoán được số phận, cũng không thể dùng đó để phán đoán phải trái, nhưng đương thời cá biệt lại có loại quan hồ đồ hôn ám bất tài lại dùng cách đó để "xử án". Thứ sử Việt Châu Đồng Xương là kẻ vô cùng ngu muội, xử án ắt gieo xúc xắc để phán đoán phải trái, gieo tới mức "kẻ thua thì chết", lưu lại một chuyện cười lớn trong lịch sử⁽³⁹⁾.

Đại thần thời Tống cũng không ít người thích cờ bạc. Quách Tiên người Thâm Châu, lúc nhỏ nghèo hèn, "nghiện rượu chè cờ bạc"⁽⁴⁰⁾. Con Lý Lạp là Trọng Ngụ thích cờ bạc rượu chè, (Trương) Ký vì thế ra sức can gián, Trọng Ngụ tạ lỗi. Lại vài tháng sau có người nói "Trọng Ngụ vẫn cờ bạc như cũ, Ký bèn tuyệt giao"⁽⁴¹⁾. Lý Trọng Ngụ biết lỗi mà không bỏ được, đủ thấy đã tập nhiễm rất sâu. Khấu Chuẩn

(37) *Bắc mộng tóa ngôn*, quyển 1

(38) Phòng Thiên Lý, *Đầu tử tuyển cách tự*.

(39) *Tân Đường thư*, quyển 225 hạ, *Đồng Xương truyện*.

(40) Xem *Tống sử*, quyển 273, *Quách Tiên truyện*.

(41) *Tống sử*, quyển 267, *Trương Tự truyện*.

trong cuộc chiến ở Đàn Châu, lúc việc quân bận rộn, chiến sự phức tạp cũng không quên cờ bạc, ông ta "Uống rượu đánh bạc với Dương Ưc, nhả nhạc làm vui"⁽⁴²⁾. Lại như Chương Đắc Tượng chơi cờ với Dương Ưc, "đánh bạc ở nhà Lý Sùng Ngạc, một đêm thua tới 30 vạn mà vẫn ăn ngủ như thường. Hôm khác lại thắng, thắng được Sùng Ngạc một tráp vàng. Vài hôm sau lại thua, lại trả tráp vàng cho Sùng Ngạc, dấu niêm phong vẫn chưa mở"⁽⁴³⁾. Chương Đắc Tượng đối với một món tiền lớn như thế mà không tiếc ném ra một lần, cũng không thèm nhìn tới, điều đó nói rõ các đại thần nhà Tống trong chuyện cờ bạc thì khí độ không nhỏ. Lại như *Tống sử*, *Lưu Thâm Dương truyện* chép, Lưu "thường kết giao với các chư hầu ở trấn, giỏi tấu lệnh, đánh bạc". *Quý Tân tạp thức* cũng nói Thừa tướng Giả Tự Đạo (Sư Hiến) lúc trẻ "phóng đảng rượu chè cờ bạc", khi chấp chưởng quyền bính rồi vẫn ham đá dế, vứt hết chuyện quốc gia đại sự qua một bên.

Giống như nhiều quan lại thời trước, quan lại thời Tống cũng lấy việc cờ bạc làm công cụ bói toán. "Vương Chiêu Viễn vốc dáng khôi vĩ..., một hôm mọi người cúng thần trong làng, Chiêu Viễn vừa tới, có người đưa xúc xắc cho, nói: Ngày sau anh sẽ cầm tiết việt, thử gieo để bói xem sao. Chiêu Viễn gieo một lần, sáu hạt xúc xắc đều ra mặt đỏ". Về sau được phong chức Tiết độ sứ quân Bảo Tĩnh⁽⁴⁴⁾. Gieo xúc xắc được mặt đỏ mà về sau được thăng quan là chuyện ngẫu nhiên. Nhưng quan lại thông qua việc đánh bạc cầu cho hoạn lộ hanh thông cũng là hiện tượng thường thấy.

Có một số quan lại cờ bạc là để tránh tai họa và xung đột. Quách Sùng làm Giám quân ở Trấn Định, Trần Tư Hải tâu Sùng có lòng khác. Thái tổ sai người xem xét, Sùng mới tới trước khách xá, "Ngồi ở tiểu đình trên hồ uống rượu đánh

(42) *Tống sử*, quyển 281, *Khẩu Chuẩn truyện*.

(43) *Tống sử*, quyển 311, *Chương Đắc Tượng truyện*.

(44) *Tống sử*, quyển 276, *Vương Chiêu Viễn truyện*.

bạc, vào thành ăn yến"⁽⁴⁵⁾. Quách Sùng lấy việc uống rượu cờ bạc để tỏ rõ mình không có chí lớn, để tiêu trừ sự nghi ngờ của hoàng đế với mình. Lại như dưới triều Chân tông, Khấu Chuẩn bị Đinh Vĩ gièm pha, bị tước hết chức quan, biếm xuống phương nam. Không bao lâu Đinh Vĩ cũng bị đày ra Lôi Châu, phải đi ngang chỗ Khấu Chuẩn ở. Lúc ấy gia đồng của Khấu Chuẩn muốn nhân cơ hội giết chết Đinh Vĩ để báo thù, Khấu Chuẩn "bèn đóng cửa sai họ đánh bạc, không được ra ngoài, chờ Vĩ đi xa mới thôi"⁽⁴⁶⁾, rồi lại tránh được một trường xung đột chém giết.

Vương công đại thần nhà Liêu cũng thích các trò cờ bạc như Xạ hổ, Xạ thỏ (Bắn cọp, Bắn thỏ). Hàng năm cứ đến ngày Trùng cửu thì họp lại chơi Xạ hổ, người "hơi thua" phải "bày một mâm tiệc ăn mừng ngày Trùng cửu", tiền đặt bạc như vậy không thể nói là nhỏ⁽⁴⁷⁾.

Thời Nguyên đại thần thích cờ bạc. Đến thời Minh sĩ đại phu lại càng ưa cờ bạc không biết mỏi, thậm chí có kẻ mở sòng công khai đánh bạc⁽⁴⁸⁾. Như Hà Sĩ Quân ở Phúc Thanh, "phóng đảng chơi bời, rượu chè cờ bạc"⁽⁴⁹⁾. Y Gia Tân "Lúc đã giàu sang vẫn phóng đảng như thường, ngao du sơn thủy, xông gai đập cỏ, nhà nhạc yến ẩm, mặc sức cờ bạc"⁽⁵⁰⁾. "Lý Tập Mỹ hào hoa nổi tiếng một thời, làm Huyện lệnh Uyển Bình, lúc chính sự nhàn rỗi cùng tỳ thiếp chơi Vu bồ"⁽⁵¹⁾. Đến cuối thời Minh trò Diệp tử rất thịnh hành, ngay quan viên sáu bộ cũng chơi tới mức quên ăn quên ngủ⁽⁵²⁾. Những trò đánh bạc đương thời thì phương nam có Mã diều, phương bắc có Hồn giang bài, lúc đầu lưu hành trong dân đen ở chợ

(45) *Tống sử*, quyển 255, *Quách Sùng truyện*.

(46) *Tống sử*, quyển 281, *Khấu Chuẩn truyện*.

(47) *Nhật hạ cựu văn khảo*, quyển 148, *Phong tục*.

(48) *Diễn Nghệ Hành*, *Lưu thanh trát ký*, quyển 3

(49) (50) (51) *Tiền Khiêm Ích*, *Liệt triều thi tập*

(52) Xem *Trương Di*, *Du văn tục bút*, quyển 4

búa, về sau sĩ đại phu vô cùng thích những trò ấy, rất phổ biến trong sĩ lâm. Chính quyền Hoàng Quang Nam triều tồn tại hơn một năm, chính trị vô cùng hủ bại, hoàng đế ham mê sắc đẹp, thường ăn tặc kê để bồi bổ sức khỏe, gian tướng Mã Sĩ Anh thì thích đá dế, cho nên đương thời có từ Hoàng đế Tắc kê (Cáp mô Hoàng đế), Tể tướng dế (Tất suất Tể tướng).

Đầu thời Thanh, tuy do chính quyền nghiêm cấm, việc quan lại đánh bạc có giảm chút ít nhưng vẫn có kẻ vi phạm lệnh cấm. Thân Hàm Quang đầu thời Thanh nói sĩ đại phu thích chơi Mã điếu đã tới mức "như điên"⁽⁵³⁾. Đầu đời Càn Long, quan quân doanh Thủy sư tại Thiên Tân không thạo việc sông nước nhưng trong thuyền thì "rượu chè cờ bạc"⁽⁵⁴⁾. Trong đời Gia Khánh, trong tôn thất có người cờ bạc, bị trừng trị nghiêm khắc, lại có kẻ coi quân doanh không biết việc rèn luyện thao diễn, "Rượu chè cờ bạc, có kẻ còn rơi xuống đầm hạ lưu"⁽⁵⁵⁾. Phong khí cờ bạc ấy từ kinh thành lan ra tới các tỉnh ở biên giới, quan quân ba tỉnh Đông bắc rất mê cờ bạc, một số Hiệp lãnh, Tá lãnh còn mở sòng bạc. Một số người Bát kỳ vì "mở sòng chứa bạc" mà dẫn tới chuyện tranh chấp, tuốt đao đâm chém, dẫn tới việc "đả thương nhân mạng"⁽⁵⁶⁾. Đến cuối thời Thanh, vì lệnh cấm đánh bạc dần dần lơ lửng, nên việc quan trường dùng cờ bạc để tiêu khiển đã trở thành việc thường thấy. Các quan lại gọi tắt việc đánh bạc là Lên lớp hàng ngày (Nhật hành thường khóa), phải chơi tới lúc thua hết tiền mới thôi. Đúng như *Thanh bị loại sao* nói "Đời Đạo Quang Tuyên Thống, mặt chước thịnh hành, lan ra trong cả các quan lớn lẫn giới bình dân, gọi là Xem trúc (Khán trúc), ý nói Sao có thể một ngày thiếu ông này"⁽⁵⁷⁾. Cho dù một số phủ đệ Vương gia, Công chúa cũng

(53) Thân Hàm Quang, *Kinh quốc tiểu ngữ*.

(54) *Thanh Cao tông Thực lục*, quyển 194, tr. 2862

(55) *Thanh Nhân tông Thực lục*, quyển 127, tr. 1794

(56) *Thanh Nhân tông Thực lục*, quyển 195, tr. 2841

(57) *Thanh bị loại sao*, *Đỗ bác loại*.

"mở sông"⁽⁵⁸⁾. Đám quan lớn quý tộc này đánh bạc rất lớn, một tiếng bạc đặt ngàn quan tiền còn coi là nhỏ. Con Dịch Khuông là Tài Chấn mở sông bạc trong nhà, một tiếng bạc ít nhất cũng phải đặt 3.000 quan. Đời Đạo Quang Hàm Phong, Đạo viên Triệu Tinh Thái rất nghiện cờ bạc "một ngày không chơi là như gánh vật nặng", lại có kỹ thuật đánh bạc cao siêu, đám bạn bè cờ bạc thấy mặt là tránh. Còn có Tri huyện bị cách chức Diêu Đôn Hy cũng là cao thủ trong sông bạc, mỗi lần tới sông chơi nhất định thắng lớn, chủ sông thấy thế rất sợ hãi, bèn mượn tiếng "dâng vàng chúc thọ" để "xin" y không cần tới sông, từ đó Diêu mỗi tháng ngồi không hưởng ngàn vàng. Diêu không tiện tới sông nữa bèn mở sông ở nhà, sớm tối họp con bạc chơi không lúc nào nghỉ. Đường thời có người đùa dối lời bài *Tiểu trung Bát tiên ca* để châm biếm: "Ma tương nhất bức báo nhất thiên, Ngũ Dương thị thượng than quán (tức đồ quán) miên, Thiên tử hô lai bất thượng thuyền, Tự xưng thần thị đồ trung tiên" (Mặt chược một bộ báo một bài, Ngũ Dương sông ấy luống mê say, Thiên tử gọi tới không lên thuyền, Tự xưng thần là tiên bạc đây)⁽⁵⁹⁾. Tuần phủ Hồ Nam Dương Văn Đình cuối thời Thanh vì cờ bạc không ngó ngàng gì tới chính sự, để mặc thuộc hạ làm việc, từ đó làm nhiều điều tệ hại. Có người làm một đôi liễn chế nhạo Văn Đình như sau "Văn cáo tận không ngôn, Thi vị tố xan, hà tăng niệm ai hồng biển dã; Đình hào chiếm phúc luyện, cập thời hành lạc, hoàn yếu xoa ma tương nhập quyền" (Văn kiện thấy nói suông, Thi gọi ăn không, nào nghĩ tới dân đau khắp nội; Đình chung rèn đánh bạc, kịp thời hành lạc, còn phải xoa mặt chược trên sông)⁽⁶⁰⁾. Toàn bộ đôi liễn tỏ ý căm tức phê phán Dương Văn Đình ưa nghe ca hát, không nghĩ tới dân, chỉ lo vui chơi, làm bại hoại chính sự, mà hai

(58) Đỗ Như Tùng, *Ký Tiêu Thanh Vương Kỳ Thiện, Văn Thanh cung đình kỷ văn*, tr. 301

(59) (60) Lý Kiều, *Thanh đại quan trường bách thái*, Trung Quốc Nhân dân Đại học xuất bản xã, 1990, tr. 149

chữ đầu hai vế chính là hai chữ Văn Đĩnh. Lại như ở phủ Thường Châu có hai viên Tri huyện, một tên Ngô Kỳ Xương, một tên Ông Diên Niên, thường xoa mặt chược trong nha môn, cơ bản không để ý gì tới việc chính sự. Lúc ấy nhà Thanh có chính sách hưng biện học đường, hai người bọn họ lại quen lối "tước chiến", vút công văn sổ sách qua một bên nên có người làm ca dao châm biếm rằng "Khai dân trí, tại học đường, học đường bất khai quốc mạch vong. Quan biện bất hưng vượng, cứu thị hà tâm trường! Nhất phủ dữ lưỡng huyện, nha thự tân đường đường, trưởng quan tại nội tổ thậm sự, ma tước dã nhất trường! Tư dưỡng xuất ngoại ngôn: Kim nhật lão gia thâm ngũ thập, khứ niên lão gia thâm tam thiên. Đa bài thị yếu khẩn, học đường bất quá vấn" (Mở dân trí, ở nhà trường, nhà trường không mở mạch nước tàn. Quan làm không kết quả, Không sao hiểu nổi lòng! Một phủ cùng hai huyện, nha thự trông đường đường, trưởng quan ở trong làm việc gì, mặt chược đánh một sòng! Đấy tớ ra ngoài nói: Hôm nay lão gia thua năm chục, năm ngoái lão gia thua ba ngàn. Đánh bài là việc gấp, nhà trường không hồi hạn). Lại như trong đời Quang Tự, Tướng quân coi quân trú phòng ở Hàng Châu là Thường Ân rất thích đá dế, vì thế không tiếc của công mua dế "đấu sĩ" mà nổi tiếng khắp thành. Nhị công tử của Thường Ân còn ham mê hơn cả cha. Lúc Thường Ân được điều đi nơi khác, Nhị thiếu gia vẫn còn lưu luyến đá dế không muốn đi theo. Người tiếp nhiệm là Thoại Vi hiểu ý Nhị thiếu gia, dành lại mấy gian phòng trong nha môn cho y nuôi dế. Điều đó cho thấy quan lại nhà Mãn Thanh và đám con em người Bát kỳ đương thời do được ưu đãi, đã trở thành bọn "sáu một" không lo làm ăn hoặc rong chơi lêu lổng.

Từ một số quan lại gian tà "lấy cờ bạc được chức quan" trong lịch sử, thì thời Thanh cũng có người thông qua cờ bạc, lấy lòng cấp trên mà đạt được mục đích thăng quan tiến chức. Như có một số thái thái, tiểu thư nhà quý tộc quan lại đánh bài hầu Hiếu Khâm hậu (tức Từ Hy Thái hậu), lại mềm

mỏng tăng bốc nịnh hót, tìm đủ cách lấy lòng. "Mỗi khi chia bài, ắt có cung nhân đứng sau lưng Thái hậu ra hiệu, Hiếu Khâm có những cặp Trung, Phát, Bạch, thì người đánh bài hầu đánh ra cho thành đôi. Khi Hiếu Khâm ù, ắt bước ra khỏi chiếu lạy mừng, thua bao nhiêu cũng khấu đầu xin Hiếu Khâm hạ cố thu nhận. Đến khi mắc nợ chồng chất, không sao trả nổi thì năn nỉ xin giao cho chức vụ tốt còn khuyết, tiền thu được gấp mấy chục lần số thua"⁽⁶¹⁾. Số quan lại này thông qua quyển thuộc, dùng cách cố ý thua tiền để cầu chức béo bở, chỗ dụng tâm không thể nói là không khó nhọc. Lại như bài dẫn *Cố Trọng Cung thảo Tiễn Đại hịch* trong *Bút mộng tự* của tác giả khuyết danh thời Thanh viết như sau "Nguyên Ngự sử Tiễn Đại, núi sông un đúc, vũ trụ xấu xa, cầu quan bỏ tiết, giả đánh cờ thua, theo Ngô Thái thú làm môn khách,... thể trung thuận mãi, nhận Trương tướng quốc làm cha nuôi. Kính đại thần ra để, sĩ lâm chế nhạo". Thiên văn chương này đã vô tình bộc lộ sự phê phán loại người như Tiễn Đại để thăng quan tiến chức mà "giả thua cờ vây", cam lòng làm "con nuôi" vô sĩ⁽⁶²⁾.

Từ thời Dân quốc trở đi, quan lại quân phiệt cờ bạc càng ghê gớm, trên từ thủ lĩnh tối cao các phái, dưới tới một số viên chức cơ quan, có rất nhiều người say mê cờ bạc. Họ có thể bàn bạc, quyết định chuyện quốc gia đại sự ngay trên chiếu bạc. Như năm 1921 Nội các của Cận Văn Bằng xuất hiện khó khăn, nên giữ nguyên hay giải tán Nội các là do ba người quân phiệt đứng đầu Trực hệ và Phụng hệ là Tào Côn, Trương Tác Lâm, Vương Chiếm Nguyên vừa đánh bài vừa bàn bạc, sau cùng "quyết định chọn" Cận Văn Bằng đứng ra tổ chức nội các mới. Họ cũng dùng cờ bạc để lấy lòng cấp trên. Như "Đại Nguyên soái" Trương Tác Lâm lúc quân Đông

(61) *Thanh bị loại sao, Đỗ bác loại.*

(62) Tác giả khuyết danh thời Thanh, *Bút mộng tự*. Xem *Thuyết khố*, Chiết Giang nhân dân xuất bản xã.

bắc vào kinh đô, quyết định cải tổ Bộ Tài chính, vốn đã định giao một chức Thứ trưởng cho Thứ trưởng kiêm Thứ lý trưởng Diêm vụ Đoàn Vinh Sam, nhưng Sảnh trưởng Sảnh Tổng vụ Bộ Tài chính Chu Hữu Tế cũng thòm thèm chức vụ béo bở ấy. Có lần Đoàn Vinh Sam, Chu Hữu Tế đánh bài với Trương Tác Lâm, Đoàn còn tính toán chuyện ăn thua, chứ Chu Hữu Tế thì phá đôi trong bài mình cho Trương Đại soái "ù toàn đen". Đến khi công văn giao chức phát ra, mấy chữ "Chu Hữu Tế làm Thứ trưởng Tài chính" sờ sờ trước mắt, Đoàn Vinh Sam nhìn thấy trợn mắt há miệng, không biết vì sao.

Tối như đám quân phiệt quan lại chính khách lấy cờ bạc làm vui, tìm cảm giác mạnh thì càng nhiều hơn. *Thân báo* tháng 4. 1919 có mấy bài nói rõ vấn đề này. Ngày 3. 4, Thiêm Thiêm trong bài *Ngạc tỉnh nghị hội cấm đồ án chi dụng ý* (Dụng ý của việc Nghị viện Hồ Bắc trong việc cấm cờ bạc) nói "Việc cờ bạc ở Vũ Hán trước nay vốn rất phổ biến, gần mười năm nay những người vì cờ bạc mà đột nhiên trở thành giàu có hay khuynh gia bại sản không biết bao nhiêu mà kể. Như Hồ Ấu Chi làm nghề mua bán đoạn có gia sản 50 vạn, một sớm thua sạch, nên Tổng kê tra Lưu Hữu Tài, cựu Tham nghị viên Quách Nhân Chương Vũ Hán đều trong một ngày giàu thêm hơn 80 vạn"⁽⁶³⁾. Đủ thấy số quan lại này dùng tiền đặt bạc rất lớn để tiêu khiển làm vui. Báo ấy số ra ngày 19. 4 đăng diện báo từ Bắc Kinh nói "Đêm trước Đề đốc Du kích đội (Đề đốc Thự Tuấn sát đội) phá một sòng bạc lớn ở đường Giao Dân Tây, thu được tiền bạc ngân phiếu hơn 4 vạn. Nghe nói Tổng trưởng Mỗ bị bắt, sau hối lộ nhiều tiền được tha". Ngày 25 tháng ấy báo ấy lại có một bài *Bắc Kinh phá hoạch quan liêu đại đồ quật* (Phá được một ổ bạc lớn của quan lại ở Bắc Kinh), trong nói "Mấy năm nay tình hình cờ bạc ở kinh thành rất phổ biến, bắt đầu từ người nhà nước, thua thắng đến vài chục vạn", lại nói "Hôm trước chợt có một

(63) *Thân báo* ngày 3. 4. 1919

sòng bạc lớn ở phía đông kinh thành bị phá", mà sông bạc này chính là "biệt thự của Thứ trưởng Mỗ, Tổng tài Mỗ, Kinh lý Mỗ, Đốc biện Mỗ. Nghe nói poker, bài cầu, gieo xúc xắc, mạt chược loại nào cũng có". Trong một tháng ngắn ngủi mà phát sinh mấy vụ bắt cờ bạc, lại đều có liên quan tới quan lại chính khách. Những tin tức ấy có thể nói là rất phổ biến, đêm 9. 4. 1924, Cảnh sát Bắc Kinh lục soát Câu lạc bộ Bình Trị, trong 54 con bạc bị bắt có cả Nghị viên và Trung tướng quân đội⁽⁶⁴⁾. Ngoài một số quan lại quân phiệt lớn say mê cờ bạc, một số quan lại loại vừa và nhỏ cũng thế. Như Khoa trưởng thứ nhất Ty Chức phương Bộ Nội vụ của Chính phủ Bắc Dương là Ngô Thừa Thực, việc công thì bê trễ bôi bác cho xong, nhưng "mạt chược poker" thì "đều hiên ngang tới"⁽⁶⁵⁾. Một số quân phiệt địa phương cũng nghiện cờ bạc như tính mạng, như quân phiệt Tứ Xuyên Đặng Tích Hạo, Điền Tụng Nghiêu, Lưu Văn Huy thường tụ họp đánh bạc, bọn họ hàng năm chúc tết xong, quan quân tới nhà người đứng đầu đánh bạc ăn tiền, những người đứng đầu lúc chúc tết cũng phải gieo xúc xắc, chơi bài cầu, một lần mở mười mấy sòng. Về sau lại liên tiếp mời khách, uống rượu xuân, hô năm gọi sáu, chơi đến ngày ra để ở cung Thanh Dương mới hết phần đầu. Từ đó lại xoay vòng đánh bạc, đó gọi là "ăn tết xoay vòng" (Ngật chuyển chuyển hội).

Một số quân phiệt mở sòng bạc lớn là để bổ sung quân phí. Như tháng 4 năm Dân quốc thứ 8 (1919), quân phiệt ở Hồ Bắc để bổ sung quân phí đã mở sòng Vé số (Thái đồ) để lừa gạt, phát hành phiếu "Quân sự Thiện hậu khoán" khiến địa phương mang họa. Hành động này của bọn quân phiệt bị các nghị viên ở tỉnh phản đối. Lại như tháng 2 năm Dân quốc thứ 12 (1923), liên quân Điền Quế Việt ở Quảng

(64) *Thần báo* ngày 11. 4. 1924

(65) *Vương Quần Xã, Bắc Kinh quan liêu tội ác sử*, xem *Cận đại bị hải*, tập 3

Đồng để bổ sung nguồn lương thực đã thiết lập "Trù hương cục", chiêu mộ thương nhân Nhận thầu (Thừa bao) cờ bạc, nói "Các thương nhân nếu có kẻ tình nguyện xin lo liệu, thì nên lập tức khai rõ số lương sẽ nạp để tính toán cụ thể", "Nên làm đơn ghi số tiền sẽ nộp mà tới Cục trình báo, để làm việc cho rõ ràng"⁽⁶⁶⁾. Từ đó lệnh cấm cờ bạc bỏ hẳn, các sòng bạc, ổ bạc bị cấm nhao nhao "mở lại". Bọn quân phiệt cũng nhân đó "ăn no".

Còn có một số quan lại quân phiệt mượn danh nghĩa cờ bạc để công khai đòi hối lộ, cũng có một số quan lại nhỏ nhân dịp hối lộ để lấy lòng cấp trên. Vào những năm 20, vua địa phương An Khánh An Huy là Mã Liên Giáp thường tụ họp chơi bài cầu ở nhà Viên Sinh Kiệt trưởng quan Doanh vụ xứ của mình (ở ngõ Tiểu Nhị Lang huyện thành An Khánh), các viên Tri huyện, Cục trưởng Cục Ly kim cùng chơi để hối lộ cố ý thua lớn thua to, lúc mờ mịt đưa tiền cho Mã Liên Giáp để mong được Mã che chở. Đương thời Tri huyện Hòa huyện là Kim Bảo Quyền biết Mã Liên Giáp thích ăn hối lộ, gặp ngày sinh nhật Mã đặc biệt đưa biếu một bộ bài mặt chược làm bằng vàng ròng, rất được lòng Mã. Kim Bảo Quyền đúng là một kẻ dùng vàng giữ quyền danh phó kỳ thực.

Một số quan lại quân phiệt còn lấy cờ bạc làm phương tiện để liên hệ. Thời Chính phủ Bắc Dương, vì muốn làm Trưởng quan Phó quan trong cơ quan, không ngừng thăng tiến, kẻ khéo léo phải "giỏi cờ bạc"⁽⁶⁷⁾, chính là thông qua lúc cờ bạc tăng cường tình cảm, để tiện chiếu cố lẫn nhau.

Cũng có một số ít quan lại quân phiệt chơi cờ bạc nhằm mục đích lung lạc cấp dưới. Trương Tác Lâm "mỗi năm vào mùa xuân đều mang rất nhiều tiền bạc tới chỗ vệ binh

(66) *Thần báo* ngày 10. 2. 1923

(67) Hồ Phác An, *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí*, hạ thiên quyển 1 *Kinh triệu*, dẫn *Bắc Kinh dậu hiên lục*.

đánh bạc với quân sĩ, đánh tới cuối cùng bất kể thua thắng bao nhiêu cũng nắm tiền trong tay ném hết lên không, để mặc mọi người tranh nhau nhặt. Y và đám quân sĩ hô hô cười rộ một trận⁽⁶⁸⁾. Trương Tác Lâm chính dùng cách ấy để biểu thị việc cùng vui với quân sĩ, từ đó mua chuộc lòng người, để y sử dụng.

Đặc điểm trong việc cờ bạc của quan lại quý tộc là tiền đặt bạc rất lớn, tiêu phí ngàn vàng cũng không để ý. Vì quan lại thân sĩ thế lực lớn, địa vị cao, luôn luôn là chỗ dựa của bọn con bạc, chủ sòng bạc. *Thái Châu ký*, thiên *Phong tục* nêu rõ chỗ dựa của đám chủ sòng bạc ở địa phương chính là bọn thân sĩ nghiêm trang đạo mạo. *Côn Tân lương huyện tục tu hợp chí* cũng nói "Những nhà chứa bạc đều có chỗ dựa". "Chỗ dựa" của họ chính là chính quyền địa phương. Ở một dải Quảng Đông, "Bọn con bạc hối lộ lấy lòng thân sĩ, cũng có kẻ đòi bọn con bạc nộp tiền quy lệ, nếu không chịu sẽ lập tức báo quan trừng phạt, nên bọn con bạc sợ họ như cọp⁽⁶⁹⁾". Quan lại thân sĩ trở thành ô dù che chở cho cờ bạc, nắm lấy cơ hội ấy để làm tiền mà phát tài.

II. Cờ bạc với văn nhân mặc khách

Cờ bạc có tính kích động mãnh liệt, đối với một số văn nhân giàu óc tưởng tượng, hào phóng không chịu bị ràng buộc rất phù hợp, vì thế có những văn nhân ưa thích cờ bạc, điều đó cũng rất tự nhiên.

Theo truyền thuyết, Vu bô chính là do nhà triết học nổi tiếng thời cổ ở Trung Quốc, người từng giữ chức coi giữ kho tàng sử sách của nhà Chu là Lão tử phát minh ra. Nhà thơ vĩ đại nước ta thời Chiến quốc là Khuất Nguyên có lẽ

(68) *Giang Tô văn sử tư liệu tạng san*, Lưu Vinh Hòa, *Thiếu sư phủ thị vệ quan tạp ký*, tr. 21

(69) *Thanh bị loại sao*, *Đỗ bác loại*.

cũng là một người thích cờ bạc, nên Tống Ngọc trong *Chiêu hồn* mới dùng việc nước cũ "có trò Lục bác" để gọi hồn Khuất Nguyên về. Đầu thời Tây Hán, các học giả "Thương Sơn tứ hạo" giúp đỡ Thái tử, "nói tâm pháp theo lối Vu bồ"⁽⁷⁰⁾, trong lòng vận dụng nguyên lý của trò Vu bồ, tính toán nơi màn trướng, quyết định kế sách, cho thấy họ đương nhiên rất sành trò này. Thời Tây Hán, Nghê Khoan "thông Kinh học, giỏi văn chương" cũng có ghi chép về việc chơi đánh bạc với Thái tử. Nhà Kinh học gia Mã Dung thời Hậu Hán không những giỏi cờ bạc mà còn làm bài *Vu bồ phú* miêu tả quá trình và tình hình kịch liệt lúc chơi trò Vu bồ, rất có văn vẻ (có người ngờ là bài phú này do người thời Ngụy Tấn ngẫu tạo, nhưng không đủ căn cứ). Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, Trần Tư vương Tào Thực nhà Ngụy cải tiến việc chế tác, phát minh ra xúc xắc được dùng vào rất nhiều trò cờ bạc. Đại danh sĩ Vương Diên thời Tây Tấn từng đặt bạc một con bò. Vương Hoàng thời Đông Tấn lúc trẻ từng chơi Vu bồ trong nhà Công Thành Tử Dã, sau khi đã cầm quyền vẫn còn bị người khác làm khó⁽⁷¹⁾.

Trong văn nhân thời Đường phong khí cờ bạc rất thịnh hành. Lạc Tân Vương giỏi làm thơ ngũ ngôn, rất tài hoa, trong lịch sử thơ ca được gọi là một trong "Sơ Đường tứ kiệt", "nhưng phóng dăng vô hạnh, thích giao du với bọn con bạc"⁽⁷²⁾. Nhà văn Trần Tử Ngang, năm mươi tám tuổi vẫn chưa biết chữ, mà "vì là con nhà giàu vẫn ngênh ngang, sẵn sẵn cờ bạc như thường"⁽⁷³⁾. Thi nhân Thôi Hiệt "Có tài không đức, thích cờ bạc rượu chè"⁽⁷⁴⁾. Đại thi nhân Lý Bạch trong bài *Thiếu niên hành* cũng nói mình "Hô lô bách vạn chung

(70) Đỗ Mục, *Phản Xuyên thi tập*, quyển 1, *Tổng Mạnh Tri tiên bối*.

(71) *Tống thư*, quyển 42, *Vương Hoàng truyện*.

(72) *Cựu Đường thư*, quyển 190, *Văn Uyển truyện thượng*.

(73) *Tân Đường thư*, quyển 107, *Trần Tử Ngang truyện*.

(74) *Cựu Đường thư*, quyển 190, *Văn Uyển truyện*.

bất tích" (Đánh bạc trăm vạn vẫn không tiếc). Đỗ Phủ trong bài *Kim tịch hành* cũng nói thẳng không kiêng kỵ rằng "Tương dư bác tái vi hoan ngu, Đầu lãng đại khiêu hô Ngũ bạch" (Lấy việc cờ bạc làm trò vui, Vào sông quất lớn hô Ngũ bạch). Người mở đầu cuộc vận động trong cổ văn là Hàn Dũ thì rất thích "Lấy cờ bạc làm vui, tranh giành tiền bạc với người khác"⁽⁷⁵⁾, đến nỗi Trương Tịch bất mãn viết bài *Thượng Hàn Xương Lê thư* kịch liệt phê phán. Lưu Vũ Tích có bài *Quan bác* miêu tả cụ thể lễ tiết, quân bài, xúc xắc trong sông bạc "Đầu tiên chủ nhân cầm dụng cụ ác sộc, đặt xuống dưới hành lang nói: phải đặt ra người làm cái. Kế vãi nhường nhau theo thứ tự vào chỗ, có hai hạt xúc xắc, khác với xúc xắc thời cổ, làm bằng xương thú, bốn góc đều nhau, dùng son và mực bôi lên, từng cặp số đối nhau, ứng theo tuần trăng, xem ra mặt nào mà theo đó định hơn thua, loại xúc xắc này thông hành đã lâu, không rõ ai là người chế ra. Lúc chơi dùng nó để gieo, nên căn cứ theo hạt xúc xắc". "Đám con bạc thả sức gieo xúc xắc, trời tối lại thắp đèn chơi tiếp, ngưng thần tính toán, dốc hết mưu trí, người chủ sông ghi lại số lần thắng bại vào thẻ, xem người nào thua thì trừ vào ván trước"⁽⁷⁶⁾. Về việc gieo xúc xắc mà có thể miêu tả tỉ mỉ như thế, đủ thấy ông nghiên cứu sâu sắc toàn diện về cờ bạc. Trong *Luận thư* Lưu Vũ Tích còn nói nếu một văn nhân viết chữ xấu thì mọi người nhiều lắm là chế nhạo, chứ nếu bị chê là không biết cờ bạc, thì sẽ "vô cùng thẹn thùng, hoặc có vẻ luống cuống"⁽⁷⁷⁾. Điều đó cho thấy việc văn nhân đánh bạc là một phong tục trong xã hội đương thời. Văn nhân thời Đường là Tiết Nhậm làm bài *Hý Vu bỏ cốt phú* cũng miêu tả tình trạng đám con bạc say mê "Chung nhật mạc khốn, Liên tiêu chiến cam (Cả ngày không mồi, Liên đêm vẫn hăng). Các văn nhân thời bấy giờ còn tiến hành tổng kết và nghiên cứu

(75) *Toàn Đường văn*, quyển 684

(76) (77) *Toàn Đường văn*, quyển 608, *Quan bác*.

có tính chất lý luận về cờ bạc, viết ra các tác phẩm chuyên khảo như *Ngũ mộc kinh*, *Vu bồ tượng hý cách*, *Nguyên dịch vân vân*. Trong niên hiệu Trinh Nguyên, có Đồng Thúc Nho "cứ chơi một ván bài lại ghi vào một quyển, rất có ý nghĩ mới lạ", đáng tiếc là "không được lưu hành lúc đương thời"⁽⁷⁸⁾.

Một số văn nhân học sĩ thời Tống cũng ham mê cờ bạc. Thi nhân Dương Ưc đầu thời Tống thường đánh bạc với các đại thần. Cho dù là loại văn nhân đứng đắn như Âu Dương Tu cũng thích cờ bạc, lúc ông giữ chức Thái thú Dương Châu, thường uống rượu với tao nhân mặc khách ở Bình Sơn đường, chơi trò tửu lệnh, đúng như chính ông viết "Thiên khoảnh phù cử cái thủy bình, Dương Châu Thái thú cựu đa tình. Họa bốn vì xứ hoa quang hợp, Hồng tự chuyên lai tửu lệnh hành" (Ngàn khoảnh sen tươi rợp nước xanh, Dương Châu Thái thú kẻ đa tình. Lung linh xúc xắc trên bàn tiệc, Áo đỏ chuyên tay tửu lệnh hành)⁽⁷⁹⁾. Nữ sĩ nổi tiếng thời Tống là Lý Thanh Chiếu cũng viết bài *Đã mã đồ kinh tình tự*, trong thực tế bà tỏ ra rất giỏi trò Đã mã, giới thiệu cách thức, quy trình của nó rất cụ thể mới giúp chúng ta ngày nay biết trò Đã mã là gì. Thời Tống còn xuất hiện một loại văn nhân chuyên làm bạn đánh bạc để làm vui cho chủ nhân, họ "bàn cổ luận kim, ngâm thơ họa khúc, đánh cờ gậy đàn, đấu hồ đã mã, tả trúc vẽ lan, gọi là Thực khách"⁽⁸⁰⁾.

Giống như văn nhân thời Đường Tống, văn nhân thời Minh cũng không ít kẻ cờ bạc. Có lần ở Hàng Châu phát sinh một vụ án cờ bạc, "liên lụy tới mấy chục người, đều là học trò trong trường phủ học"⁽⁸¹⁾ cho thấy việc văn nhân cờ bạc là

(78) Lý Khai, *Đường quốc sử bổ*, quyển hạ.

(79) Âu Dương Tu, *Đáp Lữ Thông phán*, dẫn từ *Cát Lập Phương, Vận ngữ dương thu*, quyển 16

(80) *Mộng lương lục*, quyển 19, *Nhân nhân*.

(81) *Điền Nghệ Hành, Lưu thanh nhật trát*, quyển 3

rất phổ biến. Hoàng Phủ Xung ở Trường Châu nổi tiếng cờ bạc giỏi, "giỏi Giáp hoàn, đá cầu chơi nhạc, thạo cờ vây. Văn sĩ và đám thiếu niên du hiệp ở Ngô Trung đều khâm phục"⁽⁸²⁾. Hoàng Phủ Xung là một văn nhân phát triển toàn diện, được đám thanh niên suy tôn, chỗ giỏi nhất trong tài năng là "cờ bạc", cho thấy cờ bạc có sức hấp dẫn rất lớn đối với các phần tử thanh niên trí thức. Trong niên hiệu Vạn Lịch có một văn nhân tên Hàn Thượng Khuê, có tài thơ phú, "Vừa cùng người cao đàm hoạn luận, quất tháo uống rượu đánh bạc", mà để vừa ra đã làm xong, "đẹp đẽ đáng xem"⁽⁸³⁾, cảm hứng làm thơ lại nghiêng nhiên nảy sinh trong lúc trò chuyện uống rượu đánh bạc, đó cũng là một chuyện lạ. Chúc Doãn Minh tay phải có sáu ngón, tự hiệu là Chi Chi sinh, "thích tẩu sắc cờ bạc, không lo sửa đức hạnh"⁽⁸⁴⁾, xem ra vị tài tử giỏi âm nhạc, thư pháp này cũng là một con bạc.

Văn nhân thời Thanh phong khí cờ bạc cũng không giảm. Cung Vi trong *Sào lâm bút đàm* từng nói "Phong khí cờ bạc không thời nào thịnh bằng ngày nay", "Những nhà giàu sang vì đó mà táng gia bại sản, thậm chí có kẻ mất mạng, không thể kể xiết. Gần đây có một vụ án Chư sinh đánh bạc, giáo quan đánh bạc mất chức, kẻ liên can mắc tội nhẹ hơn cũng có mấy người, dường như cũng là sự trừng phạt nhỏ"⁽⁸⁵⁾. Đoạn văn trên nói rõ văn nhân đương thời say mê cờ bạc mà khuynh gia bại sản đã không phải là thiểu số, vả lại phong khí cờ bạc còn lan vào tới trường học. Thử nêu thêm vài ví dụ. Đầu thời Thanh danh thủ cờ vây là Lương Khê đi qua Bách Linh, "mỗi lần ra ngoài chơi được mấy trăm lượng vàng, lại hết sạch vì cờ bạc"⁽⁸⁶⁾. Vị đại sư cờ vây này trong chuyện cờ bạc là kẻ hơi kém, cho nên số tiền thắng được bằng tài nghệ đều thua sạch. Lại như Hàng Đồng Phủ lúc lấy

(82) (83) *Liệt triều thi tập truyện*.

(84) Diêm Tú Khanh, *Ngô Quận nhị liệu chi*.

(85) Cung Vi, *Sào lâm bút đàm*, quyển 4, *Đồ phong*.

hàm Biên tu về nghỉ ở quê nhà Hàng Châu, "thích cờ bạc, mang mấy trăm đồng tiền đánh bạc với bọn thiếu niên trong làng dưới cầu Vọng Sơn", bị Đốc học Tiền Duy Thành bắt gặp, Hàng không kịp tránh, đành lấy quạt che mặt, tỏ vẻ vô cùng lúng túng" ⁽⁸⁷⁾. Hay như Cung Tự Trân nổi tiếng là tư tưởng gia một thời, rất thích cờ bạc, nhưng vận khí không may, "cứ đánh là thua" ⁽⁸⁸⁾. Có lần Cung dự tiệc ở nhà một thương nhân buôn muối. Tiệc tan chơi Vu bồ sau hoa viên, Tự Trân hỏi mượn một người họ Vương một món tiền lớn vào chơi, nào ngờ "vừa vào cuộc đặt tiếng nào thua tiếng ấy, chỉ qua vài ván đã thua sạch tiền vốn. Cung giận lắm, bèn ráo bước ra cửa bỏ về" ⁽⁸⁹⁾. Tổng đốc Lạc Bình Chương nhà Thanh về sau được truy tặng Văn Trung công nhà ở Phật Sơn Nam Hải, lúc thiếu niên chưa hiểu đạo dạy học ở tư thực kiếm sống, "thích rong chơi, không chịu ràng buộc", "phong khí cờ bạc ở Quảng Châu thì Phật Sơn đứng đầu, Văn Trung tập nhiễm thói xấu, cũng nghiện cờ bạc" ⁽⁹⁰⁾. Đương thời ở đất Ngô có một phần tử trí thức nhỏ là Tưởng Dân Sinh, tự xưng là "Kẻ không thích cờ bạc", nhưng năm Đồng Trị thứ 1 vì chạy loạn tới nhà mẹ ở Hoàn Kinh, lại bắt đầu đánh bạc. Lúc đầu chỉ tới sòng bạc trong miếu đứng xem, thỉnh thoảng chơi một hai tiếng, về sau thì không những ngày nào cũng chơi mà còn đặt tiền cho mẹ, cho dì mình, trở thành một kẻ say mê cờ bạc ⁽⁹¹⁾. Cuối cùng có một vị là Ôn Nhược Uyên người Dương Hồ (nay là Vũ Tiến) Giang Tô, từng giữ chức Hàn lâm, về sau ngụ cư ở Thượng Hải, lấy việc bán chữ mưu sinh mà thu nhập hàng năm có thể tới vạn lượng vàng. "Nhưng thích cờ bạc, dạy học được bao nhiêu tiền, vào tay là hết sạch". Sau khi thua hết tiền, lại nói tiền của mình "dùng ngón tay mà được, dùng ngón tay mà mất, không phải là bọn nô lệ giữ của" ⁽⁹²⁾, không hề nghĩ tới việc sửa đổi, rất đáng đau xót.

(86) (87) (88) (89) (90) *Thanh bị loại sao, Đỗ bác loại.*

(91) *Tưởng Dân Sinh nhật lục.*

(92) *Thanh bị loại sao, Đỗ bác loại.*

Việc văn nhân cờ bạc đầu thời Dân quốc lại càng nhiều hơn. Như Lương Khải Siêu là vai chính trong việc biến pháp năm Mậu tuất, đến thời Dân quốc vẫn còn nổi tiếng trên chính trường cũng như học đường. Theo truyền thuyết ông ta mê cờ bạc nổi tiếng, thường trong lúc đánh bạc khởi thảo văn chương, có thể đặt bút là viết xong. Hay như vào những năm 20, hiệu trưởng trường Đại học Xuân Thân ở Thượng Hải "Thường tụ họp đánh bạc trong phòng ngủ, gây ra ảnh hưởng rất xấu đối với học sinh"⁽⁹³⁾. Lại như ký giả nổi tiếng Tào Tụ Nhân vào những năm 30, tham gia chơi Hối lực cầu dẫn tới một vụ án lớn. Vào thời kỳ ấy còn có một tác giả lớn say mê mạt chược, ông ta cho rằng tổ hợp mạt chược vô cùng ảo diệu, có thể cung cấp sự khái phát và liên tưởng, thúc đẩy việc sáng tác phát triển, vì thế rất hay chơi mạt chược. Đương thời có nhiều luật sư cũng tham gia cờ bạc, như đại luật sư Giang Nhất Bình là thượng khách trong sòng bạc của Đồ Nguyệt Sinh. Còn có luật sư Từ Sĩ Hạo "Hợp bọn đánh bạc, bị Tuấn bố trong tô giới Anh ở Thượng Hải đương thời bắt được"⁽⁹⁴⁾ tại trụ sở Trung Quốc Trại mã hội đường Thạch Môn Thượng Hải, trong đó không ít là người Tây dương.

Văn nhân đánh bạc cũng có đặc điểm riêng. Vì đọc sách quá nhiều, không hiểu việc đời, lại không biết những trò lừa đảo trong sòng bạc nên thua nhiều hơn thắng, đó là căn bệnh thông thường của đám một sách. Thứ nữa, văn nhân đều có tri thức phong phú và trình độ văn hóa cao, họ thích sáng tạo ra những trò cờ bạc mới, tổng kết kinh nghiệm cờ bạc, viết ra một số lượng sách vở lớn về cờ bạc, có tác dụng nhất định đối với việc phát triển cờ bạc. Thứ ba, vì sự tiếp cận tri thức và định hướng tư duy nên họ đặc biệt ưa thích những trò cờ bạc có tính chất trí thức, khéo léo như mạt

(93) *Dáng án dữ lịch sử* (Hồ sơ và lịch sử), số 4, 1991, tr. 76

(94) Xem *Cựu Thượng Hải dịch yên đồ xứng* (Thuốc phiện, cờ bạc, gái điếm ở Thượng Hải ngày trước), tr. 90

chược, đã mê, thi bảo, cờ vây. Sau cùng ngoài một thiếu số văn nhân quý tộc thì văn nhân nói chung không giàu có, tiền đặt bạc nói chung không nhiều lắm.

III. Cờ bạc với mệnh phụ kỹ nữ

Trong quá khứ có người nói, cờ bạc là đặc quyền của nam giới, phụ nữ không có duyên với nó. Câu ấy hoàn toàn không đúng, từ thời Dân quốc trở về trước ít nhất có hai loại phụ nữ là ngoại lệ, một là các phụ nữ quý tộc, hai là kỹ nữ. Từ thời Dân quốc trở đi, sự ngăn cấm giữa nam nữ buông lỏng, rào cấm dần dần mở ra, bất kể là loại phụ nữ nào cũng có khả năng tham gia cờ bạc.

Trong các phụ nữ quý tộc ngoài những phụ nữ có địa vị tối cao đã nói ở trên, như nữ hoàng, thái hậu thường cờ bạc, một số phi tần, quý phu nhân, công chúa cũng tham gia cờ bạc hoặc chơi bài. Thời Đông Hán, theo truyền thuyết có trò Tàng khu bắt nguồn từ Câu Dặc phu nhân, vì thế có thể do phụ nữ trong cung thời Tây Hán phát minh ra. Hoàng gia công chúa nhà Tây Hán dường như rất thích cờ bạc, công chúa Tế Quán đời Vũ đế gả cho Mã Tôn vương ở xa, của hồi môn mang theo không ít, nhưng nhất thời sơ sót, lại thiếu bộ bài. Về sau Tuyên đế lên ngôi còn đặc biệt đưa biếu một bộ bài để lấy lòng công chúa. Phi tần trong cung thời Đường còn lấy cờ bạc làm một cách thức để quyết định quyền hầu hạ vua, "Trong niên hiệu Khai Nguyên, hậu cung đông đúc, khó được lệnh hầu hạ, bèn lấy cờ bạc để quyết định, tập hợp cung tần trong cung dùng xúc xắc gieo, người thắng được hầu vua cả đêm, đám hoạn quan nói lén với nhau gọi xúc xắc là Người làm mai (Tọa giác môi nhân)"⁽⁹⁵⁾, nói rõ các phi tần giữa lúc nhàn rỗi buồn bã thường đánh bạc. Vì không ngừng đánh bạc nên trong cung thường xuất hiện những lối đánh bạc mới,

(95) Đào Hạp, *Thanh dị lục*.

đúng như Liễu Tông Nguyên nói trong *Quy bối thi* "Trường An tân kỹ xuất cung dịch, Huyền huyền sơ biến vương hầu trạch" (Trường An trò mới vừa ra mắt, Đã lan ra khắp phủ vương hầu). Trong cung vừa xuất hiện một trò cờ bạc mới, là sẽ lập tức được phổ biến tới khắp các phủ đệ giàu sang. Thơ *Cung từ* của Vương Kiến cũng nói "Phân minh nhân tọa đồ anh đào, Hữu khước đầu hồ ngọc uyển lao. Các bả trăm hương Song lục tử, Cục trung đấu đắc lũy cao cao" (Nhân rồi cùng gieo xúc xắc nào, Chơi vui đừng nói mỗi tay sao. Trăm hương thơm ngát bàn Song lục, Trong cuộc quân cờ chất chất cao), nói rõ trong cung thời Đường có sự cải tiến đối với cờ Song lục, đã đổi thành thiên về hướng cờ bạc, trở thành tiền thân của "con ngựa" trong trò Đả mã⁽⁹⁶⁾. Thời Vũ Đại cung nữ nhà Tiền Thục chơi trò Bách đá, Chu phi nhà Nam Đường chế ra trò Diệp tử cách, đều nói rõ loại phi tần phụ nữ quý tộc này thường bài bạc.

Thời Minh Thanh, rất nhiều phụ nữ quý tộc say mê cờ bạc, "Đêm qua đánh bạc đêm nay cờ"⁽⁹⁷⁾, tới mức ngày nào cũng chơi. Đầu thời Thanh một số nhà phú thương ở Tô Châu, lúc mở yến tiệc ở nhà đều phải mang tiền ra đánh bạc một lúc, gọi là Đánh bạc hoa (Hoa đồ). Trong cung nhà Minh mỗi năm phải mở hội đấu đế. Hậu cung thời Thanh theo chế độ nhà Minh, chọn chầu đá đế phải là chầu đá đế cao cấp ngự chế thời Minh, đế cũng là loại thượng hạng, thường tổ chức đấu, "Mỗi trị Ngự môn quan diện văn, Tiện yêu nữ bạn đấu thu trùng" (Sau lúc bãi chầu vào nội điện, Lại kêu cung nữ đấu thu trùng)⁽⁹⁸⁾. Cuối thời Thanh một số Phúc tấn (phu nhân), Cách cách (tiểu thư) thường được tuyển vào cung bồi

(96) Xem thêm Sử Lương Chiêu, *Bình thanh cục ảnh*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1992, tr. 45

(97) Hoàng Cảnh Nhân, *Ngũ mỹ nhân*, Kỳ.

(98) Vô danh thị, *Dưỡng tất suất*, xem *Thanh cung từ tuyển*, Tử kim thành xuất bản xã, 1985

tiếp. Từ Hy Thái hậu đánh bạc chược. Ngoài ra một số phu nhân, tiểu thư của quan liêu quý tộc cũng thường đánh bạc, đặc biệt là lúc tết, đánh bạc trở thành "tiết mục" nhất định. Đêm giao thừa ở kinh sư, "những nhà thế tộc đi tể từ đường, treo ảnh tượng lên. Sau buổi chiều, toàn gia đình quây quần lại chờ qua năm mới. Rượu thịt la liệt, đèn nến sáng choang, phụ nữ trẻ em đều gieo xúc xắc, đánh Diệp tử làm vui"⁽⁹⁹⁾. Cái gọi là "gieo xúc xắc, đánh Diệp tử" đều chỉ việc đánh bài giải trí, loại giải trí này phải chơi đến sáng mới nghỉ. Liêm Nhượng trong *Kinh sư phong tục chí* cũng nói tới việc "gia đình mở tiệc, lớn nhỏ vui vẻ, con cái chơi cờ bạc suốt đêm" trong đêm giao thừa, đủ chứng minh câu "giao thừa đánh bạc" không phải là giả. Ngày Nguyên đán âm lịch, các phụ nữ quý tộc cũng phải đánh bài làm vui. *Hồng lâu mộng* ngoài việc Giả mẫu "đánh Diệp tử" ở hồi 47 còn miêu tả tường tận tình cảnh Giả mẫu chơi bài trong ngày Nguyên đán ở hồi 53. Giả mẫu sau khi vào cung triều hạ, trở về phủ tể tổ tiên xong, "tất cả thân hữu tới chúc mừng năm mới đều không gặp. Chỉ cùng hai người đi Tiết, vú Lý vui vẻ trò chuyện, hoặc cùng bọn Bảo Ngọc, Bảo Thoa đánh cờ vây, đánh bài làm vui". Cái gọi là đánh cờ vây cũng là một loại hình cờ bạc nhỏ. Cách đánh là gieo hai hạt xúc xắc, căn cứ theo số điểm gieo được mà đi cờ, ai đi tới chỗ tận cùng thì thắng. Cuối đời Quang Tự, phụ nữ ở Thượng Hải thiết lập sòng bạc "Nữ Tổng hội", "Hô lô xướng trí, một tiếng bạc hàng ngàn vàng, người tham gia đều là phụ nữ nhà giàu". Họ đánh bạc đều vào lúc ban đêm, "treo đèn trái chiếu, chưa đến sáng không thôi"⁽¹⁰⁰⁾. Từ thời Dân quốc trở về sau phụ nữ không nhất thiết phải ngủ nhà, một số phụ nữ quý tộc công khai tới sòng bạc đánh bạc cũng không có gì là lạ. Như tiểu thư thứ bảy của Thịnh Tuyên Hoài đại thần Bộ Bưu điện cuối thời Thanh, bà Vương vợ Lý

(99) Phú Sát Đôn Sùng, *Bắc Kinh tuế thời ký*.

(100) Thanh bị loại sao, *Đổ bác loại, Nữ tổng hội*.

Luật Cúc, Lư Triện là phú thương quan lại ở Thiên Tân cũng liên tiếp lui tới các sông bạc ở Thượng Hải, Thiên Tân.

Phụ nữ quý tộc tham gia cờ bạc hoàn toàn là qua thời giờ nhàn rỗi buồn chán, lấp đầy khoảng trống trong lòng chứ không hoàn toàn vì việc ăn thua. Cách thức cờ bạc của họ cũng chủ yếu là loại đánh bài, đánh cờ trong phòng. Đương nhiên có lúc cũng có một số phụ nữ thông qua các hình thức như mạt chược tiến hành liên lạc giao tế giúp chồng. Có điều ở đây phải nói rõ một điểm là số phụ nữ bồi tiếp hoàng đế, hoàng hậu đánh bạc như các phi tần, phụ nữ "thị chiếu" trong lúc chơi phải mười phần cẩn thận, không thể không thua, nếu không sẽ chọc giận chúa thượng, nhưng lại không thể thua quá nhiều, nếu không chúa thượng sẽ trách anh không hết lòng. Nghe nói Diên Quý phi thời Minh hàng ngày hầu cờ Sùng Trinh hoàng đế đều không nhiều không ít, chỉ thua đúng hai con, đó chính là đạo lý ấy.

Tới như kỹ nữ tham gia cờ bạc càng là chuyện thường. Rượu chè cờ bạc là sở trường của người trong kỹ viện⁽¹⁰¹⁾. Một số khách chơi cũng mượn "cờ bạc" để lấy cớ chơi gái. Trò Diệp tử thoa theo truyền thuyết là do Lý Cáp thời Đường lúc giữ chức Thứ sử Gia Châu và kỹ nữ Diệp Mậu Liên "đi trên sông" phát minh ra. Sầm Tham thời Đường trong thơ của mình cũng có mấy câu như sau "Mỹ nhân nhất song nhân thả đô, Chu thần thúy mi ánh minh mâu... Hồng nha lữ mã đối Vu bồ, Ngọc bàn thiên thủ tán tác lô, Chúng trung khoa đạo bất tăng thâu" (Một đôi người đẹp cùng nhân nhả, Mội son mày biếc mắt ngời sao... Sáo đàn đối diện đánh Vu bồ, Bàn ngọc tay thon gieo điểm lô, Đám đông khoe nói chẳng từng thua)⁽¹⁰²⁾. Bài thơ này miêu tả rất chân thật tình cảnh kỹ nữ bồi tiếp đánh bạc lúc khách chơi ôm ấp. Từ thời Tống

(101) Xem *Trung Hoa xướng kỹ sử* (Lịch sử kỹ nữ ở Trung Hoa), Thượng Hải Tam Liên thư điểm, 1988, tr. 308

(102) *Toàn Đường thi*, quyển 199, *Ngọc Môn quan Cải tướng quân ca*.

Nguyên trở đi việc chơi gái đánh bạc lại càng là chuyện thường. Thời Minh rất nhiều kỹ nữ "về Âu ca, Tụ viên, Vũ tuyền, tầu lệnh, xai quyền không gì không tinh thông"⁽¹⁰³⁾. Kỹ nữ đương thời phần lớn chơi bài Diệp tử, trong đó cách đánh Xem cạp (Khán hổ) chính là kỹ nữ ở Kim Lăng kể cho Phan Chi Hàng ghi lại. Kỹ nữ ở Tân Hoài cuối thời Minh lại càng giỏi cờ vây và đánh bạc. Mẹ nuôi của danh kỹ Lý Hương Quân là Lý Trinh Lệ "có khí độ hào sảng, thường đánh bạc suốt đêm, thua hết ngàn vàng"⁽¹⁰⁴⁾. Đủ thấy quy mô cờ bạc trong kỹ viện rất lớn. Giữa thời Thanh, cờ bạc bắt đầu phổ biến lưu hành trong kỹ viện. Bổng Hoa Sinh trong *Họa phảng dư đàm* nói trong niên hiệu Gia Khánh, kỹ nữ "chuộng bài Diệp tử", cách đánh có các lối Thành khâm ngọc, Nganh thập hồ, còn có các lối Đầu kinh, Can dương, Khiêu hầu, Trích bát xoa, Đoạt trạng nguyên. "Chơi mãi cũng chán", lại cùng nhau Áp bảo, Dao nan, trong một ngày ăn thua vô số.

Từ cuối thời Thanh đến đầu thời Dân quốc, tất cả kỹ viện đều kiêm thêm sòng bạc, như có một loại kỹ viện gọi là Nganh hòa đài tử, là loại kỹ viện không treo bảng hiệu cho kỹ nữ "tại nhà", cũng gọi là Cửa khép hờ (Bán khai môn), Ổ riêng (Tư oa tử), về danh nghĩa là để người ta đánh bạc, nhưng trong thực tế có thể Gọi cuộc, Uống rượu, Qua đêm. Còn có một loại kỹ viện gọi là Trường tam, vì ngủ lại một đêm từ tối đến sáng phải tốn hai lần ba đồng, nên mượn nước bài Trường tam (hai quân ba điểm) trong bài câu để gọi tên. Khách chơi có thể mượn loại kỹ viện này để đánh bạc, mời tiệc, cái đó gọi là "Làm hoa" (Tổ hoa đầu). Lúc Làm hoa, nhất định khách chơi phải tới kỹ viện chiêu đãi khách mời (thức ăn có thể tự chuẩn bị, cũng có thể bảo kỹ viện lo giúp), khi khách mời đã tới đủ thì bắt đầu đánh bạc. Theo thông lệ

(103) *Minh Anh tổng Thực lục*, quyển 287, *Thiên Thuận nguyên niên ngũ nguyệt*.

(104) *Dư Hoài, Bán Kiều tạp ký*, xem *Chiêu đại tùng thư biệt tập*.

đầu thời Dân quốc, kỹ viện ở Thượng Hải thu tiền mỗi sông mặt chược 12 đồng⁽¹⁰⁵⁾. Nếu khách chơi chỉ mời bạn bè tới kỹ viện "Xoa mặt chược", "Ngành hợp", thì kỹ viện theo lệ mang ra bốn vò nước mát, bốn mâm thức ăn chiêu đãi, cũng có thể tùy khách chấm món. Mà phí tổn ăn uống trong kỹ viện đều vô cùng đắt đỏ. Ở Thành Đô vào những năm 30, 40 Làm hoa một lần ít nhất cũng phải trả cho chủ kỹ viện 50 đồng làm chi phí rượu thịt, nhiều nhất cũng có người trả 800 đồng⁽¹⁰⁶⁾. Mà nói tới bản thân kỹ nữ thì đều phải học đánh bạc, hiểu một số kỹ xảo cờ bạc. Có một số trò cờ bạc như Hồi lực cầu cơ hỗ trợ thành hạng mục mà mọi kỹ nữ đều phải biết. Từ niên hiệu Đồng Trị, Quang Tự nhà Thanh trở đi, các kỹ nữ để kiếm chác tiền đánh bạc của khách chơi, cũng để giải trí nên rất tích cực tham gia cờ bạc, vì thế hoạt động cờ bạc trong kỹ viện vô cùng lộng hành. Chu Sinh trong *Dương Châu mộng* có nói trong những người cùng ông tới kỹ viện chơi có rất nhiều kẻ thích trò Đấu diệp, mà ông không biết trò ấy, "chỉ ngồi yên mà thôi". *Lan chỉ linh hương lục* nói "Ngày hội đèn lồng năm Tân mùi (Đồng Trị năm thứ 10) ông Mỗ chiêu tập các danh kỹ, một nửa chơi Vu bồ. Tất cả gồm bốn sông, Mỗ đứng trên ghế cao lắc xúc xắc. Chợt bị vướng vào mớ râu dài, làm thành một cái bím nhỏ cắm hoa tươi, lại chạm vào giữa cánh tay tỳ thiếp của Mỗ là Tú Hoa "⁽¹⁰⁷⁾. *Tân Hoài cảm cựu tập* của Bình Cánh đời Tuyên Thống nhà Thanh cũng nói "Mấy năm nay trò Diệp tử rất thịnh hành, các nhân sĩ chơi thuyền ở Tân Hoài đều lấy đó làm trò tiêu khiển"⁽¹⁰⁸⁾. Đó đều là chứng cứ về việc cờ bạc lưu hành trong các kỹ viện ven sông. Những kỹ nữ ở đó chen chúc với khách chơi, cười nói ồn

(105) Xem *Cựu Thượng Hải dich yên đồ xứ*, tr. 160 - 161

(106) *Long Môn trận tình hoa bản*, Tứ Xuyên nhân dân xuất bản xã, 1993, tập 1, tr. 28

(107) (108) *Dân từ Trung Quốc xướng kỹ sử, Thanh đại mặt khiêu chi xướng kỹ*, tr. 308

ào, lấy việc mời rượu rút bài để kiếm tiền.

Không những kỹ nữ ở thành thị như thế mà một số kỹ nữ ở hương trấn cũng thế. Đương thời khu vực ngoại ô Thượng Hải có rất nhiều kỹ nữ tham gia cờ bạc. *Nguyệt Phố chí* huyện Bảo Sơn chép "Gần đây có bọn vô sỉ tập hợp các thiếu phụ, giở đủ trò ca hát ưỡn eo, gọi là Hoa cổ hý, nhân lúc ồn ào bày ra Bảo trường, chia nhau rút bài, dâm dăng trộm cắp, gây hại rất lớn". *Bàn Long trấn chí* cũng nói "Hoa đầu hý làm hại địa phương rất lớn, bọn dân xấu vô nghề nghiệp ở địa phương thường mượn đó mở sòng đánh bạc". Cái gọi là Hoa cổ hý thật ra là tổ chức nửa biểu diễn nửa mại dâm, bị bọn lưu manh địa phương thao túng mà thành nơi họp bọn đánh bạc. Đầu thời Dân quốc kỹ nữ đánh bạc ăn tiền thấy thấy đều như thế. Họ ngoài việc mại dâm còn mở sòng bạc, mở Hoa hội, từ đó thu lợi. Như Lư Văn Anh ở Thượng Hải, danh kỹ Hoa Lão tứ ở Tứ Xuyên những năm 30 đã nói trên kia đều thuộc loại ấy. Người đứng đầu tổ chức Lý Môn trong bang hội ở Bắc Kinh, cũng là kế toán kỹ viện Diêm Nguyệt Đình thường chiêu tập kỹ nữ tới công sở Lý Môn đánh bạc với "tân khách", để lấy tiền hồ.

Đặc điểm trong việc đánh bạc của kỹ nữ là đứng ở thế chỉ thắng không thua. Trong không khí hỗn tạp tiếng người náo nhiệt, son phấn thơm lừng, tiền của con bạc (khách chơi) trong lúc bất tri bất giác chuyển dần qua tay kỹ nữ, nhưng cũng không phải là của kỹ nữ mà phần lớn phải nộp lại kỹ viện, nên kẻ thu lợi nhiều nhất là chủ kỹ viện và bọn Đầy tớ rùa (Quy nô). Đây chính là lý do khiến chủ kỹ viện bắt ép kỹ nữ dụ dỗ khách chơi Làm hoa.

Vài năm nay, việc mại dâm lên lút lại dần dần nhen nhóm lên, trong đó không ít kẻ mại dâm kiêm cờ bạc. A Vương (phụ nữ) ở huyện thành Mỗ tỉnh Giang Tô mở sòng bạc ở nhà, mình cũng vào chơi, nếu thua thì lấy nhan sắc dụ dỗ người ta. Có lần A Vương chỉ cần đánh ra một lá bài Đồng

tử là có thể được nước bài toàn sắc đen, nhưng lúc bấy giờ người ngồi trên đã được tam lục Đồng tương tử. Lúc ấy cô ta khẽ dùng đuôi huých người ấy một cái, người ấy lập tức hiểu ý. Kế đó A Vương đánh ra một quân vạn, đánh ra quân Tam đồng, mà người kia không ăn. Ván ấy rốt lại A Vương được nước bài toàn sắc đen. Sau đó, người kia lại lấy lòng, nhiều lần đưa bài ra, nếu không phải là một nước đen thì là bài tốt, A Vương liên tiếp thắng luôn bảy ván, chuyển bại thành thắng. A Vương trong thời gian ngắn ngủi ba năm tích góp được một số tiền phi pháp nhỏ, dùng 20.000 đồng mua một mảnh đất trong trấn, lại đầu tư 150.000, xây dựng một tòa vila hai tầng⁽¹⁰⁹⁾. Còn có một phụ nữ họ Ngô bị một người họ Từ mở sòng bạc lừa gạt. Trong sòng bạc, lúc đầu thì cho cô ta thắng, ném mùi ngọt ngào, cô ta càng được lợi quên thân, cả ngày tới sòng bạc, thậm chí ăn ngủ cũng không về nhà, mà bất kể chồng con sống chết ra sao. Chồng thấy cô ta không nghe lời khuyên, không chịu tỉnh ngộ, đành ly hôn bỏ đi. Từ thấy thời cơ đã tới, bèn nhân dịp lấy tiền lại, từ đó Ngô liên tiếp thua, không đầy vài hôm thua sạch tiền bạc, nghèo rớt mùng tơi. Cô ta bắt đầu vay tiền Từ, nhưng càng vay càng thua, tới mức nợ nần chồng chất, không thể không theo lời Từ sắp xếp, trở thành "người tình" của Từ. Về sau để thỏa mãn bệnh nghiện cờ bạc của mình, Ngô trở thành "người tình công cộng" trong sòng bạc, làm gái điếm⁽¹¹⁰⁾. Từ đó cô ta dựa vào việc buôn bán thân xác kiếm tiền đánh bạc, cứ lần quần trong cái vòng tròn ấy không sao thoát ra được. Lại như tiểu thư C. ở Thượng Hải, vốn là hộ tư nhân, tính tình ngang ngược hung dữ, về sau tìm được một tờ hộ chiếu ra nước ngoài bèn tới Hương Cảng, ra vào sòng bạc, trở thành "một cảnh hoa" ở đó. Cô ta "ai thua ai thắng cũng không bàn", mà "đến

(109) Xem *Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại* (Các loại cờ bạc và sự nguy hiểm của chúng), tr. 76

(110) Xem *Sinh hoạt dữ bạn lữ* (Đời sống và bạn bè), số 10, 1991

lúc chỉ cần cười duyên một cái, trong túi tự nhiên sẽ có thêm một tập Căng tề dày cộp. Ngoài việc cờ bạc, C. còn liếc mắt đưa tình với hai người cùng sông, ở chung với nhau nhiều ngày, thay phiên ngủ với cô ta". Có thể nói trong hai năm ấy cô ta hoàn toàn trở thành kẻ ăn bám⁽¹¹¹⁾. Vị tiểu thư C. này trong thực tế đã trở thành kỹ nữ cờ bạc. Cũng có một số gái điểm lên lút hành nghề, lưu động ở ngoài, lúc nhàn rồi tìm tới các sông bạc. Có nhà báo ở dải Kinh Quảng gặp một toán gái điểm chơi bài AK9 trong phòng trên xe lửa, đặt bạc rất lớn, ăn thua phải mấy trăm, mấy ngàn, thậm chí cả vạn đồng Sao phiếu, nhưng họ không hề quan tâm tới chuyện được thua, vì tiền bạc của họ tới quá dễ dàng⁽¹¹²⁾.

Cờ bạc và mại dâm, xưa nay là hai mối hại cho xã hội dựa vào nhau mà tồn tại, chúng câu kết với nhau thành một, khó mà tách rời. Nhìn từ kinh nghiệm lịch sử, chỉ có bắt đầu từ chỗ cấm cờ bạc và cấm mại dâm kết hợp, hai biện pháp song song, kết hợp xử lý, mới có thể trừ được hai mối hại ấy.

IV. Cờ bạc với lưu manh ăn mày

Từ xưa đến nay lưu manh và cờ bạc có mối duyên không sao coi bỏ. Trung Quốc thời cổ có một số con bạc được gọi là "du hiệp", trong đó có nhiều người chính là lưu manh. Thời Tây Hán, họ "trèo tường khoét vách, phạm pháp mà thành giàu có"⁽¹¹³⁾. Trong đó có Hoàn Phát lợi dụng cờ bạc mà giàu phát lên, giàu có nổi tiếng trong cả nước, có thể nói là điển hình của đám con bạc lưu manh. Đường thời còn có một

(111) Hạ Trí Định, *Tại Hương Cảng dịch Mổ ta cá thể họ* (Một số họ cá thể ở Hương Cảng), *Thượng Hải văn hóa nghệ thuật báo*, ngày 6 tháng 7 năm 1990

(112) Vũ Chí, *Nhất điều bất cại tẩu dịch lộ* (Một con đường không nên đi), xem *Cát Lâm Công an*, số 30 - 31

(113) *Sử ký*, quyển 129, *Hóa thực liệt truyện*.

con bạc lưu manh tên Kịch Mạnh, lúc chết lại nghèo tới mức toàn bộ gia sản còn lại không đầy mười đồng vàng. Điều này dĩ nhiên nói rõ đương thời cờ bạc ăn thua không nhỏ, việc thắng phụ có thể dấy được cơ nghiệp hay khuynh gia bại sản, có thể trước khi chết Kịch Mạnh đã thua một trận lớn, nhưng cũng nói rõ Kịch Mạnh kết giao với bạn bè rất đông, chi tiền rộng rãi, coi vàng như đất, tiền tới tay là tiêu sạch, không hề tiếc rẻ. Thời Đường cũng có những kẻ được gọi là hào khách đánh bạc, họ trong lúc đánh bạc không hề tiếc tiền, chỉ mong thắng một trận. Sầm Tham trong bài *Tống Phi tử quy Vũ Xương* có viết "Tri quân khai quán thường thụ khách, Vu bồ bách kim mỗi nhất trịch" (Biết ông mở sòng thường lăm bạn, Vu bồ một ván chơi trăm lạng). Từ bài thơ có thể biết tình trạng đám "hào khách" kia không nghĩ tới cơ nghiệp mồ hôi nước mắt, mặc tình đánh bạc. Lưu manh thời Tống rất lộng hành, làm chuyện ác khắp nơi, "bọn ác thiếu vô lại, hung dữ bất sinh, nhỏ thì cờ bạc, lớn thì bắt trộm trâu ngựa, đúc tiền giả, công nhiên không hề úy kỵ. Kẻ thua bạc không có gì trả ắt đào tường khoét vách ăn trộm, nếu bè đảng hơi đông thì cướp cửa đốt nhà, cưỡng gian giết người", nếu "không đề phòng việc nhỏ, ắt sẽ thành họa lớn"⁽¹¹⁴⁾. Vì trật tự xã hội bị rối loạn, nên chính quyền Bắc Tống đối với hoạt động của bọn lưu manh này đã nhiều lần ra lệnh nghiêm trị. Đến thời Nam Tống, lưu manh không những đánh bạc mà còn mở sòng bạc lừa đảo lấy tiền⁽¹¹⁵⁾.

Thời Minh lúc đầu kẻ tham gia cờ bạc cũng là đám lưu manh vô lại này, tiền đặt bạc của họ "nhỏ là ăn uống, lớn là tiền bạc"⁽¹¹⁶⁾. Về sau ăn thua ngày càng lớn, phong khí cờ bạc lan tràn khắp nơi, làm ô nhiễm toàn xã hội. Đám lưu manh này tụ họp thành đảng, mở sòng bạc dụ dỗ lừa gạt thanh thiếu niên vào đánh bạc. Số người bị dụ dỗ này phần

(114) Vương Vinh, *Yến dục di mưu lục*.

(115) Xem *Vũ lâm cựu sự*, quyển 6, *Du thú*.

lớn là con em nhà giàu sang, mà "một dải Tô Thường là thịnh nhất" ⁽¹¹⁷⁾. Như ở huyện Thường Thục phủ Tô Châu, bọn con bạc được gọi là "môi giới cờ bạc, mằm mống cường đạo" trở thành phong tục, lộng hành một thời ⁽¹¹⁸⁾. Lại như vì bọn lưu manh làm ác, nên vùng Ô Trấn tỉnh Chiết Giang cũng trở thành đất tội ác "trộm cướp cờ bạc đầy đường". Lại như huyện Uất Thị phủ Khai Phong cuối thời Tống, "Người ở chợ búa làng xóm đều lấy việc cờ bạc ăn tiền làm nghề nghiệp, những ngày lễ hội tụ tập càng đông" ⁽¹¹⁹⁾. Thân sĩ ở đất ấy lấy danh nghĩa "lễ hội" quên tiền thủ lợi, mà bọn lưu manh địa phương cũng nhân cơ hội mở sòng bạc lừa tiền. Cuối thời Minh có Điền Hoàng Ngộ nổi tiếng là hoàng thân quốc thích, vốn là một con bạc vô lại mở sòng bạc, y "dụ dỗ một nhà giàu chơi Diệp tử, kẻ đó đánh lớn, ngấm ngấm bày kế, người kia trong lòng run sợ, thua tới mấy ngàn vàng. Hoàng Ngộ lập tức nhốt xuống chuồng ngựa, bắt chuộc không cho thiếu, làm mấy mươi nhà khuynh gia bại sản" ⁽¹²⁰⁾. Ở Kim Lăng có một Thái học sinh, bị mắc lừa thủ đoạn cờ bạc, trong một ngày mà thua tới 5.000 mẫu đất. *Lý Lạp Ông tiểu thuyết thập ngũ chủng* cũng nói tới những việc như thế. Có tên lưu manh Vương Tiểu Sơn "từ nhỏ ra vào sòng bạc giúp chủ sòng làm ăn, ghi nợ", về sau quen nghề, bản lĩnh rất cao cường, dần dần về sau càng ngày càng nổi tiếng, "bèn mở sòng bạc". Y gặp con nhà giàu sang thì trăm phương ngàn kế dụ dỗ họ đánh bạc, một sớm đêm con em nhà giàu sang ấy bước vào sòng bạc thì "sẽ thông đồng với người quen lừa cho một trận, không thua sạch tiền thì không để cho ra khỏi cửa". Y mở sòng bạc hai mươi năm, những người bị y làm hại nhiều

(116) (117) Điền Nghệ Hành, *Lưu thanh nhật trát*, quyển 3, *Đổ búc*.

(118) Từ Quang Khai (thời Minh), *Nông chính toàn thư*, quyển 8, *Nông sự dẫn cảnh quát khai hoang thân*.

(119) *Uất thị huyện chí* đời Gia Tĩnh, *Phong tục*.

(120) Đàm Thiên, *Táo lâm tạp trở*, *Hòa tập*, Điền Hoàng Ngộ.

không biết bao nhiêu mà kể. Phú hộ Vương Kế Hiên ở đất ấy có một gia sản lớn, nhưng chỉ trong vài tháng bị Vương Tiểu Sơn lừa sạch, còn bị hại chết hai mạng người. Cuối thời Minh đầu thời Thanh, ở huyện Thượng Hải "trong huyện hay cờ bạc, bọn giặc cướp kết hợp với lưu manh cường hào, thông đồng với binh lính trong doanh mở sòng đánh bạc. Binh lính trong doanh vì được nhiều tiền nhắm mắt bỏ qua. Những kẻ rơi vào cạm bẫy ấy ít ai không táng gia bại sản"⁽¹²¹⁾. Bọn lưu manh này trong sòng bạc lấy tiền hồ, lương gặt, cho vay nặng lãi, giở đủ mọi trò. Cuối thời Minh bọn vong mạng ở Đông Sơn Ngô huyện "ban ngày cờ bạc, ban đêm trộm cướp", tuần ty không sao chế ngự được.

Thời Thanh việc lưu manh đánh bạc cực kỳ phổ biến. Như ở vùng Chân Châu (nay là Nghĩa Chỉnh) "nhân thế bị bọn du hiệp tụ họp, gọi tri hô lô, một tiếng bạc hàng trăm vạn"⁽¹²²⁾. Trong niên hiệu Hàm Phong bọn thủ lĩnh lưu manh, giặc cướp ở cạnh Thái Hộ là Ngô Sa Ca, Thẩm Tam, Ngô Trường Lâm mở sòng bạc lớn ở trấn Nam Tâm, dụ người ta mắc câu. Thậm chí còn vì "tranh giành sòng bạc" mà "dùng vũ khí đánh nhau", bọn họ lúc đánh nhau phá hủy nhà dân, đánh người đi đường bị thương, khiến nhân dân trong trấn không dám họp chợ. Có người than thở về việc ấy rằng "thương phong bại tục, không gì tệ hơn"⁽¹²³⁾. Phí Ngọc Thành đứng đầu bọn giặc cướp ở Chu Trang giáp giới bốn huyện Côn Sơn, Nguyên Hòa, Ngô Giang, Thanh Bồ vùng Giang Chiết vốn là kẻ vô lại, "bọn đồ tể uống rượu cờ bạc trẻ tuổi ở làng xóm phần lớn kết giao với y"⁽¹²⁴⁾. Phí Ngọc Thành thường mở sòng trên thuyền họp bọn đánh bạc. Bốc Tiểu Nhị ở huyện Ngô Giang cũng là một kẻ lưu manh vô sản, y chiêu tập bọn

(121) Khang Hy, *Thượng Hải huyện chí*, quyển 1, *Phong tục*.

(122) Chu Sinh, *Dương Châu mộng*, quyển 1

(123) *Nam bắc trấn chí*, quyển 45

(124) Đào Húc, *Trình Phong lý Canh Tân kiến văn lục*, quyển thượng.

con bạc chiếm cứ trấn Lê Lý trong huyện, "đều chế tạo thuyền, trong chuẩn bị sẵn gươm giáo, gọi là Thuyền giáo (Thương thuyền) đi khắp nơi diễn kịch, dụ dỗ người ta đánh bạc"⁽¹²⁵⁾. Vì phạm vi thế lực hoạt động xã hội đen của Bốc Tiểu Nhị rộng lớn, nên phong khí cờ bạc khuếch tán khắp các hương trấn vùng Tô Châu. Lại như tên lưu manh Tôn Tiểu Tương ở huyện Ngô Giang "ngang ngạch họp bọn đánh bạc ở Thịnh Xuyên (nay là trấn Thịnh Phong)"⁽¹²⁶⁾. Tóm lại, vùng ấy "Trong niên hiệu Hàm Phong, phong khí cờ bạc rất thịnh, mà bọn trùm cờ bạc đều nổi tiếng nhờ hung dữ lộng hành"⁽¹²⁷⁾. Ở đây lưu manh, thổ phỉ, con bạc bịp và chủ sòng đã kết hợp làm một, hình thành một loại thế lực đè nén nhân dân, rộng càn không hề úy kỵ.

Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, ở các thành thị lớn như Thượng Hải rác rưởi nổi lên, cờ bạc đã trở thành một bộ phận trong hoạt động của lưu manh, đã đạt tới mức không có lưu manh không thành cờ bạc.

Có một số lưu manh, đặc biệt là trùm lưu manh, phần lớn là "hảo thủ" trong sòng bạc. Đại lưu manh Đỗ Nguyệt Sinh năm 13 tuổi đem những màn rách chần nát hoặc những vật dụng hư hỏng trong nhà mà cha mẹ để lại bán lấy một ít tiền đi đánh bạc. Thua thì thôi, thắng thì hào sảng mời khách⁽¹²⁸⁾. Nhờ "kỹ thuật đánh bạc" ngày càng cao, Đỗ Nguyệt Sinh thắng nhiều hơn trong sòng bạc. Đương thời còn có tên lưu manh Cố Hoa Đường là nhân vật trà trộn vào Thanh bang ở Trấn Giang, y học được trong sòng bạc các tuyệt chiêu Đánh mêm (Nhuyễn đổ) tức kỹ thuật bịp bợm, không ai thắng được, đủ thấy sự cao siêu trong kỹ thuật đánh

(125) *Giang Chiết Dự Hoãn Thái bình thiên quốc sử liệu tuyển tập*, mục *Thương thuyền thủy mặt*, tr. 125

(126) (127) *Thái bình thiên quốc sử liệu từng biên giản tập*, tập 4, tr. 329 và 327. *Thẩm Tử, Tỵ khẩu nhật ký*.

(128) Xem *Đỗ Nguyệt Sinh truyền kỳ*, tr. 10

bạc của y. Một trùm lưu manh khác ở Thượng Hải là Ngô Gia Lão thiên (quen cờ bạc) luyện được "tuyệt kỹ" thuận tay dắt dê xáo trộn phỉnh trên chiếu bạc. Lúc xóc bài cố ý xáo trộn phỉnh, làm rối loạn nhỏ lớn, để tiện ngấm ngấm hành sự. Sau đó lấy cơ sắp xếp lại bàn đánh bạc, nắm phỉnh vào lòng bàn tay và ngón tay kéo về. Nếu có người nhìn thấy kỹ thuật trộm cắp của y, thì chỉ cần không vạch mặt tại chỗ, đánh xong Ngô Lão thiên sẽ chủ động chia tiền thắng cho. Lại thêm một số thủ pháp khác, nên gã lưu manh này trong sòng bạc cơ hồ đứng vào thế bất bại. Từ đó có thể biết bọn lưu manh hoàn toàn không có kỹ thuật đánh bạc tinh thông cao siêu chân chính, mà là vận dụng kỹ thuật lừa đảo trong cờ bạc mười phần "tinh vi" mà thôi.

Lưu manh còn lợi dụng cờ bạc để móc ngoặc với quan phủ, thông đồng với quan lại, mở rộng thế lực. Bọn lưu manh Đỗ Nguyệt Sinh qua việc đánh bạc kết giao với các bậc đại quan quý nhân, từ tờ giới Pháp tiến vào tờ giới Anh. Đỗ thường đánh bạc ở "Tổng hội" trên đường Hải Uy, bạn đánh bạc có Nghiêm Lão Cửu, Lục Xung Bằng, Trịnh A Tháp (Kim Tử Đại vương). Tiền đặt bạc đặc biệt lớn, một sòng "Tự mô song" mỗi người phải thua 3.200 đồng. Có lần Đỗ cùng luật sư Giang Nhất Bình nổi tiếng, Thịnh Lão tứ con trai quan lớn nhà Thanh liên tục đánh bạc, chơi một ngày một đêm không hề nghỉ. Đỗ chính là qua lần ấy "liên lạc cảm tình" với những người kia, để tiện tiến thêm một bước móc ngoặc, có thể làm chuyện bậy bạ ở địa phương.

Đám trùm lưu manh ngoài việc chính mình đánh bạc còn mở ra các loại sòng bạc để thu tiền hủ, tiến hành kiếm lợi. Không ít nhà riêng của bọn trùm lưu manh còn trở thành nơi họp bọn đánh bạc. Sòng mạt chược ở nhà Hoàng Kim Vinh "Mỗi ngày ít nhất cũng bốn năm bàn. Tiền hủ thu được do Lý Chí Thanh (con dâu Hoàng Kim Vinh) chia cấp cho

đầy tớ trong ngoài, gọi là tiền thưởng"⁽¹²⁹⁾. Hoàng còn đánh bạc với môn sinh ở nhà, y thích nhất hai trò Quạt hoa, Ngạnh đồng kỳ. Nhà Đỗ Nguyệt Sinh cũng là một sòng bạc, ngôi nhà này "ăn mừng khánh thành không đầy hai tháng, tiền hồ thu được đã đạt tới 156.000 đồng"⁽¹³⁰⁾. Đỗ lúc bình thời chỉ đánh bạc ở nhà, tiền khách khứa thắng được đưa cho người nhà y "chỉ phí lật vật" về số mục cũng rất khả quan. Y đánh bạc giải trí ở nhà đều đánh nhỏ, như trò Quạt hoa thì có bọn Lưu Hàng Thám, Khang Tâm Chi, Cố Gia Đường, Phạm Thiệu Tăng bồi tiếp, tuy đánh nhỏ nhưng ăn thua mỗi ngày cũng có thể tới hàng ngàn đồng. Y có lúc chơi bài cầu lớn trong nhà là thông đồng với người khác giữ trò, "thắng" được không ít tiền. Bọn Đỗ Nguyệt Sinh còn mở ra một sòng bạc và trường đua ngựa, trực tiếp làm chủ. Trong đó sòng bạc lớn nhất là sòng bạc số 181 đường Phước Cù, trong bày đủ các trò cờ bạc, riêng tiền hồ Đỗ Nguyệt Sinh lấy được hàng tháng cũng tới ba bốn vạn đồng. Đồng thời y còn bao việc "giữ gìn trị an" ở tất cả các sòng bạc lớn tại Thượng Hải. Trong các trường đua ngựa, đua chó, sòng roulette công khai của người ngoại quốc đương thời, Đỗ Nguyệt Sinh cũng có phần. Vì các sòng bạc trong tô giới phải có quan hệ với y, thì mới có thể yên ổn⁽¹³¹⁾.

Đường lối kiếm tiền của bọn lưu manh ở Thiên Tân cũng là mở sòng bạc. Họ chọn ra bọn Hồn hồn nhi (tên gọi riêng của lưu manh) có máu mặt làm chủ sòng, lại điều động một số bọn đánh mướn tới giúp đỡ là có thể thành lập sòng bạc. Sòng bạc ở Thiên Tân dùng các trò Áp bảo, Lắc xúc xắc, bài cầu mời gọi con bạc, thu lợi khả quan, tiền hồ hàng ngày

(129) *Bang hội kỳ quan*, Trung Quốc văn sử xuất bản xã, 1989, tr. 302

(130) *Cựu Thượng Hải vạn hoa đồng*, đăng trên *Nhân dân Cảnh sát*, số 8, 1990

(131) *Hắc xã hội nhân vật Hoàng Kim Vinh dữ Đỗ Nguyệt Sinh*, *Cựu Trung Quốc đích hắc xã hội*, Hoa Hạ xuất bản xã, 1987, tr. 328

có thể đạt tới 100.000 đồng tiền kẽm⁽¹³²⁾. Trùm lưu manh Thanh bang Thiên Tân là Viên Văn Hội câu kết với đặc vụ Nhật Bản Thổ Phi Nguyên Hiền Nhị mở sòng bạc, khách sạn trong tô giới Nhật, thường hành hung đánh người, trấn lột tiền của, làm hại cả một xứ.

Với sòng bạc do người khác mở thì lưu manh lấy danh nghĩa "che chở" tới đòi tiền hồ, các sòng bạc không dám không đưa, nếu không đưa thì chúng sẽ kéo tới gây rối. Tháng 2. 1936, Trần Chương Lâm mở quán trà ở trấn Thiên Hoa Am, Bồ Đông Tam Lâm Đường ở Thượng Hải họp mọi người đánh bạc nhân dịp tết. Tên lưu manh Mỗ Giáp đầu tiên tới đòi tiền hồ, bị Trần cự tuyệt. Qua vài hôm Mỗ Giáp tụ tập đồng bọn bốn năm mươi tên kéo tới, Trần Chương Lâm nghe tin bỏ trốn, bọn lưu manh xông vào quán trà, gặp người thì bắt, thấy vật là phá, kết quả đánh chết một khách uống trà, người hầu bàn phụ nữ cũng bị thương, gây ra án mạng⁽¹³³⁾. Lại như ở huyện Lục An tỉnh An Huy, có tên Hoa tử Ma tuyến (lưu manh xuất thân ăn mày), có lần tới nhà hương thân Phan Mộng Sơ đòi tiền hồ, Phan lập tức ngầm đi báo quan, bắt tên Hoa tử đánh bốn mươi hèo. Bọn Hoa tử căm hận, một buổi tối không lâu sau đó nhân lúc Phan ra ngoài xúm lại đánh Phan một trận như tử, sau đó chạy mất⁽¹³⁴⁾. Trong kháng chiến có một sòng bạc lớn mở trên đường Quan Tiễn thành phố Vô Tích tỉnh Giang Tô, thiết trí hoa lệ, có mấy trăm nhân viên, "thực lực" hùng hậu, nhưng nó phải cấp Tiền thuốc lá (Hương yên phí) cho mật thám, phiên dịch, ban bè của đám Bạch tướng (đám lưu manh làm tiền) ở các bộ và bọn lưu manh địa phương, nếu không sẽ ảnh hưởng tới sự tồn tại của sòng bạc. Sòng bạc mà không "liên lạc" với lưu manh, lưu manh sẽ trực tiếp tới quấy phá hoặc câu kết với quan lại

(132) *Bang hội kỳ quan*, tr. 351

(133) *Thân báo*, ngày 5. 2. 1936

(134) *Cựu Trung Quốc đích hắc xã hội*, tr. 300

gây khó dễ. Đến nay ở Đài Loan, Hương Cảng, Áo Môn bọn lưu manh ăn cơm sông bạc ấy vẫn còn tồn tại.

Nếu sông bạc đưa tiền thì lưu manh sẽ thực hiện "bao bạc" cho sông bạc, tức là gánh vác trách nhiệm "che chở". Lúc hoạt động, bọn trùm lưu manh phải cử bọn lưu manh nhỏ tới canh giữ ngoài cổng hoặc vào bên trong để "duy trì" trật tự. Cái đó gọi là "Giữ đài" (Bảo đài cước). Như sông 181 đường Phước Cù do Đỗ Nguyệt Sinh hùn vốn với người khác mở ra, Đỗ thường phái bọn lưu manh đặc biệt trấn giữ ở cửa hoặc đi tuần trong sông. Đối với người vào chơi đều phải tiến hành khám xét rồi mới cho vào. Trách nhiệm chủ yếu của bọn Giữ đài là đàn áp những kẻ quấy rối trật tự, lúc kẻ thua sạch lên cơn phá rối thì giải vây cho chủ sông. Bọn lưu manh Giữ đài có một số là con bạc thua sạch tiền chuyển thành. Một số người thua sạch sẽ trong sông bạc, bị lột hết quần áo gọi là "Heo lột da" (Tước bì trừ la) hoặc gọi là "Gà chém sống" (Bạch trảm kê). Có một số Gà chém sống thua rồi không cam tâm, vẫn muốn cuốn đất quay lại, thường gây rối trong sông bạc, thậm chí dẫn tới việc đánh nhau đổ máu. Về sau Đỗ Nguyệt Sinh nghĩ ra cách thức hoàn chỉnh, gọi những kẻ bị lột sạch ấy làm "bảo tiêu" cho sông bạc, như thế trong sông bạc đã bớt đi một số phần tử phá rối, lại gia tăng thêm được lực lượng "bảo vệ", kết quả là "trộn vụn đôi bên".

Do có một số lưu manh thấy một số sông bạc thu lợi nhuận nhiều mà nổi lòng tham hoặc vì chia chác không đều mà phát sinh mâu thuẫn nên nảy sinh việc lưu manh "Kéo sông" (Lâm cục). Cũng chính là chiếm cứ sông bạc của người khác, hoặc dùng võ lực và nhờ động tác uy hiếp của lưu manh khác, yêu cầu đòi chia phần. Việc Kéo sông phần nhiều xảy ra ở Thiên Tân, về cách thức thì có mấy loại như sau.

Một loại là ngoác miệng chửi lớn. Gã lưu manh Kéo sông vừa chửi vừa nói, lớn tiếng đòi giao sông bạc cho y làm chủ mấy ngày, bên chủ sông vừa thấy đại họa lâm đầu lập

tức triệu tập bọn đánh mướn, rút dao búa roi gậy vung tay định đánh. Gã lưu manh Kéo sòng sẽ mau lẹ nằm lăn ra giữa cửa, che kín hạ bộ, ngã nghiêng qua một bên để mặc cho họ đánh đập nhưng vẫn chửi mắng không thôi, quyết không có nửa câu van lạy. Đánh đến lúc vừa phải, chủ sòng bèn nói "Cẩn thận đấy, đủ rồi". Đám đánh mướn lập tức dừng tay, sau đó theo lời chủ sòng đưa gã kia đi trị thương. Lại qua người trung gian, sòng bạc mỗi ngày cấp cho người bị thương một hai quan. Nếu lúc bị đánh gã lưu manh Kéo sòng lại hạ giọng năn nỉ xin tha, thì chỉ có thể bị kéo vứt ra ngoài cổng, đừng mong được gì hay⁽¹³⁵⁾.

Một loại khác là khổ nhục kế. Bọn Hồn hồn nhĩ vào cửa, bất động thanh sắc, đột nhiên rút dao cắt một miếng thịt trên người làm tiền đặt bạc, loại này thì bất kể y thua hay thắng cũng đều thành cục diện khó giải quyết. Vì có định lệ nếu y thua thì chủ sòng phải đền tiền gấp ba, bồi thường việc cắt thịt. Lúc ấy chỉ có thể do người ngoài cuộc tươi cười khuyên can, kết quả phải trả một số tiền bồi thường khá nhiều mới có thể kết thúc. Nếu y thắng thì nhà cái cầm miếng thịt đầy máu bỏ đi, cũng không dễ mà xuống đài. Lúc ấy gã lưu manh Kéo sòng sẽ lật đổ bàn, chửi rửa tục tằn, tay đánh chân đá, đám Giữ đài trong sòng sẽ lập tức bước tới "nghênh chiến". Vì đám Giữ đài nói chung đông hơn, sẽ đánh gã Hồn hồn nhĩ Kéo sòng ngã lăn ra đất, nện cho một trận như tử. Đến lúc toàn thân y sưng vù, một số người có chức sắc trong sòng sẽ nói "Thôi được rồi", rồi gọi một tiếng "Bó thuốc", bọn thủ hạ sẽ cầm một nắm muối xát lên vết thương của gã lưu manh Kéo sòng, gã lưu manh Kéo sòng phải làm như không để ý gì tới. Rồi đó không ít người bước ra khuyên can, mỗi ngày sòng bạc cấp cho y một số tiền nhất định, nhưng cũng vì việc Kéo sòng mà thiếu mất một phần cơ thể.

(135) Xem *Bang hội kỳ quan* và *Lý Nhiên Tề, Cự Thiên Tân dịch Hồn hồn nhĩ*.

Tháng 4. 1929, Lam Tứ Tường làm nghề móc túi ngụ ở lầu Lý Công Hà Đông Thiên Tân dùng thủ đoạn đánh bài dữ hòng bá chiếm sòng bạc ngô Hưng Long, lúc xông vào sòng chặt một bàn tay làm tiền đặt bạc, sau cùng thành vụ án, cả bọn đều bị Tuần bố giải đi, sau đó sòng bạc bị niêm phong. Lam Tứ Tường mất không một bàn tay⁽¹³⁶⁾.

Còn có một loại là tập thể Kéo sòng. Một bọn lưu manh Kéo sòng có tổ chức xông vào đánh phá sòng bạc, kẻ đồ đôi bên gặp nhau bằng võ khí, tiến hành một cuộc ác đấu ta sống người chết, thường phát sinh án mạng lớn. Kẻ thua phải bỏ đi vô điều kiện, nếu bất phân thắng bại thì sòng bạc ấy trở thành tài sản chung của đôi bên⁽¹³⁷⁾.

Ngoài Thiên Tân, ở Bắc Kinh cũng có việc Kéo sòng, về trình tự cũng không khác với ở Thiên Tân bao nhiêu. Bọn lưu manh Kéo sòng thua sạch tiền thì rủ nhau tới phá rồi, bị đánh trọng thương điều trị lành xong, có thể được sòng bạc giao cho nhiệm vụ Xem bàn (Khán án), lãnh một số tiền công, dựa vào việc liêu lĩnh mà làm một chân đánh mướn cho sòng bạc.

Lưu manh cờ bạc, gây hại rất lớn. Họ mở sòng bạc, phần lớn sử dụng các thủ đoạn bịp bợm, khách chơi một sớm vào sòng thua sạch là chuyện thường. Nếu muốn vay tiền thì lãi suất của sòng bạc cao ghê người, lãi mẹ đẻ lãi con, sẽ không sao trả nổi. Mà bọn lưu manh lại móc ngoặc với quan lại giặc cướp, có chỗ dựa nên không sợ anh không trả, nhất định sẽ nạo xương hút tủy, khi nào cạn sạch mới thôi.

Hiện nay một số lưu manh mới nảy sinh cũng thường mở sòng đánh bạc, thường gây ra những vụ "ăn vạ cờ bạc",

(136) *Thiên Tân văn sử tư liệu*, Thiên Tân nhân dân xuất bản xã, 1984, tập 27, tr. 240

(137) Về phần có liên quan tới "Lâm cục", chủ yếu lấy từ sách *Bang hội kỳ quan*.

"cướp sòng bạc" phá hoại nghiêm trọng trật tự xã hội. Nói "ăn vạ cờ bạc" là chỉ việc trong sòng có một người thua tiền cay cú, đột nhiên dùng dao dùng súng bức ép những con bạc khác nhả ra số tiền được bạc trong tay, nói "cướp sòng bạc" là người ngoài nghe ngóng được vị trí trong sòng, tập hợp một bọn côn đồ vong mạng xông vào, dùng sức mạnh cướp tiền đặt bạc"⁽¹³⁸⁾. Lưu manh họp bọn đánh bạc, sức phá hoại rất lớn, là nguồn gốc của việc xô xát đánh nhau, nhất định phải bị trừng trị nghiêm khắc.

V. Cờ bạc với dân thường

Trong dân thường có người giàu kẻ nghèo, nhưng không ít kẻ ham mê cờ bạc. Thành Đại Lương nước Ngụy thời Chiến quốc có một nhà giàu là Hữu Ngu thị, rất thích cờ bạc, y mở tiệc tấu nhạc trên lầu cao cạnh đường, đặt ra bàn cờ, mời người qua đường lên lầu chơi, nếu có ai thắng y sẽ tươi cười rạng rỡ. Người này có thể nói là ham mê cờ bạc thành tính, coi việc "xem đánh bạc" là một thú vui lớn. Đương thời nước Ngụy còn có một người tên Mao công ở ẩn trong đám con bạc, về sau được Tín Lăng quân coi trọng, ra sức giúp Tín Lăng quân cứu Triệu. Trong cờ bạc có thể có kẻ "ở ẩn" cho thấy đương thời trong dân gian quả thật không ít kẻ cờ bạc. Thời Tây Hán dân thường tham gia cờ bạc rất nhiều. Có người dân ở An Lăng là Hứa Bác Xương rất tinh thông trò Lục bác, làm ra quyển *Lục bác kinh*, vì giỏi cờ bạc, nên Thừa tướng "Đậu Anh rất thích, thường ăn cùng mâm nằm cùng chiếu"⁽¹³⁹⁾. Thời Tây Hán có người chuyên lên thời gian biểu học đánh Vu bồ. Dân quê thời Hán trong các lễ hội công cộng "chơi đủ thứ cờ bạc", làm một trò chơi công cộng.

(138) Ngô Kim Lương, *Tư nhân quản gia dữ hào đồ tam kiếm khách, Bắc quốc phong*, số 1, 1993

(139) Cát Hồng (thời Tấn), *Tây kinh tạp ký*, quyển 4

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều cờ bạc phổ biến khắp mọi tầng lớp, thậm chí lan tới khu vực dân tộc thiểu số, ngay cả dân Ích Châu cũng "thích đánh bạc ăn tiền"⁽¹⁴⁰⁾. Thời Đường số người ham thích cờ bạc cũng rất nhiều, có kẻ thậm chí lúc chìm thuyền trên biển sắp chết đuối vẫn nắm chặt dụng cụ cờ bạc không buông, dù thấy y rất say mê cờ bạc. Vài năm nay trong di chỉ Cổ Điểm Phố thành phố Tây An khai quật được một số lượng lớn xúc xắc, bi sành, cho thấy rõ sự phổ biến của cờ bạc đương thời. Thời Bắc Tống cũng có người say mê cờ bạc, ngay ở phủ Khai Phong là thủ đô mà phong khí cờ bạc cũng rất thịnh hành, nhà vua chỉ còn cách ra lệnh nghiêm cấm. Thời Bắc Tống còn có một số nông dân thua bạc hết sạch cả "tiền Thanh miếu". Nguyên là Vương An Thạch thời Bắc Tống tiến hành cải cách chính trị, hàng năm vào lúc giáp hạt, lúa ngoài đồng chưa chín, sợ nông dân bị nạn cho vay nặng lãi bóc lột nên chuẩn bị một số tiền cho nông dân vay, đợi lúc mùa thu lúa chín, gặt hái xong thì trả lại, tiền đó gọi là tiền Thanh miếu. Một số quan lại lúc phát tiền Thanh miếu lại dùng cách mời "đánh bạc", "uống rượu" để rút rìa số tiền nông dân vay. Lúc tiền Thanh miếu "phát ra khắp nơi, ắt sai Tù vụ mở ra nhà nhạc kỹ viện hoặc mở ra quán rượu, nông dân thậm chí có kẻ trở về tay không"⁽¹⁴¹⁾, thông qua các biện pháp ấy mà lừa lấy lại tiền phát ra cho nông dân. Thi nhân diễn viên Phạm Thành Đại thời Tống trong bài *Đặng thị hành* có phản ánh tình trạng cờ bạc của nhân dân nông thôn thành thị như sau "Tủi lư bác tắc tạp ca hô, Dạ dạ trường như chính nguyệt bán" (Quán rượu sòng bài huyền nào gọi, Đêm đêm như gặp hội Nguyên tiêu)⁽¹⁴²⁾. Người thời Nam Tống còn đặc biệt thích đá đế. Hàng năm vào đầu mùa thu ở

(140) *Tùy thư, Địa lý chí*.

(141) Tô Thức, *Đông Pha tập, Tục tập, Tấu nghị tam, Khất bất cấp tẩn Thanh miếu tiền giải trạng*.

(142) *Phạm Thạch Hồ thi tập*, quyển 30

hẻm Quan Hạng thành Hàng Châu hình thành chợ mua bán đẽ và sòng đá đẽ, ở đó "thường có năm ba mươi con (đẽ) đá, dân quê tranh nhau bắt đem vào thành bán, thắng được hai ba trận cũng có thể hy vọng bán được một hai quan. Nếu con nào lớn, đá giỏi thì có thể bán được một hai lượng bạc. Hàng ngày như thế, đến hết tháng 9, trời rét mới thôi"⁽¹⁴³⁾. Đủ thấy sự nhiệt náo của thị trường đẽ và số người tham gia đá đẽ đông đúc.

Dân thường thời Minh tham gia cờ bạc cũng không ít. *Liệt triều thi tập truyện* chép có người dân tên Trình Khả Trung, "Ngao du khắp danh thắng nam bắc trong thiên hạ, gặp người giàu sang cũng ngênh ngang không chịu quy lụy, du hiệp uống rượu đánh bạc, trôi nổi theo tháng năm". Trương Đại trong *Đào am mộng ước* cũng miêu tả tình trạng dân thường ở Dương Châu đánh bạc trong tiết Thanh minh, một số con bạc ngồi trên ghế cao ở bãi đất trống, "mời rủ bạn bè, ném tiền xuống đất, gọi là Diệt thành, hoặc sáu hoặc tám hoặc mười gọi là Lục thành, Bát thành, Thập thành. Có tới tám chín chục chỗ, người ta xúm lại xem"⁽¹⁴⁴⁾. Thời Thanh, các nhân vật tầng lớp dưới cũng có không ít kẻ ham mê cờ bạc. "Ở Lũng Tây có Tôn giả chẵn ngựa bị cờ bạc làm hại, rút dao chặt một ngón tay để thề, lúc bấy giờ người nhìn thấy đều thất sắc, cho rằng y có thể sửa đổi, nào ngờ vết thương tay trái chưa lành thì tay phải đã cầm bài như cũ"⁽¹⁴⁵⁾. Một người thuộc tầng lớp dưới như thế, vốn muốn chặt ngón tay để bỏ tật xấu cờ bạc, nào ngờ vết thương chưa lành thì đã không kìm lòng được với sự hấp dẫn của cờ bạc, lại rơi vào lưới, đúng là đáng thương làm sao! Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, những trò cờ bạc như Hoa hội, đúng là "ai ai cũng

(143) *Tây Hồ lão nhân phồn thắng lục*.

(144) Trương Đại, *Đào Am mộng ước*, quyển 5, *Dương Châu Thanh minh*.

(145) Cung Vi, *Sào lâm bút đàm*, quyển 4

biết, cả nước như điên", người người đều tham gia. Ngay một số phụ nữ lao động cũng mắc câu đem số tiền lao động vất vả dành dụm được ném vào trò cờ bạc lừa người ấy. Ở ngoại ô Thượng Hải còn có một số dân quê bị lường gạt mà bước vào sòng đánh bạc. Dân quê kiếm được chút gì gánh vào thị trấn bán, được vài đồng thì bọn thị dân hư hỏng lại "trăm phương ngàn kế lừa gạt" dụ dỗ họ đánh bạc⁽¹⁴⁶⁾. Nông dân mà vào sòng thì đa số là thua. Thời Dân quốc, phong khí cờ bạc lan truyền tới cả khu vực biên giới. Như huyện Quy Tuy (nay gọi là Hòa Hạo Đắc) "đàn ông thích uống rượu đánh bạc", đặc biệt "trong tháng giêng âm lịch việc chơi bởi càng phổ biến"⁽¹⁴⁷⁾, "đàn bà ở đó phần nhiều cũng hợp bọn đánh bạc"⁽¹⁴⁸⁾. Ở huyện Kiến Dương Phúc Kiến cờ bạc thành phong tục, đến nỗi có kẻ "không sao bỏ được".

Nhân dân lao động tham gia cờ bạc thường mắc lừa, sa vào vũng lầy không rút chân lên được, thậm chí bị lừa tới mức khuynh gia bị sản, thời nào cũng có. Nhưng một số kẻ có tiền, đặc biệt là một số thương nhân tham gia cờ bạc thì khác.

Có một số thương nhân đánh bạc là để móc ngoặc với quan phủ, thúc đẩy quan lại tăng cường việc "che chở" đối với thương nghiệp, cũng có kẻ vì "buôn bán" với chính quyền mà dùng đó để lấy lòng. Như thương nhân tiền trang ở An Khánh đầu thời Dân quốc, đặc biệt là chủ tiền trang Xương Tường, Xuân Tường, họ lấy cớ mời khách, thường mời một số quan lại địa phương tới xoa mặt chược, đánh bài cầu hoặc gieo xúc xắc, lấy đó để móc ngoặc với người trong quan trường, xin được che chở. Số quan lại này một sớm được giữ

(146) *Tục ngoại phong chí* đời Càn Long, quyển 2, bản in năm Dân quốc thứ 23

(147) *Tuy Viễn tỉnh phân huyện điều tra khái yếu, Quy Tuy huyện, Phong tục tập quán.*

(148) *Tuy Viễn tỉnh phân huyện điều tra khái yếu, Phong Trấn huyện, Phong tục.*

các chức Tri huyện, Cục trưởng Ly kim là đem tiền công gởi vào tiền trang. Như thế đã có thể giúp tiền trang kiếm thêm lợi nhuận mà cũng có thể khiến người nhà nước được hưởng tiền lãi. Còn một số nhà công thương nghiệp ở Thượng Hải như giám đốc Xưởng bột ngọt Thiên Trù Ngô Uẩn Sơ và nhà công thương lớn Cao Bá Tuấn, thì đánh bạc với bọn trùm lưu manh, thậm chí còn gia nhập bang hội, mục đích là vì sự "yên ổn" của doanh nghiệp, để đề phòng việc lưu manh tới kiếm chuyện. Còn có những thương nhân dùng việc "đánh bạc" làm thủ đoạn giao tế để tiện làm ăn, phát tài trở thành giàu có. Như châu thành T. tỉnh Giang Tô, trước đó công nghiệp cực kỳ lạc hậu, vào những năm 30 chỉ có ba công xưởng, mà riêng con bạc thương nhân Viên Hóa Long đã có hai công xưởng, ba tiệm hút thuốc phiện và một nhà tiền trang, lý do là vì y khéo dùng việc "đánh bạc" để giao tế, rất nhiều việc làm ăn của y là thỏa thuận trên chiếu bạc ⁽¹⁴⁹⁾. Đến nay vẫn có người dùng chiến thuật "mặt chược" tiến hành hoạt động thương nghiệp. Cũng ở thành phố ấy có Trần Vệ Quang là nhân viên cung tiêu công ty thương nghiệp bán lẻ, thần thông quảng đại, mấy năm trước đã có thể tìm được những mặt hàng hiếm mà người ta không tìm được như ti vi màu, tủ lạnh, mô tô. Lý do là vì y ra ngoài nhất định phải mang theo mấy bộ bài mặt chược, gặp kẻ thích thì rút vài cây, biếu một bộ mặt chược cao cấp, lại rủ chơi vài tối, cố ý thua vài đồng, chuyện làm ăn bất tri bất giác đã được quyết định trên chiếu bạc ⁽¹⁵⁰⁾. Sau cùng còn có một số thương nhân lấy sự tinh thông kỹ thuật đánh bạc và thủ pháp lừa bịp, trực tiếp kiếm tiền trong sòng bạc.

Nói tóm lại dân thương là một tầng lớp phức tạp, bao quát các nhóm xã hội và các loại người, mục đích cờ bạc, mức độ ăn thua, phạm vi đánh bạc của họ đều không giống nhau, không thể một lời nói hết.

(149) (150) Xem thêm *Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại*, tr. 45, 47

Chương 4

Sòng bạc ổ bạc trong lịch sử Trung Quốc

Sòng bạc (Đồ trường), theo tên xét nghĩa là chỗ đánh bạc. Nhưng từ thời Tùy Đường trở về trước chưa có nơi chuyên làm chỗ đánh bạc, bất kể hoàng cung quan thự hay quân doanh kỹ viện đều có thể mở sòng. Từ thời Tùy Đường trở đi, xuất hiện người tổ chức đánh bạc và thu tiền hồ, nơi đánh bạc cũng dần dần trở thành cố định. Sòng bạc chuyên nghiệp thời Tống gọi là "Cự phường". Tô Thức trong bài *Khất tu Định Châu quân doanh trạng* nói ở Định Châu "người trong thành có hàng trăm hộ mở Cự phường, công khai treo bảng, chiêu tập quân dân cờ bạc", đủ chứng minh sự tồn tại của loại sòng bạc ấy. Đương thời trong quán rượu cũng có thể tiến hành cờ bạc. Như trên đã nói, lúc phát tiền Thanh miếu, quan lại địa phương sẽ ra lệnh cho Tầu vụ tấu nhạc diễn kịch, rú ré nông dân tới đánh bạc. Còn có một loại gọi là Ngõa xá (Ngõa tử, Ngõa tứ) là nơi giải trí quy mô lớn, cũng kiêm làm việc cờ bạc. Thời Nam Tống phía ngoài thành Hàng Châu có hơn hai mươi nhà Ngõa tử, thường mở ra các trò cờ bạc như thả diều, đá cầu, đá chim thuận. Thêm nữa, là lợi dụng du thuyền để làm sòng bạc. Đương thời một số nhà đại thương thường trong thuyền vẽ "mua cười ngàn vàng, hô

lô trăm vạn⁽¹⁾. Có người còn trực tiếp lợi dụng bãi đất trống để cờ bạc. Bọn con bạc căng lều trên bãi đất trống, bày đồ trôn ngoạn, vãi vóc, trà rượu, gọi mọi người tới Xông vào (Quan phốc). Ngoài ra quán trà cũng là một loại sòng bạc quan trọng, phương nam phương bắc đều như thế. "Các quán trà ở Yên Kinh bày bàn cờ Song lục, hoặc năm sáu bàn, nhiều là mười bàn, con bạc vào chơi cũng như các quán trà ở phương nam bày bàn cờ vậy"⁽²⁾. Đó là sử giả Nam Tống tận mắt nhìn thấy tình hình ở phương bắc. Đương thời một số chùa miếu có nhiều người du ngoạn như chùa Tướng Quốc ở phủ Khai Phong cũng có khi được dùng làm nơi đánh bạc.

Thời Minh Thanh sòng bạc chuyên nghiệp được gọi là Đồ phường, cũng có kẻ lợi dụng kỹ viện (như Hà phòng dọc sông Tần Hoài), quán cơm, quán trà để đánh bạc. Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, ngoài một số ít các thành phố lớn có mở các sòng bạc chuyên nghiệp lớn như trường đua ngựa (Bào mã trường), sòng Hồi lục cầu (Hồi lục cầu trường), sòng roulette (Luân bàn đồ), cũng có kẻ lợi dụng những nơi nói trên để đánh bạc. Nhất là "các quán trà ở hương trấn, quá nửa là sòng bạc"⁽³⁾. Như quán trà ở các thị trấn vùng Hải Ninh thời Dân quốc "đều bày sẵn dụng cụ đánh bạc, Tiếp long, Đầu hổ, quán nào cũng thế"⁽⁴⁾. Ở một số vùng quê còn lợi dụng những dịp cúng bái mở ra sòng bạc tạm thời bên cạnh chùa miếu. Như huyện Tân Hà tỉnh Hà Bắc, "những ngày lễ hội là một phiên chợ lớn và một khu giải trí lớn ở nông thôn". Có người nhân đó "mở sòng bạc"⁽⁵⁾. Dưới đây chúng tôi sẽ giới thiệu một số sòng bạc nổi tiếng trong lịch sử, nhất là trong thời cận đại.

(1) *Vũ lâm cựu sự*, quyển 3, *Tây Hồ du hạnh*.

(2) Hồng Hạo, *Tùng mạc kỷ văn*, quyển hạ.

(3) *Tiền Môn Đường hương chí, Phong tục*.

(4) *Hải Ninh châu chí cảo*, quyển 40

(5) *Tân Hà huyện chí, Miếu hội*.

I. Sòng bạc ở Thượng Hải

Thượng Hải sau khi mở ra năm 1841 đã trở thành một đô hội lớn ở phương đông, là một nơi bốn phương đổ tới, nhân số đông đúc. Theo với sự xâm nhập văn hóa hủ bại của chủ nghĩa tư bản, ngoài một số khách sạn, quán trà và tiệm hút thuốc phiện trở thành sòng bạc, còn có một số sòng bạc mang tên Tổng hội hay Câu lạc bộ. Như Chiêu Nam cục Đồng sự Câu lạc bộ của người Bồ Đào Nha thiết lập chính là một sòng roulette. Theo lời kể thì sòng bạc này canh gác rất nghiêm mật, ra vào đều dùng ám hiệu để liên lạc, những người thường tới chơi là một số đại quan quý nhân. Lại như Trường Xuân Tổng hội ở bến Dương Kinh do Chu Bảo Tam thiết lập năm 1905, Ninh Thương Tổng hội trên đường Lục Mã do Ngụ Hiệp Liêu mở ra sau đó đều là sòng bạc. Đúng như *Thanh bị loại* sao nói "Các thương bang ở Thượng Hải đều thiết lập Tổng hội, tiếng là Tổng hội nhưng thật ra là sòng bạc"⁽⁶⁾. Ngoài ra còn có các trường đua ngựa, sòng bạc trong nhà riêng. Như Ôn Lão Thái ở đường Lưu Hà bên Đả Thiết tại Nam Thị mở Ôn gia đại trường, chính là một sòng bạc ở nhà riêng nổi tiếng.

Từ thời Dân quốc trở đi, ngoài các sòng bạc đơn thuần theo lối phương Tây, sự hưng suy của các sòng bạc ở Thượng Hải có thể chia làm ba giai đoạn. Từ Cách mạng Tân hội đến 1937 là giai đoạn thứ nhất. Đương thời có rất nhiều sòng bạc do lưu manh hoặc quan hệ với lưu manh mở ra. Năm 1915 bang hội lưu manh Hứa Vinh Phúc ở Thượng Hải mở sòng bạc ở ngô Họa Cẩm đường Sơn Tây, toàn chơi trò gieo xúc xắc, kể đó Thái Hồng Sinh ở cầu ván Trịnh Gia, Lục Thiếu Khanh ở hẻm Kê Áp (nay là cầu Đả Cầu đường Sơn Đông), Tam A đầu ở phường Mân Đình đường Ngũ Mã (nay là đường Quảng Đông), thuộc hạ của Đỗ Nguyệt Sinh là bọn Trần Thế

(6) *Thanh bị loại* sao, *Đổ bác loại*.

Xương ở ngõ Bảo Hưng đường Tự Lai Hỏa (nay là đường Nam Quảng Tây) đều mở sòng bạc. Nói về quy mô và thực lực thì phải kể sòng bạc do Mã Quần Sinh, Kim Diên Tôn mở ở ngõ Sinh Cát cầu Nam Dương là lớn nhất, người tới sòng này đều là một số phú thương và các nhân vật được gọi là có thể lực, sòng bạc này duy trì hơn mười năm, chủ sòng thu lợi vô số. Năm 1927, chủ sòng cờ bạc lớn ở Áo Môn là Lương Bồi nhờ Vương Bảo Thiện bang Quảng Đông hối lộ với nhà đương cục trong tô giới Pháp, đầu tư 8 triệu đồng mở hai sòng bạc lớn Lợi Sinh, Phú Sinh ở đường Công Quán (nay là đường Kim Lăng Đông). Trong sòng trần thiết mười phần hoa lệ, có cung ứng thức ăn đủ món Tây món Tàu, nữ chiêu đãi viên, xe hơi đưa rước, đủ cả các trò cờ bạc phương Tây Trung Quốc, nhân viên và bảo vệ hơn 800 người, sau khi khai trương trước cổng đông nghẹt, thu nhập cực kỳ phong phú. Về sau vì bọn ba đại ca Hoàng Kim Vinh đòi chia lãi chưa đồng ý, ba đại ca liên kết với một số thân sĩ mãi biện xin Lãnh sự quán Pháp đóng cửa hai sòng bạc ấy. Năm 1931, Đỗ Nguyệt Sinh mở ra sòng bạc số 181 đường Phúc Cù có quy mô còn lớn hơn. Trong thời kỳ này còn có loại sòng bạc gọi là Đồng bảo, nhưng là thuê một hai gian phòng cũ nát, bày vài cái ghế, vài tấm phản. Loại sòng bạc này đầu tiên lưu hành ở phố 16, sau chuyển tới một dải nay là đường Phúc Châu.

Giai đoạn thứ hai là từ 1937 đến 1945. Đây là thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Thượng Hải, để thi hành chính sách thực dân thống trị, làm giảm ý chí đấu tranh của nhân dân, đế quốc Nhật Bản ra sức đề cao những lễ lối sinh hoạt hủ bại, sòng bạc ở Thượng Hải càng "phát triển" mạnh. Phần lớn số sòng bạc này đều do bọn Hán gian, lưu manh mở ra, được sự che chở của giặc Nhật. Trong đó có sòng Hảo Lai Ổ do Quảng bang mở ở đường Ngu Viên, Liên Kiều Tổng hội ở đường Đại Tây (nay là đường Diên An Tây) và sòng Thu Viên ở đường Phạn Hoàng (nay là đường Vạn Hàng), còn có Vinh

Sinh công ty do bản bang mở ở cầu Khang Gia đường Diên Bình, Hoa nhân Lạc viên ở đường Qua Đăng (nay là đường Giang Ninh), Cầu lạc bộ Diêu Phong cạnh công viên Diêu Phong (nay là công viên Trung Sơn) và sông bạc số 626 đường Hải Cách (nay là đường Hoa Sơn). Trong đó lớn hơn cả có sông Hoa Nhân Lạc viên do tên lưu manh đại Hán gian Phan Tam Tỉnh mở ra, còn sông 626 là do cháu nội Lý Hồng Chương là Lý Đoan Cửu lãnh "giấy phép đặc biệt" của quân Nhật mở ra, nghe nói sông bạc này trần thiết hoa lệ tương đương với sông bạc tiền thân ở số 181 trước đó. Năm 1940, sáu sông Hảo Lai Ổ, Liên Kiều, Thu Viên, Vinh Sinh, Diêu Phong, Hoa Nhân liên kết thành sông bạc Lục quốc phạn điểm. Từ đó trở đi bản bang dưới sự che chở của Cục trưởng Công an Lư Anh và đặc vụ 76 Ngô Thế Bảo cũng mở ra nhiều sông bạc trong thành cũ, khiến "Trung tâm cờ bạc" ở thành phố Thượng Hải dời về phía nam. Đến năm 1943, vì Cục trưởng Công an nguy đời không được đáp ứng, sông bạc mới bị đình chỉ "doanh nghiệp".

Giai đoạn thứ ba là từ 1945 đến 1949. Trong thời kỳ này ngoài sông Hồi lực cầu còn hoạt động, rất nhiều sông bạc đã chuyển xuống đất.

1. Sông bạc 181

Địa điểm ở số 181 đường Phúc Cù Thượng Hải, nên thành tên như thế. Nơi đó vốn do Tịch Tịch Phan cha của mãi biện Ngân hàng Hồi Phong Tịch Lệ Sinh xây dựng, sau trở thành của Đỗ Nguyệt Sinh, lại cho bang Quảng Đông thuê mở sông bạc. Vì nơi đó phía trước đối diện với tô giới chung, phía sau là tô giới Pháp, dễ ẩn núp và trốn chạy nên được chọn làm địa điểm. Sông bạc này vào đầu những năm 30 là do Tam Hâm công ty của bọn đại lưu manh Hoàng Kim Vinh, Đỗ Nguyệt Sinh mở ra, về sau do bọn Hoàng Kim Vinh, Đỗ Nguyệt Sinh, Trương Túc Lâm, Phạm Hồi Xuân,

Kim Đình Tôn, Cố Gia Đường, Vương Mậu Lâm, Mã Tái Đình hợp nhau bàn bạc xây dựng. Ban đầu có tên là Câu lạc bộ thành viên Tam Hâm công ty, về sau mở rộng phạm vi thành viên đánh bạc, trở thành một sòng bạc mở cửa với bên ngoài, nguồn vốn do bọn con bạc bang Quảng Đông đóng góp. Người phụ trách phía ngoài là mai biện Tiền Tăng Bảo, Cố Gia Đường (đại diện của Đồ Nguyệt Sinh) sòng này chính thức mở ra từ 1931 đến 1932.

Trước đó người tới đánh bạc có thành viên của Tam Hâm công ty, gia đình họ và những người nổi tiếng, danh sĩ, thương nhân ở Thượng Hải lúc bấy giờ. Sòng bạc này canh gác chặt chẽ, không được tùy ý ra vào. Do bọn Cố Miêu Căn phụ trách việc bảo vệ, mỗi ngày phải hai mươi tên lưu manh bộ hạ làm "cảnh vệ". Khách chơi vào sòng phải bị khám xét khắp người, vào sòng trước tiên phải bỏ ra 200 đồng mua phỉnh, không được ít hơn. Tiền xe của khách chơi tới do sòng bạc trả. Trong sòng bạc chiêu đãi chu đáo, cung ứng đầy đủ: thức ăn có món Tây món Tàu, thức uống có Whisky, Brandy, thức hút có thuốc phiện hạng nhất, thuốc lá thơm 555. Chiêu đãi viên có nam, cũng có kỹ nữ, tất cả đều không tốn tiền, cung ứng miễn phí. Các trò đánh bạc có từ quay số, gieo xúc xắc một cửa, hai cửa, tài xỉu, bốn cửa, mạt chược, poker tới đồ xúc xắc, đánh bài cầu của bang Quảng Đông⁽⁷⁾. Sòng bạc trong việc cờ bạc thường giở đủ trò hoa dạng, khách chơi nói chung thua nhiều thắng ít, nên bọn Đồ Nguyệt Sinh thu được lợi nhuận siêu ngạch trong đó.

2. Sòng bạc Lão Tây Môn

Cũng gọi là sòng bạc Tây Viên, ở Lão Tây Môn đường Trung Hoa Nam Thị, một phần Tây Viên thư trường hiện nay là xây trên di chỉ cũ của nó. Trong thời kỳ chiến tranh chống

(7) *Cựu Thượng Hải dịch yện đồ xướng*, tr. 137

Nhật, nó là sông bạc lớn nhất Thượng Hải, có thể chứa hàng ngàn khách chơi. Do tên Hán gian Lý Tu Bảo mở ra. Lúc khai trương sông bạc sơn mới một lượt, trong có đủ loại bàn đánh bạc, thức ăn Tây Tàu, phòng điếm tâm, phòng hút thuốc phiện, ngoài ra còn có phòng đặc biệt chuyên chiêu đãi các nhân vật tai to mặt lớn loại chính khách tướng lĩnh và đại phú thương. Trong sông có chuẩn bị xe hơi phụ trách việc đưa đón khách "quan trọng". Nhân viên trong sông có hơn 200 người nhưng tiền lương đều rất thấp, chủ yếu dựa vào tiền thưởng gồm "tiền lẻ" và "tiền số đỏ" mà sống. Nhân viên chia làm ba ban ngày đêm phục vụ, những người trực tiếp phụ trách kinh doanh đều là con em thuộc hạ của Lý Tu Bảo. Vì bản thân Lý Tu Bảo giữ chức Phó Tổng đội trưởng Đội Mật thám trong Cục Cảnh sát ngụy nên không ai dám đụng chạm vào sông bạc này.

Những người thường tới sông đánh bạc có Kinh lý, viên chức, nghiệp chủ nhỏ, nhà buôn nhỏ trong giới công thương nghiệp, cũng có một số lưu manh, anh chị địa phương. Khách chơi vào sông, trước tiên dùng tiền mặt đổi phỉnh, sau đó vào quầy nào mà mình thích tiến hành đánh bạc. Trong khi đánh bạc, khách chơi có thể tới phòng quản lý của sông bạc lãnh thẻ ăn uống miễn phí, bất cứ lúc nào cũng có thể tới phòng ăn dùng bữa, muốn hút thuốc thì có thể lãnh thẻ hút thuốc, có thể được nhận thuốc lá thơm thượng hạng Tô lực khắc bao bạc, còn có thể nhận thẻ hút thuốc phiện và thẻ điếm tâm miễn phí. Nếu khách chơi thắng lớn, sông bạc còn phái người dùng xe hơi hộ tống về nhà. Hạng mục cờ bạc có bài cầu, quay số, tài xỉu, cờ hoa, Đồng bảo kiểu Quảng Đông. Mỗi quầy có năm nhân viên: một người đổ xúc xắc, tính điểm gọi là Nhà cái (Dao thủ), một người quản lý tiền đặt bạc và phỉnh, hai người là Bàn kế toán (Ngân đài), chuyên quản lý số phỉnh ra vào, còn một người làm Kiểm soát (Giám đài).

Sông bạc này từ 1940 đến 1943 làm ăn đặc biệt

"thịnh vượng", là biểu hiện về sự phát triển méo mó của kinh tế thuộc địa. Do một số khách chơi thắng thì muốn thắng thêm, thua thì không chịu thôi, mê đắm vào đó, rốt lại thua sạch, sau cùng đem tất cả đồ vật gán nợ, nên vùng phụ cận Tây Viên còn có các hiệu cầm đồ như Vạn Xương, Ước Phong, Hồng Tương. Bọn họ câu kết với chủ sòng bạc trấn lột tiền bạc của khách chơi.

Loại sòng bạc tương tự Tây Viên có Hồng Bảo (ở Cửu Mầu Địa), Vĩnh An (ở đường Lộ Hương Viên), Đại Sinh (ở phường Hằng An cầu Nam Dương), Hoa Dân (ở cầu Phương Tân), Đồng Khánh (ở ngõ Đồng Khánh). Tất cả hợp xưng là sáu sòng bạc lớn ở thành cũ, mỗi sòng đều có thể chứa được một hai ngàn người, nhân viên khoảng hai ba trăm người.

3. Sòng bạc Hồng Khẩu

Là loại ổ bạc bí mật lưu động ở một dải Hồng Khẩu thời Dân quốc. Người nắm quyền thực sự của nó là một tập đoàn cờ bạc có tên là Nghĩa Lợi hội. Nội bộ tổ chức chặt chẽ, có đủ tính chất xã hội đen. Hội viên chia làm ba bộ phận là Nội bộ, Ngoại bộ, Ngân chủ. Trong đó Ngân chủ chỉ chia tiền lời, không dính dáng gì tới công việc nội bộ, số tiền họ nhận được không bằng một phần mười các phần tử hội viên trung thành của hội. Hội viên Ngoại bộ có bọn anh chị trùm lưu manh (Đại hảo lão) và bọn bạn bè đồng đạo tức bọn cờ bạc bịp (Đổ đồ biển tử), mỗi người hàng ngày thu được nhiều thì 10 - 20 đồng, ít là 1 hào, chuyện này phải xem thế lực của họ thế nào mà quyết định. Thu nhập của hội viên Ngoại bộ có khi do sòng bạc đưa tới, cũng có khi do họ tự tới lãnh. Theo lời kể, những kẻ được nhận "tiền quy lệ" của sòng bạc Hồng Khẩu đạt tới hơn số ngàn.

Hội viên Nội bộ là phần tử cốt cán của sòng bạc, nhân số khoảng 400 người, trong đó chia làm ba loại tức Tiên sinh,

Thượng thủ, Khoái thủ. Tiên sinh chỉ có bốn người, gọi là Tứ đại thiên vương, trong đó người đứng đầu giữ quỹ. Gã thủ lĩnh đứng đầu ổ bạc này chỉ biết là người Quảng Đông, chưa bao giờ nói rõ tên họ thật, nghe nói là tù vượt ngục trong một vụ án lớn ở tỉnh Mã. Y hàng ngày ăn sơn hào hải vị, lại phải hút một lượng hai tiền thuốc phiện hảo hạng mất 20 đồng, đủ thấy y ăn tiêu rộng rãi, bóc lột con bạc nặng nề tới mức độ nào! Người đầu đảng mỗi ngày tiêu 60 đồng, ba người kia thì hai người giám thị sòng bạc, một người chuyên phụ trách việc hối lộ, mỗi ngày được 40 đồng. Thượng thủ có 48 người, trong đó có Bảo quan coi việc lặt vặt xấc, phụ trách việc "kiểm tra" tiền đặt cược trên chiếu bạc và đám Ngân đài đánh giá tiền bạc, ngân phiếu, vàng bạc châu báu xem giả hay thật, mỗi ngày được từ 4 tới 10 đồng khác nhau. Khoái thủ phụ trách bảo vệ "trật tự" trong sòng bạc, Bảo thoái phụ trách công tác canh gác và đưa tiền bạc vào kho, mỗi ngày được từ 4 hào tới 1 đồng, ngoài ra mỗi ngày còn được cung ứng bốn bữa rượu thịt⁽⁸⁾.

Sòng bạc thường dời chỗ, có lúc thậm chí một ngày dời ba bốn lần, tất cả đều chọn chỗ trong nhà hoang hẻm vắng, chỗ giao giới của mấy khu vực, các khu vực không được quản lý hay phòng trên tầng cao trong biệt thự ở khu tô giới. Để bảo vệ, ổ bạc còn hối lộ mua chuộc nhân viên cảnh sát và các cửa hiệu nhỏ cạnh cơ quan cảnh sát làm việc canh gác báo tin cho họ và canh gác trên đường lúc Cục Cảnh sát tới, tất cả đều chọn bọn trẻ con nghịch ngợm búng bình. Lúc cảnh sát xuất hành bắt bạc, do đám trẻ con này gây đầu, còi mủ, giơ tay, gọi xe làm ám hiệu, thông báo tất cả. Như thế, cảnh sát vừa ra khỏi cửa, đám cờ bạc đã sớm được tin giải tán sạch.

Loại ổ bạc này vào những năm 30 - 40 thì chấm dứt.

(8) *Dân quốc hắc xã hội*, Giang Tô Cổ tịch xuất bản xã, 1988, tr. 138

4. Sòng đề ở Thượng Hải

Sau Chiến tranh Thuốc phiện, theo việc cửa ngõ mở tung, một số con bạc trong Sòng đề (Đã hoa hội) ở Quảng Đông lên phía bắc hoạt động ở một dải Ninh Ba, Thiệu Hưng, đến khoảng năm Quang Tự thứ 28, 29 (1902 - 1903) thì tới Thượng Hải, tiến hành hoạt động cờ bạc Sòng đề. Lúc mới tới, họ đặt Tổng bộ ở Mạnh Tường đường tại Nam Thị, về sau qua mấy lần chính quyền nhà Thanh bắt bớ, nên dời tới trốn lánh ở đường Hoa Kỳ Bắc Thị, sau cùng dời tới Trang Nguyên Đại ở Hồng Khẩu chỗ chính quyền nhà Thanh không quản lý được trong khu tô giới.

Sòng đề do bọn trùm lưu manh đương thời tổ chức. Người đứng đầu Hoa hội Đại hội đồng (Tổng bộ) gọi là Lão sư phụ, có quyền quyết định mở cửa nào trong 36 cửa. Y ở một mình trong một ngôi lầu nhỏ, không hề tiếp xúc với người ngoài. Hàng ngày buổi sáng tiếp khách một lần, y từ khe hở của ván lầu thả xuống một chiếc hộp (Thái động), trong chiếc hộp có Số (Hoa) sẽ mở, về sau vì người chơi quá nhiều nên ở các nơi có tới mười mấy chỗ. Đương thời mở số xong, đám "Khoái mã" của sòng đề đạp xe đạp đi đưa số cho các nơi có tới hàng trăm, đám chuyên ra ngoài rủ rê mời gọi khách có trên 450 người. Theo quy định của sòng đề, đám Dắt khách (Hàng thuyền) kéo được một khách thì có thể được một phần mười số tiền khách chơi, nếu người ấy thắng lại có thể được 1/30 số tiền được bạc. Sòng đề Thượng Hải sau khi phát triển năm 1902, đến những năm 20 càng phổ biến, năm 1927 vì cao trào vận động của công nhân từng mất hút một dạo, nhưng dưới ách thống trị của Quốc dân đảng phản động rất mau chóng khôi phục trở lại. Trong thời kháng chiến, giặc Nhật cũng ra sức nâng đỡ sòng đề. Đến mãi 1949, tổ chức sòng đề mới bị giải tán triệt để.

5. Trường đua ngựa ở Thượng Hải

Thượng Hải trước sau xuất hiện ba trường đua ngựa, trường đua thứ nhất là Bào mã sảnh Thượng Hải, do một người Anh mua đất cạnh chỗ nay là công ty Lệ Hoa xây dựng nên năm 1850⁽⁹⁾. Đường kính vòng đua dài 800 mét. Vì đường đua quá nhỏ, nài ngựa thường thúc ngựa ra đám đất đá vũng lầy bên ngoài, nên mọi người gọi đó là Đường ngựa (Mã lộ), tức nguồn gốc của từ Mã lộ để gọi đường phố ngày nay. Năm 1850 mở cuộc đua đầu tiên, trước sau đua tất cả bảy lần, Bào mã sảnh có cơ quan lãnh đạo - Ủy viên hội, do năm người bọn Hoắc cách tổ chức thành. Về sau vì khu vực ấy phần vịnh dần lên, giá nhà đất tăng vọt, người Anh tham món lợi lớn, bèn xây nhà trên chỗ ấy để bán, dời trường đua tới gần Hoa Liên thương hạ hiện nay, sau cùng lại dời tới chỗ công viên Nhân Dân và quảng trường Nhân Dân hiện nay. Lúc đầu Hoắc cách thông qua Lãnh sự Anh, chỉ xin đoạn đường phía tây đường Tây Tạng, trưng dụng một đoạn dài 1,25 dặm Anh, rộng 60 thước làm đường đua, được chính quyền Trung Quốc đồng ý. Năm 1861, chính quyền địa phương ở Thượng Hải ra bố cáo giao số ruộng từ bến Nê Thành qua phía tây cho Bào mã hội nước Anh. Nào ngờ Bào mã hội nước Anh chiếm được một khoảnh đất lớn, lại tính giá trả lại 25 lượng bạc mỗi mẫu. Giữa trường đua còn có một thôn trang khoảng hơn bảy mươi nóc nhà, người Anh bèn mua với giá 30 lượng một mẫu đất, 100 lượng một gian nhà.

Trường đua ngựa thuộc loại công ty cổ đông góp vốn mở ra. Đại bộ phận cổ đông là người Anh, vốn liếng chủ yếu do mấy hãng buôn nước ngoài cung cấp, nghe nói là 1 triệu. Chủ tịch Ủy viên hội trường đua là Ước cán tổn đứng đầu hãng buôn Di Hòa, sau khi Ước cán tổn về nước thì do Bàn nhĩ ca (chủ hãng buôn Tường Mậu) thay chức. Ủy viên có chủ hãng buôn Xác kiện khắc lập khắc, Đại lập tư, Mã lập tư có nhiều tài sản địa ốc ở Thượng Hải và Nghiêu cước sa tổn

buôn thuốc phiện. Dưới Ủy viên hội (Đồng sự hội) có một Thư ký, lương tháng 20 đồng, người này có thực quyền rất lớn, người giữ chức lâu nhất là Á nhĩ tổn người Đan Mạch. Dưới thư ký có một Phó Bí thư giữ sổ sách, phạm Bảo mã sắm thuê nhân viên đều do y đứng ra, dùng lối "thuê khoán công việc", vì thế cũng có quyền hành rất lớn.

Phạm vào mã hội, trở thành hội viên, phải trải qua thủ tục nhất định. Phạm người nước ngoài nào trên 21 tuổi, bất kể quốc tịch nào cũng có thể xin vào hội, lại do từ chín tới mười một người cổ đông của Ủy viên hội tiến hành biểu quyết, nếu tất cả đồng ý thì được thông qua. Nếu có một người phản đối thì bảo lưu đơn xin vào hội, đến kỳ họp lần sau tiến hành biểu quyết, nếu có hai người phản đối thì phải qua một thời gian để xem xét, nếu có ba người phản đối thì vĩnh viễn thủ tiêu tư cách vào hội. Năm 1908 hội viên chính thức của Bảo mã sảnh có 320 người, hội viên khác có 500 người, mỗi người mỗi tháng đóng hội phí 10 đồng⁽¹⁰⁾. Đến 1927, sau khi Bảo mã sảnh ở Giang Loan thành lập, mới cho một số người Trung Quốc gia nhập làm hội viên danh dự.

Chủ trường đua dựa vào việc đua ngựa đánh cá mà phát tài lớn. Theo thống kê tiền mua vé vào cổng của hội hàng năm có trên 100.000 đồng bạc, mà vé đánh cá gồm phiếu Bảo mã và phiếu Hương tân thì còn nhiều hơn, trong hai mươi năm từ 1920 đến 1939, tổng số thu là hơn 140 triệu đồng bạc, bình quân mỗi năm thu được hơn 7 triệu⁽¹¹⁾, đủ thấy sự bóc lột rất nặng nề. Lai lịch của phiếu Hương tân là lúc mới mở trường đua không có tiền mặt, người thắng được một chai rượu Hương tân, nên về sau loại vé ấy được gọi là Hương tân. Vé Hương tân mỗi tờ giá 10 đồng, có các loại một màu, hai màu, ba màu, tiền thắng khác nhau. Loại một màu lúc đầu thắng 100.000 đồng, về sau tăng tới 150.000, sau

(9) (10) (11) *Cựu Thượng Hải đích yên đồ xướng*, tr. 82, 86, 97

cùng tăng tới 240.000. Trường đua dùng cách thức "nhất bản vạn lợi" này để quyến rũ người ta mắc câu chữ kẻ phát tài giàu có là người nước ngoài tổ chức trường đua. Như Mã lạc vốn là kẻ nghèo khó, "Năm 1919 cầm một cái va li da cũ tới Thượng Hải, dựa vào một con ngựa, không đầy ba năm đã phát triển tới hơn năm mươi con, lặc người một cái biến thành Đồng sự Bảo mã tổng hội, chủ hãng tàu máy" ⁽¹²⁾.

Một trường đua khác là trường đua ngựa Giang Loan, địa điểm ở gần Bệnh viện Ung thư 1 hiện nay. Người đứng ra tổ chức là Diệp Tử Hành (quốc tịch Nhật Bản), con thứ tư của Diệp Trưng Trung, người quản lý trong thực tế là Chu Văn Đoan con nuôi của Diệp Tử Hành. Trường đua này tổ chức theo lối cổ phần. Theo lời con Diệp Tử Hành thì lúc bấy giờ gọi vốn được 500.000 lượng, mỗi cổ phiếu 10 lượng, tất cả 50.000 cổ phiếu, một người khác là Đồng sự Hồ Hiếu Thốc lại nói là 80.000 lượng, mỗi cổ phiếu 25 lượng. Trường đua này chuẩn bị từ 1909, dời tới khu vực Giang Loan, lúc đầu rộng 700 mẫu, về sau mở ra tới 1.300 mẫu ⁽¹³⁾. Trường đua Giang Loan bắt đầu xây dựng năm 1910, năm 1911 bắt đầu đưa vào hoạt động.

Trường đua ngựa Giang Loan có Đồng sự hội, Đồng sự hội trưởng đầu tiên là Ngu Hiệp Khanh, Phó Đồng sự trưởng là Diệp Tử Hành. Bên dưới có tám Đồng sự, mỗi năm bầu một lần, đều chọn trong những người có nhiều cổ phần. Dưới Đồng sự hội đặt ra một Thư ký nắm thực quyền, Thư ký đầu tiên là Đàm Nghiệp Thanh. Trường đua ngựa Giang Loan vốn do người Trung Hoa kinh doanh nhưng từ khi Diệp Tử Hành để lấy lòng chuyển cổ phần cho Khắc Lạp Khắc thì trở thành Đồng sự hội Trung Tây hợp bích. Sau khi hợp tác với người phương Tây, quy định hội viên đôi bên đều có thể tham

(12) Trương Dật, 92 Hoa Hạ trại mã triều, Khoa học dữ sinh hoạt, số 1, 1993

gia đua ngựa với đối phương, trường đua ngựa Giang Loan lại đổi tên là Vạn quốc thể dục hội, đặt trụ sở trên đường Tây Lô Bắc Kinh hiện nay. Sau "biến cố ngày 28 tháng 1" năm 1932, sân vận động Giang Loan bị chiến tranh hủy diệt không thể đua ngựa, mà mượn trường đua Thượng Hải để đua. Thủ tục gia nhập hội của trường đua Giang Loan rất giản tiện, bất kể là người Trung Quốc hay nước ngoài chỉ cần có một Đồng sự viên hoặc hội viên tán thành thì có thể được công nhận là hội viên.

Trường đua thứ ba là trường đua ngựa Tường Hương, địa điểm ở phía bắc một dải đường Song Dương, đường Trường Dương Thượng Hải, là do một số bang hội lưu manh lập ra vào những năm 20.

Trường đua ngựa Tường Dương chính thức thành lập năm 1924, thường tiến hành hoạt động đua ngựa đánh cá, đến 1942 mới kết thúc. Cơ cấu tổ chức không khác lắm so với trường đua Thượng Hải, trường đua Giang Loan. Đồng sự trưởng đầu tiên là Đàm Trúc Hình chủ tiền trang Đồng Thái, sau một năm thì do Đỗ Nguyệt Sinh tiếp nhiệm.

Ba trường đua nói trên đều phát hành vé đánh cá, tiến hành cờ bạc. Chủ trường đua giở đủ trò hoa dạng, dùng việc đánh cá đua ngựa lừa tiền bạc, lấy trường đua ngựa để hút máu mỡ nhân dân.

6. Trường đua chó ở Thượng Hải

Ở Thượng Hải trước sau có ba trường đua chó, trường đua chó đầu tiên ở Thượng Hải gọi là Minh Viên, do chủ hãng buôn Mạch biên người Anh Mạch biên lập ra. Tháng 1. 1928 Mạch biên được thương nhân địa ốc Mã lập sư giúp đỡ, bắt đầu chuẩn bị xây dựng trường đua chó. Mã lập sư nhường lại 60 mẫu đất ở đường Hoa Đức (nay là đường Trường Dương) làm trường đua. Mạch biên còn đặt trụ sở quản lý

trường đua chó ở số 2 đường Quảng Đông.

Trường đua chó Minh Viên có vốn 500.000 đồng, là tập hợp tiền vốn trong xã hội. Vốn liếng chia làm cổ phiếu sáng lập và cổ phiếu phổ thông, trong đó người Hoa chiếm 70% cổ đông nhưng đều là cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu giá 10 đồng⁽¹⁴⁾. Về sau lại phát hành thêm một đợt cổ phiếu, theo tính toán thì số cổ phiếu mới có giá trị 100.000 đồng. Minh Viên có chuẩn bị 200 chó đua và thả làm mỗi nhữ. Về nguyên tắc tổ chức là theo chế độ Kinh lý phụ trách, Tổng Kinh lý lúc bấy giờ là hội viên Thượng Hải Bảo mã Tổng hội Cam bích nhĩ, Đồng sự trưởng và Phó Kinh lý chính là Mạch biên.

Ngày 26 tháng 5 năm 1928, Minh Viên bắt đầu hoạt động. Trong hai lần đua thử trước ngày chính thức hoạt động, từng mời các nhân vật quan trọng và ký giả báo chí trong thành phố Thượng Hải tới tham dự. *Thân báo* từng tâng bốc nó, đăng bài *Minh Viên đệ nhị thử thí khuyến ký* (Ghi chép về lần đua chó thử hai ở Minh Viên) và ba tấm ảnh *Minh Viên trại trường chi đại khán đài* (Khán đài lớn trong trường đua Minh Viên). Thời gian Minh Viên đua chó là từ 9 giờ đến 11 giờ rưỡi tối các ngày thứ tư, thứ bảy và chủ nhật hàng tuần. Mỗi lần đua có sáu lượt trở lên. Vé phát hành có hai loại Độc doanh, Vị trí và một loại vé xổ số, để cờ bạc ăn thua. Sau ngày khai mạc bốn hôm, phát hành Lục đầu đao thái phiếu bán ở trụ sở để tiện cho khách không thể tới trường đua cũng tham dự đánh cá được. Kế lại mở cúp đua khai mạc và cúp đua khai mạc khuyến khích, người thắng cuộc đua khai mạc được thưởng năm trăm đồng và một cái chén bạc, người thắng cuộc đua khai mạc khuyến khích được thưởng ba trăm đồng và một cái chén bạc để mời gọi khách khứa. Từ đó trở đi Minh Viên thường vẽ vờ hoa dạng, dùng đủ trò dẫn dụ khách. Minh Viên thu từ các loại vé vào cửa, vé khán đài, vé đánh cá, vé xổ số mỗi đêm ít nhất 7 - 8.000 đồng⁽¹⁵⁾. Còn có

một số người nước ngoài đánh cá Độc doanh và Vị trí ngoài trường đua, dựa vào kết quả Minh Viên công bố để phân thắng phụ. Vì đua chó thì vền vện một đồng bạc cũng có thể ăn thua, nên người mắc lừa bị hại rất đông. Đương thời có một người Thông Châu tên Biện Vinh Phương, vì mê đua chó mà tham ô của Hãng vận tải tàu biển nơi mình làm việc 4.000 đồng, bị giải ra tòa. Dưới sự phản đối quyết liệt của mọi người, Cục Công bộ Thượng Hải ra mặt cấm chỉ, trường đua chó mới đóng cửa năm 1932.

Trường đua chó thứ hai là Thân Viên bảo cầu trường, địa điểm ở đường Giao Châu hiện nay, diện tích 60 mẫu. Do Tổng hội đua chó Thượng Hải đứng ra tổ chức, người chủ trì là Y văn tư người Anh, trụ sở đặt ở số 6 đường Ái Đa Á (nay là đường Diên An Đông). Toàn bộ số vốn của trường đua này cũng là 500.000 đồng, mỗi cổ phần 10 đồng, tổng cộng 50.000 cổ phần, không có sự phân biệt giữa cổ đông sáng lập với cổ đông bình thường. Trường đua chó Thân Viên khai trương ngày 31. 7. 1928. Trước hôm khai trương, *Thần báo* đã đưa tin về việc rút thăm lần thứ nhất và lần thứ hai ở Hội đua chó, lại phụ thêm "Bản đồ đường đua trong trường đua chó Thân Viên", tuyên truyền rộng rãi. Những người tham gia hội đua chó ở Thân Viên có 150 chủ, ít hơn so với Minh Viên. Tổ chức của nó về phương pháp, thời gian đều học theo Minh Viên. Thời gian đua chó là chiều thứ hai và thứ năm hàng tuần. Lúc tiến hành đua còn xin nhà đương cục trong tô giới Anh phái đội quân nhạc trong quân đội Tô Cách Lan tới Thân Viên tấu nhạc, Phòng Tuần bố còn phái mười mấy viên Tuần bố tới trước giữ gìn trật tự. Cũng dưới sự phản đối của nhân dân, đến năm 1934 thì Thân Viên đóng cửa.

Trường đua thứ ba là Dật Viên bảo cầu trường, tên gọi chính thức là Pháp Thương trại bảo hội, địa điểm ở đường Á Nhĩ Bồi (nay là đường Thiểm Tây Nam), diện tích khoảng hơn 100 mẫu (có người nói là 78 mẫu), trụ sở đặt ở số 22

đường Ái Đa Á (nay là đường Diên An Đông). Người sáng lập là bọn Hoàng Kim Vinh, Đỗ Nguyệt Sinh. Vốn liếng của trường đua chó Dật Viên là 1, 5 triệu, có người nói là 2 triệu, cũng theo chế độ cổ phần, mỗi cổ phần 100 đồng, khoảng 15.000 cổ đông. Đầu tiên là do Đồng sự trưởng Vạn Quốc trừ kim hội Tư Tỷ Môn bỏ ra 1 triệu đồng làm chi phí khởi động. Dật Viên xây dựng vô cùng hoa lệ, bên trong đều là bê tông cốt sắt, tường bên ngoài đều dùng gạch đỏ xây lên. Ngoài đường đua chó còn có sân đá bóng, nơi khiêu vũ, quầy rượu, phòng ăn cho tới các sân đánh box, thể dục thể thao vân vân, hợp cả thanh sắc chó ngựa vào một nhà. Trường đua chó Dật Viên khai trương vào mùa đông năm 1928, Đồng sự trưởng kiêm Tổng Kinh lý là Tư tỷ môn. Thời gian Dật Viên đua chó, theo quy định là chiều thứ ba và thứ sáu hàng tuần, nhưng từ 2 đến 5 giờ chiều hàng ngày nó vẫn làm ăn bình thường, cạnh tranh với Minh Viên. Từ 1931 đến 1934, theo sổ sách thì Dật Viên thu vào khoảng 1,2 triệu đồng. Về sau Minh Viên và Thân Viên làm ăn không trôi chảy bị đóng cửa. Dật Viên nhân cơ hội mua lại trường đua và thiết bị của họ, chiếm địa vị độc quyền trong việc đua chó. Kế đó trường đua lại gia tăng tỷ lệ tiền hồ trong việc phát hành các loại vé Độc doanh, Song độc doanh, Vị trí, Liên vị doanh và các loại vé đánh cá trong sân. Từ chỗ thu 15% nhất loạt tăng lên 20%, như thế là bóc lột của người thắng 6,25%. Đồng thời nó còn nâng số lượt đua mỗi lần từ 6 vòng lên 16 vòng, lợi nhuận thu được tăng gấp hai lần. Trường đua chó Dật Viên kinh doanh mãi đến khi chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra. Sau khi Nhật tiến vào tô giới, quân Nhật yêu cầu cắt 50% số tiền vé đánh cá và vé xổ số cho Nhật làm quân phí, phía trường đua cảm thấy không có lợi lộc gì, mới tuyên bố đóng cửa.

7. Sòng Hồi lực cầu

Tên chính thức là Trung ương Vận động trường, địa

điểm ở ngã tư đường Á Nhĩ Bồi (nay là đường Thiểm Tây Nam) và đường Hà Phi (nay là đường Hoài Hải Trung). Chỗ đó vốn tên là Trường đua người (Bão nhân trường), lại vì đương thời ông chủ dùng cách thức giao cho người đánh bao hết ăn phần trăm, người bao tên Hải a lập, nên về sau lấy Hải a lập làm tên gọi chung cho các sông Hồi lực cầu ở Thượng Hải. Sông Hồi lực cầu này bắt đầu xây dựng năm 1929, chính thức khai trương tháng 2. 1930. Người sáng lập là con bạc Phố cam người Mỹ, luật sư Dịch bách khắc người Pháp, Hải cách người Ai Cập (lúc bấy giờ vẫn chưa tới Trung Quốc), Kinh lý Pháp thương Hồi nguyên tính thác ngân công ty Bộ duy hiền người Pháp, mãi biện Lục Tích Hẫu, Chu Bác Tuyền, Thẩm Trường Canh (gia nhập sau). Số vốn lúc bắt đầu là 200.000 lượng cổ phần (thực tế là cổ phần khống), cổ phần ưu tiên là 225.000 lượng, mà tiền lãi thì chia đều cho hai loại cổ phiếu ⁽¹⁶⁾.

Sông Hồi lực cầu này vừa mở ra, nội bộ đã xung đột quyết liệt. Đầu tiên là trong chuyện phân phối cổ phần. Vì Lãnh sự quán Pháp muốn có 80.000 lượng nên Lục Tích Hẫu lẽ ra phải được 40.000 lượng chỉ còn 25.000, Lục rất bất mãn, qua sự tranh cãi quyết liệt, cuối cùng Lục được 30.000 lượng mới ổn thỏa. Thứ hai là sự tranh giành quyền lãnh đạo. Qua quá trình tranh đoạt, Đồng sự trưởng là Dịch bách khắc (về sau do Bộ duy hiền kế nhiệm), Kinh lý Phố cam, mãi biện Kim "Bao quấy rượu" là Lục Tích Hẫu. Đồng sự có Bách bộ, Bộ duy hiền, Bao lai đức, Lễ tân tổn, Tần lạc, Lục Tích Hẫu, Chu Bác Nguyên. Về sau Phố cam vì kinh doanh Minh Viên du nghệ trường thất bại, thâm hụt quá lớn, việc kinh lý do hai người Đề áo đà lập và Hải cách kế nhiệm. Vấn đề nhân sự trong sông Hồi lực cầu thủy chung vẫn tồn tại mâu thuẫn quyết liệt.

(13) (14) (15) (16) *Cựu Thượng Hải dịch yên đồ xứng*, tr. 97, 98 - 99, 101, 106

Sòng Hồi lực cầu sau khi khai trương có một thời gian làm ăn không khá, nhưng sau chiến dịch Tùng Hồ năm 1931, nhân số trong tổ giới đột ngột gia tăng, lại thêm được Pháp che chở, việc cờ bạc trong sông đột nhiên đổi mới, thu nhập lại tăng lên. Từ tháng 7 đến tháng 10. 1932, tháng nào cũng tăng. đương thời sông cải tiến phương pháp cờ bạc, ngoài việc phát hành vé Độc doanh, còn thêm máy đánh bạc tự động rất hấp dẫn, bàn roulette một người chơi cũng từ năm tăng lên sáu bàn, kéo dài thời gian thi đấu, đó là nhân tố chủ yếu khiến sông gia tăng lợi nhuận. Năm 1932, tổng thu nhập của sông là 1.910.000 đồng mỗi tháng, theo tỷ lệ 15% thì thu nhập của sông mỗi tháng là 286.000 đồng, tương đương 2.770 lượng vàng⁽¹⁷⁾, đủ thấy thu lợi rất lớn. Lúc Đề áo đà lạp và Hải cách tới Thượng Hải đều nghèo xơ xác, không có vật gì, tới sông không lâu lại mau lẹ phát tích, ở vila, đi xe hơi, nghiêm nhiên là đại phú ông.

II. Sông bạc ở Thiên Tân

Một số sông bạc nổi tiếng ở Thiên Tân xuất hiện sau Điều ước Bắc Kinh năm 1860, khi cửa biển Thiên Tân mở ra cho người phương Tây tới buôn bán. Sau Chiến tranh Thuốc phiện lần thứ hai, trước sau có chín nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Nga, Ý, Bỉ, Áo tới đặt tô giới ở đó. Chủ nghĩa đế quốc tiến hành chính sách thống trị thực dân trong tô giới, can thiệp vào nội tình chính trị Trung Quốc, bóc lột nhân dân Trung Quốc. Vì Thiên Tân là chỗ cửa sông chảy ra biển, giao thông thuận lợi, kinh tế phát triển nên vương công quý tộc nhà Thanh cho tới bọn quân phiệt lộ mãng phần lớn trú ngụ ở đó. Một số quan lại chính khách, mãi biện phú thương cũng xây dựng ổ yên vui ở đó, sinh hoạt vô cùng xa xỉ.

(17) *Cựu Thượng Hải vạn hoa đồng, Nhân dân cảnh sát, số 8, 1990*

Vì những lý do nói trên nên sông bạc ở Thiên Tân có những nét đặc sắc riêng.

Trước hết, sông bạc ở Thiên Tân phần lớn đặt trong tô giới và men theo hai bên bờ sông lan rộng ra, làm hình thành một mạng lưới dày đặc. Thứ hai về các loại cờ bạc thì đủ cả lối Tây lối Tàu, đã có đua ngựa, Hồi lực cầu, roulette, cũng có bài cầu, mặt chược, gieo xúc xắc, mà những lối cờ bạc phương tây chiếm địa vị chủ yếu. Thứ ba, là những kẻ mở sông bạc đều là phần tử thực dân, quan lại, mãi biện, lưu manh, bọn họ cơ hồ đều theo hoặc gián tiếp dựa vào một thế lực ngoại quốc nào đó, thậm chí có một số sông bạc còn do đặc vụ của chủ nghĩa đế quốc trực tiếp mở ra. Những người ra vào các sông bạc sang trọng, phần lớn cũng là những người nói trên và thân thuộc của họ.

1. Hội đua ngựa ở Thiên Tân

Hội đua ngựa nổi tiếng nhất ở Thiên Tân là Anh thương Trại mã hội. Người Anh thích đua ngựa, từ năm 1863, trong tô giới Anh ở Thiên Tân đã mở hội đua ngựa lần đầu. Năm 1866 xây dựng xong trường đua ngựa mới, hàng năm vào tháng 3 và tháng 9 triển khai hoạt động đua ngựa đánh cá. Đến 1901, chính thức thành lập Anh thương Trại mã hội, trụ sở đặt trong tô giới Anh (nay là Phòng Triển lãm công nghiệp), hội này do Thi tự, Hảo ác tư người Anh sáng lập, Đồng sự danh dự là Ngô Tụng Bình, Bí thư là Hảo ác tư. Vốn liếng gần 1 triệu đồng, ban đầu vốn cổ phần là 250.000 đồng, về sau Ngân hàng Hồi Phong ở Thượng Hải đầu tư thêm 600.000. "Hội viên vào hội mỗi tháng phải đóng hội phí 25 đồng, có thể tùy ý ra vào trường đua và hưởng mọi sự ưu đãi" ⁽¹⁸⁾.

Trường đua là một hình bầu dục, chu vi 1,5 dặm Anh, có ba khán đài, khán đài thứ nhất dành cho hội viên và tân khách, vị trí tốt nhất, khán đài thứ hai về vị trí kém hơn, về

mỗi ghế 3 đồng, khán đài thứ ba xa đích nhất, vé ghế 1 đồng. Bên cạnh đường đua còn xây dựng một tòa Hương nghị quán làm chỗ cho hội viên gặp gỡ vui chơi. Trường đua mỗi quý đua ngựa chính thức bốn ngày, đua thêm bốn ngày, đua chung sáu ngày, tổng cộng 14 ngày. Trường đua phát hành vé số, các loại vé này đều do hãng buôn người Anh bao biện, rồi chuyển quyền cho mãi biện người Hoa biện lý. Mỗi khi đến ngày đua thì việc đua ngựa trở thành trung tâm thu hút của báo chí Thiên Tân. *Thương báo* thường tiến hành dự báo về việc đua ngựa, thêm mắm dặm muối, làm hình thành cái gọi là "cơn sốt đua ngựa".

Sau chiến tranh Thái Bình Dương, quân Nhật tiến chiếm tô giới, Anh quốc Trại mã hội bị Nhật Bản tiếp quản.

Ngoài ra có Hoa thương Trại mã hội đặt ở Nam Khai (nay là chỗ Xưởng thủy tinh Thiên Duy), trụ sở đặt ở đầu ngõ An Lý đường Hà Bắc hiện nay, do một số quan lại chính thức, mãi biện, phú thương ở Thiên Tân sáng lập. Đương thời, họ "góp vốn cổ phần 300.000 đồng"⁽¹⁹⁾, đăng ký ở Cảnh sát sảnh Thiên Tân tỉnh Trực Lệ, tên gọi chính thức là Thiên Tân Trại mã hội hữu hạn công ty. Trường đua xây dựng xong năm 1920, bắt đầu hoạt động. Lúc mã hội mới mở do Ngô Quang Tân làm Đồng sự trưởng, về sau do Lý Luật Các kế nhiệm, Thái Thiệu Cơ (từng giữ chức Hải quan đạo Thiên Tân) làm Đồng sự danh dự, bọn Đinh Chấn Chi bảy người làm Đồng sự, lại mời Ngô Tiều Duật làm Bí thư. Vì chi tiêu quá nhiều vào việc mua đất, lại thêm sau chiến tranh Bắc phạt chính quyền Quốc dân đảng ở thành phố Thiên Tân đánh thuế trường đua rất nặng (thuế suất tới 7%), trường đua phải nâng giá vé nên tiền thưởng ngày càng ít, doanh nghiệp dần dần giảm sút.

(18) (19) *Thiên Tân văn sử tư liệu tuyển tập*, Thiên Tân Nhân dân xuất bản xã, 1980, tập 9, tr. 179, 181

Còn có Vạn quốc Trại mã hội đặt ở đường Tu Ma trong tô giới Nhật (nay là đường Thiểm Tây). Theo lời kể lúc mở ra là do sông 282 Thượng Hải phái họ Đặng tới sáng lập. Năm 1928 Tăng Diên Nghị giữ chức Cục trưởng Công an thành phố Thiên Tân đòi Vạn quốc trại mã hội đưa tiền không được bèn bắt giam Đặng. Về sau do bọn Lý Luật Các, Đinh Chấn Chi, Tô Thủ Ngu (lưu manh cờ bạc, người Phúc Kiến) câu kết với bọn Nội Sơn Xuân Cát, Ly Mộ Hạo, Sơn Bản Trung Thái Lang người Nhật Bản, Phác Duy Thiện (người Triều Tiên) tổ chức lại Vạn Quốc trại mã hội. Do công ty Đông Hưng Nhật Bản bỏ ra hơn 600.000 đồng (có người nói là hơn 300.000) xây dựng trường đua, cạnh tranh với Anh thương trại mã hội. Mùa thu năm 1932, chính thức khai trương.

Sau khi chiến tranh chống Nhật nổ ra, Vạn quốc Trại mã hội ngưng hoạt động một thời gian. Năm 1939, trường đua xác định rõ ràng là Trung Nhật hợp doanh, hoạt động đua ngựa mới được khôi phục, lại trở thành Câu lạc bộ đua ngựa. Trong thực tế lần này phía Nhật hoàn toàn không bỏ tiền ra, mà vay tiền từ Ngân hàng Thị Dân Thiên Tân. Câu lạc bộ do Phương Nhượng (Thự Tham sự thành phố của chính quyền ngụy) làm Đồng sự trưởng, Trung Điều Hạo Tạo (người chi phối Nhật Bản Nội ngoại Hóa học thù thức hội xã) làm Phó Đồng sự trưởng, Sơn Bản Trung Thái Lang, Chu Hữu Tế làm biện lý thường vụ. Nghiệp vụ cụ thể do số người Nhật Bản Trung Điều Hạo Tạo phụ trách. Sau khi chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra năm 1941, các trường đua ở Thiên Tân đều bị người Nhật Bản tiếp quản, khống chế. Câu lạc bộ đua ngựa Thiên Tân cải tổ thành chi bộ Thiên Tân của Hoa Bắc Trại mã hội do Nhật Bản Hưng Á viện phụ trách, tất cả thu nhập, chi tiêu đều do Hưng Á viện chi phối. Năm 1944, vì quân xâm lược Nhật Bản thất bại trên chiến trường, người Nhật Bản trong chi bộ Thiên Tân của Hoa Bắc Trại mã hội

triệt hồi về nước. Mùa thu năm 1945, Nhật Bản đầu hàng, Trại mã hội ngưng hoạt động, sau đó cũng không khôi phục nữa.

2. Sòng Hồi lực cầu Thiên Tân

Tên chính thức là Thiên Tân Ý thương Vân động hội, địa điểm ở cạnh công viên tô giới Ý tại Thiên Tân. Sòng này là vào những năm 20 - 30, tô giới Ý gặp khó khăn về tài chính, thu thuế không đầy 100.000 đồng nên mở ra nhằm mục đích tăng nguồn thu. Người đề xuất là Tề á nặc con rể của Mặc tố lý nê, người phụ trách chuẩn bị là Tra bích lúc bấy giờ là Lãnh sự Ý tại Thiên Tân và thương nhân người Ý Phú mã gia lý. Lúc bắt đầu quy định bỏ vốn 1 triệu đồng, trong đó 500.000 là cổ phần của những người sáng lập. Sau khi vận động khắp nơi, thu được 500.000 tiền mặt mà tiền mua đất đã phải mất 500.000, về sau vay 250.000 của Ngân hàng Lê Hoa mới bắt đầu tiến hành xây dựng⁽²⁰⁾.

Sòng này khai trương vào mùa xuân 1935. Đồng sự trưởng danh dự là Phan Tử Hân nhân vật Thanh bang, sau đó là Mạnh Thiếu Thần. Đồng sự trưởng là Phú mã gia lý, Đồng sự có Cục trưởng cảnh sát trong tô giới Ý, thương nhân quốc tịch Ý, bác sĩ Đê áo đà lập quốc tịch Tây Ban Nha. Kinh lý là Diệp Dung Phương, Chu Lan Trùng, Uông Tâm Dư. Mặt sân rộng 11 mẫu, mỗi ngày tiền đặt bạc bình quân là 200.000, Lãnh sự quán Ý thu 2,5%, năm 1939 vì nạn lụt nên ngưng hoạt động một thời gian. Năm 1943 sòng này được Lý Á Chuyên Kinh lý Ngân hàng Lê Hoa quốc tịch Thụy Sĩ tiếp quản, đổi tên thành Hải Lai Vân động trường. Lý Á Chuyên để lấy lòng người Nhật Bản, mỗi đêm đánh cá chỉ định một bàn làm "tiền biểu" Nhật Bản, để chi trì "cuộc thánh chiến

(20) Kỷ Hoa, *Thiên Tân Ý tô giới Hồi lực cầu trường tiểu sử*, xem *Thiên Tân văn sử tư liệu tuyển tập*, tr. 27

Đại Đông Á" của giặc Nhật. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, Thị trưởng Trương Diên Ngạc của Quốc dân đảng vì đòi tiền Lý Á Chuyên không được như ý, bèn ra lệnh đóng cửa sòng bạc. Lý Á Chuyên chạy vạy không ít cửa, cũng tạm thời giành được quyền "tiếp tục bảo đảm cho quân Mỹ tới giải trí, xem xổ số", nhưng thu nhập sa sút ghê gớm. Không những thế, đến 1947 Trương Diên Ngạc lại lấy cơ quân Mỹ gây náo loạn, ép phải đóng cửa.

Vé đánh cá trong sòng có mấy loại: Độc doanh chỉ việc đoán trúng cầu viên duy nhất được 5 điểm, loại Tọa vị chỉ người thắng nhất, thắng nhì một ván nào đó, Liên hiệu là chỉ việc đoán trúng người thắng nhất và thắng nhì mỗi vòng đấu. Còn có cái gọi là Hương tân trại nguyên một quý một lần, về sau đổi thành mỗi tháng một lần. Vé Hương tân bán trước hôm đấu một số ngày, "Ra số đều dùng máy lắc số đồ ra mười con số, lại đem mười con số ấy chia cho mười nhân viên dùng máy lắc ra. Lúc ra số những người thắng được xếp theo thứ tự tiền thưởng một, hai, ba"⁽²¹⁾. Sòng Hồi lực cầu thu 15% các khoản tiền bán vé số, vé vào cửa, sau khi Lý Á Chuyên giữ chức Kinh lý đổi thành 20%. Ở đó số tiền đánh bạc lưu động mỗi ngày bình quân là 200.000 đồng, sòng thu được 30.000 - 40.000 đồng mỗi ngày, sòng Hồi lực cầu có thể nói là nơi hại người điển hình. Đương thời các thân hào phú thương tới Thiên Tân lấy việc lui tới sòng Hồi lực cầu làm thời trang nên đặt rất lớn, thầy thầy đều nhất trịch thiên kim. Cung Bang Phong từng giữ chức Tùng Hộ Hộ quân sứ, Chu Đại Văn từng giữ chức Thị trưởng Bắc Kinh, vì say mê Hồi lực cầu mà nhà cửa sa sút.

3. Sòng bạc cao cấp

Sòng bạc cao cấp ở Thiên Tân đều do quan lại, trùm

(21) *Cựu Trung Quốc đích hắc xã hội*, tr. 226

lưu manh mở ra, như Câu lạc bộ Đồng văn quán đặt ở đường Kiều Lập (Đồng Khánh Hậu Đại Hồ đồng) trong tô giới Nhật. Đó là một ngôi lầu hoa lệ, dưới lầu là đại sảnh đánh bạc, trên lầu ngoài một số sảnh đường lớn nhỏ còn có phòng nhỏ đánh mạt chược. Người chủ trì là Phương Nhược (Dược Vũ), y mời gọi Chu Dân Sơ chủ hiệu vàng bạc Hằng Lợi, Phí Chấn Phổ chủ hiệu vàng bạc Vật Hoa cùng các thương nhân Ninh Ba, Quảng Đông thành lập đoàn thể được gọi là hợp pháp ấy. Hạng mục cờ bạc lấy mạt chược, bài cầu, gieo xúc xắc làm chủ. Đặc điểm của nó là khách chơi có thể ăn điểm tâm thoải mái các món Tây Tàu trong sòng, người ra vào đều là một số quan lại chính khách phú thương giàu có và các nhân vật trung lưu trở lên, như Lý Luật Các, Đinh Chấn Chi, Lư Triện (Khu trưởng khu Đặc Nhất), tiền đặt bạc rất lớn, bài cầu phải 2.000 đồng một ván, mạt chược 500 đồng một hội. Trương Hồ từng giữ chức Tổng trưởng Tài chính của chính phủ Bắc Dương, có đêm chơi bài cầu thua sạch 25.000 đồng tiền mặt mang theo trong người, còn nợ thêm 20.000 đồng⁽²²⁾, trong đêm ấy thua một món tiền lớn gần 50.000. Nhưng bề ngoài sòng bạc ấy thì không thấy có tiền bạc gì, việc hơn thua lấy thuốc lá thơm làm phỉnh, lấy năm hộp (mỗi hộp 50 điếu) làm hạn, đánh xong mới tới chủ sòng tính số.

Ngoài ra như Trung Hòa Công hội do tên lưu manh Lưu Kim Phiêu mở ở đường Phú Dung (nay là đường Tân Bắc), Câu lạc bộ Thái An do Đề đốc Thủy sư Quảng Đông Lý Hoài cuối thời Thanh mở (nay ở đường Xích Phong), Câu lạc bộ Đại Đồng do nhân viên hải quan Thiên Tân mở (nay ở đường Tân Giang), cũng đều là các sòng bạc cao cấp đầy đủ tiện nghi.

4. Sòng bạc bình thường

Sòng bạc bình thường ở Thiên Tân có rất nhiều là do

quan lại cấp vừa cấp thấp, trùm lưu manh, lưu manh ở địa phương mở ra, hạng mục cờ bạc phần lớn là theo lối cũ. Như Tâm Thiên đạo Long Hoa hội (nay ở ngã tư đường Bao Đầu và đường Ninh Hạ), chính là ổ bạc do người Nhật đỡ đầu cho tên giặc Công giáo "Mã Hoàng Thượng" mượn tiếng truyền giáo tổ chức ra. Nó kết hợp cờ bạc với hoạt động tôn giáo, lôi kéo những người mê tín có tiền tham gia cờ bạc. "Mã Hoàng Thượng" còn lợi dụng phụ nữ của mình lôi kéo vợ con các nhà giàu tới đánh bạc. Các loại cờ bạc ở đó có trò quay 36 số, đổ xúc xắc, bài cầu, cũng có thể do vài người hợp thành nhóm nhỏ lắm thời đánh mặt chược. Ổ bạc này dùng thuốc thơm (là loại Ba pháo đài thượng hạng), hút thuốc phiện, ăn món Tây món Tàu, "đều miễn phí, còn có xe hơi đưa rước khách, nên con bạc kéo tới rất đông" ⁽²³⁾. Trong đám con bạc có rất nhiều người còn bị tên giặc họ Mã dụ dỗ vào đạo. Về sau ổ bạc này dời tới hoa viên Dương Gia dưới Nam Quan.

Lại như ổ bạc Tùng Đảo (hiện nay là đường Cáp Mật) là do Đào Lan Tuyền (xước hiệu Đào Khí) mở ra. Nó lấy các trò cờ bạc cũ làm chủ, cũng có xen lẫn lối mới như trò quay 36 số. Vì Đào Lan Tuyền từng giữ chức Giám đốc hải quan Phượng Dương tỉnh An Huy và Kinh lý Phân hàng Trung Khánh của Ngân hàng Trung Quốc, rất giàu có nên cũng có một số bạn bè trong chính giới. Vì thế những người tới đó đánh bạc phần lớn là quan lại chính khách và một số công tử ca nhi. Ngoài ra như ổ bạc Phú Thạch Sơn Quảng đặt trong tô giới Nhật, ổ bạc Tứ đại khí xa hăng đặt ở đường Xuân Nhật, ổ bạc hẻm Lộ Lý do bọn lưu manh Viên Bát và Đặng Đại mở ra đều là loại sòng bạc này.

5. Trường bắn Cát Lạp

Đặt ở ven sông đường Tây Mã trong tô giới Ý (nay là đầu đường Dân Tộc Tây). Năm 1934 do hãng buôn Tây

Thành của người Nga ra vốn, Phú khắc tư người Do Thái và Lạp ba nhĩ không rõ quốc tịch ra sức, Tào địa người Ý góp mặt bằng lập ra, nhân viên gần 80 người. Hình thức cờ bạc là một loại quay số lớn: trên bánh xe vẽ số từ 1 đến 12, còn có một số 0 và một số "hoa", lúc đánh bạc do khách nhắm đích, bắn trúng số nào thì sẽ được thưởng cho vé mang số ấy, bắn trúng số khác thì thua. Đặc điểm của nó là sòng bạc trực tiếp ăn thua với khách. Hàng ngày cứ 6 giờ tối là mở, mỗi ngày ăn thua từ 15 đến 20 lần. Một ngày phải lột được của khách hơn 10.000. Mỗi tháng sòng bạc nộp cho Lãnh sự quán Ý 50.000 đồng, Cục Cảnh sát trong tô giới 10.000. Trong hai năm phần lãi mà hãng buôn Tây Thành được chia khoảng trên dưới 3 triệu ⁽²⁴⁾. Vì thu lợi quá nhiều, nên tháng 7. 1935 bị tên đại lưu manh Viên Văn Hội câu kết với Nhật Bản tụ hợp đồng đảng tới phá phách, về sau thông qua người điều đình, chấp nhận điều kiện mỗi ngày đưa cho Viên 4.200 đồng, lại hoạt động như cũ. Nhưng về sau việc làm ăn không tốt lắm, duy trì được một thời gian thì đóng cửa.

III. Sòng bạc ở Bắc Kinh

Thời trước ở Bắc Kinh phong khí cờ bạc rất thịnh, ngoài những sòng bạc chuyên nghiệp, một số hiệu buôn, khách sạn, quán cơm cũng có thể trở thành nơi tụ họp cờ bạc. Sòng bạc chuyên nghiệp gọi là Bảo cục, đã xuất hiện từ đời Đồng Trị, lúc bấy giờ các công tử vương tôn tới Bảo cục vùng tiền, chủ sòng dựa vào đó thu tiền hỏ. Bước vào thời Dân quốc Bảo cục phần nhiều được quan lại che chở, đã trở thành nửa công khai, người tham gia cờ bạc phần lớn là nhân vật trung lưu thượng lưu. Còn như các nơi kiêm làm sòng bạc thì càng nhiều hơn. Một bài trên *Thân báo* rất có thể làm rõ điều này, bài báo ấy nói tối 30.1. 1936, "Ở quán cơm Tuyên

(22) (23) (24) *Thiên Tân văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 27, tr. 237, 186

Nam, khách sạn Giao Thông và nhà nghỉ Đông Tứ bắt được hơn 60 người hút thuốc phiện đánh bạc⁽²⁵⁾, nói rõ những nơi như khách sạn đều có thể trở thành sòng bạc. Còn có một số trường hợp đặc biệt, mỗi khi gặp dịp lễ tết hoặc việc ma chay cưới hỏi, một số thường dân cũng mở sòng bạc trong nhà, chơi một lần liên tiếp năm mười ngày, cái đó có thể nói là sòng bạc trong dân gian. Dưới đây giới thiệu tình hình sòng bạc ở Bắc Kinh.

1. Đại Lữ xã

Đặt ở phía tây đường Chợ Than ngoài Tiền Môn, khai trương khoảng trước sau 1936, do người Nhật tổ chức. Lúc mới mở ra có một số người họp nhau đánh bạc ở lầu ba, không công khai lắm. Qua một thời gian, ông chủ thấy thu được nhiều tiền bèn móc ngoặc với nhà đương cục địa phương, lấy tiếng là khách sạn, chính thức biến nó thành sòng bạc. Sòng bạc đặt ở lầu hai, lầu ba bán thuốc phiện và các loại thức ăn để đáp ứng nhu cầu của khách. Cách thức cờ bạc đủ trò đủ vẻ, có tài xiu, bài cầu, gieo xúc xắc, Áp bảo, poker, mạt chược. Nhiệt náo nhất là tài xiu và bài cầu, khách chơi bài cầu gồm cả người giàu có lẫn người lao động. Mỗi ván đồng phỉnh trên bàn la liệt, có người ăn thua vài trăm đồng. Mỗi khi lật bài, người thắng lập tức dùng cào nhỏ cào toàn bộ mớ phỉnh về chất thành đồng bên cạnh, rất là "sảng khoái". Một số người may mắn thắng được tiền liền lên lầu ba hút thuốc phiện ăn uống. Lúc bấy giờ một số kỹ nữ sẽ chen vào tiêm thuốc phiện, châm thuốc cho khách, "nhiệt tình" phục vụ, không lột sạch tiền của người thắng thì không chịu thôi. Nếu ai muốn ăn cơm thì quán ăn đêm đường Chợ Than sẽ phái người đưa tới, sòng bạc này "kinh doanh" đúng là chợ đêm, từ khi lên đèn bắt đầu đánh bạc, đến sáng mới kết thúc, từ nửa

(25) *Thân báo*, ngày 1. 2. 1936

đêm về sáng càng náo nhiệt, là một trong những "sòng bạc đêm" nổi tiếng.

2. Sòng bạc trên nóc rạp hát Khai Minh

Rạp hát Khai Minh tức Nhà hát Dân Chủ hiện nay, ở đầu phía nam đường Tây Châu Thị ngoài Tiền Môn, cũng là một sòng bạc đêm nổi tiếng. Sòng bạc này mở ra vào khoảng 1936 hoặc muộn hơn, do người Trung Quốc và Nhật Bản góp vốn đầu tư. Chủ sòng cho làm một hàng rào lộ thiên lớn trên nóc rạp hát, trên mắc đèn điện sáng choang, đặt năm sáu bàn đánh bạc, làm chỗ đánh bạc. Hàng ngày người chơi và đứng xem rất đông, các con bạc thích nhất là tài xỉu, bài cầu, kế là Áp bảo và gieo xúc xắc. Hàng ngày cứ đến lúc rạp hát trình diễn thì trên nóc cũng bắt đầu đánh bạc, "Náo nhiệt nhất là sau khi tan rạp, cơ hồ ngày nào cũng đánh bạc đến sáng" ⁽²⁶⁾. Đặc điểm của sòng bạc này là có tính theo mùa rất lớn, mùa xuân thì đông đúc, sau mùa thu dần dần giảm đi.

3. Sòng bạc Đức Nghĩa lâu

Đặt ở Vạn Minh lâu tại đầu đường Tây Châu Thị ngoài Tiền Môn, cũng mở vào những năm 30, theo lời kể thì do một người Nhật Bản có ngoại hiệu là Kim Đại Đầu mở ra, "làm ăn" rất thuận lợi. Vào khoảng mùa xuân năm 1938, hầu hết các sòng bạc lớn ở Bắc Kinh đều bị bắt bớ nhưng Đức Nghĩa lâu vẫn vượt qua được cửa ải ấy, lý do vì Kim Đại Đầu giao du rất rộng, có thủ đoạn thông thần, sớm có quan hệ với Cảnh sát của Nhật Bản, trước khi có chuyện đã được tin "tình báo", tạm thời đóng cửa, nên không bị bắt bớ. Sòng bạc này cũng chủ yếu là chơi bài cầu, cờ bạc suốt đêm, nhờ có sự "bảo hiểm" như vậy nên khách chơi cũng khá đông.

4. Sòng bạc Câu lạc bộ

Câu lạc bộ ở Bắc Kinh rất nhiều, tất cả đều là các nhà quyền quý mở ra, đều có chỗ dựa vững chắc, hệ số "an toàn" cao, nên đám con bạc đều vui vẻ tới Câu lạc bộ đánh bạc. Hạng mục cờ bạc trong Câu lạc bộ đủ cả kiểu Tây kiểu Tàu, tiền đặt bạc lớn nhất là bài cầu, poker. Phàm muốn vào Câu lạc bộ phải có người quen dắt vào, vào cửa trước tiên phải mua 80 đồng phỉnh (không được ít hơn, nếu không thì sẽ bị thủ tiêu tư cách bước vào Câu lạc bộ). Theo quy định tiền thắng đều phải khấu trừ 5% tiền hồ (từ quen dùng ở đó gọi là "trừ tiền nước"). Trong Câu lạc bộ cung ứng thuốc phiện, "miến trắng" (héroin), các loại rượu ngon và thức điểm tâm, còn có kỹ nữ, chương khí ngùn ngụt. Người thắng vì được tiền dễ dàng, không khỏi phung phí một lần. Có kẻ liều mạng, cho dù thua cũng muốn tới đó tìm vui. Phàm nhân vật lớn nào tới Câu lạc bộ đều có thông báo trước, tất cả các trò cờ bạc đều đình chỉ, nhân vật kia và thuộc cấp, tùy tùng, vệ sĩ sẽ đường hoàng bước vào sòng bạc. Cảnh sát không những không dám tra hỏi, mà còn tăng cường che chở.

5. Sòng bạc Thiên Kiều

Là loại sòng bạc nhỏ ở một dải Thiên Kiều, phần lớn đều giở trò Tanh (Tinh). Cái gọi là Đánh bạc tanh (Tinh đồ) là chỉ mấy người họp bọn rủ rê người khác tới đánh bạc, rồi dùng các trò bịp bợm lấy tiền của người ta, cũng giống như trấn lột. Theo lối nói của người trong nghề thì chính là "chém" người bị lừa, chém người thì có máu tanh, vì thế gọi là "đánh bạc tanh". Loại đánh bạc tanh này đặc biệt lợi hại. Nếu bị đưa vào tròng thì có thể khuynh gia bại sản, cầm bán sạch sẽ. Thời gian phát triển của sòng bạc Thiên Kiều là từ 1946 đến cuối 1949, chỗ dựa của nó là thương binh Quốc dân đảng. Mỗi sòng đều có thương binh hỗ trợ sau lưng, ngoài ra

có một hai thương binh cầm gậy ngồi ở cổng, nhân viên trị an ở địa phương không dám bước vào xét hỏi.

Cách thức cờ bạc của các sòng bạc ở Thiên Kiều chủ yếu là lối cũ như tài xỉu, bài cầu, Áp bảo, đồ xúc xắc, những trò khác ít hơn. Các sòng bạc này ồn ào từ sáng sớm, đến chiều tối thì vắng dần. Tiền lãi sòng bạc thu được chia đều cho đám lưu manh cờ bạc và thương binh. Theo lời kể thì mỗi ngày đám thương binh sau hậu trường có thể được hàng trăm đồng, ngay bọn thương binh đứng ngoài cổng cũng có thể được hai ba mươi đồng khác nhau.

6. Trường đua ngựa ở Bắc Kinh

Đặt ở ngoài cửa Vĩnh Định khoảng năm sáu dặm về phía tây nam, "do quan lại thương nhân mở ra, thời gian khoảng vài năm trước kháng chiến chống Nhật. Việc đua ngựa tiến hành vào tháng 3 và tháng 9. Đương thời vé đánh cá có hai loại, một loại là vé Tòa vị, một loại vé đánh cá gọi là Khẩu đầu nhĩ, là vé đánh cá mở ngay tại chỗ, "cũng chính là theo trận ấy bán được bao nhiêu tiền, trừ xong tiền hồ, số còn lại thì chia ra cho mấy loại giải thưởng" ⁽²⁷⁾. Số tiền thưởng không có mức nhất định, như trận này bán được nhiều vé đánh cá, thì tiền thưởng sẽ được nhiều có thể tới hàng ngàn đồng, ngược lại thì ít hơn. Vé loại hai loại ba trở xuống thì cũng theo thứ tự mà giảm tiền. Vì người trúng có thể lãnh tiền lập tức, nên hấp dẫn rất nhiều người, mọi người đều muốn thử xem, khiến tình hình làm ăn của trường đua rất thịnh vượng. Đương nhiên, những người thua vẫn là tuyệt đại đa số.

7. Bão cầu Du nghệ sảnh

Đặt ở đầu phía đông đường Vương Quảng Phúc Tà

(26) (27) Vương Tử Uy. *Đồ bác tề tập, Bắc Kinh vãng sự đàm*, Bắc Kinh xuất bản xã, 1988

ngoài Tiên Môn, do quan lại phú thương mở ra. Vì ở cạnh Bát Đại Hồ Đồng, nên lúc mới mở ra hàng đêm có rất nhiều người chiếu cố. Cách thức đua chó đánh cá không khác lắm với Trường đua chó Thượng Hải, chỉ là chó dùng để đua là chó máy trên có người máy nhỏ cưỡi, quy mô cũng không lớn. Hiệu lệnh vừa phát ra, khoảng mười con chó đua nhau phóng lên trước. Còn như con nào về trước thì hoàn toàn do người trong sòng nắm, nên rất dễ che mắt gian dối. Trường đua này vì không dùng chó bình thường, thiếu "tính kích liệt", nên làm được một năm trước kháng chiến thì phải đóng cửa.

8. Trường bắn súng

Địa chỉ ở Môn Khuông Hồ Đồng ngoài Tiên Môn (nay là rạp chiếu phim Đồng Lạc), do Lý Thành Hạo, Tổng Bách Hiến người Triều Tiên mở ra. Trong sòng thuê ba bốn mươi nhân viên, tiến hành "phục vụ" các nhu cầu của khách. Cách thức cờ bạc cũng giống trường bắn súng Cát Lạp ở Thiên Tân, cũng bày một tấm bia tròn lớn, chia làm 13 vòng, trong đó có một vòng để trống không có số. Người tham gia đánh bạc có thể mua bất cứ số nào ngoài vòng để trống. Ở cách tám bia hai ba trượng, đặt một giá súng phàm người mua vé có thể vào bắn. Sau khi đưa vé không lâu, người quản lý sẽ bấm công tắc, tấm bia lớn sẽ mau lẹ xoay tròn, nếu bắn trúng vòng nào trên bia thì người mua vé vòng ấy sẽ trúng thưởng. Đặc điểm của sòng bạc này là số nhân viên tiêu cực đặc biệt nhiều. Nhân viên trong sòng móc ngoặc với nhân viên bán vé, lúc tiếng súng nổ vang, nhìn thấy bắn trúng vòng nào lập tức có người đưa tin ra chỗ bán vé, nhân viên bán vé sẽ lập tức đưa vào một vé mang vòng ấy, theo tỷ lệ 10%, mỗi vé được 10 đồng, vì vậy mỗi ngày một người phục vụ đều có thể được không ít tiền. Nhưng vì trò cờ bạc này mang tính lương gạt cao, người tham dự nhiều nên trường bắn vẫn có thể thu lợi.

9. Nhật Quang du nghệ trường

Đặt ở phía đông Nam Lộ đầu Châu Thị ngoài Tiền Môn, nghe nói là người Nhật Bản mở ra, nhưng do người Trung Quốc trực tiếp quản lý. Chủ nhân và người quản lý ăn chia theo tỷ lệ 4 - 6. Cách chơi là đặt bình gốm trên giá gỗ, sau đó dùng súng hơi bắn. Phàm những người mua phỉnh thì có quyền vào bắn. Súng hơi cách miệng bình chẳng qua chỉ hai ba thước, dùng súng bắn, chiếc bình trên giá gỗ sẽ lăn tròn, nếu rơi xuống đất người bắn sẽ được thưởng, nếu không rơi thì người bắn kể như thua. Kỳ quái là ở chỗ bình rất ít khi rơi xuống, nguyên là bình có rơi xuống hay không thì điều quyết định là ở cách đặt bình mà quyền đặt bình là thuộc sòng bạc, vì thế trong tuyệt đại đa số trường hợp không thể rơi xuống đất. Chủ nhân và người quản lý chính là dùng thủ pháp ấy mà lừa được rất nhiều tiền.

Ngoài sòng bạc nói trên còn có khách sạn Tam Giang đầu Châu Thị, chùa Quan Âm phía nam đường Đông Đầu ngoài Tiền Môn và sòng bài cầu ở phía nam đường Vương Quảng Phúc Tà Nhai cũng là các sòng bạc nổi tiếng ở Bắc Kinh.

10. Trường đá dế

Người Bắc Kinh thích nuôi dế đá dế. Vào những năm 20, 30 thế kỷ này, ở phía đông đường Đà Nam lầu Tứ Bài Tây khu Tây Thành, phía tây Thiên Phúc đại viện (nay là bể bơi Tây Tứ) có chợ dế, rất nhiều người mua bán dế ở đó. Ở cửa Phụ Thành cũng có chợ chuyên bán lồng dế, dùng dây kẽm chế thành lồng dế và công cụ bắt dế.

Mỗi khi đến mùa thu, người Bắc Kinh lấy việc đá dế làm trò vui, sòng đá dế nổi tiếng nhất thời trước là khu Bát Bảo phía đông đường cái ngoài cửa Tuyên Vũ, ở đó gần với xưởng Tây Thảo, cạnh Tòa soạn *Chấn báo* trên đường cái

ngoài cửa Tuyên Vũ. Sông bạc này do tư nhân mở ra, những người thường tới chơi có Tổng biên tập *Chấn báo* Trương Thận Chi, ký giả *Đại Công báo* Hầu Khắc Đốc, diễn viên nổi tiếng Tu Thúy Hoa. Trước sau tháng 8 âm lịch hàng năm, khi trời mát mẻ, chính là mùa đá dế, sông bạc khu Bát Bảo vô cùng náo nhiệt. Sông dế thuê rất nhiều người thất nghiệp làm việc phục vụ và "quan sát", rước mời người thành thạo tới làm trọng tài. Sông bạc theo tiền đặt cược nhiều ít mà thu tiền hồ, đương thời lấy "bánh trung thu" làm tiền cược, nhưng hoàn toàn không phải là dùng bánh thật, mà là dùng giá tiền vài cân, mười mấy cân bánh trung thu để tính toán⁽²⁸⁾. Sông đá dế ở Bắc Kinh thời trước đều kết thúc vào cuối tháng 9 âm lịch hàng năm. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, tất cả đều tuyệt tích, vài năm nay lại có xu thế khôi phục lại.

11. Rạp đỏ trắng

Cái gọi là Rạp đỏ trắng (Hong bạch bằng) không có địa điểm cố định, mà là các sông bạc do người có việc ma chạy cưới hỏi lợi dụng nhà mình làm sông bạc lâm thời. Nguyên người Bắc Kinh có tập quán phàm ai có việc ma chạy cưới hỏi đều phải che rạp trong sân, cưới hỏi thì che rạp màu đỏ, ma chạy thì che rạp màu trắng. Có một số người vì muốn kiếm tiền "lo việc" nên gọi người khác tới đánh bạc, nhân đó thu tiền hồ, đó gọi là Mời rạp (Yêu hong bạch bằng). Phàm nhà nào Mời rạp nhất định sẽ che rạp rất sớm mà dỡ rạp rất muộn, trước sau khoảng bảy tám ngày, chủ nhà để mở sông nên bố trí cẩn thận, trước tiên phải đưa tới một phần tiền cho cảnh sát, lưu manh để được che chở, đồng thời để đón tiếp và đưa đường cho những con bạc không biết đường tới

(28) Nhóm Vương Ấn Cúc, *Cự đô tam bách lục thập hàng, Văn hóa nghệ lạc hàng nghiệp*, Bắc Kinh Lữ du xuất bản xã, 1986

sòng còn phải phải hai người hoặc hơn hai người làm việc canh gác ngoài đường cái. Lúc mở sòng phải hẹn mời những con bạc lão luyện tới coi sóc, sau đó mới mời các con bạc vào cuộc. Sau cùng còn phải thông qua một số cách thức nhất định (như rỉ tai nói nhỏ), cố ý tuyên truyền tin tức nhà Mỏ mở sòng, như vậy số người tới đánh bạc sẽ ngày càng đông. Chủ nhà thấy con bạc tới chơi, còn phải chiêu đãi ăn uống. Theo lời kể chỗ nào nhân số đông, trong rạp đánh lớn thì chủ nhà có thể thu được hàng trăm đồng tiền hồ mỗi ngày.

IV. Sòng bạc ở Thâm Quyển Quảng Châu

Quảng Châu là cửa ngõ thông thương sớm nhất ở Trung Quốc, trước Chiến tranh Thuốc phiện một dải Quảng Châu Thâm Quyển là đường thông thương mậu dịch duy nhất giữa Trung Quốc với nước ngoài. Vì có nhiều cơ hội tiếp xúc với phương Tây, nên có thể thẳng thắn nói rằng đó cũng là nơi chịu những ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa phương Tây sớm nhất, vì thế sòng bạc như rừng, cờ bạc phát đạt. Trong đời Đồng Trị Quang Tự cuối thời Thanh, Quảng Châu có sáu bảy trăm sòng đồ xúc xắc, chia thành bốn hạng. Sòng bạc hạng nhất ngoài cửa ghi bốn chữ "Nội tiến kim bài", tiền đặt bạc từ năm tới mười đồng vàng làm khởi điểm. Nếu là sòng bạc hạng hai viết bốn chữ Nội tiến kim bài, thì tiền đặt bạc lấy một đồng vàng làm bản vị, đặt tiền giấy tiền bạc đều được nhưng không được dùng tiền đồng. Hạng kém hơn nữa là Đồng bài, là chỗ thường dân đánh bạc, ở đó bất kể tiền đồng, chế tiền đều có thể đặt bạc. Hạng thấp nhất là Ngưu bài, cho dù không có xu nào cũng có thể tới đó đánh bạc, thắng thì "lấy tiền mà đi", nếu không thắng thì cầm cổ quần áo, nếu lại không thắng nữa thì sòng bạc giữ người lại làm tin, báo cho người nhà đúng hạn mang tiền tới chuộc về, nếu quá thời hạn thì giở đủ trò ngược đãi, thậm chí có khi hành

hạ đến chết, nếu "vẫn chưa có tiền chuộc, thì đưa ra nước ngoài bán làm nô lệ". Đương thời các sông bạc lớn ở Quảng Châu đều mắc đèn điện hoặc treo đèn lồng trên cao, viết lớn mấy chữ "Hải phòng quân phí" (Quân phí cho việc phòng thủ bờ biển), để tỏ rõ là vì thu xếp quân phí mà "Vâng chỉ dụ mở sông bạc"⁽²⁹⁾. Khách chơi vào cửa phải mua phỉnh mới có thể tới bàn đánh bạc, lúc thắng hoặc tới khi kết thúc thì dùng phỉnh đổi lại tiền mặt. Chỗ chứa tiền trong sông bạc xây bằng tường gạch rất dày, trên tường khoét một lỗ vuông để đưa tiền bạc ra vào, vô cùng cẩn thận. Sông bạc ở Quảng Đông vào năm Tân hợi (1911) bị cấm, nhưng những kẻ lén mở sông bạc vẫn không tuyệt tích. Thời Dân quốc, phong khí cờ bạc ở Quảng Châu càng lúc càng mãnh liệt, có "hơn 3.000 sông bạc", "các sông bạc lớn có hơn 7.000 chiếc thuyền máy, chuyên qua lại cửa Châu Giang đón rước khách chơi"⁽³⁰⁾. Đương thời những kẻ sống bằng nghề cờ bạc có khoảng 30.000 người, con số vô cùng đáng sợ.

1. Sông xúc xắc Trương Thọ

Địa chỉ ở Vu Nội Thâm Quyến, do tên lưu manh Trương Thọ mở đầu thời Dân quốc, hạng mục cờ bạc lấy đồ xúc xắc làm chủ, khách chơi chủ yếu từ Hương Cảng tới. Chỗ ấy cách một dòng sông thì tới Cửu Long, đi xe khoảng 35 phút, "người ở cảng" lui tới vô cùng tiện lợi, nên người từ Hương Cảng qua lại rất đông. Để khuếch trương sông bạc, Trương Thọ lại mời một số nam nữ giữ việc mời khách, phụ trách việc rủ rê khách ở Hương Cảng tới chơi. "Người dắt khách" có thể được căn cứ vào số tiền đặt bạc của khách nhiều hay ít mà hưởng một tỷ lệ nhất định. Đương thời có một phụ nữ mời khách tên là Cô Năm Mập (Phì tư Ngũ cô),

(29) Thanh bị loại sao, Đồ bác loại.

(30) Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại, tr. 18

trang điểm lộng lẫy, mồm mép lanh lợi, mời được không ít khách, khiến sòng xúc xắc của Trương Thọ hàng ngày khách khứa ra vào nườm nượp. Sòng xúc xắc này tồn tại hơn mười năm, về sau bị người khác kiêm tính.

2. Công ty Đại Lợi

Địa chỉ vốn ở đường lớn Vu Thượng Thâm Quyến, sau dời tới cạnh ga xe lửa, do một người tên Trịnh Lục thúc mở ra vào năm 1930. Trịnh Lục thúc là em trai Trịnh Nhuận Kỳ, tâm phúc của Quan Đạo Cục trưởng Cục Thuế quyền Quảng Đông đương thời. Trịnh Nhuận Kỳ thấy nguồn lợi cờ bạc ở Thâm Quyến phong phú bèn gọi cổ phần 100.000 đồng, bảo em y đem tiền tới đó mở sòng bạc. Sau khi Trịnh Lục thúc tới Thâm Quyến mở ra công ty cờ bạc Đại Lợi, bèn dùng thủ đoạn dụ dỗ uy hiếp mua lại sòng xúc xắc của Trương Thọ, không bao lâu dời tới ga xe lửa. Vì vốn liếng của công ty Đại Lợi hùng hậu, nên những "người dất khách" của Trương Thọ có nhiều người về làm việc cho Trịnh Lục thúc, khiến việc làm ăn của công ty Đại Lợi ngày càng phát đạt. "Người dất khách" cũng phát tài, như tiền thù lao của Cô Năm Mập mỗi tháng đạt tới gần 1.000 đồng. Ngoài ra, công ty Đại Lợi còn thiết lập năm sòng xúc xắc nhỏ ở Vu Nội.

Những khách Hương Cảng vào đánh bạc vô cùng phức tạp, có một số khách đánh bạc cũng là khách chơi gái, thậm chí còn có những kỹ nữ thua bạc buôn bán thân xác. Hạng mục cờ bạc của công ty Đại Lợi chủ yếu là các trò cờ bạc cũ như đổ xúc xắc, bài cầu, mạt chược. Theo quy định của công ty phàm khách tới đánh bạc bất kể thua hay thắng thì tiền về xe đều do công ty trả, vì vậy rất nhiều người thích tới đó chơi một ván, đến khi thua sạch mới thôi. Từ đó có thể thấy công ty không hề thua thiệt, vì trong thực tế thì số tiền khách mất cho công ty vẫn nhiều hơn tiền xe công ty trả cho họ.

3. Thâm Quyến đại phạn điểm

Do anh và vợ bé của đại quân phiệt Trần Tế Đường là Trần Duy Chu, Mạc Tú Anh mở ra chỗ công ty Đại Lợi cũ, là một ngôi lầu lớn theo kiểu cung điện. Lý do là vì Quan Đạo mất chức, Trịnh Lục thúc mất chỗ dựa nên rời khỏi Thâm Quyến, bọn Trần Duy Chu nhân cơ hội "chiếm lĩnh" Thâm Quyến, xây lầu chứa bạc. Cũng như công ty Đại Lợi, về danh nghĩa đây là quán cơm nhưng thực chất là kiêm cả sòng bạc, sòng hút, nhà chứa nên giá vào cửa của sòng này đặc biệt cao, ít nhất phải bỏ ra 1.000 đồng mua phỉnh.

V. Sòng bạc ở Áo Môn

Áo Môn từ sau 1553 bị Bồ Đào Nha xâm chiếm làm tô giới, nhờ cờ bạc mà nổi tiếng trên đời, vốn nổi tiếng khắp thế giới là "Montréal phương Đông"

Nghề cờ bạc ở Áo Môn sau những năm 50 của thế kỷ XIX bắt đầu hưng thịnh. Đám con bạc, lưu manh cờ bạc ở đó phần lớn là lưu manh, vô lại, buôn người, họ dùng cờ bạc làm bẫy để lừa người ta bán thân, mở ra không ít sòng bạc. Đương thời ở đó có các trò xúc xắc, gieo xúc xắc, Phố phiếu, Tự hoa, Sơn phiếu. Vào những năm 60 của thế kỷ XIX, các sòng gieo xúc xắc ở Áo Môn có tất cả hơn 200 chỗ. Nhà đương cục Bồ Đào Nha ở Áo Môn lúc bấy giờ công khai chiêu tập thương nhân mở sòng bạc, thu "thuế cờ bạc", dựa vào thuế cờ bạc và thuế thuốc phiện khiến thu nhập tài chính của Áo Môn hàng năm gia tăng tới trên 20 vạn đồng. Năm 1872, Hương Cảng cấm cờ bạc, đám con bạc ở Hương Cảng thấy Áo Môn giao thông tiện lợi, bèn đổ tới đó như ong, khiến việc làm ăn của các sòng bạc ở Áo Môn càng thêm "thịnh vượng". Năm 1875, Quảng Đông cấm cờ bạc Vi tính, các chủ sòng Vi tính dời tới đó, vì thế ở Áo Môn con bạc tụ họp, nghề đánh cá đạt tới đỉnh cao. Nhà đương cục Bồ Đào Nha ở Áo Môn

hàng năm ngồi thu thuế Vi tính, tới 100.000 đồng. Cho dù về sau Quảng Đông thu hồi lệnh cấm Vi tính, nhưng nghề cờ bạc ở Áo Môn vẫn thịnh vượng không giảm sút. Sòng bạc ở Áo Môn trước cổng có biển viết chữ bằng bạc để mời gọi khách khứa. Ở đó lầu cao san sát như rừng, ánh đèn mờ ảo, trong sòng khói bụi mù mịt, tiếng hô xướng cười nói chửi mắng râm ran không dứt. Ông Phi Phổ trong *Áo Môn tạp thi* có miêu tả rất sinh động và sâu sắc tình cảnh nói trên. Ông ta viết, các trò cờ bạc được tiến hành trong cảnh đèn lửa lầu gác, có người thản nhiên ném ra cả trăm vạn, thi nhân cảm khái phát biểu về việc đó rằng "Thái tích hoàng kim trịch hư hóa, Ngũ nhân tất cánh thị Vu bồ" (Quá tiếc vàng ròng đem vứt bỏ, Vu bồ trò ấy hại bao người)⁽³¹⁾.

Trên cơ sở các sòng bạc ấy, vào năm 1937 Phó Đức Âm, Cao Khả Ninh tổ chức thành Thái Hưng Ngụ lạc công ty, mở ra ba sòng bạc chuyên nghiệp chia đặt ở Trung Ương tửu điểm, Tân Long đường Phúc Nhai và đường Năm tháng Mười, kinh doanh các hình thức cờ bạc Trung Quốc như gieo xúc xắc, đổ xúc xắc, bài cầu và các loại vé Phố phiếu, Bạch cấp phiếu, Tự hoa. Tập đoàn Phó Cao lũng đoạn nghề cờ bạc ở Áo Môn. Nghe nói Phó dựa vào nghề cờ bạc mà phát tài lớn, "nhà ở như cung vua, bốn phía có hào nước, ngoài có hàng rào sắt"⁽³²⁾, có một lần y bị bắt cóc, tiền chuộc cao tới 1,5 triệu USD. Đến ngày 23. 2. 1963, Bộ Hải ngoại Bồ Đào Nha công bố văn kiện số 18267 tuyên bố biến Áo Môn thành khu du lịch, đầu thầu việc mở sòng bạc. Dương thời việc tranh giành quyền lợi giữa các sòng bạc chuyên nghiệp ở Áo Môn vô cùng mãnh liệt. Hà Hồng Châm liên kết với Diệp Hán, qua quá trình cạnh tranh khốc liệt, bỏ thầu cao hơn công ty Thái Hưng tám vạn và thừa nhận nghĩa vụ gánh vác

(31) Dẫn từ *Thoại thuyết đồ bác*, tr. 30

(32) Báo *Hải quang* (Thượng Hải), ngày 27. 2. 1946

phần lớn sự phồn vinh của Áo Môn mà trúng thầu⁽³³⁾. Từ đó độc quyền kinh doanh cờ bạc suốt 24 năm của công ty Thái Hưng kết thúc, cũng bắt đầu từ đó họ Hà được gọi là Vua cờ bạc (Đồ vương). Họ Hà xuất thân là thế gia mãi biện, ông nội là mãi biện của hãng buôn Đàm Điện, cha là Hà Quân làm mãi biện cho nhà Sa tổn người Do Thái. Hà Hồng Châm lúc 24 tuổi đã vận chuyển hàng hóa vào Trung Quốc mà trở thành triệu phú⁽³⁴⁾. Về sau theo Hoàng Kim buôn bán và làm vận tải đường biển, đường không phát tài, lúc chiến tranh Triều Tiên còn làm qua nghề sắt thép và hóa chất, thực lực hùng hậu. Tập đoàn họ Hà cạnh tranh với công ty Thái Hưng vô cùng khốc liệt. Sau khi Hà Hồng Châm giành được độc quyền cờ bạc, Thái Hưng từng định giết Hà, lại sai các tiệm ăn ở Áo Môn đóng cửa, nhà riêng thì không được cho tập đoàn họ Hà thuê, muốn tất cả các tuyến tàu xe chở khách không hoạt động, để ngăn cản khách từ Hương Cảng tới, còn "bao hết" tất cả các sông bạc vốn có, sai ăn mày, lưu manh chiếm cứ sông bạc, không cho thành viên "họ Hà" bước vào, chuẩn bị đến ngày khai trương của công ty Hà Ký thì ném lựu đạn vào. Nhưng Hà Hồng Châm có sức mạnh của số vốn cực lớn, bỏ ra nhiều tiền mua chuộc phần lớn người làm và lưu manh, thuê phòng ốc, còn chuyện giao thông vận tải thì vì chính họ Hà có hãng tàu khách Phạt Sơn nên không thành vấn đề. Năm 1962, Áo Môn Lữ du Ngụ lạc công ty của họ Hà chính thức thành lập, đến nay đã bốn lần ký tiếp hợp đồng.

Năm 1975, tập đoàn Hà thị chia rẽ, Diệp Hán bị gạt ra. Diệp Hán lúc nhỏ chơi bời trong sông bạc của Phó Đức Âm, lại có tuyệt kỹ "nghe xúc xắc", tức có thể căn cứ vào tiếng xúc xắc trong ống mà đoán được sẽ ra mấy điểm. Y lại

(33) *Thoại thuyết đồ bạc*, tr. 43

(34) *Long môn trận*, tr. 76

từng là thủ hạ của Đỗ Nguyệt Sinh, từng "kiếm sống" trong sòng bạc Vinh Sinh ở Thượng Hải thời kháng chiến chống Nhật. Về sau mâu thuẫn với họ Hà, nên tuyên bố "về nghỉ hưu". Hiện tại cổ đông chủ yếu của công ty ấy là Hoắc Anh Đông, Hà Hồng Châm, Trịnh Dụ Đồng, Diệp Đức Lợi.

Nhà đương cục Áo Môn gọi cờ bạc là "giải trí cờ bạc", điều đó được quy định rõ ràng trong *Thừa đầu đồ bác ngụ lạc chương trình* (Chương trình đầu thầu giải trí cờ bạc), cờ bạc trở thành một nguồn thuế chủ yếu của Áo Môn. Trong 13 năm từ 1962 đến 1974, Áo Môn Lữ du ngụ lạc công ty độc quyền sòng bạc ở Áo Môn thu lãi ròng về cờ bạc là 22 tỷ, bình quân mỗi năm 1,7 tỷ⁽³⁵⁾. Năm 1975 còn cao hơn 600.000⁽³⁶⁾, "con số này thậm chí còn vượt quá số lợi nhuận của tập đoàn ngân hàng lớn nhất là Ngân hàng Hối Phong"⁽³⁷⁾. Chính quyền Áo Môn cũng thu được nguồn thuế lớn, nguồn thu cờ bạc chiếm 30% nguồn thu của chính quyền. Mỗi năm có 5 triệu người tới Áo Môn "du lịch", trong đó 90% là tới đánh bạc, theo thống kê vào cuối tuần thường có 23.000 người từ Hương Cảng tới Áo Môn đánh bạc. Áo Môn có hơn 10.000 người lấy cờ bạc làm nghề nghiệp, tính cả gia đình họ thì chiếm 1/8 dân số Áo Môn⁽³⁸⁾. Năm 1982 chính quyền Áo Môn lại ban bố "Cách thức cờ bạc mới", tuyên bố Áo Môn là "khu vực cờ bạc lâu dài", quy định những người chuyên doanh "cờ bạc xổ số" có thể ký hợp đồng từ 8 đến 20 năm. Bắt đầu từ 1976 thuế cờ bạc tăng rất cao, theo hợp đồng ký tiếp gần đây nhất Hà thị phải nộp cho chính phủ 175 triệu đồng Hương Cảng để ký tiếp hợp đồng, "thuế đặc biệt" từ 1987 quy định là 26% thu nhập của công ty, về sau mỗi năm tăng 1%, đến 1991 thì ngừng. Trong hai năm 1988, 1989, thu nhập của Ngụ lạc công ty đạt tới vài triệu.

(35) (36) (37) Ngu Bàng, *Quốc tế đồ bác đại đặc tả*, Thành Đô xuất bản xã, 1992, tr. 79, *Áo Môn*

(38) *Thoại thuyết đồ bác*, tr. 32

Ngoài một số ít sông bạc quy mô lớn có trật tự tốt, thì các sông bạc khác ở Áo Môn rất phức tạp. Theo *Hương Cảng tân báo* ngày 9. 11. 1990, trình độ văn hóa của nhân viên làm việc trong sông bạc rất thấp, đại bộ phận là tốt nghiệp tiểu học trở xuống, chỉ qua thời gian huấn luyện ngắn ngủi 3 tháng ở "Đại học cờ bạc" mà "nhận nhiệm vụ". Lương của họ rất thấp, mỗi tháng chỉ có 300 đồng, chỉ dựa vào tiền thưởng của người thắng để sống, một tháng có thể được hàng vạn đồng. Vì thế với người thắng thì họ tươi cười niềm nở, tìm đủ cách lấy lòng, còn với người thua thì lạnh lùng như băng, xử sự kiêu khác. Trong sông bạc còn có một loại lưu manh "Câu lan cước", bọn họ xô tìm cách va chạm nhẹ vào khách chơi rồi nói là bị thương, để làm tiền. Trong và cạnh sông bạc còn có kẻ cho vay nặng lãi (tục gọi là Đại Nhĩ Long), họ phải bọn Mã tử cho khách thua bạc vay nặng lãi. Những con bạc từ Hương Cảng tới thua hết tiền, vay tiền của bọn Đại Nhĩ Long, phải dùng hộ chiếu Hương Cảng thế chấp, lấy 5 ngày làm một kỳ hạn, mỗi kỳ vay 1.000 đồng Áo Môn phải trả 20% tiền lãi⁽³⁹⁾. Loại cho vay nặng lãi này "thường dẫn tới xô xát và án mạng". Cũng có một số con bạc sau khi thua sạch ở đó nhảy xuống lầu xuống biển, người chết nhà tan, rất thường xảy ra. Có thể là vì để trốn tránh sự chê bai của dư luận, ở một số chỗ dễ nhìn ở sông bạc có đặt một tấm bảng cáo thị để "Cờ bạc không chắc thắng, đánh nhỏ để giải trí, đánh lớn lòng hồi hộp, cần gì phải liều mạng" để lừa dối người ta.

Dưới đây xin giới thiệu một số sông bạc quan trọng:

1. Di Lạc đại đồ trường

Đặt ở nhà hàng năm sao Di Lạc đại tửu điểm, cũng

(39) Hoàng Hồng Chiêu, *Áo Môn sử cương yếu*, Phúc Kiến nhân dân xuất bản xã, 1984

gọi là sông bạc Đông Phương tửu điểm, chỉ cách đầu bến cảng Áo Môn vài mươi bước. Vốn là do một vị vua dầu mỏ ở Trung Đông xây dựng. Theo lời kể ông vua dầu mỏ này tới Hương Cảng rồi bèn tỏ ý muốn tới Áo Môn du ngoạn, lúc bấy giờ Áo Môn đã xây dựng sông bạc cao cấp, vì thế bèn ngày đêm thi công xây dựng sông bạc hoa lệ ấy.

Diện tích của sông bạc Di Lạc không lớn lắm, chỉ có một sảnh nhỏ và một số phòng riêng, nhưng bên trong sông bạc đều trần thiết vô cùng hoa lệ rực rỡ, bố trí hoàn toàn theo kiểu kiến trúc cổ điển của châu Âu. Nó là đối tượng chủ yếu của con bạc các nước tới Áo Môn du lịch.

2. Hải Thượng hoàng cung

Có hẳn danh là Thuyền giặc (Tặc thuyền), đặt ở gần biển cạnh bến Hương Cảng cũ ở khu trung tâm thành phố, có mấy tầng lầu, bên ngoài giống họa thuyền Sa Điền, trong ngoài đều trang trí rất lộng lẫy, vẽ rồng chạm phụng, đáng vẻ cổ kính. Trong Thuyền giặc có đủ các trò cờ bạc Đông Tây, từ poker, máy đánh bài tự động tới bài cầu, mặt chược, một ngày mở cửa làm ăn đủ 24 giờ.

Vì trên lầu ba của nó có phòng ăn, cạnh đó cũng có rất nhiều nhà hàng, nên rất nhiều "di dân mới", tức đám culy, ngư dân và công nhân ở cảng suốt ngày vất vả, ăn cơm xong cũng tự nhiên bước vào "hoàng cung" để chơi bạc một phen. Ngoài ra còn có một số phụ nữ trung lưu trở xuống cũng thích tới "hoàng cung" chơi một lần.

3. Sông bạc Kim Bích Lệ

Cũng gọi là Kim Bích Nội hoặc Khu giải trí Kim Bích (Kim Bích Ngự lạc trường). Là một trong năm sông bạc lớn lâu đời nhất ở Áo Môn. Nó đặt ở một dải phố hẹp tại khu

trung tâm, trong hầm và trên lầu của một tòa nhà màu xám. Khách du lịch ở nơi khác khó có thể tìm tới, chỉ có khách chơi quen người bản xứ, tức một số người có thu nhập thấp tới đó đánh bạc, chơi bài một phen. Việc phục vụ bên trong vẫn nổi tiếng là chu đáo.

4. Sòng Hồi lực cầu

Đặt ở chỗ đối diện bến Hương Cảng, là chỗ cho khách chơi có thu nhập trung bình. Trò Hồi lực cầu ở Áo Môn từ nước ngoài đưa vào năm 1974, đầu tư khoảng 6 triệu đồng, quy cách hoàn toàn phù hợp tiêu chuẩn quốc tế. Bắt đầu từ 1986, việc thi đấu quy định từ 8 giờ tối đến nửa đêm mỗi ngày và từ 2 giờ đến 7 giờ chiều chủ nhật, có chia ra đấu đơn đấu đôi theo chế độ đấu loại, các kiểu đặt bạc có Dự trắc, Vị trí, Liên doanh. Vé vào cửa một đồng, tiền bao bàn 18 đồng. Cờ bạc Hồi lực cầu không được hoan nghênh lắm so với các trò cờ bạc đủ loại ở Áo Môn, nên "đến cuối 1985, số nợ đã lên tới trên 80 triệu đồng"⁽⁴⁰⁾. Năm sau nó đành tổ chức lại công ty để tiến hành kinh doanh, hiện cổ đông chủ yếu của Áo Môn Hồi lực cầu xí nghiệp hữu hạn công ty có Bành Quốc Trân, Hà Bách. Mỗi năm phải đóng thuế 1,5 triệu đồng Áo Môn.

5. Bồ Kinh đại tửu điểm

Là sòng bạc lớn nhất trong năm sòng bạc lớn ở Áo Môn, cũng nổi tiếng khắp thế giới. Nó đặt ở khu chợ búa đông đúc cạnh eo biển Nam Loan, xa xa có thể nhìn thấy cầu lớn Áo Đàng bắc qua eo biển. Nó có hình một chiếc mũ tròn, nhìn từ xa giống một cái đầu cọp. Ngoài cửa sòng bạc Bồ Kinh dựng một tấm bia bằng đá Đại Lý, quy định người dưới

(40) Lưu Trạch Sinh, *Cảng Áo khái lãm*, tr. 274

18 tuổi không được bước vào. Sảnh đánh bạc lớn trong sòng có hình mái vòm giống lồng chim, vì kiểu kiến trúc đặc sắc nên có một cái nhả hiệu là Miệng cộp lồng chim (Hố khẩu điều lung), tựa hồ nói bước vào sòng bạc ấy cũng như vào miệng cộp lồng chim, khó mà bay ra được. Sảnh đánh bạc lớn chia làm hai tầng trên dưới, mỗi tầng là một gian phòng lớn có thể chứa được hàng ngàn người. Bên trong máy đánh bạc xếp thành một hàng, tạo hình khéo léo, trong sảnh chính bày đầy 75 bàn đánh bạc các loại, có roulette, Bách gia lạc, bài 21 điểm, gieo xúc xắc, đổ xúc xắc, bài cầu, còn có tài xỉu, Kim lộ thái phiếu, Sắc bảo, có thể nói là đủ cả ngũ hoa bát môn.

Sòng bạc Bồ Kinh mở cửa suốt 24 giờ trong ngày, tính ra mỗi ngày không dưới hàng vạn người vào đánh bạc. Toàn bộ sòng bạc do máy tính điện tử khống chế, dùng máy thu hình bí mật tiến hành giám sát, nếu phát hiện bàn nào tình hình không hay, ông chủ sẽ lập tức đổi nhân viên, đưa nhân viên có kinh nghiệm phong phú vào ứng chiến. Lúc con bạc thua hết tiền, không có cả tiền về xe, sòng bạc cũng "sảng khoái" mua vé cho, để mong anh sẽ tới lần nữa.

Trên lầu Bồ Kinh Ngụ lạc trường có phòng cho khách quý đánh lớn, bên trong có bốn bàn Bách gia lạc trang hoàng hoa lệ, là một gian phòng nhỏ tạo thành. Phàm người bước vào phòng ấy nhất định phải có hàng vạn đồng trở lên, còn phải được nhân sĩ có quan hệ giới thiệu, đảm bảo. Trong phòng khách quý khách chơi vung tiền như đất, một ván hàng chục hàng trăm vạn. Rất nhiều người nước ngoài, nhất là các nhà giàu ở Thái Lan thường tổ chức thành đoàn tới đó đánh bạc, sòng bạc phụ trách chiêu đãi việc ăn ngủ miễn phí cho khách. Theo lời kể, các "đoàn du lịch đánh bạc" Thái Lan mỗi tháng có tới mười mấy đoàn, thành viên của họ lúc đánh bạc "ít nhất là đặt 10 vạn đồng, hào khí không kém những

người giàu có ở Hương Cảng⁽⁴¹⁾, mà phần lớn đều có ra không vào. Nhưng số "khách quý" này vẫn giữ phong độ cao nhã, để giữ gìn thân phận của mình.

Vì Bồ Kinh Ngụ lạc trường thu nhập rất lớn, mỗi năm phải nộp thuế 700 triệu, nên "mỗi năm vào ngày mồng một, Tổng đốc Áo Môn cũng phải đi cùng đám tùy tùng tiền hô hậu ủng tới đó, làm khách chơi đầu tiên trong năm"⁽⁴²⁾, đánh bạc ở đó, để mong trong năm mở hàng được đại cát.

"Cờ bạc may mắn" đối với rất nhiều người không có gì là may mắn, có nhiều người sau khi thua bạc phải cầm bán đồ vật. Hai bên đường lớn chỗ Bồ Kinh Ngụ lạc trường đầy các cửa hiệu cầm đồ, nếu thấy những đồng hồ vàng, máy chụp ảnh có giá trị cao trong đó người ta sẽ liên tưởng tới tai họa của cờ bạc.

6. Trường đua chó Áo Môn

Đặt ở sân vận động Bồng Phong Áo Môn. Nó hơi nhỏ hơn sân đá bóng, đường đua dài 350 yard, hàng tuần vào các ngày thứ ba, thứ năm, thứ bảy và chủ nhật tiến hành mười vòng đua, mỗi vòng 20 phút. Từ 7 giờ 30 có chuông báo hiệu, 8 giờ chính thức bắt đầu đua. Trong đó vòng thứ năm thì sáu con chó đua, vòng thứ chín thì tám con đua. Chó đua đều là chó Cách lực từ Áo đua qua, tất cả hơn 800 con. Loại chó này đầu nhỏ, eo thon, chân dài, chạy nhanh, nên đua chó được gọi chung là "đua chó Cách lực". Với loại chó này, có bác sĩ dinh dưỡng, thú y và người xoa bóp chuyên môn phục vụ. Chúng ăn sữa bò, thịt bò, cũng là vật phẩm đặc biệt chở từ Áo qua. Đua chó ở Áo Môn cũng giống như nơi khác, cũng là dùng một nhóm chó đuổi theo thỏ, người xem có thể đánh cược vào một con hoặc một nhóm chó mà quyết định ăn thua. Thành

(41) *Thoại thuyết đồ bác*, tr. 32

(42) *Thế dục nguyệt mạt*, số 1, 1993

tích cuối cùng của chó được hiển thị trên màn hình điện tử.

Từ 1963, việc đua chó ở Áo Môn bắt đầu do Dật Viên Trại cấu hữu hạn công ty kinh doanh, thu nhập về việc đua chó rất lớn, chiếm hơn 10% tổng số thu nhập của doanh nghiệp cờ bạc ở Áo Môn⁽⁴³⁾. Vé công chúng trong trường đua giá 2 đồng, vé hội viên 5 đồng, bao lô 80 đồng. Có các loại vé đánh cá là Độc doanh, Vị trí, Liên doanh. Tiền đánh cá mỗi tối khoảng 1,5 triệu đến 2 triệu. Trường đua chó mỗi năm nộp thuế cho chính quyền 17 triệu đồng Áo Môn. Cổ đông chủ yếu của công ty là Hà Hiền, Hà Bách, Hứa Di Trung, Văn Tổ Thuận.

7. Trường đua xe ngựa Áo Môn

Địa chỉ ở đảo Hàm Tử, lấp biển xây dựng nên, diện tích rất lớn, đường xe dài 2.110 mét, là trường đua xe ngựa lớn nhất ở châu Á, cũng là một trường đua xe ngựa lớn ở một dải Đông Nam Á. Tiền đầu tư là 1,5 triệu. Nó được xây dựng vào cuối những năm 70, ngày 3. 8. 1980 tiến hành lần đua đầu tiên. Hiện nay mỗi tuần đua một lần, việc làm ăn khá ít ỏi. Lý do là vì nơi đó xa khu chợ búa, vả lại còn bị Hương Cảng một tuần hai lần đua ngựa cạnh tranh, người xem (khách đánh cá) không nhiều. Năm 1989, Quý vương trong giới cờ bạc là Diệp Hán đem trường đua ngựa mà y kinh doanh nhiều năm này chuyển nhượng cho công ty cổ phần Liên Vĩ Đài Loan.

Đua xe ngựa, là do một con ngựa loại tiêu chuẩn kéo một chiếc xe hai bánh, người điều khiển ngồi trên xe đua để so hơn thua, phạm ai về tới đích cuối trước là hạng nhất. Kỳ thủ của Trường đua xe ngựa Áo Môn có 40 người, vốn là người Áo, năm sau thì đổi dùng người bản xứ. Ngựa vốn có 500 con, về sau làm ăn không thuận lợi nên giảm xuống còn 300 con.

(43) Lưu Trạch Sinh, *Cảng Áo khái lãm*, tr. 273

Trường đua xe chiếm 113.000 mét vuông, đầy đủ thiết bị, có lầu lớn năm tầng làm khán đài, toàn bộ diện tích xây dựng là 350.000 mét vuông⁽⁴⁴⁾, có đường đua sử dụng được trong mọi thời tiết, có thể cho 8 tới 12 chiếc xe ngựa cùng đua, còn có màn hình điện tử hiển thị lớn, máy bán vé đánh cá tự động. Vé đánh cá có Độc doanh, Vị trí, Liên doanh, Tam trọng, Lục hoàn, có điện thoại phục vụ đánh cá. Ngoài ra Áo Môn còn có Công ty xổ số bán vé Bạch cấp, vé số mở liền, vé số Pumper. Trong đó Phổ phiếu do Vinh Hưng Bạch cấp công ty thuộc Lữ du Ngụ lạc công ty kinh doanh, mỗi năm nộp thuế 520.000 đồng Áo Môn.

VI. Sòng bạc ở Hương Cảng

Lúc Hương Cảng bắt đầu mở, cờ bạc đã xuất hiện. Năm 1844 chính quyền Hương Cảng ban bố pháp lệnh số 14 *Điều lệ ngăn cấm cờ bạc*, quy định phạm người hợp bọn đánh bạc, rủ rê người khác đánh bạc thì bị phạt tiền 200 đồng. Nhưng trong thực tế vẫn là sòng bạc khắp nơi, phong khí cờ bạc không giảm, lý do là vì chính quyền Hương Cảng hoàn toàn không thực sự cấm cờ bạc, có một số cảnh sát còn nhận tiền hối lộ của sòng bạc mà chủ động che chở. Đương thời báo chí thường đưa tin về việc cảnh sát ăn hối lộ. Tháng 8. 1856, cảnh sát Lam Độ Phu vì tư túi mà tự ý thả phạm nhân cờ bạc, bị tố cáo lên pháp viện tối cao. Y giữa tòa án còn công nhiên không sợ hãi nói rằng sau khi bắt được kẻ cờ bạc, theo tập quán đương thời, thì chỉ cần bắt nộp từ 10 đồng đến 50 đồng là có thể thả ra.

Tháng 6. 1867, lúc Mạch đương nô làm Tổng đốc Hương Cảng, thi hành chính sách "Ngụ cấm vu chinh" (Cấm đoán bằng cách đánh thuế), tức thi hành việc nhận giấy phép, chịu nộp thuế mà mở sòng bạc. Do Ty Cảnh sát cấp

(44) *Đài Cảnh Áo thủ sách*, Hoa Nghệ xuất bản xã, 1990, tr. 706

giấy phép, chiêu tập thương nhân góp vốn nhận thầu sông bạc, kết quả có 12 sông bạc trúng thầu. Các sông bạc này phân bố ở Tây Doanh Bàn, đường Hà Lý, đường Cơ Lợi Văn cũ, Loan Tử, mỗi năm đều phải nộp thuế một vạn đồng. Từ đó sông bạc có chỗ nhờ cậy không hề sợ hãi, việc cờ bạc phát triển theo hướng công khai hóa, phong khí cờ bạc ngày càng mãnh liệt. Cách làm ấy bị những nhân vật có tiếng trong xã hội, nhất là nhân sĩ tôn giáo chống đối, lại thêm cờ bạc ảnh hưởng tới việc buôn bán ở Thương Hải, nên chính quyền Anh nhiều lần hạ lệnh cấm cờ bạc. Ngày 20. 1. 1872 tuyên bố "Tất cả các giấy phép cấp cho sông cờ bạc đều thủ tiêu. Từ nay trở đi tất cả các sông cờ bạc lớn nhỏ ở Hương Cảng, Cửu Long và các thôn xóm chung quanh đều bị nghiêm cấm"⁽⁴⁵⁾. Tháng 4 năm ấy, Kiên nê địa tới nhận chức Tổng đốc Hương Cảng, trong bài diễn văn nhận chức ông nói phải coi việc chỉnh đốn chế độ cảnh sát và ngăn cấm cờ bạc là hai nhiệm vụ chủ yếu. Quả thật ông cũng vì thế mà vất vả một phen, nhưng cờ bạc vẫn chưa tuyệt tích, vì sông bạc lại lấy hình thức câu lạc bộ mà xuất hiện trên đường phố, mượn tiếng giải trí để tiến hành cờ bạc. Loại sông bạc biến tướng này kéo dài hơn nửa thế kỷ, đến mãi 1936, lúc sửa chữa bổ sung *Điều lệ cờ bạc*, mới tiến hành ràng buộc các sông bạc mang hình thức câu lạc bộ. Nhưng sông mạt chược lại nhân kẻ hở của pháp luật, đổi thành cách thu tiền vé vào chơi, biến sông bạc thành "nơi giải trí", điều này thuộc tính chất thuê mướn mạt bằng, vì vậy không thể tính là "hội họp đánh bạc". Điều này tuy bất hợp lý nhưng lại "hợp pháp", nên sông mạt chược vẫn lan tràn thành tai họa, vẫn tồn tại đến sau Chiến tranh Thế giới lần thứ 2, thậm chí còn lấy tên là Thư quán mạt chược (hoặc Trường học mạt chược, tiếng Anh gọi là Mahjong School). Tóm lại, hiện tại Hương Cảng vẫn tồn tại các sông bạc xã hội đen loại Câu lạc bộ và cái gọi là Đại dương công

(45) Mã Nguyên, *Hương Cảng pháp lệ hối biên*, quyển 1 (Ất), tr. 90

khai hoặc nửa công khai. Trong các sòng bạc ấy có nhân viên và chức vụ nhất định, như Cổ đông, Giao tế, Tổng quản, Kiểm soát, Kế toán, Nhà cái (người chủ trì bàn đánh bạc), Bảo vệ, Dắt khách. Và lại các sòng bạc ấy còn có quan hệ mật thiết với xã hội đen⁽⁴⁶⁾.

Đồng thời vào năm 1931, chính quyền Hương Cảng phát hành Đại mã phiếu, hợp pháp hóa việc đánh cá ngựa. Năm 1962, lại phát hành vé số của chính quyền, đem việc xổ số làm công việc của nhà nước. Bản thân nhà đương cục Hương Cảng đề xướng việc cờ bạc, coi việc phát hành vé số là nguồn thu quan trọng, từ 1980 đến 1981 thu được từ 61 lần đua ngựa và 102 lần xổ số số tiền thuế là 720.000 đồng Hương Cảng⁽⁴⁷⁾. Vì vậy việc Hương Cảng cấm cờ bạc chỉ có thể nói suông một câu. Hiện nay vẫn có không ít sòng bạc.

1. Trường đua ngựa Hương Cảng

Hương Cảng trên danh nghĩa thuộc khu vực cấm cờ bạc, nhưng đánh cá ngựa lại không kể là cờ bạc, vả lại còn là "trò giải trí cao thượng" được hoàng đế nước Anh phê chuẩn! Từ 1841 người Anh vừa vào Hương Cảng đã tiến hành đua ngựa ở một dải Bãi đua ngựa hiện nay. Từ 1842 đến 1843, nhà cầm quyền Hương Cảng lại thuê đất Áo Môn tiến hành đua ngựa hai lần. Năm 1844 Hương Cảng bắt đầu xây dựng trường đua ngựa, sau bốn năm đua vào sử dụng. Năm 1849 Hương Cảng chính thức thành lập Mã hội, đến 1884 lại hình thành Mã hội mang tính chất vĩnh viễn. Đương thời hội viên có 177 người. Trường đua xây dựng ở bãi Hoàng Nê (Khoái Hoạt cốc, cũng gọi là Bãi đua ngựa). Đầu năm 1890 hoạt động

(46) Hứa Chương Dữ, *Đô thị trung dịch độc lưu* (Cái nhọt độc trong thành thị), xem *Hương Cảng phong tình*, số 12

(47) *Hương Cảng dịch đồ bác* (Cờ bạc ở Hương Cảng), xem *Đài Cảng Áo thủ sách*, tập hạ, Hoa Nghệ xuất bản xã, 1990

thể dục đua ngựa mang yếu tố cờ bạc ở Hương Cảng hoàn toàn trở thành cờ bạc, dùng việc đánh cá và phát hành vé thưởng để mời gọi người xem. Năm 1951, máy tính điện tử đầu tiên ở sòng đua được đưa vào sử dụng, lại sửa sang khán đài và ngôi lầu lớn làm văn phòng. Năm 1957 lại sửa khán đài cao tới 7 tầng. Năm 1970 lại trang bị máy tính điện tử. Vào những năm 70 của thế kỷ XX Mã hội đã bỏ ra 150 triệu đồng Hương Cảng xây dựng một trường đua ngựa khác ở Sa Điền trên bán đảo Cửu Long, về mặt trang bị hiện đại khiến toàn thế giới phải khen ngợi⁽⁴⁸⁾. Sòng đua ngựa bề ngoài là thuộc Hương Cảng trại mã hội, nhưng trong thực tế là bị các nhân vật quan trọng trong chính quyền Hương Cảng và các đại thương nhân khống chế. Việc đua ngựa vốn là mỗi năm một lần, về sau thì quý nào cũng đua. Cái gọi là quý là chỉ thời gian từ tháng 9 hàng năm đến tháng 6 năm sau, trong thời gian đó có 69 ngày đua ngựa.

Lúc đầu đại bộ phận những người tham gia hoạt động đua ngựa ở Hương Cảng là lính Anh, về sau Mã hội do thương nhân người Anh nắm giữ. Đến mãi 1927, tức năm thứ 7 sau khi người Hoa xây dựng trường đua ở Phấn Lĩnh, Mã hội Hương Cảng mới cho hai người Hoa vào hội với tính chất tượng trưng, đồng thời còn "ra ơn" cho ký thủ người Trung Quốc tham gia đua ngựa. Đến nay Mã hội có 1.200 hội viên, người làm thuê chính thức có 3.900 người, làm thuê không chính thức có 10.000 người, trong đó hội viên người Trung Hoa chiếm trên 80%. Những người mê cá ngựa ở toàn Hương Cảng tính ra có 1,5 triệu, chiếm hơn 1/4 dân số Hương Cảng⁽⁴⁹⁾, số ở nhà gọi điện thoại tới đánh cá đã đạt tới trên 400.000 người. "Năm 1991, Trung tâm Hoạt động Hương Cảng Áo Môn ở Bắc Kinh bắt đầu việc đánh cá ngựa của đồng bào Hương Cảng Áo Môn Đài Loan, tiền vé thu được

(48) Liễu Tô, *Mã văn hóa dữ tước văn hóa* (Văn hóa ngựa và văn hóa chim sê), *Hương Cảng phong tình*, số 2, 1992

trong ngày đầu khai trương lên tới hơn 1 triệu đồng Hương Càng" ⁽⁵⁰⁾.

Người Hương Càng rất sành việc nuôi ngựa đua, cõ cho ngựa ăn là nhập từ nước ngoài, trước khi ngựa ngủ còn phải thổi âm nhạc để ru ngủ, ngựa ngủ trên nệm lông dày, có thú y chuyên môn xoa bóp, chuồng ngựa có gắn máy điều hòa không khí khiến mùa đông ấm mùa hè mát, bốn quý đều như mùa xuân. "Chi phí cho mỗi con ngựa là 8.500 đồng Hương Càng, mà lương tháng của một người lao động phổ thông chỉ trong khoảng từ 4.500 tới 7.000 đồng Hương Càng" ⁽⁵¹⁾.

Hương Càng Mã trại hội bắt đầu từ năm 1931 phát hành vé đánh cá, gọi là Đại mã phiếu. Trên mỗi tấm vé in số hiệu nhất định, phát hành công khai, mỗi tấm giá 2 đồng. Cách mở số trúng là trước tiên do Mã hội dùng cách rút thăm, rút ra mấy mươi số, gọi là số vào vòng. Sau đó lại từ mấy mươi số vào vòng ấy dùng cách rút thăm rút ra hơn mười số, dùng đó đặt cho những con ngựa vào đua. Sau cùng trong quá trình đua ngựa, con nào về nhất thì số ấy kể như trúng giải đầu, cũng như thế tính ra giải hai giải ba. Tất cả số của những con ngựa còn lại được coi là ra vòng, kể như bị loại không được thưởng. Lấy năm 1931 làm ví dụ thì tiền thưởng của Đại mã phiếu có thể tới 100.000 đồng, tính kích liệt rất lớn.

Ở Hương Càng đua ngựa có thể mua vé vào cửa, trực tiếp tới hiện trường đánh cá, từ 1973 bắt đầu có thể đánh cá ngoài trường đua, năm 1975 bắt đầu tiến thêm một bước đặt đường điện thoại cho đánh cá từ nhà riêng. Những người tham gia đánh cá ngựa ở Hương Càng đặc biệt đông đảo, mỗi khi đến ngày đua ngựa, thì hàng ngàn hàng vạn người đổ tới

(49) (50) Trương Dật, *92 Hoa Hạ mã triều* (Trào lưu đua ngựa ở Trung Quốc năm 1992), *Khoa học dĩ sinh hoạt*, số 1, 1993

(51) Ngô Nguyệt Minh, *Hương Càng kỷ hành*, *Đông Kinh văn học*, số 4, 1992

trường đua, vô cùng nhiệt náo, ngày hôm ấy cơ hồ như được nghỉ việc nửa ngày. Trường đua thu lợi nhuận cực kỳ béo bở, lấy ví dụ trong quý từ 1990 đến 1991, người Hương Cảng bỏ ra tổng cộng 725,9 triệu đồng Hương Cảng vào trò cá ngựa, trận sau cùng là 13 triệu. "Điều đó cho thấy trong một năm gần 6 triệu dân Hương Cảng bình quân mỗi người bỏ vào trường đua 7.880 đồng"⁽⁵²⁾. Đương nhiên người thắng lớn nhất vẫn là chính quyền Hương Cảng và Mã hội, chính quyền Anh ở Hương Cảng thu thuế từ việc đánh cá ngựa được hơn 670 triệu, Mã hội thu được 13 triệu, cả hai khoản chiếm 20% tổng số tiền đánh cá, 80% còn lại thì chia cho những người thắng⁽⁵³⁾. Số tiền Mã hội thu được ngoài khoản chi phí vào việc chi tiêu hàng ngày và sửa chữa trường đua, chủ yếu dùng vào việc từ thiện công cộng, vào những năm 80 Mã hội đã quyên góp 300 triệu đồng. Vì trong mã trường trồng cỏ nên người Hương Cảng gọi kẻ đánh cá thắng là Cuộc cỏ (Quạt thảo bì), kẻ thua là Trồng cỏ (Phổ thảo bì), cũng là nói tiền anh thua đã biến thành một đám cỏ xanh trong trường đua. Nhưng tóm lại "kẻ trồng" thì nhiều, mà "kẻ cuộc" thì cực kỳ ít ỏi.

2. Trường đua ngựa Sa Điền

Đặt trên đất Tân Trấn bờ bắc sông ngoài cửa thành, do Mã hội Hương Cảng lập ra. Từ 1971 bắt đầu công trình lấp biển đến ngày 7. 10. 1978 thì khánh thành, trải qua 7 năm, chi phí gần 70 triệu đồng. Ngày khai mạc do Toàn quyền Hương Cảng là Mạch lý hạo đích thân chủ trì, nghi thức vô cùng trọng thể. Nó có diện tích 250 mẫu Anh, rộng hơn nhiều so với trường đua Khoái Hoạt cốc. Ở đó dựa vào núi kề bờ sông, phong cảnh đẹp đẽ, ở khoảng đất phía trong đường đua có công viên Bành Phúc để tưởng niệm tướng quân

(52) (53) *Mã văn hóa dữ tước văn hóa* (Văn hóa ngựa và văn hóa chim sè), *Hương Cảng phong tình*, số 2, 1992

Bành Phúc Kinh lý Mã hội. Để tiện cho khách du lịch, tuyến đường sắt Cửu Long đặc biệt thiết lập ga xe lửa Sa Điền, đường lớn Đại Phố và đường hầm núi Sư Tử cũng kéo dài tới đó, việc giao thông vô cùng thuận tiện.

Trường đua này thiết trí cực kỳ tinh tế, đường đua theo tiêu chuẩn quốc tế, có khán đài có thể chứa ba vạn người xem và màn hình lớn điều khiển bằng máy vi tính. Việc đua ngựa ở trường đua tổ chức liên tiếp, thu lợi rất nhiều, trong quý mà trường đua xây xong, số tiền thu được đạt tới con số 50 triệu đồng. Trong 66 cuộc đua tổ chức ở Hương Cảng trong quý từ 1986 đến 1987, có 22 cuộc tổ chức ở trường đua Sa Điền, tiền đánh cá thu được là 24.379 triệu đồng. Từ góc độ phát triển mà nhìn nhận, thì trường đua Sa Điền có xu thế thay thế trường đua ở Bãi đua ngựa.

3. Sòng mạt chược

Mạt chược thuộc phạm vi giải trí trong gia đình ở Hương Cảng, không thuộc loại cờ bạc bị cấm. Người Hương Cảng gọi việc đánh mạt chược là "chơi mạt chược", có sòng mạt chược chuyên cung ứng việc giải trí, chủ yếu mở ở một dải Hậu Nhai Hoàn Nhai. Sòng mạt chược hạng thấp nhất gọi là Đại đương, cao hơn một chút gọi là Câu lạc bộ, đều có tên văn nhã bằng tiếng Anh đưa tới cho việc đánh bạc một màu sắc "văn minh". Người mở sòng mạt chược hoàn toàn không phải chủ sòng, cũng không nhận tiền hồ, y chỉ phụ trách việc cho thuê mạt bằng, lấy tiền thuê nhà, như thế không phạm pháp. Vì *Điều lệ ngăn cấm cờ bạc* ban bố ở Hương Cảng năm 1876 quy định "Có ai theo đó lấy tiền hồ cho tới những con bạc thu lợi khác nhau trong sòng" ⁽⁵⁴⁾ mới kể là sòng bạc. Hiển nhiên sòng mạt chược không hề trái với

(54) *Hương Cảng nhất tề, Quảng Đông văn sử tư liệu*, 1985, tập 44, tr. 240

quy định nói trên. Các sòng mạt chược còn cung ứng trà thuốc ăn uống, chiếu dài "quan khách chiếu cổ", bên trong trang trí cũng rất hoa lệ, gắn máy điều hòa không khí, trên sàn trải thảm, còn có người ăn mặc đẹp để canh cửa.

Ngoài ra người Hương Cảng còn tiến hành "giao chiến" ở nhà hàng quán cơm cho tới gia đình, tất cả các quán cơm để mời gọi khách khứa, thấy khách vào đủ bốn người là lập tức đưa ra một bộ bài mạt chược. Người Hương Cảng trước hoặc sau khi ăn tiệc thường đánh mạt chược, mời tiệc vào 5 giờ chiều thì phần nhiều đều đến 9 giờ hoặc 11 giờ mới chính thức bắt đầu. Cho nên người mới tới Hương Cảng không biết điều này rất có thể bị đói. Sau khi tan tiệc còn phải tới "trợ hứng", tiếp tục giao chiến suốt đêm. Có lúc không phải tiệc mời chính thức cũng mời vài người bạn, ăn một bữa "cơm mạt chược", trước hoặc sau bữa ăn chơi mạt chược vài tiếng đồng hồ.

4. Sòng bạc thành trại Cửu Long

Thành trại Cửu Long ở phía đông bán đảo Cửu Long, là khu vực dân cư bao bọc bởi đường Đông Dầu Thôn, đường Long Tân, đường cái Long Tân và đường Tây Thành. Theo *Trung Anh triển thác Hương Cảng tô chỉ chuyên điều ký kết* tháng 6. 1898 quy định, thì chủ quyền chính trị và hành chính ở khu vực này (tức thành trại) đều thuộc Trung Quốc. Tuy chính quyền Anh dùng sức mạnh chiếm cứ thành trại Cửu Long, đơn phương tuyên bố chủ quyền của mình đối với nơi này nhưng trước sau vẫn không dám trực tiếp cai quản. Cho nên thành trại trở thành khu vực đặc biệt không ai quản lý. Từ những năm 50, một số thế lực xã hội đen ở Hương Cảng, bọn lưu manh tội phạm, thương nhân phạm pháp nhân sơ hở tới đó. Họ mở sòng bạc, tiệm thuốc phiện, ổ điểm, biến khu vực này thành nơi chướng khí mù mịt.

Sòng bạc lớn nhất ở thành trại ở phía đông đầu đường Long Tân, xoay mặt về phía bắc, chiếm diện tích khoảng 600 thước Anh, ngoài ra trên đường Đại Tỉnh cũng có một số sông mát chước nhỏ hơn. Việc thiết lập các sông bạc ở đó có thể bắt đầu từ thời Thanh, vì đương thời cần lương hướng quân phí nên nhà môn Cửu Long bèn cho phép mở sông bạc. Người tham gia đánh bạc ngoài người Trung Quốc còn có người nước ngoài. Tháng 4. 1890, Ước Luân Cát Lợi nhân viên Ngân hàng Tân Đông Phương Hương Cảng vì tới trại thành đánh bạc mà tham ô 60.000 đồng công quỹ, bị xử tù 3 năm⁽⁵⁵⁾. Quy ra vàng thì 60.000 đồng lúc bấy giờ khoảng 1 triệu đồng hiện nay, đủ thấy việc ăn thua cờ bạc ở đó rất lớn.

Các sông bạc hiện nay vẫn làm ăn ngày đêm, hạng mục cờ bạc có gieo xúc xắc, mặt chước. Trong con bạc có đủ hạng người, có phú thương vùng tiền như rác, thái thái tiểu thư trang điểm lông lẩy, vàng bạc đầy người, cũng có người lao động bình thường ở tầng lớp dưới. Để bảo vệ và mở rộng doanh nghiệp, bắt đầu từ 1972, các chủ sông bạc ở thành trại còn thiết lập tuyến vận tải đường sông miễn phí cho khách tới đó đánh bạc, lại "mời" các thế lực xã hội đen phái người tới "bảo vệ", giúp người thắng tiền trở về bình yên.

Để thu hút con bạc, ngoài việc phái người đứng ở cửa sông cất giọng kêu lớn "Phát tài trong này", "Gieo xúc xắc trong này", còn biểu diễn "thoát y vũ" ở Tân Hoa Thanh Ngự lạc công ty bên cạnh, để tiện dẫn dụ người xem vào sông bạc, người vào xem thoát y vũ trước tiên phải đi ngang sông bạc. Có thể nói chủ sông bạc chỉ nghĩ tới việc kiếm tiền mà bất kể tới sự độc hại đối với tinh thần của người khác, giở ra đủ mọi thủ đoạn xấu xa.

(55) *Giang Tô văn sử liệu tạng san*, tr. 93, *Hương Cảng thần bí tiểu vương quốc*.

VII. Sòng bạc ổ bạc ở Đài Loan

Việc cờ bạc ở Đài Loan từ cuối thời Thanh đến nay rất thịnh hành. Trong niên hiệu Cần Long, đã có sổ sách ghi chép về việc bọn con bạc "chiếm cứ đường phố sát phạt nhau"⁽⁵⁶⁾. Dưới ách thống trị của Nhật Bản vào những năm 50, phong khí cờ bạc không giảm. Theo với sự biến thiên của lịch sử và thời gian, một số con bạc móc ngoặt với ban hội xã hội đen, xây dựng một số tập đoàn cờ bạc và sòng bạc công khai.

1. Tập đoàn cờ bạc vé số

Ở Đài Loan tuy nói là cấm cờ bạc, nhưng "vé số" thì không nằm trong diện bị cấm. Vào khoảng trước những năm thứ 10, thứ 20 của thế kỷ, bắt đầu phát hành vé số "Đại gia lạc", lúc bấy giờ số vé không nhiều, giá vé cũng thấp, quy định 20 con bạc làm một nhóm, tiền đặt bạc chỉ cần một ngàn đồng Đài Loan mới. Nó là đoán hai con số cuối cùng của "Ái quốc" tương khoán, người đoán trúng có thể lấy tiền của người khác đánh cược, trừ đi 1% cho ngân hàng phát hành vé số, nơi phát hành vé số và người làm chứng. Về sau loại cờ bạc này càng phát triển càng ghê gớm, "có các loại hình công ty hóa, tập đoàn hóa, cá nhân kinh doanh. Có hệ thống máy tính, máy quay phim và các loại máy vi tính để kiểm soát, hệ thống vô tuyến truyền thanh đều được sử dụng rộng rãi vào việc đánh bạc Đại gia lạc"⁽⁵⁷⁾. Các sòng bạc Ngũ gia lạc trên đảo nơi nào cũng có, nhiều nhất là ở thành phố Đài Bắc, cơ hồ nhà nào người nào cũng bị cuốn vào cơn sóng Đại gia lạc, nông dân vùng phụ cận cũng có bảy tám phần mười tham gia. Rất nhiều người đạt tới mức như say như ngây, từng có một đạo bị cấm. Từ 1989 trở đi, các tầng lớp ở Đài Loan lại lợi

(56) Đài Loan huyện chí đời Cần Long, Phong tục.

(57) Hình hình sắc sắc đích đồ bạc cập kỳ nguy hại, tr. 10

dùng vé Lục hợp của xổ số Hương Cảng, đẩy lên vé Lục hợp, từng là "một cơn lốc trên toàn đảo", vé Lục hợp do nhóm trưởng chủ trì, dưới có mười mấy phân tổ, "mỗi tuần xổ hai lần, mỗi lần tiền vé có thể tới hàng chục triệu đồng Đài Loan. Hạ tuần tháng 8. 1989, Phân cục Thanh Thủy Cục Cảnh sát huyện Đài Trung phá được nhóm chính, thu được 15 triệu (tiền Đài Loan), mỗi tháng thu hơn 10 triệu"⁽⁵⁸⁾. Mà trong nhân dân vì chơi vé Lục hợp mà bị khuynh gia bại sản có không ít người.

2. Sòng bạc kín

Vì nhà đương cục bất lực trong việc ngăn cấm và nhân viên công lực che chở nên sòng bạc kín (Địa hạ đồ trường) ở Đài Loan mười phần lộng hành, nơi nào cũng có, có khi đặt trong nhà dân, có khi đặt trong nhà hàng sang trọng, mà một số nhà cửa hư nát bỏ hoang lại càng là chỗ đám con bạc ưa thích. Loại trùm đứng đầu những sòng bạc này đều là nhân vật danh tiếng lẫy lừng, họ móc ngoặc với bên cảnh sát, nhà đương cục cảnh sát đối với họ cũng mắt nhắm mắt mở, không can thiệp tới, thậm chí còn thông đồng với các thế lực xã hội đen để ăn chia, tiền thu được gọi là tiền năm, tiền làm lệ. Vì các sòng bạc kín ở Đài Loan đủ trò hoa dạng cung cấp sự phục vụ có tính chất tổng hợp, ngoài cờ bạc ra còn có phim ảnh khiêu dâm, vì thế thanh niên Đài Loan coi sòng bạc là một nội dung cơ bản của hoạt động "ban đêm", để tiện cho họ trút bỏ tâm tình bất mãn, tiêu phí thời giờ và sức khỏe⁽⁵⁹⁾. Ngoài ra Đài Loan có rất nhiều phòng chơi game, hấp dẫn hàng ngàn hàng vạn thanh thiếu niên, loại phòng này chỉ riêng ở thành phố Đài Bắc đã có hơn một trăm chỗ, cũng thuộc loại sòng cờ bạc biến tướng. Nó đặt máy tính chơi

(58) *Quốc tế đồ báo đại đặc tả*, tr. 74

(59) *Dương Tử văn báo*, ngày 1. 1. 1993

game trong phòng kín, có người tính toán thì binh quân mỗi nơi có trên dưới 20 phòng, thu hút số người tới chơi rất đông.

Diễn hình nhất trong số sòng bạc kín là sòng bạc lưu động trên đường Địch Hóa.

Nó là loại sòng bạc chuyên nghiệp thường thay đổi địa điểm ở một dải đường Địch Hóa thành phố Đài Bắc, lúc bị bắt là ở số 2 hẻm 83 đường Địch Hóa. Sòng bạc này có người canh gác, có thiết bị điện tử quan sát, cửa nẻo tầng tầng lớp lớp, bên trong có màn hình theo dõi, thiết bị báo động điện tử. Hạng mục cờ bạc chủ yếu là đổ xúc xắc chơi tài xỉu. Khách chơi thắng được 1.000 đồng thì bên sòng lấy tiền hồ 40, lãi suất 4%. Trong vài hôm trước khi bị phát giác, phía sòng thu được tiền hồ 300.000.

Sòng bạc này đã bị phát giác từ rất sớm nhưng điều kỳ quái là sòng bạc vẫn "nhiều lần khám xét nhiều lần mở tiếp" như cũ. Đến tháng 8. 1992, Phòng Đốc sát Cục Cảnh sát Đài Bắc bắt được đầu mối quan trọng, lập tức phái nhân viên cảnh sát cải trang làm con bạc vào do thám, cuối cùng tra xét rõ địa điểm. Rồi đó vào lúc 3 giờ sáng, dùng thủ pháp sét đánh không kịp bưng tai, phá tung cửa sòng bạc, trổ nóc nhà xông vào, những nhân viên cảnh sát đã mai phục sẵn bên trong cũng trong ứng ngoài hợp, mau chóng khống chế được cục diện, bắt được một nửa số con bạc. Số tiền bạc thu được tại chỗ trên một triệu đồng, tiền hồ vài trăm ngàn, số khách chơi cả nam lẫn nữ bắt được là 54 người⁽⁶⁰⁾. Dù thấy sòng bạc kín này ăn thua rất lớn, khả năng che giấu và "bảo vệ" rất cao.

VIII. Sòng bạc ở Thành Đô

Thành đô là một đô thị trung tâm ở khu vực Tây Nam, phong khí cờ bạc thịnh vượng lâu đời, mà thịnh vượng

(60) Tân Dân văn báo, ngày 24. 8. 1992

nhất là lúc quân phiệt thống trị thời Dân quốc. Đường thời ba đạo quân cùng đóng ở Tứ Xuyên, trật tự xã hội vô cùng rối loạn. Cho dù Đại Tổng thống Dân quốc liên tiếp ra lệnh cấm cờ bạc, nhưng dưới sự liên kết của binh lính và giặc cướp, thì đó cũng chỉ là một tờ giấy trắng. Bất kể là quan chức địa chủ, anh chị lưu manh, cho tới thợ thuyền, phu xe, cho tới lưu manh kỹ nữ, đều ham thích cờ bạc không hề mệt mỏi. Trong sòng bạc đủ cả bài cầu, mạt chược, gieo xúc xắc, poker, khắp nơi đều có Minh đường tử, Tư oa tử.

1. Minh đường tử

Cái gọi là Minh đường tử tức sòng bạc công khai. Các Minh đường tử nổi tiếng có sòng bạc hẻm Bài Phường, do Đại đội trưởng Chu Doanh Châu dưới quyền Đại quân phiệt Lưu Văn Huy ở Tứ Xuyên mở ra, sòng bạc hẻm Sư Tử do Liên trưởng Lãnh Thiệu Khang của Chu Doanh Châu mở ra, sòng bạc cạnh Đặng Công quán trên đường Đường Khâm do Phó quan hầu cận của quân phiệt Đặng Tích Hầu là bọn Du Tái Dương, Vinh Xương Nghĩa, Cốc Nghị, Vương Tích Nho mở ra, sòng bạc hẻm Ba Ba, do Đoàn trưởng Trương Thiệu Tuyển của Sư trưởng Tăng Nam Phu dưới quyền quân phiệt Điền Tụng Nghiêu mở ra. Ngoài ra sòng bạc nhà Ngụy Kính Thúc ở Nam Nhai cầu Quế Vương cũng là một Minh đường tử. Đặc vụ Quốc dân đảng Trần Kiều Vân có hôm tới nhà Ngụy Kính Thúc chơi gái đánh bạc, ra cửa bị bắn chết, vụ này được coi là một vụ án đặc biệt lớn thời bấy giờ. Minh đường tử này có đặc điểm là: 1. Do binh lính vũ trang bảo vệ, ngay một số nhóm quân cảnh chấp pháp đối với sòng bạc này cũng đi vòng đường khác, vì sợ dẫn tới hiểu lầm, phát sinh xung đột, không dễ xuống đài. 2. Người vào chơi rất phức tạp, các nhân viên quân chính cao cấp, quan chức phú thương đều không đặt chân vào đó, khách chơi chủ yếu là thương nhân nhỏ, binh lính sĩ quan cấp thấp, viên chức, anh chị lưu manh, bọn

buôn thuốc phiện và kỹ nữ. Nhân viên trong sòng có tới vài trăm lui lui tới tới, tính lưu động rất cao. 3. Tiền hồ rất nặng, phải tới 5%. 4. Hạng mục cờ bạc chủ yếu là các trò cờ bạc truyền thống của Trung Quốc, như bài cầu, gieo xúc xắc, Thái bảo, Hồng bảo nhưng cũng có các trò chắn lẻ, poker.

2. Tư oa tử

Cái gọi là Tư oa tử là chỉ sòng bạc trong nhà riêng, có đủ tính chất tư nhân và sòng bạc lậu. Trong đó có nhà riêng của Đặng Quốc Chương ở đường Cổ Lâu Nam, nhà Đường Anh ở đầu hẻm Nam Cầu. Có khi đặt ở nhà riêng Ngô Khải Nho ở am Như Thị, Ngô từng giữ chức Cảnh sát sảnh trưởng Tứ Xuyên, đại diện của quân phiệt Viên Tổ Minh ở Tứ Xuyên, là nhân vật lừng lẫy một thời. Còn có nhà riêng của Viên Tùng Sinh Tham mưu trưởng của Lý Gia Ngọc (ở Hồng Miếu), có nhà riêng của Phùng Đốc Sinh Trưởng ban văn hóa báo chí ở Tứ Xuyên của Điền Tụng Nghiêu (ở ngô Miên Hoa). Ngoài ra như nhà riêng của Lưu Hồng Lục giám đốc trưởng Võ Bị ở hẻm Đại Hương, nhà riêng của Mạnh Lục Thư ký của quân phiệt Tứ Xuyên Đặng Tích Hầu, tất cả trên 50 chỗ. Các sòng bạc này đều do quân nhân mở ra, có nhân viên vũ trang bảo vệ, có chỗ dựa không hề sợ sệt, phía cảnh sát về cơ bản không có quyền can thiệp. Còn có một số Tư oa tử biến tướng như hiệu Đa Ích đường Hoa Hưng (do Vương Tự Ngũ mở), hiệu Đông Thăng đường Nam Tân (do Lưu Học Ưu mở), tiền trang Lợi Phong đường Xuân Hy (do Bành Nhuận Chi mở), tiền trang Khánh Xuyên đường Trung Tân. Các Tư oa tử này đều do các nhà buôn giàu có mở ra, có mối quan hệ chẳng chịt với quan lại, lại hối lộ cho cảnh sát nên cũng không ai hỏi tới.

Đặc điểm của Tư oa tử là vì người mở sòng có địa vị cao, tiền bạc nhiều, sòng bạc trang bị đầy đủ, vì thế người

tham dự phần lớn là nhân vật tai mắt loại quân phiệt, quan lại, phú thương. Và lại người tham dự cờ bạc cũng ít, mỗi nơi khoảng ba bốn mươi người, nhiều lắm là bốn năm mươi người. Nhưng ăn thua cực lớn, có một lần Lữ trưởng Đàm Tu Lâu dưới quyền Lưu Văn Huy tới tiền trang Lợi Phong chơi bài cầu, trong một đêm thua hơn 200.000 đồng. Số tiền ấy theo thời giá lúc bấy giờ thì đủ để trang bị súng ống cho hơn một lữ đoàn ⁽⁶¹⁾!

3. Sòng bạc Bài phiến

Là một loại sòng bạc mang hình thức du kích không cố định. Người chủ trì sòng bạc gọi là Phiến quan, có thể thay phiên đảm nhiệm. Người này phụ trách việc mời khách tới đánh bạc, duy trì "trật tự" trong sòng bạc và "bảo vệ" sòng, chiêu đãi khách chơi ăn uống, thu trả tiền và đòi nợ. Phần lớn Phiến quan là đầu mục của Kha Lão hội và quan quân cũ, như Hầu Thiệu Huyền, Hương Tài Minh ở Quảng Hán, Chung Hán Phương ở Bì huyện đều là người trong bang hội. Họ có thế lực rộng rãi, "pháp nhãn" thông thiên, móc ngoặc với các yếu nhân bên quân cảnh nên không cần đưa tiền "dần túi" cho quân cảnh, có thể theo lệ thường mở sòng họp bọn đánh bạc. Người tham gia đánh bạc là một số lưu manh thổ phỉ, địa chủ thương nhân, đám này lúc đánh bạc có thể ăn ngon, hút thuốc phiện hạng nhất, còn có kỹ nữ bồi tiếp. Vì thế loại sòng bạc này làm ăn đặc biệt thịnh vượng.

Sòng bạc Bài phiến cũng có mấy đặc điểm: Một là thường lưu động, thường chơi ở một nhà riêng khoảng một tháng, nhiều lắm là bốn năm mươi ngày thì ngừng. Hai là có thể không cần tiền mặt, được phép thiếu nợ. Khách chơi bị thua, hôm sau phải trả bốn phần, còn bao nhiêu có thể được thiếu. Từ đó trở đi hàng ngày bị thua đều có thể được thiếu

(61) *Cựu Trung Quốc dịch hắc xã hội*, tr. 220

sáu phần, nhưng thắng thì phải trả nợ, đến khi kết thúc sòng Bãi phiến thì phải thanh toán đủ. Nếu nhất thời không trả được thì có thể thiếu một thời gian, chờ cầm bán nhà cửa, ruộng đất để trả! Sòng bạc không sợ mắc nợ, bởi vì nếu có người lì ra không chịu trả, Phiến quan có thể phai một số anh em tới "vật lỏng" (ngầm thu thập), đám con bạc biết rõ quan hệ bên trong, không ai dám lì ra không chịu trả. Ba là lấy tiền hồ của cả đôi bên, bất kể bên thua bên thắng đều phải trả 5% tiền hồ. Bài poker thì theo "lăng" mà thu tiền hồ, cứ hai mươi "chuyến" là một "đại lăng", Phiến quan sẽ lấy tiền hồ mười mấy đồng, nếu tính một ngày có hai mươi "đại lăng" thì tất cả tiền hồ là trên 200 đồng. Tự nhiên số tiền này ngoài các chi phí chiêu đãi, trả lương, tiền thưởng, thuê xe, thì phần lớn rơi vào túi Phiến quan.

IX. Sòng bạc ở Vũ Hán

Wu Han là trọng trấn phía nam, là nơi thông đi chín tỉnh, từ khi tuyến đường sắt mở ra là điểm giao lưu giữa Kinh Quảng với Trường Giang, trước nay giao thông phát triển, kinh tế phồn vinh, cờ bạc thịnh hành. Năm 1858 chủ nghĩa tư bản nước ngoài mở mang ở đó; thiết lập tô giới, vì vậy các trò cờ bạc Trung Tây hòa hợp làm một, đan xen với nhau.

1. Trường đua ngựa

Trường đua ngựa ở Vũ Hán có nhiều nơi, trong đó "nổi tiếng" nhất là trường đua ngựa của Tây thương Trại mã hội. Trường đua này còn có tên là Lục quốc Dương thương Bảo mã trường của sáu nước Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Bỉ, đặt tại phía đông bắc Hán Khẩu (chỗ công viên Giải Phóng hiện nay), rộng 800 mẫu. Sau khi tô giới Anh thành lập ở Hán Khẩu năm 1861 không lâu, các thương nhân người Anh đo

đặc khu vực Sa Than bỏ hoang ngoài tô giới xây dựng trường đua, về sau Sa Than bị Nga chiếm làm tô giới, bèn dời trường đua ngựa tới chỗ hiện nay. Đồng sự Trại mã hội phần lớn là nhân viên trong Lành sự quán, chủ hăng buôn nước ngoài, Kinh lý ngân hàng và nhân viên cao cấp trong các ty Thuế vụ, Bưu vụ, Diệm vụ đặt ở Trung Quốc. "Họ thông qua việc bán vé vào cửa và vé đánh cá, vé xổ số" mà hàng năm thu vào mấy trăm ngàn đồng⁽⁶²⁾.

Ngoài ra, còn có Hoa thương Bào mã hội ở một dải đường Hàng Không, đường Vạn Tùng Viên hiện nay, Vạn quốc Bào mã trường tại một dải đường Gia Đôn, Cô Tẩu Thụ hiện nay.

2. Sòng bạc Hồng Phòng tử

Ở đường Long Lý trước đường Paris, do Chu Hán Khanh thủ lĩnh Hồng bang mở ra. Y câu kết với Bí thư kiêm Phiên dịch Ủy Xích Cự Khanh ở Phòng Tuần bố trong tô giới Pháp, mở ra ổ bạc cao cấp lấy danh nghĩa "Câu lạc bộ". Quy định vào sòng bạc này rất chặt chẽ, phải mua vé vào cửa 5 đồng mới được vào, nếu không thì đều bị nhất luật chặn lại ngoài cửa. Trang bị trong sòng bạc khá đầy đủ, có đủ các trò đánh bạc để khách chơi tùy ý lựa chọn. "Sòng bạc còn bao việc ăn uống, hút thuốc phiện, bao cả việc chơi gái, tập đại thành đủ các tệ nạn rượu chè cờ bạc đi diếm". Vì sòng bạc sử dụng các thủ đoạn mời gọi khách khứa nên một số khách chơi có tiền đua nhau tìm tới, "mỗi ngày số vé vào cửa trên dưới 500, riêng tiền vé đã là 2.500 đồng. Tiền hồ từ 3.000 đồng trở lên, do sòng bạc và Phòng Tuần bố trong tô giới Pháp ăn chia theo tỷ lệ bốn sáu"⁽⁶³⁾. Sòng bạc này đã là vực

(62) (63) Viện Kế Thành, *Cận đại Trung Quốc tô giới sử cảo* (Bản thảo lịch sử tô giới ở Trung Quốc thời cận đại), Trung Quốc tài chính kinh tế xuất bản xã, 1988, tr. 216, 217

đen đầu độc tinh thần mọi người, mà còn là nơi chủ nghĩa tư bản nước ngoài rút rĩa tiền bạc của người Trung Quốc.

X. Sòng bạc Hội cục vùng Đông bắc

Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, việc cờ bạc ở một dải vùng Đông bắc chỉ mở ra vào dịp tết nhất để giải trí. Về sau phát triển thành "bất kể có lễ tết hay không, bất kể lúc mùa màng bận rộn, cũng mở sòng đánh bạc"⁽⁶⁴⁾. Lúc đầu có Hạn cục có địa điểm cố định, về sau mới có loại Hội cục lưu động. Sau cùng Hội cục phát triển mau hơn Hạn cục, trở thành hình thức cờ bạc chủ yếu ở vùng Đông bắc.

Hội cục không có địa điểm cố định, thường di chuyển. Lại vì sợ bị cảnh sát, quân đội bắt bớ hoặc bị thổ phỉ vào "cướp bạc", nên người đứng đầu đều là người giữ quỹ. Như ở một dải ngòi Diên Sư Phó huyện Bản Khê có Hội cục rất lớn, người tham gia chủ yếu là trùm buôn lậu, tiên sinh thủ quỹ, thương nhân, cảnh sát trưởng, Tự vệ đoàn trưởng ngụy quân. Dưới quyền họ còn có đám "người làm" Quan sát (Chiếu chú), Giúp việc (Bang đình), Liên lạc (Bão phong), Canh gác (Tuần phòng).

Người tham gia đánh bạc ở Hội cục rất đông, chỗ nào thiết lập Hội cục thì trong vòng tám chín dặm vuông bất kể kẻ già trai gái đều tới đánh bạc, mỗi ngày mấy trăm người, nhiều thì hàng ngàn người, ăn thua có khi vài trăm vài ngàn đồng. Cho nên một sớm thiết lập Hội cục thì khu vực ấy lập tức trở nên náo nhiệt, có người buôn bán trước cổng, có người bán bánh nướng rong, kẹo vùng, thịt dê nướng, trứng gà, trong Hội cục thì ở phòng trên đặt ra Đại tiên đường thờ cúng "Hỗ tiên" (Hỗ ly), treo rèm vải đỏ, đưa bánh màn thầu, quả lê lên cúng, vào những ngày mồng một và ngày rằm thì

(64) *Trung Quốc địa phương chí dân tục tư liệu hồi biên*, Đông Bắc quyển, tr. 245

cúng heo quay, dê quay nguyên con, đầy về thần bí.

Hạng mục cờ bạc chủ yếu là đánh đề. "Đề" có 37 cửa, có tên là Âm hội, Thiên long, Long giang, Thái bình, Cự phẩm, Thượng chiêu, Chí cao, Bản cự, Vạn kim, Thanh vân, Khôn sơn, Mậu lâm, Hữu lợi, Tinh lực, Cửu cung, Minh châu, Quang minh, Nguyên quế, Phước tôn, An sĩ, Nguyên cát, Hà hải, Hỏa quan, Tam hoà, Hồng xuân, Hợp đồng, Tảo vân, Chiến khô, Cấn ngọc, Thanh nguyên, Chi đắc, Tất đức, Thiên thân, Sầu bảo, Bát tiên, Vĩnh sinh, Chính thuận. Theo lời kể thì các tên gọi ấy đều có ý nghĩa riêng, như Âm hội chỉ Bồ Tát, Thiên long chỉ Long vương vân vân. Thời nguy Mãn, để thu hút thêm nhiều thường dân cờ bạc, có nơi còn thêm 3 cửa Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhân hoàng, tổng cộng 40 cửa.

Ngoài những sòng lớn còn có một loại sòng nhỏ, chủ yếu chơi bài cầu, Áp bảo, gieo xúc xắc. Các sòng này dưới sự che chở của sòng lớn tiến hành hoạt động cờ bạc, vì thế sòng nhỏ thường trích tiền hồ của nhân dân cống nạp cho sòng lớn.

Hội cục là một loại cờ bạc bịp. Vì trong 37 cửa có 7 cửa không có thưởng, đặt một thắng 30 chữ không phải 37 lần, tức có 7 cửa bị phía sòng bạc ăn trắng. Vả lại đặt trúng cửa mới được một ăn 30, nếu đặt cửa bên cạnh thì chỉ được một ăn 10, nếu đặt trúng cửa Phối môn thì chỉ lấy vốn. Đồng thời bất kể thắng hay thua cũng đều phải trích lại 10% tiền hồ, như vậy chủ sòng bạc ăn được tiền cả hai đầu. Lại thêm họ còn động thủ cước vào việc ra cửa trúng. Mỗi khi ra đề, chủ sòng sẽ đập đầu trước bàn thờ Hồ tiên, rút ra tên ba cửa, đám Giúp việc sẽ ra ngoài cao giọng gọi lớn, quan sát tình hình, nếu cửa nào có nhiều người lộ vẻ mừng rỡ thì sẽ đổi thành cửa khác mà chọn ba cửa ít người trúng nhất để mở, nên người mắc lừa rất nhiều⁽⁶⁵⁾. Vì mười người đánh chín

(65) *Liêu Ninh văn sử tư liệu*, Liêu Ninh nhân dân xuất bản xã, 1984, tập 9, tr. 117

người thua, có kẻ cầm bán hết đồ vật trong nhà, nên chuyện người thua bạc treo cổ tự tử cũng thường xảy ra.

Để trúng số đề, một số người tìm đáp án trong hoạt động mê tín, có người "xin đại thần" có người xin người ta "đoán giúp", có người tới nơi núi sâu hang vắng để "rút thẻ" vân vân, hy vọng có thể được thần thánh chỉ dẫn. Nhưng kẻ đánh đề vẫn không đúng, tự mình mắc câu, còn cho rằng vì không hết lòng thành kính với thần thánh, đúng là ngu xuẩn cực điểm.

XI. Những điều mê tín và kiêng kỵ trong sòng bạc

Việc bố trí, quản lý trong sòng bạc ở Trung Quốc có đầy đủ tính chất phong kiến, vì thế nên tồn tại không ít sự mê tín và kiêng kỵ.

Việc kiêng kỵ trong cờ bạc ở Trung Quốc, ở một số địa phương có lệ "đánh bài ăn tiền, không cho người ngoài chạm vào vai vào lưng, nếu không nhất định thua"⁽⁶⁶⁾. Cũng có địa phương lúc trong sòng không thích "13 điểm" vì bài cầu thì "13 điểm" là do hai lá Yêu ngũ, Yêu lục tạo thành, mà điểm của hai lá bài ấy rất nhỏ, rất có khả năng thua. Về sau đất Ngô dùng chữ "13 điểm" làm câu chửi người, ý tứ là đồ ngu xuẩn, mắc bệnh thần kinh, rất có thể là xuất phát từ đó. Cũng không cho nói chữ "mười", vì mười điểm là nhỏ nhất trong bài cầu, như đánh bài mà được điểm "Miệt thập" thì nhất định cầm chắc phần thua. Đến nay ở một dải Nam Kinh trong tiếng chửi người làm việc không chính đáng, hàm hồ thì gọi là "Nhị bản ngũ" (cũng gọi là "Nhị bách ngũ") chính như được lá "Nhị bản" (4 điểm) và lá "Yêu ngũ" (gọi tắt là "ngũ", 6 điểm), hai lá này phối hợp lại với nhau thành 10

(66) *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí*, thiên hạ, quyển 6, *Hồ Nam mê tín chi phong tục*.

điểm. Đủ thấy trong sông bài cầu rất kiêng kỵ số 10. Ở vùng Chiết Giang tương truyền đám con bạc không được nhìn thấy ni cô, nếu không thì sẽ "ra quân bất lợi".

Hoạt động mê tín trong sông bạc cũng không ít. Trong Hội cùc đẩy màu sắc mê tín, đặc biệt là lúc ra đề phải "thấp hương giờ cao, đám chủ sông đều quỳ xuống, cầu thần thánh phù hộ"⁽⁶⁷⁾.

Cho dù một số sông bạc cận đại hóa để kiếm tiền cũng phải xin quỷ thần phù hộ. Sông 181 ở Thượng Hải có lúc thua lỗ mất tiền thì cho rằng vì quỷ thần quấy rối hoặc Thần Tài không chịu giúp đỡ nên phải cử hành điển lễ cúng tế. Lúc mở đàn tế, các nhân viên trong sông bạc đều phải xếp hàng hướng về tượng Thần Tài "thấp hương giờ cao, khấu đầu khẩn thỉnh, sau đó cho đạo sĩ vào lạy, lại giết 49 con gà để các đạo sĩ rưới máu khắp bốn phía chung quanh sông bạc"⁽⁶⁸⁾. Thậm chí còn bắt các thiếu nữ trẻ tuổi lác xắc khóa thân chạy quanh phía trong sông bạc, để xua đuổi cái gọi là "ma quỷ", sau đó vì bị tất cả cô gái phản đối, nên mới bỏ.

Ở bạc ở Thiên Tân để quỷ thần phù hộ, đặc biệt thiết lập gian thờ thần trong phòng kín, hai bên dán giấy viết chữ "giết, giết, giết" (sát, sát, sát), mỗi khi đến ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng thì phải do chủ sông đích thân cúng tế. Các nhà đổ xúc xắc ngoài ngày rằm và ngày mồng một còn phải chọn ngày lành tháng tốt khác tiến hành cùng tế. "Lúc cúng tế ngoài việc thấp hương đốt pháo, dâng thức cúng, còn phải giết một con gà trống lớn để tế, trước bàn thờ thần còn phải treo một tờ giấy đỏ viết chữ Giết cả ba phương (Đại sát tam phương)"⁽⁶⁹⁾. Rốt lại họ thờ cúng những thần trâu

(67) *Liêu Ninh văn sử tư liệu*, Liêu Ninh nhân dân xuất bản xã, 1984, tập 9, tr. 117

(68) *Cựu Thượng Hải đích yện đồ xướng*, tr. 138

(69) *Cựu Trung Quốc đích hắc xã hội*, tr. 238 - 239

thần rắn gì gì thì người ngoài không sao biết được. Còn như "Giết cả ba phương" thì có người đoán ý nghĩa là "sòng bạc thắng cả ba phía".

Cờ bạc và mê tín vốn không thể tách rời nhau. Cờ bạc là dựa vào sự may mắn mà thủ thắng, giống như có thần phù hộ, cho nên bất kể chủ sòng hay con bạc đều hy vọng có thần giúp đỡ mà ăn tiền, đó là nguồn gốc của sự mê tín trong bọn con bạc. Đồng thời có một số chủ sòng còn cố ý bịa đặt những chuyện thần thánh giúp đỡ mà được bạc. Như Hoa hội ở Thượng Hải có in một loại sách gọi là *Tri phú toàn thư*, "có phần dạy đánh đề, lại thêm phụ lục Đoán mộng"⁽⁷⁰⁾. Dạy người ta dựa vào giấc mộng thế nào, đánh số nào, đó toàn là chuyện gian dối lừa người, đó là một lý do dẫn tới sự tồn tại của mê tín trong việc cờ bạc.

Sòng bạc ở Trung Quốc thời cận đại rõ ràng mang dấu ấn của xã hội phong kiến nửa thuộc địa. Trong một số sòng bạc lớn ở các thành thị lớn, quyền hành đều bị chủ hãng buôn nước ngoài, đám thực dân, mại biện, quân phiệt, bang hội khống chế. Trong nội địa và các khu vực biên giới cũng do một số cường hào ác bá, lưu manh địa chủ, hương thân bản địa khống chế. Trong nội bộ sòng bạc thì hành rất nhiều biện pháp quản lý kiểu phong kiến, quan hệ giữa người làm thuê và chủ sòng phần lớn là thân thích, thầy trò, chủ tớ, tồn tại quan hệ bán mình và họ hàng rất đậm đặc. Về việc đối ngoại của sòng bạc thì phần lớn là móc ngoặc với quân đội canh sát địa phương, biến việc "cấm cờ bạc" trở thành lời nói suông. Về hạng mục cờ bạc thì kết hợp các hình thức bản địa và nước ngoài, đã có các trò đua ngựa, đua chó, Hổ lực cầu, poker, quay số du nhập từ phương Tây, mà cũng có mặt

(70) *Cựu Thượng Hải dịch yên đồ xướng*, tr. 200

chược, bài cầu, Áp bảo, đồ xúc xác kiểu truyền thống. Đương nhiên, sự phân bố của các loại cờ bạc ấy không đồng đều. Các hình thức cờ bạc phương Tây rất phổ biến ở vùng duyên hải Đông nam, nhất là trong sòng bạc ở các thành thị có tô giới. Mà ảnh hưởng của loại "cờ bạc phương Tây" này là lan truyền từ đông qua tây, từ thành thị tới nông thôn, có xu thế yếu dần. Ở một số thành thị nhỏ và nông thôn rộng lớn trong nội địa, chủ yếu vẫn là các hình thức cờ bạc truyền thống. Sau cùng bất kể là sòng bạc lớn nhỏ, thậm chí cả một số sòng bạc phương Tây hiện đại hóa cũng đều tồn tại một số hình thức kiêng kỵ và mê tín. Những điều nói trên đều cho thấy rõ là các sòng bạc ở Trung Quốc thời cận đại mang rõ tính chất phong kiến.

Các sòng bạc ở Trung Quốc hiện nay, ngoài một số sòng bạc lớn công khai ở một dải Hương Cảng Áo Môn, phần lớn đều là sòng bạc ngầm mang tính chất lưu động, ẩn núp phía sau một số khách sạn, quán trà, trung tâm hoạt động văn hóa, mà nhiều nhất là trong các khu dân cư. "Chủ sòng" mở sòng bạc đều không ra mặt, chỉ thu tiền hồ, họ phải phụ trách việc cung ứng trà nước, ăn tối (đây đều là chi phí khác, nhưng giá cả rất đắt), cách thu tiền hồ có hai loại "một là sau khi kết thúc, ai thắng phải trả tiền hồ, mức thu tùy đôi bên bàn định. Một cách khác là chơi một sòng thì thu 10% số tiền mọi người bỏ ra"⁽⁷¹⁾. Và lại còn xuất hiện loại người "Tổng điều hành sòng bạc" thông thạo về các sòng bạc, một số con bạc không tới sòng bạc vẫn có thể tìm tới "Tổng điều hành" để giải quyết. Có một số "chủ sòng" mở sòng bạc giàu phát lên. Ở đường Bi Thị Tô Châu có nhà nọ nghèo khổ, sau khi mở sòng bạc trong nhà lại nhanh chóng hiện đại hóa toàn bộ đồ dùng, đồ điện trong nhà. Các sòng bạc này không dễ phát hiện, và lại họ còn nhân việc "mạo hiểm mở sòng" mà thu tiền hồ rất nặng.

(71) Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại, tr. 102

Chương 5

Thuật lừa đảo trong lịch sử cờ bạc

Trong xã hội cũ "mười lần cờ bạc chín lần lừa đảo", đó là sự thật mà mọi người đều biết. Một số con bạc lưu manh đánh đầu thắng đó, không ai chống nổi, hoàn toàn không phải là thần toán, càng không phải là khí vận may mắn gì, mà là đều có "mưu kế kỳ lạ" để lường gạt người khác. Họ hoặc thông đồng với nhau cùng qua mặt, hoặc giở trò trong dụng cụ cờ bạc, hoặc động thủ cước lúc đánh bạc, thông qua những thủ đoạn không chính đáng lừa người lấy tiền.

Từ thời Tống đã có một số Cự phường "lấy trò cờ bạc chụp giật, hợp bọn dùng thủ đoạn lừa tiền"⁽¹⁾, là nói bọn cờ bạc bịp liên thủ với nhau tráo bài ăn tiền. Trong niên hiệu Vạn Lịch thời Minh, Trương Ứng Du ở Chiết Giang viết quyển *Đỉnh khắc giang hồ lịch lãm đồ biển tân thư*, trong sách có 24 loại, 82 truyện về Thoát lậu biển, Bãi bao biển, Hoán ngân biển, Tác hồng biển, Ngụy giao biển, Nha hàng biển, Dẫn đồ biển, Lộ tài biển, Thi tử biển, Gian tình biển, Luyện đan biển, Pháp thuật biển, Dẫn tiêu biển, trong đó Dẫn đồ biển, Ngụy giao biển có liên quan tới cờ bạc. Thời Thanh có "Sư phụ bài cầu" (Bài cầu Sư phó) chuyên dùng cờ bạc lừa người, họ cải trang thành đại thương nhân, "thấy người trẻ tuổi có thể lừa được là dụ dỗ đánh bạc, thâm đậm suốt sáng". Mà đám sư phụ này tựa hồ vô cùng tinh thông

(1) *Vũ lâm cự sự*, quyển 6, *Du thủ*.

thuật đánh bài, "hô lô được lô, hô trĩ được trĩ", lừa gạt "thắng" được tiền của người ta bỏ đi. Lúc đám người giàu có trẻ tuổi kia "thua tới vài ngàn hoặc vài trăm đồng vàng thì ép buộc dọa dẫm, trở mặt như không quen biết, cốt khiến họ phải hứa trả hết mới thôi"⁽²⁾. Cuối thời Thanh, trong sông bạc ở Áo Môn cũng có rất nhiều kẻ lường gạt. Lúc bấy giờ Ông Tinh Vệ đầu tiên là hội viên Đồng minh hội sau thoái hóa thành Hán gian, vì mưu sát Nhiếp chính vương Đới Phong của nhà Thanh không thành công bị bắt giam, bọn Hồ Hán Dân, Trần Bích Quân tới Áo Môn đánh bạc một phen, mong phát tài để cứu Ông ra khỏi ngục. Nào ngờ sông bạc bày kế lường gạt, kết quả hàng trăm đồng vàng của bọn Hồ Hán Dân mất sạch trong nháy mắt. Việc cờ bạc bịp lừa người thời Dân quốc lại càng kể không hết chép không xiết. Trong đó có mấy vụ cờ bạc bịp lớn nhất là Tào Vạn Thuận Quân trưởng Phúc Kiến đã mất chức ngục cư ở Thiên Tân bị bọn cờ bạc bịp lừa mất 50.000 đồng, bọn Lưu Thoại Khanh bày kế cờ bạc bịp lừa lấy 500.000 đồng của Sảnh trưởng sảnh Tài chính tỉnh An Huy, còn có vụ nhà giàu Phan Mỗ bị lừa.

Tóm lại trong cờ bạc thì bọn lường gạt không ít, trò bịp bợm rất nhiều. Trong số này thì bọn cờ bạc bịp trên thuyền gọi là Đua đáy (Bảo đế tử), trong khách sạn gọi là Người ở phố (Phố đài tử). Kẻ không phải đồng bọn mà tìm được Thăng chết toi (Ôn sinh) (chỉ kẻ bị lừa) gọi là Heo lạc (Thiên tru), Heo lạc có thể tham gia "chia lợi nhuận" với bọn lừa đảo, kẻ giả thua bạc chung tiền gọi là Thấy thuốc (Lạng trung), đứng cạnh hò hét, giúp đỡ đầu đảng hành động gọi là Ném đá (Đầu tử) (những tên gọi đặc biệt này rất nhiều, sẽ giới thiệu ở phần sau). Về thủ pháp thì có Xúc xác rút chì (Quán thiết cốt tử), Tráo bài (Phiên hỷ), Cởi giày (Đào thoát hải), rất nhiều cách thức.

(2) Hoàng Thúc Quyền, *Tùng Nam mộng ảnh lục*.

I. Muốn bắt nên tha

Cờ bạc bịp có một đặc điểm chung, đó là tất cả bọn cờ bạc bịp trong quá trình lường gạt đều muốn thắng thì trước tiên chịu thua, lúc đầu cho người bị lường gạt được sung sướng, dụ anh mắc câu, sau khi mắc câu mới thắng anh thật lớn một trận, đến khi anh nổi nóng, mất hết lý trí, liều mạng tố lớn thêm lên thì càng lún càng sâu, sau cùng thua sạch. Lối lường gạt trước thua nhỏ sau thắng lớn này, tục gọi là Thả gà (Phóng kê tử). Dưới đây nêu vài ví dụ.

Thời Minh ở Phúc Kiến có thương nhân buôn giấy Từ Hoa Thắng, trên đường lên kinh mua giấy quen với thương nhân buôn giấy Trương Ngạc người cùng huyện. Trương Ngạc vì cờ bạc phá sản, dốc lòng muốn gỡ vốn, thấy Từ Hoa Thắng mang theo nhiều tiền, trong túi rủng rỉnh, lại biết Từ thích đánh bạc, bèn nảy ra một kế. Trương Ngạc cố ý lúc tối nghỉ lại quán trọ đánh cờ với Từ, đánh cá bằng những đồ vật nhỏ như trái cây, Trương Ngạc rõ ràng đánh cờ rất cao nhưng có ý dễ thua nhiều lần. Đến lúc nhất định, Trương đề nghị đặt cược bằng tiền, Từ cho rằng mình "cao cờ" bèn vui vẻ ưng thuận đặt 2 lượng bạc một ván, nào ngờ "không bao lâu, thua liên tiếp mấy ván". Lúc bấy giờ Từ "lửa giận bốc lên, nói muốn đánh một ván 10 lượng", trong đám ngồi xem bên cạnh có một số người lão thành khuyên Từ đừng đánh ăn tiền, nhưng có một số người trẻ tuổi lại hết sức xúi giục, "Hoa Thắng càng hăm hở, lại đặt mỗi ván 10 lượng", kết quả là "không bao lâu, thua tất cả mấy mươi lượng"⁽³⁾. Đây là một ví dụ điển hình về việc muốn bắt nên tha.

Thời Thanh một số con bạc bịp cũng thường dùng thủ đoạn này. *Thanh bị loại sao* có nói về trò lừa bịp trong bàn mạt chược "Kẻ mở sòng bạc, bày kế dụ người ta đánh bạc, ở kinh sư, Thiên Tân đều có, Thượng Hải là nhiều nhất. Bọn

(3) *Giang hồ đồ biển tân thư, Dẫn đồ biển.*

ấy lấy đó làm sinh kế, cơm áo trọn năm đều dựa vào đó". Họ "thấy có Bô Kho (Thương phụ - chỉ người có tiền mà ngu xuẩn) nào từ nơi khác tới có nhiều tiền, bèn họp lại dụ dỗ, lấy mồi mà nhử. Mồi là những gì? Là đi chơi gái, ăn tiệc, xem kịch, dạo mát, cốt để lấy lòng, để được thưởng ở bên cạnh. Đến khi đã quen thì ép cùng đánh bạc, ắt ba người lưỡng gạc Bô Kho. Mà thuật cờ bạc bịp rất nhiều, trò cờ bạc lại lắm, cứ tùy người mà giở trò. Lúc mới vào đánh ắt để Bô Kho thắng, ba người kia đều rút tiền mặt trả ngay trên chiếu bạc. Được ba bốn lần thì Bô Kho có thắng có thua, nếu thắng thì ba người trả tiền, không để có chút nghi ngờ. Về sau thì ba người giở cách sư tử bắt thỏ dùng hết sức bao vây lột tiền Bô Kho, Bô Kho ắt đại bại, số tiền ắt quá lớn, tiền mặt không đủ, có khi viết giấy nợ ngay trên chiếu bạc, có khi về nhà trọ tìm tiền bạc, nếu tìm được ắt sẽ đi theo làm bạn với số tiền trước"⁽⁴⁾. Cuối thời Thanh, Vương Thọ Khanh người Thiệu Hưng tới đất Hộ buôn bán, bị bọn cờ bạc bịp lưỡng gạc, không đầy ba tháng, số tiền vốn hơn 3.800 đồng bạc y mang theo "bỗng không hết sạch".

Lại như trong trò Ngưu bảo cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, lúc người đặt chưa nhiều, bèn gọi người đặt trước. "Đặt mấy lần đều trúng, dẫn dụ người khác đặt tiền. Đến khi người đặt đã nhiều, số tiền đặt đã lớn, nhiều người trúng rồi", thì lúc mở hộp xúc xắc, dùng đầu ngón tay út mau lẹ gảy một cái, "đầu cá đổi hướng, đúng là nhẹ nhàng ăn hết tiền đặt bạc"⁽⁵⁾.

Thủ pháp này đến nay vẫn có không ít bọn cờ bạc bịp sử dụng. Như có người gọi là Yêu Lão ngưu, vào ngày 30 tết tới nhà bạn cờ bạc là Lão Chung đánh bạc, lúc đầu liên tiếp đắc thủ, "những người đánh bạc giỏi đều trọn mắt nhìn y thắng liên tiếp", muốn lá bài nào thì có lá ấy, đánh rất hời hợt mau

(4) Thanh bị loại sao, Đổ bác loại.

(5) Cựu Trung Quốc dịch hắc xã hội, tr. 218

lẻ, mau chóng thắng hơn 5.000 đồng, đồng sao phiếu bên cạnh cứ cao dần. Nào ngờ ra nghỉ một lúc, vào đối chỗ xong, lại liên tiếp thua, nguyên là đối thủ của y đã động thủ cước với nhau. Sau cùng không những thua sạch toàn bộ tiền thắng được, mà còn thua hết hơn 8.000 đồng của mình mang theo. Lúc ấy y lại gọi anh em của Lão Chung lấy xe máy đưa mình về nhà, lại lấy 16.000 đồng tới đánh, kết quả cũng một đi không trở lại. Y chỉ đành nặng nhọc lê bước, chậm rãi từ nhà Lão Chung bước ra mất hút trong buổi sáng năm mới⁽⁶⁾.

Bọn cờ bạc bịp giữ trò, lúc đầu thì để anh thắng, mục đích là khiến anh có cảm giác "hứng thú" với cờ bạc, nhen nhóm ngọn lửa ham muốn đã thắng lại muốn thắng thêm trong lòng anh, để tiện sau cùng phối hợp dùng các thủ đoạn khác lừa lấy tiền của anh. Đồng thời lại vì lúc mới bắt đầu mọi người đánh bài rất cẩn thận, đại não hưng phấn bình tĩnh, trạng thái tinh thần rất tốt, đánh bài cũng rất cẩn thận, không dễ sử dụng chiêu số. Cho nên bọn cờ bạc bịp giảo hoạt, lúc bắt đầu vào sòng đều nhường anh thắng, khiến anh mất cảnh giác.

II. Thông lưng cò mối

Đây là một từ trong phương ngữ Thượng Hải, chỉ việc hai người hoặc nhiều người ngấm ngấm thông đồng với nhau đối phó với một hai người đánh bạc còn lại. Thủ pháp hợp bọn lừa đảo này đã thấy xuất hiện từ thời Tống. Bọn cờ bạc bịp hợp bọn lừa người có rất nhiều tên gọi.

1. Hợp bọn lừa đảo trong sòng mạt chược

Thứ nhất là Nặng kiệu (Đài kiệu), cũng gọi là Cưa vén (Cư bản). Trong bốn người ngồi cùng sòng có hai người thông

(6) Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại, tr. 56 - 60

đồng với nhau, cần lá bài nào của đối phương có thể ngấm ra hiệu, như thế gọi là Vạch lệnh (Hoát lệnh tử). Lệnh tử lại chia làm hai loại là Khẩu lệnh và Thủ lệnh. Khẩu lệnh có thể dùng cách ho hắng, ngáp để tỏ ý, hoặc lúc đánh bài thì nói những tiếng "đánh, tát, vỗ, mò" để phân biệt "đồng tây nam bắc", lấy "thuận, thấp, ổn" thay "trung, phát, bạch", lấy "đỉnh" thay "một, bốn, bảy", "tử" thay "hai, năm, tám", "ăn" thay "ba, sáu, chín". Cũng có khi "gọi một là Đỉnh, hai là Tử, ba là Ăn, bốn là Ra bài, năm là Giết, sáu là Thành công, bảy là Một sắc đen, tám là Mài bài, chín là Cao bài", trở thành tiếng lóng về con số⁽⁷⁾, lấy "đẳng, hòa, thỉnh" thay "đồng, sách, vạ", thông qua những "chữ" ấy nói ra mình cần quân bài nào. Thủ lệnh có thể chia làm hai loại. Một loại là dùng động tác biểu thị như tay trái biểu thị các quân hồ, đồng, điều, vạ, tay phải biểu thị số. Bàn tay trái tự nhiên rút về là tỏ ý cần quân đồng, tay trái tự nhiên buông ra là tỏ ý cần quân điều, tay trái giơ cao rời khỏi mặt bàn là tỏ ý cần quân vạ. Cần quân màu đỏ, có thể dùng hai tay vuốt mũi như thế nào đó, muốn quân bạch bản, có thể sờ dưới cằm, lại thêm ngón tay của bàn tay phải hoạt động biểu thị chữ số. Hai tay cứ thế kết hợp, đối phương cần quân bài nào có thể nhìn qua là hiểu. Lại một loại dùng động tác của tay mà chỉ cần cảm điều thuốc hoặc vật khác đặt lên những chỗ khác nhau, là có thể ra hiệu ngấm rất rõ ràng.

Trong việc Nâng kiệu, hai tên cờ bạc bịp bày kế đều không ngồi sát nhau, vì như thế tuy có thể trực tiếp đưa bài tốt cho tay dưới, nhưng số lần rất nhiều, có thể khiến người ta nghi ngờ, nên họ đều ngồi đối diện nhau. Ngồi đối diện thì một người có thể căn cứ vào nhu cầu của đối phương mà đánh bài ra, để đối phương yên tâm ù, lại có thể liếc bài tay dưới mình, căn cứ vào việc cần bỏ hay ăn để cản trở đường thắng của tay dưới. Vì mấy chữ dùng trong lối Nâng kiệu và Vạch

(7) *Trung Quốc dân gian bí mật ngữ*, tr. 263

lệnh rất thường dùng nên hiện trong đời sống quen dùng Nâng kiệu để chỉ việc tăng bốc người khác, Vạch lệnh chỉ việc ngấm ngấm truyền tin.

Thứ hai là Ba chọi một (Tam xao nhất). Đó là ba người thông đồng tấn công một người. Cũng như Nâng kiệu, nhưng việc che mắt còn dễ hơn. Năm xưa trùm lưu manh Đỗ Nguyệt Sinh đã dùng cách "thông lưng" mà "vớ được nhiều tiền". Kể quen câu kết với y có Phạm Thiệu Tăng là quân phiệt Tứ Xuyên, sau làm việc ở Thượng Hải, con đại thương nhân buôn muối là bọn Chu Như Sơn, những người này đều có "thủ nghệ" cao minh. Vì vậy Đỗ Nguyệt Sinh mười lần đánh bạc chín lần thắng. Đương thời người thua nhiều nhất là Đồng sự trưởng Ngân hàng Tứ Minh Ngô Khải Đĩnh, trước sau thua ở nhà họ Đỗ hơn 90.000 USD⁽⁸⁾.

Lại theo *Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại* ghi chép, hiện nay có bọn chọi mặt chược là Vương Bảo Sơn, thường dùng cách Ba chọi một để lường gạt người khác. Họ gặp Thăng chết dịch rồi, mấy người làm như không quen nhau, giống như ngẫu nhiên cùng ngồi vào đánh bạc. "Lúc bắt đầu trước tiên đều nhường cho đối thủ thắng được một số, họ còn giả vờ tranh cãi với nhau, đến khi đối thủ cao hứng, tố lớn thêm lên mới ngấm ngấm thông đồng với nhau, nhấc tay một cái quét sạch. Cách này gọi là Đờ khỉ lên cây (Phù hầu thượng thụ)". Lúc gặp phải cao thủ trong chuyện cờ bạc, nhìn thấy đã sắp thua, bọn họ càng khéo léo dùng ám hiệu đã hẹn trước với nhau, chia nhau giở trò cùng dồn người ta xuống hố. Đương nhiên cũng có lúc bị người ta phát hiện, thì không ít lần xô xát đánh nhau, gây ra một trường ác chiến, tới mức người ngã bàn đổ, không sao thu xếp.

(8) *Bang hội kỳ quan*, Trung Quốc văn sử xuất bản xã, 1989, tr. 264

2. Thông lũng trong trò Đua ngựa

Trong những trò Đua ngựa, Đua chó và sòng roulette cũng đều có thể thông đồng lũng gạt. Cách thức bịp bợm trong trò Mã trại có:

Giấu ngựa. Nếu có con ngựa nào chạy nhanh, nhất định sẽ thắng, thì họ sẽ cho con ngựa ấy tạm thời thua vài lần nên không ai muốn đặt cược vào con ngựa ấy. Đến lúc họ sẽ cho con ngựa ấy hăng hái vọt lên, một lần về đích trước, tiền thưởng sẽ về tay chủ ngựa và ông bầu ngựa.

Lén nhường ngựa. Đây là chủ mấy con ngựa cùng nài ngựa ước hẹn trước với nhau, để con ngựa nào về trước, con nào về sau sẽ được chia đều tiền thưởng. Cũng có khi cố ý, một con ngựa vốn chạy rất nhanh, lại cố ý cho nó đứt cương, đợi con ngựa khác vượt qua một đoạn rồi mới tiếp tục đuổi theo. Như thế thì con ngựa ấy dù có cố sức cũng không vượt lên được.

Thời trước việc thông đồng lừa bịp trong sòng roulette cũng thường nảy sinh, như sau khi mọi người đặt tiền, phát hiện cửa nào quá nhiều người đặt, chủ sòng sẽ ngấm ngấm điều khiển, để quả cầu dừng lại ở cửa ít người đặt, mà trước đó đã móc ngoặc với người khách đặt vào cửa ít người đặt. Như thế khiến những người đặt vào cửa nhiều người đặt mừng hụt, mà họ còn phát tài lớn.

Những trò khác như đua chó thì phương pháp thông đồng để bịp bợm đại khái cũng tương tự như trên.

3. Kỹ thuật lật xúc xắc "lão luyện"

Trong những trò cờ bạc gieo xúc xắc, chủ sòng, nhà cái và "người đứng xem" phần lớn kết thành một bọn cờ bạc bịp (Lão tế). Thủ pháp hợp bọn lũng gạt có:

Lạc tụ. Tức đặc biệt chế ra một loại xúc xắc có thể

tách làm hai trộn vào mớ xúc xắc. Lúc chơi, gieo bốn hạt xúc xắc một cái, gieo đến lúc chót, nhìn thấy số điểm xúc xắc còn thừa đúng vào chỗ đặt tiền nhiều nhất, chủ sòng sắp thua, "trợ thủ" của nhà cái, tức gã Cò mời giả làm khách chơi đứng ngoài sẽ hít sâu một hơi thuốc, rồi dùng hết sức phun ra, làm thành một màn khói thuốc, nhà cái sẽ nhân cơ hội ấy khều hạt xúc xắc đặc chế một cái, biến thành hai hạt, chủ sòng có thể chuyển bại thành thắng.

Con bay (Phi tử). Túc nhìn thấy cửa sắp mở là cửa đặt nhiều, chủ sòng phải trả nhiều tiền, cũng là do trợ thủ của nhà cái ngụy trang làm khách chơi bạc, phun khói thuốc hay làm cách khác để thu hút sự chú ý của khách chơi hoặc che mắt tầm nhìn của mọi người, lập tức nhân cơ hội dùng thủ pháp cực nhanh cho "bay" đi một hạt xúc xắc thừa.

Bát đại tế. Cũng gọi là gieo Ba gà năm ông (Tam kê ngũ công). Thấy chủ sòng sắp thua, nhà cái không gieo bốn mà là ba hay năm hạt xúc xắc một lần, tức một lần gieo thừa hoặc thiếu một hạt. Đương nhiên thủ pháp này đặc biệt nguy hiểm, động tác phải cực kỳ nhanh nhẹn, không để người ta thấy được, nên bọn "Quý già" không khinh dị sử dụng.

4. Bài giấy chắn lẻ

Cũng là một loại hợp tác cờ bạc bịp. Một bọn hợp đảng dừng xe chỗ thích hợp trên đường, sau đó người làm cái rút trong bộ bài một lá đặt úp xuống bảo mọi người đặt lẻ, không đặt chắn. Lúc lật bài, có kẻ ăn kẻ thua, người xem cũng càng lúc càng đông, rất là náo nhiệt. Đánh qua vài mươi ván, nhà cái (Bảo quan) ra ngoài đi giải, đồng bọn với nhà cái lấy "toàn bộ" những lá lẻ trong bộ bài bỏ đi, chỉ còn lại những lá chắn, còn bảo mọi người đừng lên tiếng. Lát sau nhà cái trở về vẫn thản nhiên rút một lá bài đặt úp xuống, bọn đồng đảng bèn đặt chắn, lật lên quả nhiên là chắn. Nhìn

thấy rõ ràng mọi người bèn đua nhau đặt chẵn nhưng kết quả lại lật lên là lẻ, đánh tiếp, đặt chẵn lật lên vẫn là lẻ. Đánh được ba ván trong đám đồng bọn có tên la lớn "cảnh sát tới", lúc đó ồn ào giải tán. Vì ba ván cuối lại ra cửa lẻ, sẽ khiến người ta nghi ngờ mà lộ mặt nên vội vàng giải tán là thượng sách. Lý do ba ván cuối ra lẻ là vì tên đồng bọn hoàn toàn không rút toàn bộ mà còn lưu lại một lá lẻ, đó là một lá lẻ đặc biệt so với những lá chẵn lớn hơn một chút, rất dễ nhận ra⁽⁹⁾.

5. Sòng đề thông đồng với hòa thượng

Trong việc cờ bạc "đánh đề", chủ nhân lợi dụng sự mê tín của người ta mà thông đồng với hòa thượng. Đường thời có một số con bạc để mong đánh trúng thưởng tới chùa miếu xin Bồ Tát cho số, một số chùa miếu vì thế đặc biệt đặt ra "Ổng số" (Tự hoa đồng). Chủ sòng đề bèn vung tiền mua chuộc hòa thượng quản Ổng số trong chùa, thông qua các tăng nhân tuyên truyền rộng rãi, rằng người ấy (tức người bị sòng đề mua chuộc, hoặc là đồng bọn) được Bồ Tát cho số Mỗ, trúng đề ngày Mỗ, "thật ra căn bản không có chuyện ấy, nhưng từ miệng nhà sư nói ra thì người ta ít nghi ngờ"⁽¹⁰⁾. Sau đó lại sai người trúng đề tới chùa thắp hương hoàn nguyện, tặng chùa tấm biển Hựu ngã sinh tài (Phù hộ cho tôi phát tài), lại gọi "Hàng thuyền" tới làm chứng, nói tới mức như rỗng như phụng, khiến người ta không thể không tin. Nhờ thế, việc làm ăn của sòng đề càng ngày càng "thịnh vượng".

6. Cờ thế hai mang

Bày ra cờ thế giang hồ, cho đồng bọn giả làm người đi đường, cố ý đứng xem bên cạnh, khích lệ người khác vào

(9) Cư Dung Nhân, *Giang hồ bát đại môn*, Tứ Xuyên Nhân dân xuất bản xã, 1992, tr. 50

(10) Nhóm Ngô Vũ, *Dân quốc hắc xã hội*, tr. 124

đánh, rồi tự động làm "người đứng giữa". Người đi đường thật muốn chơi không rõ nội tình, sẽ đưa tiền đánh cá cho "người đứng giữa" giữ. "Người đứng giữa" giả giúp đỡ người đi đường, "chỉ nước" rồi lên khiến anh đi lầm mà thua. Có lúc người bày bàn cờ thế còn cùng bọn Cò mỗi (Dụ tử) trực tiếp dùng cách thức lừa gạt lấy tiền. Tác giả có lần chính mắt nhìn thấy dưới một cây cầu ở thành phố Mỗ, một người bày ra một bàn cờ thế, bàn cờ chỉ cần bên đỏ đi một nước là bên đen nhất định phải thua. Bên cạnh có hai gã Cò mỗi cố ý cao giọng lớn tiếng cãi nhau âm lên, một gã nói bên đỏ thắng, một gã nói bên đen thắng, tranh cãi một lúc thì tựa hồ bên đen nhất định phải thua, hai người bèn đặt ra 20 đồng "đánh cá", những người đứng ngoài cũng đặt tiền theo, số tiền tới gần 200 đồng, do gã Cò mỗi làm "Đại diện khách đánh cá" cầm quân đỏ đánh. Nào ngờ "Đại diện khách đánh cá" cố ý đi lầm một nước, kết quả là sau vài nước, chủ bàn cờ thế "thắng", lập tức đứng lên ôm hết tiền đánh cá bỏ đi, tới một góc vắng chia tiền cho hai gã Cò mỗi.

Ngoài ra, trong trò "Thoa cáp" (Sì hà đan) của bài poker, cũng có người thông qua đồng đẳng chuyển bài dưới gầm bàn, đưa qua lá bài mình cần, làm thành đôi hoặc thuận, mà đưa những lá bài vô dụng của mình đi. Những trò cờ bạc khác như Hồng hắc khiêu, Áp tam bát, Nhân nhân bảo cũng có một số người đứng bên cạnh thông đồng, cố động mọi người đặt bạc, lại tựa hồ đều đứng đối diện với nhà cái, tự mình đặt tiền trước, và lại còn khẳng định sẽ thắng, dụ dỗ người khác vào chơi, khiến người ta mắc câu. Loại người dẫn dụ người khác đánh bạc có rất nhiều tên gọi, như Tay dầu (Du tử), Cò mỗi (Dụ tử), Làm mai (Môi tử), Tay lên (Đắng tử), Chim mỗi (Dao tử), Nạy bên cạnh (Khiêu biên đích), Thấy nạy (Khiêu bá) vân vân. Ngoài ra ở phương bắc còn gọi là Kéo lừa (Khiên lư đích). Họ với nhà cái thật ra là một bọn, kết thành Liên đương. Loại đứng cạnh sông bạc này kể

xướng người họa, kẻ đứng ngoài giúp đỡ dụ dỗ người khác mắc câu gọi là Người ngoài mềm (Nhuyễn biên tử), ngoài ra còn có "người đứng ngoài quan sát động tĩnh bên ngoài, nhiệm vụ của họ là đề phòng cảnh sát tới bắt bạc"⁽¹¹⁾, lại đối phó với những người thua bạc không phục, loại này gọi là Người ngoài cứng (Ngạnh biên tử). Đối với hai loại này, nhất định phải đề cao cảnh giác, đừng để mắc câu.

7. Thoát hài

Nhìn bề ngoài thì ngược lại với Thông lưng, là một người thua ba nhà, nhưng trong thực tế là một loại Thông lưng đặc biệt. Cách làm cụ thể là Giáp quy định ám hiệu với Ất, Bính, Đinh, làm ám hiệu Thông lưng mà không cho họ biết rõ tất cả. Lúc đánh bài, Giáp ra sức thỏa mãn yêu cầu của ba người. Sau khi chơi xong, Giáp khẳng định là thua rất nhiều, lại tìm tới từng người yêu cầu đối phương bù tiền thua bạc cho mình. Như thế không những Giáp lấy lại được tiền thua mà còn có thể thu được gấp bội số thua. Tên lưu manh Ngô Lão Thiên ở Thượng Hải chính là dùng cách này mà lấy được không ít tiền bất lương.

III. Lâm trận gỡ trò

Trước hay sau khi đánh bạc gỡ đủ loại thủ thuật mà đạt mục đích chiến thắng đối phương.

1. Điều khiển xúc xắc

Điều khiển xúc xắc là gỡ trò ma trên hạt xúc xắc để gieo được điểm mình cần. Tất cả có các cách thức như sau:

Rót thủy ngân. Là khoét rỗng ruột một hay nhiều

(11) *Xã hội bách thái*, Đại đặc khu nhân tạp chí xã, 1991, tr. 81

hạt xúc xắc, dùng thủy ngân, chì hoặc bột ngà cho vào, hạt xúc xắc ấy gọi là Cái gốc (Cần tử) hoặc Xúc thắc thuốc (Được cốt), Cái chìm (Đối trụ tử đích). Lúc hạt xúc xắc sắp ngừng lại, dùng tay đập mạnh lên bàn một cái, những vật như thủy ngân bên trong chìm xuống, điểm gieo được tất nhiên sẽ phù hợp với nhu cầu của mình. Cách lừa bịp này trực tiếp diễn ra trong lúc gieo xúc xắc, từng được sử dụng rộng rãi. Thời Minh có tên cờ bạc bịp dùng lối Xúc thắc thuốc này mà gieo một lần thắng 300 lượng bạc⁽¹²⁾. Lại như Lục địa nhi, loại cờ bạc này vẽ ra sáu hình khác nhau trên giấy, biểu thị các số từ một tới sáu, khách chơi bạc đặt tiền lên số, nhà cái dùng ba hạt xúc xắc cho vào hộp lắc mấy cái, nếu mở ra điểm trên hạt xúc xắc có một trong các mặt khách chơi đặt thì tính là thắng, nếu có hai hạt hoặc ba hạt tương đồng với mặt khách chơi đặt thì khách thắng được từ hai tới ba lần. Nhưng trong thực tế ba hạt xúc xắc này đều rút thủy ngân, nhà cái muốn ra mặt nào thì sẽ ra được mặt ấy, nên khách chơi bạc về căn bản không có khả năng thắng.

Dùng nam châm. Tương tự xúc xắc đổ thủy ngân, cũng được sử dụng rộng rãi trong trò gieo xúc xắc. Trong bốn hạt xúc xắc có một hạt nhét đầy bột sắt, dùng một hòn đá nam châm đặt trên đầu gối, dưới gấm bàn, lúc gieo dùng thủ pháp vô cùng linh hoạt, gieo trên chỗ gần hòn đá nam châm, loại này có thể nói gọi xúc xắc lẻ thì ra lẻ, gọi chẵn thì ra chẵn. Nếu gieo xúc xắc chơi chẵn lẻ thì chính dùng cách này mà lừa bịp lấy tiền. Cách thức cụ thể là trên giấy vẽ hai ô, trong một ô vẽ hai điểm Một và Sáu, ô kia vẽ bốn điểm Hai, Ba, Bốn, Năm, quy định chỉ cần lắc được hai điểm trong mỗi ô thì kể như thắng. Một số người nhất định đặt ở ô Hai, Ba, Bốn, Năm, vì cơ hội thắng ở đó cao hơn ô hai điểm Một, Sáu. Nào ngờ trong hộp của tên cờ bạc bịp thì ba hạt xúc xắc đã có hai có bột sắt, vả lại hai mặt Một và Sáu trên dưới

(12) *Giang hồ kỳ văn đồ biển tân thư, Dẫn đồ biển.*

đều rỗng, trong bàn lại còn đặt nam châm, nên hai hạt ấy không ra Một thì ra Sáu, còn như hạt kia điểm gì cũng không có tác dụng⁽¹³⁾.

Bắt trâu (Tróc ngư đầu). Lối cờ bạc này dùng sáu hạt xúc xắc, trong đó ba hạt ra giống hệt nhau mới tính ăn thua, nếu không thì nhất định phải gieo đến khi nào có kết quả mới thôi. Việc thắng thua tính toán như sau: đầu tiên bỏ ba hạt giống hệt nhau ra, cộng điểm ba hạt còn lại, nếu ba hạt còn lại được 10 điểm hay 10 điểm trở xuống, thì bên nhà cái thua, nếu từ 11 hay 11 điểm trở lên thì nhà cái thắng. Thời Dân quốc có gã lưu manh tên Tiểu Ký Căn, lúc gieo xúc xắc thì kẹp vào giữa kẽ ngón tay, gieo ra là hai hạt chỉ có thể là 5 hoặc 6 điểm, lại thêm hạt kia thì chắc chắn phải từ 12 điểm trở lên, nên Tiểu Ký Căn chỉ có thắng không có thua. Vì điểm 5 và điểm 6 được gọi là Đầu trâu (Ngư đầu) (tiếng lóng trong sòng bạc), nên lối cờ bạc này được gọi là Bắt trâu. Thật ra Bắt trâu là căn cứ vào hình dáng, tư thế ngón tay cầm xúc xắc, chọn góc độ, sử dụng một lực nhất định, thông qua vô số lần luyện tập, thì luyện được một loại tà thuật.

Lắc xúc xắc suông (Dao không cốt tử). Nó là loại xúc xắc đặc biệt dùng thiết bị điện tử điều khiển, nhà cái có thể tùy tâm sở dục, hù gió gọi mưa khống chế cục diện sòng bạc, muốn ra mấy điểm thì được mấy điểm, có thể nắm chắc phần thắng. Một tập đoàn cờ bạc bị bắt ở huyện Đông Cầu tỉnh Liêu Ninh cách đây vài năm đã dùng cách thức này lừa người ta⁽¹⁴⁾. Lại theo sách *Dạ hồ* (Đánh bạc đêm) thì lối gieo xúc xắc suông này cũng từng xuất hiện tại thành phố Tam Thị ở Đài Loan nhưng bị phát hiện bắt được.

2. Cách nghe xúc xắc

Trong quá trình lắc, lúc hạt xúc xắc làm bằng ngà rơi

(13) *Bắc Kinh vãng sự đàm*, tr. 379; Vương Tử Uy, *Đồ bác tề tập*

(14) *Hình hình sắc sắc dịch đồ bác cập kỳ nguy hại*, tr. 24

xuống đĩa sắt, thường chạm vào nhau vang thành tiếng, từ một điểm tới sáu điểm tiếng không như nhau, vì thế một hạt điểm lớn và sáu hạt điểm nhỏ có thể lắng nghe mà phân biệt. Một số lưu manh cờ bạc lão luyện căn cứ vào nguyên lý ấy, có thể đoán được số điểm của xúc xắc trong đĩa. Vua cờ bạc Diệp Hán ở Áo Môn trong quá trình lui tới sòng bạc đã luyện được tuyệt kỹ này mà thắng tiền không ít. Lâu ngày, kỹ thuật này bị người khác dò ra và nắm được, nên trong sòng bạc do y mở thì dưới đáy đĩa lót giấy dày để dễ phòng người ta nghe.

3. Đánh tráo

Trong khi đánh bạc, mau lẹ đánh tráo hạt xúc xắc, để đáp ứng yêu cầu của mình, đạt được mục đích "thủ thắng".

Tự tiện pháp. Lại còn gọi là Trong lá giấu hoa (Diệp lý tàng hoa). Là trước tiên giấu một lá bài trong tay áo, lúc cần thiết sẽ rút ra đánh tráo thay lá bài vô dụng, lúc làm bài lại tráo lại. Có một số tên cờ bạc bịp lúc đánh Thoa cáp cũng có vài lá bài tùy thân, lúc cần thiết sẽ rút ra dùng khiến bài mình thành đôi thành phu để đạt được mục đích thủ thắng. Cách này trong một thời gian cực ngắn có thể sẽ vì xuất hiện thêm một lá bài mà bị phát giác. *Thần báo* ngày 6 tháng 11 năm Đồng Trị thứ 11 (1872) đưa tin vài khách chơi phụ nữ cùng một khách chơi đàn ông đánh bạc ở Thượng Hải, lúc đầu khách chơi phụ nữ thắng người đàn ông mấy mươi đồng, nửa sòng về sau y lại thắng hàng trăm đồng. Người khách phụ nữ ngờ bên trong có điều gian trá bèn đột nhiên kiểm tra bộ bài, phát hiện thừa một lá, vì vậy trò bịp bợm bị vạch trần, phát sinh tranh cãi. Về sau lúc Uống trà (Ngật giảng trà) điều đình, trước sự thật sờ sờ, người đàn ông đành nhận thua.

Hoắc khiêu, cũng gọi là Khiêu long sao. Lúc đánh mạt

chược, chọn hai lá bài có điểm lớn đặt dưới bộ bài, lúc cần thiết sẽ rút ra, lại dùng hai lá bài vô dụng nhét vào, cũng có thể kịp thời ù được bài lớn.

Phách chuẩn, còn gọi là Lấy đất trên đồi (Đồi thượng thủ thổ). Dùng thủ pháp cực nhanh, trước mặt mọi người đánh một lá bài lên đồng bài, sau đó nhặt lên đưa vào bài mình, sau đó xòe đôi của mình ra hoặc ù.

Lao phù thi. Cũng tương tự Phách chuẩn, cũng là đánh lá bài thừa ra, rồi nhặt một lá phù hợp với bài mình mà vứt bỏ lá bài vô dụng.

Đào góc. Tức giấu hai lá bài xuống một góc khăn trải bàn để bổ sung bài mình cho đủ, mà lấy hai lá vô dụng thêm vào, từ đó mà khiến mình mau lẹ ù.

Kim thiên thoát xác. Chính là móc dưới đáy bộ bài một lá mà khiến bài mình lập tức thủ thắng.

Trò tráo bài, ở một số Sòng bạc tanh đầu đường cuối hẻm cũng sử dụng.

Yêu Nhị bảo, cũng gọi là Hồng hắc khiêu. Nhà cái đưa ra hai cái que nhỏ một viết chữ Yêu màu đỏ, một viết chữ Nhị màu đen (cũng có khi chỉ dùng hai màu chứ không viết chữ). Lúc đánh bạc, nhà cái giấu đi một, chỉ còn một trong tay, lại cố ý để lộ một chút màu cho khách chơi nhìn thấy, kết quả đặt đỏ thì ra đen, đặt đen thì ra đỏ. "Vốn cái que ấy là một cái ống rỗng, một đầu viết chữ Yêu, một đầu viết chữ Nhị, đoạn giữa có một lớp màng rất mỏng, có thể lật lên lật xuống"⁽¹⁵⁾. Lúc xòe tay ra dùng thủ pháp cực nhanh thay đổi màu sắc. Cho nên người chơi bất kể thế nào cũng không thắng được, hiếm kẻ "tham món lợi nhỏ, chưa ai không rơi vào bẫy"⁽¹⁶⁾.

(15) *Bắc Kinh vãng sự đàm*, tr. 380

(16) *Bắc Kinh vãng sự đàm*, *Đồ bác tề tập*.

Đặt bài hình (Áp Hoa nhân). Cách thức là dùng năm lá bài đặt úp xuống, trong đó có một lá có hình người gọi là Hoa nhân (tức K, Q, J). Nhà cái xoay trở không ngừng dưới đất, vừa xoay vừa lật lên cho mọi người xem, nói rõ nếu lật lên lá bài hình thì đặt một thắng ba. Khách chơi nhìn kỹ lá bài hình nhanh tay đặt lên, nhưng lật ra thì nhất định không phải, mới biết đã bị lừa. Nguyên là lá bài hình ấy xem ra thì đã ở ngoài cùng, nhưng lúc y tráo bài liên tiếp đã nhân lúc thần không hay quỷ không biết dùng tốc độ mau lẹ đánh tráo, đổi lá bài khác vào chỗ ngoài cùng mà nắm nó vào tay⁽¹⁷⁾.

Bốc cầu giấy (Nằm chỉ cầu). Cách chơi là thả 99 quả cầu bằng giấy trắng vào một cái chậu lớn, sau đó nhà cái rút ra một quả cầu giấy có ký hiệu cùng kích cỡ bỏ vào trong chậu rồi lắc chậu mấy lần, cho mọi người bỏ ra 1 hào bốc thăm quả cầu ấy. Nếu ai bốc được quả cầu giấy có ký hiệu thì thắng 9 đồng. Nhưng bất kể là ai cũng chỉ bốc được quả cầu trắng, nguyên là quả cầu cuối cùng mà nhà cái bỏ vào cũng đã đánh tráo bằng quả cầu trắng, trong chậu căn bản không có quả cầu nào có ký hiệu, thì làm sao bốc được! Nếu có người khách nào không phục, yêu cầu giở tất cả số cầu trong chậu ra xem, y cũng không sợ, có thể bảo khách bỏ ra 10 đồng mua toàn bộ số cầu ấy mà lúc khách kiểm tra lại ngấm đánh tráo, cho quả có ký hiệu vào chậu.

Trong trường đua ngựa, có cách Dời bánh chì (Chuyển di diên bính). Theo quy tắc của trường đua, ngựa đua lần nào cũng phải cân trọng lượng, cho trọng lượng mà ngựa mang tương đương với nhau. Nhưng có người ra tay trong đó, ngấm ngấm làm bày. Sau khi cân xong, Mã sư mau lẹ đưa số bánh chì cho nài ngựa. Sau khi tháo yên lúc đua xong, nài ngựa sẽ đem số bánh chì ấy lên lút rút ra đặt lên yên để cân lại. Loại ngựa mang nhẹ này rất dễ có khả năng thắng cuộc.

(17) Thượng Hải dịch cổ sự, Đặt Viên bảo cầu trường.

Đặc điểm của cách đánh tráo là giữa lúc ánh mắt hỗn loạn, dùng thủ đoạn cực kỳ mau lẹ đánh tráo dụng cụ cờ bạc khiến nó trở thành tuân theo ý mình, để dễ "thắng bạc" mà ăn tiền.

4. Trò được vật

Cách này sử dụng nhiều nhất trong các trò cờ bạc lợi dụng động vật như đua ngựa, đua chó, đá dế. Như trong trường đua chó, "chủ trường đua được phòng bán vé cho biết con chó nào về nhất thì có lợi nhất cho mình, hoặc nhận được tiền hồi lộ của khách chơi lớn mà cho con chó ấy thắng", trước khi đua cho con chó ấy uống một chút thuốc kích thích, khiến nó chạy nhanh hơn. Có khi cần con chó nào thua, thì "cho nó uống một chút ma túy, khiến nó chạy chậm lại"⁽¹⁸⁾. Ngoài ra còn có rất nhiều cách thức khống chế tốc độ chạy của chó. Đơn giản nhất là cho chó ăn no một chút hoặc ăn đói một chút, cũng có thể khiến cho con chó ấy chạy nhanh hoặc chạy chậm. Hoặc giả tiêm cho chó một mũi thuốc, mà thay đổi tốc độ của chó. Thậm chí trước khi ra đua, lúc dắt chó cho khách xem, vẫn có thể giả trò, như muốn con chó nào chạy chậm lại, thì có thể dưới sự yểm hộ của một trò lể, cho chó ngửi một ít thuốc giấu trong tay, chó sẽ lập tức mất sức. Vì thế tốc độ của chó đua có thể bị chủ trường đua tùy ý thay đổi, nên phần đông khách đánh cá không có khả năng thắng.

Lại như trong việc đua ngựa, muốn con nào chạy nhanh hơn một chút thì có thể trước khi đua "tiêm hoặc cho con vật uống thuốc, khiến con ngựa bị kích thích chạy mau hơn"⁽¹⁹⁾.

(18) *Thiên Tân văn sử tư liệu tuyển tập*, tập 9, tr. 189

(19) *Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại*, tr. 25

Hay như trong trò đá dế, theo lời kể trong vài năm nay ở Thượng Hải (có người nói là ở Đài Bắc) trong sòng dế có một loại nhân vật gọi là Rết già (Lão yết tử). Bọn họ mỗi lần tới sòng đều mang theo một loại kính phóng đại đặc biệt, trước khi đặt bạc thì bước tới lồng dế của đối phương, dùng kính phóng đại xem xét kỹ để nắm vững về đấu thủ của đối phương. Trong chớp mắt thả dế ra, một luồng khí không mùi từ trong kính phun ra, sau đó đây nắp lại. Như thế con dế của đối phương cho dù là Tướng quân bách thắng hung hãn phi thường cũng bị ảnh hưởng, mất ý chí chiến đấu, thì đối phương lẽ nào không thua. Người thứ hai trong tập đoàn này là Quan Ma Bì, y dùng món tiền lớn 2.500 đồng mua một loại thuốc của một người Quảng Đông, phân chất là các chất kích thích như moocphin, caféin. Trước mỗi lần thi đấu, Quan Ma Bì cho con dế của mình uống loại thuốc ấy, con dế sẽ hung hăng hẳn lên, cho dù bị thương cũng vẫn vì ma túy mà nhịn đau gánh vác trách nhiệm nặng nề, xông tới như không ai trước mặt, đánh bại "địch nhân"⁽²⁰⁾.

5. Trò vật lý

Là lợi dụng nguyên lý vật lý, "cải tạo" dụng cụ cờ bạc, tiến hành lừa đảo. Những cách thức về xúc xắc đã nói trên kia trong thực tế cũng là một loại phương pháp vật lý. Xin đưa ra thêm vài ví dụ.

Đánh Hồng bảo. Trong hộp có đầy phụ, ở giữa lác là lật lại, con bạc bịp có thể căn cứ vào nhu cầu của mình, lật ra lá bài mình cần.

Đánh mặt chược. Cũng tương tự Hồng bảo. Dùng hai đồng tiền chuyển động, xem ra là mặt trước, nhưng trong thực tế là mặt sau, vì bên trong đã dùng cơ quan có thể lật lại.

(20) Thanh bị loại sao, Đồ bác loại, Phóng tam tử.

Phóng Tam Tứ. Thời trước những kẻ dùng cách này đều là một số lưu manh hạng chót. Họ dùng một mảnh gỗ, một mặt khắc chữ Trường tam (tức biểu thị điểm Tam), mặt kia khắc chữ Nhân bài (tức điểm Tứ). Lúc đánh bạc thì ném tấm gỗ xuống đất, rồi lập tức dùng nơm úp lên, gọi mọi người đặt tiền. "Kẻ ngu dại nhìn thấy cho rằng úp lên Tam ắt là Tam, úp lên Tứ ắt là Tứ, quyết không thể trốn đi đâu được. Không biết trong nơm có lỗ vuông, lỗ trong vuông ngoài tròn, hai đầu đóng dính chặt, như cái bánh xe, có thể xoay chuyển tùy ý, mới rồi là điểm Tam mà chụp lên rồi dùng ngón tay xoay một cái, ắt tấm gỗ nghiêng đi, cắn chặt vào lớp vải ướt bên trong, lúc bên ngoài đẩy thì là Tam, bên trong xoay chuyển thì là Tứ, lẽ ấy rất rõ ràng dễ hiểu"⁽²¹⁾. Mặt Tam hay mặt Tứ đều do y nắm trong tay, khách chơi làm sao đặt trúng được. Để dụ người ta mắc câu, bên cạnh còn có từ vài người tới vài mươi người vờ ăn thua để dụ người ta vào đánh.

Đảo quan tài. Dùng một cái hộp nhỏ chạm trổ rồng lòng, bỏ vào đó "Mai hoa màu đen hoặc Nhân bài màu đỏ". Lúc đặt bạc rõ ràng nhìn thấy lá Nhân bài được bỏ vào, không ngờ mở ra lại là Mai hoa, trong thực tế bản thân cái hộp ấy đã có chuyện, toàn là nhà cái nắm chắc phần thắng trong tay, đúng là "Hạp lý yêu hư tùy ý lộng" (Trong hộp điểm gì tùy ý chọn)⁽²²⁾.

Áp Tam Bát. Là dùng hai mảnh giấy nhỏ viết lên chữ Tam và chữ Bát đặt lên đầu viên gạch có giấy bọc, sau đó dùng chén rượu hoặc vật gì đó úp lại. Nhìn bề ngoài thì khách chơi rất dễ đặt trúng, đúng là như nhà cái xưng "muốn phát tài, đặt Tam bát, đặt Tam ắt Tam, đặt Bát ắt Bát". Nhưng mở ra nhìn thì là trứng gà biến thành gà, nhìn thấy rõ ràng lúc úp là Bát, mà mở ra là Tam, ngược lại cũng

(21) *Cựu Thượng Hải dịch yên đồ xướng*, tr. 201

(22) Tô Chiết sinh, *Đạo Cung đồ trường, Dân chủ dữ pháp chế*, số 9, 1986

thế. Nguyên là mảnh giấy viết chữ Tam và chữ Bát ở giữa có kẹp một mảnh sắt, trong viên gạch bọc giấy có giấu một mảnh nam châm, lúc cái chén úp xuống đầu viên gạch, miếng giấy sẽ lật lại. Cũng có kẻ cờ bạc bịp dùng khăn tay bọc một mảnh nam châm, nhẹ nhàng chùi qua vật chụp lên một cái, miếng giấy bên trong sẽ bị lật lại. Cho nên Tam hay Bát thì do nhà cái quyết định. Năm 1986, phóng viên tạp chí *Dân chủ dư pháp chế* ở Thượng Hải đã chính mắt nhìn thấy một ông già nông dân ở Thanh Dương cung Thành Đô trong vài phút ngắn ngủi đã bị bọn cờ bạc bịp dùng cách này lừa mất 150 đồng⁽²³⁾.

Hoa hội. Trong quá trình "ra số", có thể giở rất nhiều trò. Ống đựng số đề của Hoa hội rất dày, ở giữa rỗng, lại có ván mỏng, có đặt lò xo, mỗi số có hai tấm, đều cuộn tròn lại, một cuộn cho vào hòm, cuộn kia kẹp ở chỗ rỗng trong ống, khóa lại dán dấu niêm phong. Nếu số có nhiều người đánh nhất phù hợp với số trong ống, sẽ cho lò xo bật số ở chỗ rỗng trong ống ra, khiến số có nhiều người đánh nhất thành bị trượt. Có lúc người mở sòng "chọn cửa nào ít người đánh nhất, thậm chí cửa nào không ai đánh mà ra số, như vậy tất cả tiền bạc của rất nhiều khách đều bị chủ đề lừa lấy, cái đó gọi là Phóng không môn (ra cửa không)"⁽²⁴⁾. Cho nên có người viết bài *Trúc chi từ* mô tả vạch trần sự bịp bợm của Hoa hội như sau "Đổ bác từng lai tận thị khí, Huống như Hoa hội cánh ly kỳ" (Cờ bạc xưa nay thấy dối gian, Lại như Hoa hội mới kỳ quan)⁽²⁵⁾.

Nhân nhân bảo. Còn gọi là "Đặt A K". Con bạc bịp dùng ba lá bài poker, hai lá là A, một lá là K (tức Nhân nhân), tráo đi tráo lại trên tay, sau đó chap lại trải ra, bảo người đặt tiền. Phàm đặt trúng K thì thắng, đặt trúng A thì thua. Mọi người nhìn thấy rất rõ lá K chỗ nào, nhưng đặt lên

(23) (24) *Cựu Thượng Hải đích yên đồ tường*, tr. 129, 200

đều thua. Lý do là vì các lá bài poker này đã trải qua sự gia công tổng hợp về lý hóa, là một loại đạo cụ ảo thuật, mỗi lá bài đều có hai phần A hay K, có thể tùy ý thay đổi. Cho nên khách chơi đều là "nhãi ranh vào trường học, mò đầu cũng là sách (thư - tức thua)".

Vài năm gần đây còn có bọn lừa đảo dùng phương pháp khoa học kỹ thuật hiện đại tiến hành cờ bạc bịp.

Trong trò Thoa cáp, có người đeo một cặp kính thủy ngân, hoặc dùng loại sơn màu tối sơn lên bàn, thông qua tác dụng phản quang mà có thể soi được bài của khách úp xuống bàn, vì thế nhà cái đã sớm biết người biết ta, cho nên bách chiến bách thắng.

Chu ThủyTuyền ở thành phố Tam Trọng Đài Bắc còn phát minh ra một loại "kính nhìn xuyên bài mật chược, chỉ cần đeo cặp kính đặc biệt ấy là có thể nhìn suốt qua lá bài. Nguyên là y "lúc sản xuất bài mật chược, lợi dụng một loại chất phát sáng, đã đánh dấu lên lá bài mà bước sóng của ánh sáng ấy phù hợp với một loại kính đặc biệt. Loại kính này có thể bắt được bước sóng của chất ấy, nên có thể nhìn được, còn bước sóng của các chất khác thì không bắt được, tự nhiên không nhìn thấy" ⁽²⁶⁾. Những người đánh bạc với y luôn luôn thua, mà vẫn không biết lý do.

Ở Thuận Đức Quảng Đông còn có người chế ra một cái bàn đặc biệt để tiến hành lưỡng gạt. Y "đặt mười ba bóng điện xanh đỏ dưới một chiếc bàn bình thường, lại gắn liền với bình ắc-quy. Lúc họp bọn đánh bạc một người dùng thiết bị điều khiển bóng đèn, dùng ám hiệu đã quy định mau lẹ liên lạc với đồng bọn, phối hợp đánh cướp", lấy tiền của khách chơi không phải cùng bọn. Vì bóng điện đặt dưới bàn,

(25) (26) *Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại*, tr. 24

người bị lừa không dễ phát giác ra⁽²⁷⁾. Có một người về tài cờ bạc bịp cũng không phải loại vừa, mà trong một buổi tối ở cái bàn ấy bị lột mất 9.000 đồng Nhân dân tệ, 1.000 đồng Hương Cảng, lại thêm năm hộp thuốc lá thơm Hy Nhi Đốn. Vì thế mọi người gọi chiếc bàn ấy là Bàn trấn lột (Tước nhân ý).

IV. Ngắm ngằm đánh dấu

Trong các sòng mạt chược, bài cầu, đổ xúc xắc đều dùng cách đánh dấu bài, nếu biết bài đối phương thì mình có thể biết nên đánh lá nào không nên đánh lá nào, nhất định có thể thắng. Có người để ngắm ngằm xem bài đối phương đã sử dụng đủ cách đánh dấu có tính chất cưỡng ép. Đương nhiên lối đánh dấu ấy "cũng kết hợp với việc giở trò bịp bợm trong sòng bạc".

1. Trồng hoa

Trong bài cầu và mạt chược dùng ngón tay vạch thành ám hiệu trên lưng quân bài bằng xương, tất cả mọi trường hợp đều dùng dầu mỡ giấu trong móng tay, ngắm ngằm đánh dấu (tiếng trong nghề gọi là Điểm tinh - Chấm mắt) trên góc quân bài, trong một thời gian ngắn ghi nhớ tất cả. Như thế 32 hay hơn 100 quân bài đều nắm chắc trong tay.

2. Một khe trời

Là lúc gieo xúc xắc đánh bài cầu, lén nhìn điểm xúc xắc trong ống, rồi tìm cách lừa bịp. Trước khi bắt đầu lật bài, thì sắp xếp chính lý thành một phu hai lá, hoặc Thiên xoan, Địa xoan, tùy ý đặt vào đầu, hai, ba, bốn phu. Sau đó lúc đổ

(27) Dương Phương Ích, *Mạn đàm Thanh Hồng bang*, xem *Bang hội kỳ quan*, tr. 95

xúc xắc thông qua cử động nhỏ mà đạt được điểm mình muốn, thì có thể được các đôi hoặc nước bài Thiên, Địa xoan. Như cần 4 điểm hoặc 9 điểm thì nhấc cái ống lắc ngoài cao trong thấp, để xúc xắc đổ về phía mình, dùng ngón tay cái hé bát lên nhìn, nếu là 4 điểm hoặc 9 điểm thì đặt xuống, nếu không thì khê lật một hạt xúc xắc bên trong, khiến nó thành điểm 4 hay điểm 9. Nhân thời cơ nhìn trộm qua khe hở nên gọi là "Một khe trời" (Nhất tuyến thiên). Ở một dải Hợp Phi An Huy thời trước, một số bọn lưu manh cờ bạc lúc làm cái đánh bài cầu, dùng những cách Trồng hoa, Một khe trời mà ăn sạch tiền ba nhà kia. Nếu người đặt bạc cảnh giác, không đặt hoặc đặt ít, thì nhà cái bất kể là bài mình tốt xấu ra sao cũng nói là Miệt thập, chung cho ba nhà kia hai ba lần, khiến người đánh bạc cho rằng thời vận của nhà cái đã chuyển thành "trúng độc", bèn tăng thêm tiền đặt bạc, bọn lưu manh sẽ dùng cách thức nói trên vợ sạch. Vì bọn cờ bạc bịp này dùng bài cầu khiến anh khuyh gia bại sản, nên còn có tên gọi là Bài cầu phá sản (Khuyh gia bài cầu).

3. Cân pháp

Cân pháp. Có hai loại, một loại gọi là Loạn cân. Tức ngấm ngấm ghi nhớ dấu vết trên quân bài, bất kể những dấu vết ấy có trật tự hay không con bạc cũng đều cố gắng ghi nhớ để quyết định đánh quân nào. Một loại là Đối cân pháp. Tức tới cửa hiệu đặt một bộ bài, yêu cầu từng cặp đều dùng một đoạn tre làm thành. Như thế trên lưng hai quân bài cùng một đôi thì dấu vết sẽ giống nhau hoặc liên nhau, dễ ghi nhớ và gỡ trò.

4. Đầu pháp

Cũng gọi là trò Chuẩn đầu (Cái mòng). Vì chỗ cạnh quân bài bằng trúc hay bằng xương bằng ngà không thật

phẳng, cũng là chỗ gờ lên của quân bài, đều ít nhiều so le không đều, chỗ không phẳng ở mỗi quân bài cũng không như nhau. Đám Quỷ già trong sòng bạc có thể căn cứ vào đó mà nhận biết các quân bài khác nhau.

Cố Hoa Đường trùu lưu manh ở Trấn Giang Giang Tô thời trước có xước hiệu là Hoạt thủ trong việc cờ bạc, một bộ bài cầu 32 quân, chỉ cần y mò qua bốn năm lần, dùng một số cách thức nói ở trên là có thể dựa vào mặt lưng và cạnh quân bài mà nhận biết toàn bộ, muốn quân nào là rút được quân ấy. Vì thế nếu y gặp phải bọn Yêu đồ (cờ bạc bịp), cũng thắng thắn không khách khí ăn miếng trả miếng, "đánh giết" đám cờ bạc bịp ranh con. Rất nhiều tên bịp bợm nhỏ đều bị thua trước mặt lão Hoạt thủ cờ bạc bịp này⁽²⁸⁾.

Cách thức cờ bạc bịp "ghi nhớ" này đến nay vẫn có người dùng. Ở thành phố Dương Châu có một chủ hiệu bán quần áo nhỏ, dùng loại phẩn đánh bóng, trước khi đánh bài cẩn thận bôi lên lưng bộ bài poker những ký hiệu có thể nhớ. Trong khi chơi bài Thoa cáp, bài đối phương thế nào nhìn qua là biết ngay, nhưng y không nóng lòng muốn thắng, lúc bắt đầu còn có ý cho đối thủ thắng được tiền để họ không biết trò bịp của mình. Nếu bài của mình tốt hơn bài đối phương thì cho đối phương ra sức rút bài, đến khi đối phương đã "rút đủ" sẽ đột nhiên ra sát thủ tố cao thêm mà được toàn thắng. Trên thực tế, y đã sớm biết rõ lá bài tẩy của đối phương nên liều mạng tố lớn, nếu đối phương cũng theo thì chắc chắn sẽ mắc câu⁽²⁹⁾.

V. Khéo dùng số học

Trong cờ bạc hàm chứa rất nhiều kỹ xảo số học, trong thực tế có một số con bạc căn cứ vào nguyên lý số học mà bày

(28) *Hình hình sắc sắc đích đồ bác cập kỳ nguy hại*, tr. 24

(29) *Xã hội bách thái*, tr. 84

kế. Loại mưu kế này tất nhiên khiến nhà cái có nhiều khả năng thắng hơn con bài. Như trò roulette 36 cửa, nếu đặt trúng chỉ có thể thắng gấp 34 lần, còn hai phần tự nhiên bị nhà cái nuốt gọn. Lại như trò Cốt bảo, nhìn bề ngoài thì có hai cửa đặt bạc là Tài (11 tới 18 điểm), Xiu (4 tới 10 điểm), kết quả không phải Tài thì là Xiu, rất công bằng nhưng trong thực tế vì nhà cái có một số đặc quyền nên chiếm tiện nghi. Như nếu ba hạt xúc xắc có điểm bằng nhau, thì bất kể đặt Tài hay Xiu cũng thua nhà cái. Tức trong 216 kết quả gieo ba hạt xúc xắc thì có 117 là nhà cái thắng, trong thực tế nhà cái chiếm 117/216 phần thắng, mà khách chiếm 99/216 phần thắng, hiển nhiên phía nhà cái chiếm phần hơn. Tình hình này đã giới thiệu phía trên, ở đây nêu thêm vài ví dụ.

1. Bắt thăm trúng thuốc lá

Chủ sòng viết rõ trên giấy là rút được mảnh giấy này có thể được thưởng loại thuốc lá gì, như Trung Hoa, Mẫu đơn, Đại Trùng cửu, Đại Vận Hà vân vân, sau đó bỏ mảnh giấy ấy vào hộp cho người ta bốc thăm, khách chơi chỉ cần bỏ ra chút ít tiền (như một hai hào) là có thể bốc thăm một lần, rất hấp dẫn mọi người, nhưng đại đa số đều bốc được mảnh giấy trắng. Trước đây vài năm ở một sòng bốc thăm trúng thuốc lá tại thành phố Hoài Dương tỉnh Giang Tô có một thanh niên muốn kiếm một bao Mẫu đơn cho qua cơn thèm, trong một giờ liên tiếp rút 36 mảnh giấy, mất tất cả 6 đồng, kết quả chỉ được một bao Đại Vận Hà giá trị 0,43 đồng. Sự rắc rối bên trong có thể đoán mà biết được, đó là vì lý do cửa thua thì nhiều mà cửa thắng thì ít, phần thưởng lại là thuốc đắt tiền thì ít, thuốc rẻ tiền thì nhiều.

2. Đối số hữu loại

Là viết một số con số lên giấy cứng, dùng vật che

khuất, như đặt trong túi kín hoặc hộp nhỏ chỉ thò được một bàn tay vào, sau đó quy định bốc được bao nhiêu mảnh thì cộng số lại, đạt được một con số nhất định thì được thưởng, nếu bốc được 10 mảnh cộng được 50 điểm có thể được thưởng một số tiền. Có một số tên cờ bạc bịp lại dùng sự tổ hợp của các con số tiến hành hoạt động lừa đảo. Cách đây vài năm ở Thượng Hải có một thanh niên râu chuột, mặc quần bò câu kết với một đám thanh niên tiến hành mở số "giải trí" ở Công viên Trung Sơn. Trước mặt y đặt đầy những bình gốm có nắp nhiều màu sắc, y giải thích rằng có tất cả 100 cái, bên trong đều có số, chỉ cần đưa ra 5 hào có thể tùy ý lựa 10 cái, số trong 10 cái cộng lại được từ 50 tới 100 thì có thể lấy lại 5 hào tiền vốn, ngoài ra còn được thưởng 2 hào, nếu tổng số không được từ 50 tới 100 thì mất 5 hào. Người đứng xem chung quanh bắt đầu nháp nhồm muốn thử, về sau có người đưa tiền mở nắp, nhiệt náo hẳn lên. Người tới càng lúc càng đông, có lúc phải xếp hàng. Mọi người đưa ra 5 hào, sau đó hai tay như đào vàng mở nắp rồi rút, người trúng thưởng tự nhiên vì may mắn cảm thấy cao hứng, người không trúng thưởng thì than thở là mình "rủi ro", có rất nhiều người phẩy tay bỏ đi cho đỡ tức. Nhưng nếu chú ý quan sát thì có thể phát hiện ra kẻ trúng chỉ thua thớt vài người, mà kẻ thua thì rất đông. Về sau gã râu chuột kia được "mời" về Sở Phái xuất, bóc tất cả số trong bình ra thì 80 cái có số từ 1 đến 4, nếu anh may mắn cũng chỉ có thể rút được mười điểm 4, tức 40 điểm, như vậy mọi người rất khó trúng thưởng. Theo lời giới thiệu của Cục Công an thành phố Thượng Hải thì đã bắt được mấy chục vụ dùng hình thức "bốc thăm trúng thưởng" cờ bạc biến tướng lừa người. Ngoài ra những trò như "giải trí số học", "poker bài gia số hoạt động" cũng tương tự với trò "bốc thăm trúng thưởng".

3. Quay số đầu đường

Đây cũng là lợi dụng nguyên lý khái suất luận trong số học, trò lừa đảo dùng thủ pháp lừa giỡn với các tổ hợp số. Cách cờ bạc cụ thể là thiết kế trên bàn quay số, dùng tay xoay một cái, mũi kim sẽ quay tròn, dừng lại ở số nào thì người đặt số ấy sẽ được thưởng, được "số hòa" thì theo đó mà "hòa", theo quy định thưởng phạt. Ở cửa rạp phim cầu Thiên Tân tại Hán Khẩu có lần một chàng trẻ dưới sự "khuyến khích" của bạn gái rút ra 2 đồng đặt vào số 11, kim quay một lúc rồi dừng điểm 14, điểm hòa là 25, theo quy định bị phạt 50 đồng. Thanh niên kia lại rút ra 2 đồng đặt lên số 4, muốn gỡ lại vốn, lần này kim dừng ở số 17, theo quy định bị phạt 100 đồng. Cô gái thấy thế bật khóc, chàng trẻ năn nỉ xin giảm bớt tiền phạt, nhưng "chủ bàn quay số mặt lạnh như tiền, sau lưng lại có hai tráng hán bước lên, mắt trừng trừng nhìn chàng trẻ". Chàng trẻ quả thật đã không có tiền, đành cời chiếc đồng hồ trên tay "đặt vào túi chủ bàn quay số"⁽³⁰⁾. Thật ra đó cũng là một vấn đề số học đơn giản, bất kể kim chỉ vào số nào, cộng hai số lại xong sẽ hiểu được lý do số phạt thì nhiều mà số thưởng thì ít.

4. Giang hồ kỳ thuật

Cũng gọi là đánh cá cờ thế, phía chủ sòng bày bàn cờ tàn ở đầu đường, lại nói rõ nếu thủ hòa được thì khách chơi bạc có thể thắng tiền, nếu thắng được thì có thể được thưởng gấp đôi, nhưng nếu thua thì phải chịu mất tiền. Loại hình thức cờ tàn này nhìn qua rất đơn giản nhưng đều đã được tính toán sắp đặt cẩn thận, mỗi nước đi đều ngầm chứa sát cơ, cho dù là bậc đại sư cờ tướng cực kỳ cao cờ cũng chỉ có thể hòa, cơ hồ không có khả năng thắng. Như các thế cờ Thất tinh tụ hội, Thiên lý độc doanh, Tử lang thám hải nổi tiếng

(30) *Hình hình sắc sắc đích đồ bạc cập kỳ nguy hại*, tr. 80

giang hồ, biến hóa vô cùng, nước đi ảo diệu, chỉ hơi không cẩn thận là thua ngay. Nếu muốn đánh hòa, cũng chỉ là "Ngàn thuở Hoa Sơn chỉ một đường" chứ đừng nói tới việc thủ thắng.

Ở vùng gần sông biển tại Thiên Tân còn có một người gọi là Tiên sinh Cụt chân (Vô thoái tiên sinh), nêu bằng "Lấy cờ hợp bạn", ra khẩu hiệu rất hấp dẫn "Thắng ta thì được 3 đồng, thua ta thì mất 2 đồng", bày cờ tàn thu hút không ít người đứng xem. Có một học sinh trung học bị bạn bè khích, bước vào đánh, "đầu tiên y chọn bên đen, sau vài nước đã thua, em học sinh trung học kia lúc bình thời đánh cờ rất giỏi tại sao hôm nay lại thua mau lẹ như vậy? Người thua đương nhiên không phục, lại liên tiếp đánh ba ván, nhưng rốt lại không hiểu sự ảo diệu của bàn cờ, ngoan ngoan đưa mấy tờ nhân dân tệ mới vào tay Tiên sinh Cụt chân..." (31).

VI. Hư trương thanh thế

Đây cũng là một lối giả trá trong cờ bạc, căn cứ vào sự khác biệt về bài và cách đánh bạc mà linh hoạt sử dụng.

Trong trò mạt chược, con bạc bịp thấy người khác sắp ù lớn, mà mình thì phải thêm một vòng nữa mới có thể đủ bài, như mình có một quân Nhất vạn, hai quân Nhị vạn và một quân Phát tài (còn số bài khác đã dâu vào đấy). Lúc ấy có người đánh ra quân Phát, trong thực tế thì lúc bấy giờ về lý thì chưa thể ù, nhưng kẻ lừa bịp hư trương thanh thế đập lên bộ bài một cái, cao giọng nói "Ừ", ăn quân Phát lên, nếu không ai phát hiện sẽ mau lẹ trái bài mình ra chơi trò ù xọc. Nếu có người đòi khám bài, sẽ lập tức lấy trong số bài thừa một quân mình cần, như tráo Nhất vạn thành Nhị vạn, hoặc tráo Nhị vạn thành Tam vạn là thành phu. Giả như nhất thời không tráo được thì sẽ đùn đẩy nói rằng mình "nhìn lầm" để che giấu, tuy nói sẽ đền tiền nhưng đã làm hỏng

nước bài của người khác. Cách làm đó gọi là U vàng (Hoàng hòa - hồ).

Lại như trò Thoa cáp, có người bài mình không lớn bằng bài người khác, nhưng lúc ấy trên chiếu đã có khá nhiều tiền đặt bạc, để nuốt hết số tiền ấy, bèn liều mạng tố lớn lên, lại thêm có trợ thủ bên cạnh giúp đỡ, cũng có thể khiến mọi người hoảng sợ bỏ cuộc, làm đối phương không dám theo mà nhận thua.

Lại như trong trò đánh đề, nếu thấy nhiều người đặt vào cửa sẽ mở, nhà cái phải bù tiền, bèn mượn cơ cảnh sát tới bắt bạc mà đình chỉ ra số và mở ống hoặc ngấm ngấm sai một số người giả trang cướp bạc, phải giật ống số bỏ chạy, lúc ấy đôi bên đánh nhau, xem bề ngoài thì rất nhiệt náo, nhưng cuối cùng ống số cũng bị cướp đi. Đến sau cùng, người đánh đề vẫn không biết họ là đồng bọn, chỉ đành nhận là mình xui.

Trong một số trò đánh bạc khác, đặc biệt là trong Sòng bạc tanh ngoài đường, vì sợ trò lừa bịp bị lật tẩy, cũng thường phát sinh những vụ giả nói là cảnh sát tới mà giật tiền "bỏ chạy" tan sòng. Cũng có khi để tiện cho đồng bọn ngấm ngấm giở thủ đoạn, một số trợ thủ còn cố ý cãi vả đánh nhau, thu hút sự chú ý của khách chơi, trong lúc không hay không biết xếp đặt cơ quan, đạt được mục đích lường gạt. Đó cũng là một cách "hư trương thanh thế".

VII. Bán cách không thua

Về việc cờ bạc lừa bịp "đánh bạc không thua" thì từ thời Tống đã có sách vở ghi chép, nó là lợi dụng tâm lý nôn nóng được bạc của con bạc mà tiến hành lường gạt. Tô Thức trong *Đông Pha chí lâm* chép "Trong niên hiệu Thiệu Thánh (1094 - 1098), ở kinh đô có đạo nhân ngồi trong chùa Tướng Quốc bán bí phương, giảm đề, trong đó viết "Bán cách đánh

bạc ăn tiền không thua". Trong bọn thiếu niên có kẻ cờ bạc bỏ ra ngàn vàng mua lấy đem về, mở ra xem, thấy viết "Chỉ xin tiền hồ" (Đàn chỉ khát dầu). Đạo nhân cũng giỏi ăn nói, nói đùa được ngàn vàng, nhưng chưa từng lừa gạt kẻ thiếu niên⁽³¹⁾. "Phương sách không thua" này là nói đừng đánh bạc mà đi mở sòng lấy tiền hồ thì có thể thắng tất cả, đó là điều ai ai cũng biết. Nhưng thanh niên kia vì tham tiền tối mắt mà mắc câu, mất không "ngàn vàng", còn bị đạo nhân nắm đằng chuôi, vì đạo nhân không hề nói bậy.

Không lẽ thì có đôi. Thời Dân quốc, đại khái sau khi Viên Thế Khải lên ngôi, lúc bấy giờ xã hội không yên ổn, có một số nhà giàu chạy tới Thượng Hải lánh nạn. Lúc ấy trên tường nhà khắp đường lớn hẻm nhỏ tại Thượng Hải đột nhiên đều dán tờ quảng cáo "Dạy cách cờ bạc chỉ thắng không thua". Người quảng cáo tên là Bạch Vĩ Sơn nhân, tự khoe rằng mình ở ẩn lâu năm trên núi Nga My, được dị nhân trên núi tuyết truyền thụ, có đủ thuật thần cơ diệu toán, hiện vân du tới Thượng Hải, thấy những người ty nạn này lòng thương xót, "Bản Sơn nhân thể theo đức hiếu sinh của Thượng đế, nên dạy cách đánh bạc chỉ thắng không thua để cứu kẻ nghèo khổ". Lại nói một khi đã được dạy thì đảm bảo không thua, nếu thua một xu thì sẽ đền gấp mười⁽³²⁾. Để được mọi người tin tưởng, đặc biệt tới Ngân hàng Hối Phong đóng 200.000 tiền bảo đảm, lại ủy thác luật sư Mỗ giữ. Phàm ai tới xin học, phải đưa ra 10 đồng ghi danh và một tấm ảnh bán thân nhỏ. Sau khi quảng cáo được dán, một số người nghi ngờ tới ngân hàng hoặc luật sư hỏi thử, quả nhiên có chuyện ấy, vì thế kẻ tới ghi danh rất đông, tới hàng ngàn người. Vào hôm dạy, Sơn nhân xoa tóc trắng mặc đạo bào, rất có phong độ, phiêu nhiên như thần tiên nói, cách đánh bạc chỉ thắng không thua là thiên cơ không thể tiết lộ, Bản

(31) *Đông Pha chí lâm*, quyển 2, *Ký đạo nhân hỷ ngữ*.

(32) *Giang hồ bát đại môn*, *Phiêu môn*.

Sơn nhân gói nó trong tờ giấy, các vị nhận xong không được mở chỗ đông người, phải cầm về nhà đặt lên bàn thờ, sau bốn lay tám vái mới được mở ra, theo cách đó thì hành, đảm bảo không thua. Nói xong lập tức đưa bao giấy ra phân phát cho những con bạc đóng tiền ghi danh. Nào ngờ đám con bạc về nhà xem, thì trên tờ giấy chỉ viết năm chữ "Bất đồ, đương trầu đầu" (Không đánh bạc, nên thu tiền hồ), lúc ấy mới biết mắc lừa. Nhưng vị đạo nhân kia hoàn toàn không nói bậy, nên không làm gì được y.

Trên đây là giới thiệu qua về thuật cờ bạc bịp, nhưng cần phải nói rõ rằng đám cờ bạc bịp không chỉ dùng một loại mà trong nhiều trường hợp kết hợp đủ cách với nhau, tiến hành "ứng dụng" tổng hợp. Như Lưu Đoan Khanh, Ngụy Nhận Thiên và Ngô Nhan Thần ba người dùng cách hóa danh lường gạt Đường Sa Hầu từng giữ chức Tài chính sảnh trưởng tỉnh An Huy thời quân phiệt nói tới trên kia, chính là một ví dụ điển hình về việc ứng dụng tổng hợp.

Trong lần lường gạt này, Ngụy Nhận Thiên giữ nhiệm vụ liên lạc với khách của "Lão Quý", giả xưng là bạn cũ của Đường Sa Hầu hơn 20 năm, rất được Đường tín nhiệm, Lưu Đoan Khanh và Ngô Nhan Thần chia nhau làm người ra mặt giỏi cờ bạc và người sau lưng đòi nợ khách chơi. Một hôm đúng lúc Đường Sa Hầu được mời tới nhà Ngụy, Lưu cũng cùng ngồi đó, Ngô Nhan Thần đột nhiên từ cửa xông vào rất hung hăng đòi Ngụy trả nợ, bị Lưu hăm dọa lui ra. Lúc ấy, Ngụy bèn giới thiệu hai người Đường, Lưu với nhau, nói Ngô cưới Di thái thái của một quân phiệt, vợ được một món tiền bất nghĩa lớn. Hôm trước, tôi đánh bạc ở nhà y thiếu chút ít tiền, hôm nay lại tới đòi số tiền ấy, rồi yêu cầu giúp mình hả giận. Lúc ấy Lưu mặt đầy nghĩa khí, làm ra vẻ mình giỏi cờ

bạc, đảm bảo có thể thắng, có thể gỡ được số tiền bất nghĩa của Ngô, nhưng lại tỏ ra không thêm ganh đua với loại tiểu nhân như Ngô. Lúc ấy Đường Sa Hầu bên cạnh nghe câu "Nhất định có thể thắng" bèn động tâm nói "Tôi thấy người ấy rất cuồng ngạo, chúng ta cũng nên giúp bạn bè hả giận". Lúc ấy bèn hẹn nhau đánh bạc, Ngô Nhan Thần lần đầu thua hơn 16.000 đồng. Kế Đường Sa Thần đưa ra món tiền lớn, hẹn đánh nữa. Lần ấy trong sòng bạc Ngụy, Lưu, Ngô giữ không ít trò, "phối hợp thâm hiểu ý nhau, thần không hay quỷ không biết, khiến Đường Sa Thần thua 500.000 đồng, Đường biết rõ là mắc câu, nhưng như thằng câm bị ngứa không sao nói ra được"⁽³³⁾. Lần ấy, ba người bọn Ngụy Nhận Thiên dùng mấy lối cờ bạc bịp thông thường nên khiến Đường Sa Hầu thạo đời mắc câu.

Nói xuyên suốt thì cách lường gạt trong cờ bạc cũng giống những cách lường gạt khác, là lợi dụng tâm lý tham lam của con người mà đánh vào chỗ hớ. Vì thế cách để phòng bị lường gạt tốt nhất là dè nén lòng tham, không chiếm tiện nghi, không chơi cờ bạc, lại lột trần bản chất và thủ pháp của bọn cờ bạc bịp, giúp nhiều kẻ mê muội không tỉnh ngộ mau chóng hiểu ra.

(33) *Cựu Trung Quốc lịch hắc xã hội*, tr. 244

Chương 6

Cuốn sổ tội ác của cờ bạc xưa nay

Cờ bạc chứa đầy sự cạnh tranh khốc liệt và dục vọng, không ngừng làm gia tăng sự ham muốn của con bạc đối với tiền bạc, lại từ đó nảy sinh tâm lý cá nhân cực đoan coi tiền của người khác là của mình. Cờ bạc giống như một căn bệnh ôn dịch làm mục ruỗng cơ thể khỏe mạnh của xã hội, đầu độc môi trường, làm hại tinh thần, khiến người ta hủy diệt nhân tính, đánh mất lương tri. Nó là ngòi nổ dẫn tới con đường phạm tội, rốt lại sẽ xô nhiều người xuống vực sâu đen tối.

Trong lịch sử, một số người có học nhận thức rất sâu sắc về tội ác của cờ bạc. Vì Diệu thời Tam quốc cho rằng cờ bạc sẽ dẫn tới táng gia bại sản, thậm chí cả quần áo cũng lột sạch, sau cùng "mất hết liêm sỉ", "tức giận ứa nước mắt" mà đi vào con đường phạm tội⁽¹⁾. Vương Phạn Chí thời Đường cũng nói "Ấm tửu phường sinh kế, Vu bồ tất phá gia. Dân khản thử đẳng sắc, Bất cứu tác cùng ca" (Uống rượu hại sinh kế, Chơi bài ắt mất nhà, Cứ xem loại người ấy, Nghèo khổ chẳng còn xa). "Nam niên thập thất bát, Mạc đạo ý nhai cù. Nhược bất hành gian đạo, Tương cầu tác Vu bồ" (Trai mười bảy mười tám, Đừng ra phố rong chơi, Nếu không làm trộm cướp, Ất hợp bọn chơi bài)⁽²⁾, chỉ rõ cờ bạc là hoạt động tội ác phá tán gia sản trở thành nghèo khổ, vì thế phải đề phòng

(1) Vì Diệu, *Bác vi luận*.

(2) *Đôn Hoàng văn quyền*, Bá Hy Hòa, *Vương Phạn Chí thi tàn quyền*, mục 3266

thanh niên "chơi rong ngoài phố" tập nhiễm thói xấu cờ bạc. Trong *Khổng Tử Hạng Thác tương vấn thư* của các nghệ nhân dân gian Đôn Hoàng hư cấu, Khổng Tử khuyên đứa nhỏ học đánh bạc, đứa nhỏ bèn trả lời "Tôi không đánh bạc. Nhà vua thích đánh bạc thì mưa gió thất thường, chư hầu thích đánh bạc thì việc nước bỏ phế, người làm quan đánh bạc thì văn án ứ đọng, nông dân thích đánh bạc thì mùa màng bê trễ, học trò thích đánh bạc thì quên việc học hành, trẻ con thích đánh bạc thì bị roi vọt. Đó là việc vô ích, cần gì phải học!". *Khâm định Đại Thanh hội điển sự lệ* chỉ ra rằng "Thói xấu trong dân gian không gì bằng cờ bạc". *Vưu Triễn Thành* trong *Khuyến nhân giới đồ văn* cũng chỉ ra rằng, "Điều xấu xa trong thiên hạ không gì hơn cờ bạc", có thể khiến "ngàn vàng hết sạch, một mẫu không còn", "bán vợ đẻ con, cung đốn hết cho cờ bạc". Còn có người nói, cờ bạc "có thể khiến kẻ sĩ mất phẩm hạnh, nông dân bỏ mùa màng, người làm thợ kẻ đi buôn bỏ phế nghề nghiệp"⁽³⁾. Những lời trên đây đều nói rõ cờ bạc là nguồn gốc của mọi tội ác bỏ chức nghiệp mà mất đạo đức, dần dần đi vào con đường mạo hiểm. Vì thế mà sản sinh không biết bao nhiêu vụ án trộm cướp, giết người, lừa đảo, gây ra vô số bị kịch ở nhân gian.

I. Tan nhà nát cửa

1. Nhà cửa sa sút

Cờ bạc là việc mạo hiểm, đấm con bạc điên cuồng không kể tới của cải mồ hôi nước mắt, rất có thể trong khoảnh khắc nướng sạch gia tài. Đúng như *Trần Kim Hạo* trong *Tùng Giang cù ca* nói "Yết tri hô lô thực miên tri, Cá nhân phụ bác đảng kim ty. Gia nưong giá thú thiên kim tặng, Điểm tận quần khổ vô nhất ty" (Cờ bạc quên ăn, ngủ vật vờ, Nợ nần chồng chất đáng bỏ phờ. Ngàn vàng cha mẹ

(3) *Thanh bị loại sao, Đố bác loại.*

cho bay hết, Quần áo không còn một sợi tơ)⁽⁴⁾. Cho dù là người lúc đầu cẩn thận trong sông bạc, nhưng nếu say mê không thể tự kiểm chế, cũng có thể vì trá tiền hồ, ăn uống ở sông bạc mà tiêu hết gia sản, điều đó không phải là mới mẻ gì trong lịch sử.

Thời Đường có một số sĩ đại phu "đánh trận suốt đêm", kết quả là "phá sản thua to"⁽⁵⁾. Trương Sĩ Thăng thời Minh đã nói tới trên kia, vì không nghe lời khuyên can, say mê cờ bạc, "rốt cuộc khuynh gia bại sản"⁽⁶⁾, nướng sạch toàn bộ di sản hàng vạn lượng vàng và ruộng vườn màu mỡ của cha để lại. Vương Sĩ Trinh thời Thanh trong *Phân cam dư thoại* nói một số con em nhà quan lại bỏ học đua nhau chơi Mã điếu, "không đầy vài năm mà khánh tận gia tài, đến nỗi quan tài cha mẹ còn nằm trong phòng mà nhà cửa đã cầm bán cho người khác rồi"⁽⁷⁾. Vưu Đồng thời Thanh cũng nói trong *Khuyến nhân giới đồ vấn* rằng, kẻ ham mê cờ bạc "Doanh nãi tá trù, Phụ hoặc thư khoán. Gia khí điền viên, Tổ di bảo ngoạn. Khanh giả bất lặn, Bần giả bất quỵện. Thị viết phí tài, Cùng khốn lập kiến" (Thắng thì vay tiền, Thua thì mắc nợ, Nhà bỏ ruộng vườn, Tổ đời bảo vật, Người lặn không keo, Người nghèo không mỏi, Hao tổn bạc tiền, Cùng khổ sẽ tới)⁽⁸⁾.

Sự thật cũng đúng thế. Trong niên hiệu Khang Hy nhà Thanh, láng giềng của Đại Tướng quân Niên Canh Nghiêu "Có bốn con trai đều là kẻ phù bạc, không coi sóc người nhà làm ăn, hàng ngày cờ bạc với bọn vô lại trong làng. Bị thua, cầm nhà cửa để trả nợ"⁽⁹⁾. Lại như họ Vương ở

(4) Dẫn theo *Cựu Thượng Hải đích yên đồ xứng*, tr. 199

(5) *Đường quốc sử bổ*, quyển hạ.

(6) *Giăng hồ kỳ thư xa biển tân thư*, *Dẫn bác biển*.

(7) *Phân cam dư thoại*, quyển 1, *Mã điếu*.

(8) *Thanh bị loại sao*, *Đổ bác loại*.

(9) *Thanh bị loại sao*, *Nghĩa hiệp loại*.

Vô Tích từ đầu thời Thanh trở đi là đại tộc ở bản địa, xây dựng phủ đệ to lớn, khơi sông nhỏ trong vườn, trên có Khôi tinh các, Trùng dương các. Sau gác có vườn, trong vườn có năm tòa giả sơn, sau cách mạng Thái bình Thiên quốc vẫn còn một tòa. Bên trái vườn còn có một gian phòng lớn lộng lẫy do tổ tiên họ Vương là Huyện lệnh Vu Đô Vương Phong Đình xây dựng. Nhưng con cháu họ Vương về sau thích cờ bạc. Anh em con cô con cậu của Vương là Tần vốn có ý dòm ngó khu vườn này từ lâu, bèn hẹn nhau đánh bạc, nào ngờ "vừa gieo xúc xắc thì Vương thua, khu vườn đẹp đẽ trở thành của họ Tần"⁽¹⁰⁾. Đầu thời Dân quốc, Cung Bang Phong từng giữ chức Tùng Hộ Hộ quân sứ, có gia sản hàng vạn quan, vì mê đắm trò Hối lục cầu trong sông bạc, sau cùng khánh tận gia tài. Bí thư Ngô Đồng Uyên của đại quân phiệt Trương Tông Xương trong nhà giàu có, xây dựng một tòa Ngọc Hòa lâu hoa lệ to lớn, cũng kiêu hãnh với danh hiệu "Chủ Ngọc Hòa lâu", kết quả là thua sạch ngôi lầu ấy trong sông bạc. Ở khu Đông bắc, "đám con em thanh niên, những nhà dư dật, vì cờ bạc mà rơi rụng trở thành đói khổ rất nhiều"⁽¹¹⁾. Thời kháng chiến chống Nhật, ở Thượng Hải vì cờ bạc mà khánh tận gia sản có không dưới 4.000 gia đình⁽¹²⁾.

Trước đó cũng có việc vì cờ bạc mà phá sản. Ở hương Bồi Tây huyện Bồi Lăng tỉnh Tứ Xuyên có một ông già làm ruộng giỏi nổi tiếng, nhờ thuê ruộng đất siêng năng làm lụng, lúc đầu nghèo khổ nhưng nhờ không lúc nào nghỉ ngơi nên kiếm được không ít tiền, không những trả hết nợ nhiều năm mà còn một số tiền lớn xây dựng nhà cửa. Nhưng đúng lúc ấy trong làng xóm dấy lên phong khí cờ bạc, ông già lúc đầu vốn định nhân dịp giải trí một lúc, nhưng chỉ trong thời

(10) *Thanh bị loại sao, Đỗ bác loại.*

(11) *Trung Quốc địa phương chí dân tục tư liệu hồi biên*, quyển Đông bắc, tr. 245

(12) *Dân quốc hắc xã hội* (Xã hội đen thời Dân quốc), tr. 156

gian tàn mảy nén hương đã mảy phen lên xuống, mảy lần xoay chuyển, máu cờ bạc nổi lên, rút tay áo một cái, đặt bạc lớn hơn, ông già sáu mươi biến thành ngựa hoang đứt cương. Nào ngờ khí vận không hay, trong vài tháng ngắn ngủi thua hết gia tài. Chỉ đành che bộ mặt già, rời làng phiêu bạt, đi làm ăn mảy "ăn cơm trăm nhà, mặc áo ngàn nhà".

Trong lịch sử còn có một số con bạc không những thua sạch gia tài mà còn thua nốt cả vợ con. Thời Đường đã có kẻ "một tiếng bạc bỏ mất người thiếp như hoa". Thời Minh có hai phụ nữ vì chồng thua sạch gia tài, đem họ làm tiền đặt bạc lại thua mà bị phần tử sát⁽¹³⁾. Điền Nghê Hành trong niên hiệu Gia Tĩnh thời Minh cũng nói đương thời ở một dải Hàng Châu phong khí cờ bạc rất phát triển, đánh bạc nhỏ thì "thua vàng bạc châu báu, đánh lớn thì đặt bạc bằng ruộng vườn nhà cửa, thậm chí cả vợ con thua về tay người cũng diễm nhiên không tiếc, không biết nhục nhã, quả thật đáng chết"⁽¹⁴⁾. Ông còn nói phú ông Mỗ đồng hương với ông vì cờ bạc thua cả vợ con, người vợ không mặt mũi nào gặp ai, treo cổ tự tử. Một người khác là con nhà quan cũng vì cờ bạc mà thua hết tỳ thiếp. *Dã hoạch biên* trong niên hiệu Vạn Lịch cũng nói có một số con bạc mất hết tính người còn "dem thê thiếp cho người ta ngủ để trả nợ cờ bạc, cũng có kẻ lấy vợ đặt bạc mà mất luôn". Chu Chi Tuấn người Uyên Bình thời Thanh mê cờ bạc, vợ là Lý thị tuổi trẻ xinh đẹp, láng giềng có một kẻ tên Thợ Tư Minh, say mê sắc đẹp của Lý thị bèn nói rõ ra. Lúc ấy Thợ và Chu giao hẹn đánh bạc, nếu Thợ thắng thì Chu giao Lý thị cho Thợ, nếu Chu thắng thì Thợ sẽ cắt mười mẫu đất tặng Chu. Chơi suốt ngày đến chiều tối, Chu Chi Tuấn rốt lại bị thua, đành giao Lý thị cho Thợ Tư Minh. *Thanh bị loại sao* còn kể chuyện cuối thời Thanh có Mỗ Giáp vì thua bạc hết tiền, "trong nhà không còn vật gì,

(13) *Minh sử*, quyển 302, *Liệt nữ truyện*, *Vương liệt phụ*, *Hứa liệt phụ*.

(14) *Lưu thanh nhật trát*, quyển 3

nhưng vẫn ham đánh, bèn đem vợ đặt bạc, bọn con bạc đồng ý. Lúc bắt đầu vào đánh mấy lần khấn khứa, nghĩ là ắt thắng, nhưng vừa gieo xúc xắc là thua". Sau cùng đành bán vợ lấy 80 đồng vàng trả nợ cờ bạc.

Hiện nay cũng phát sinh việc đánh bạc thua vợ. Ở trấn Mộ trên bán đảo Liêu Đông có một người xước hiệu là "Anh Hai rửa" (Đại Loát tử), gia cảnh vốn rất sung túc, tiền bạc không thiếu, nhưng đều bị y chơi bạc "rửa" sạch, sau cùng cay cú, đem vợ là Tú Lan ra đặt bạc, nói "Ta hết tiền rồi, anh thua thì đưa ta 2.000, ta thua thì gán vợ một đêm!". Về sau quả nhiên thua bạc, người vợ cũng phải chịu nhục.

2. Tự sát tự tàn

Vì cờ bạc thua sạch gia tài, trong nhà không còn gì, không những "giấc mộng đẹp" phát tài tan tành mà còn mắc nợ chồng chất, chủ nợ liên tiếp tới đòi nợ, con bạc sẽ nảy sinh ý niệm "tuyệt vọng", cuối cùng phần uất tự sát. Chuyện này thì trong xã hội cũ sách vở ghi chép rất nhiều, nhưng hiện tượng tự sát loại này đến nay vẫn còn tồn tại.

Thời Dân quốc, ở Hợp Phì có người họ Ngô, tốt nghiệp Đại học Quân sự Bảo Định, nhận chức vụ dưới quyền anh ruột là Ngô Tân Điền. Năm 1920 về quê phong độ bất phàm, áo cừu mũ lông, rất có khí phái. Nhưng rất thích cờ bạc, trong vòng vài năm gia cảnh sa sút. Con gái y thấy y mê cờ bạc không tỉnh ngộ như thế bèn nhảy xuống giếng tự tử, lấy đó để thức tỉnh cha. Nhưng họ Ngô vẫn chưa tỉnh ngộ, tiếp tục cờ bạc không thôi, đến năm 1937 đã đạt tới mức trong nhà chỉ còn bốn bức vách, ngày không đủ hai bữa, sau cùng không biết làm sao mà sống, cùng vợ nhảy xuống sông tự tử. Theo bài của Tuyết Chung kỳ 4 trên *Thân báo* ngày 12. 2. 1925 đương thời ở Thượng Hải có một người hầu bàn trong quán miến tên Thẩm Lão Hồ, nhờ siêng năng nên dành dụm

được chút ít tiền bạc. Tết năm ấy y cùng đồng nghiệp là Ông Phúc Căn chơi bài cầu "giải trí", kết quả thua sạch tiền bạc, còn mang nợ khá nhiều. Y vừa giận vừa lo, vào một buổi tối ra gốc cây lớn ở bên Tây Tân treo cổ tự tử.

Ở sông bạc Áo Môn hiện tượng thua bạc tự sát này là chuyện cơm bữa. Tháng 2. 1986, một nhà giàu ở Hương Cảng thua sạch tiền bạc ở Bồ Kinh Ngụ lạc trường, không mặt mũi nào nhìn thấy người nhà, lên lầu Tổng Thống ở Áo Môn nhảy xuống tự tử. Theo lời kể thì năm nào ở Áo Môn cũng phát sinh mấy vụ như thế⁽¹⁵⁾. Lại ở cầu gỗ Đài Bắc vài năm gần đây đã phát sinh một vụ cả nhà năm người tự sát, là vì thua bạc không có tiền trả nợ mà bị bức bách phải tìm tới cách thức ngu dại ấy⁽¹⁶⁾.

Vài năm nay số người thua bạc tự sát trong nước cũng ngày càng nhiều. Ở trấn Mỗ vùng sông nước Giang Nam trong nửa năm mà số người chết vì đánh bạc chực chiếm 75% số người chết. Năm 1987, ở một khu vực nông thôn cạnh đường quốc lộ tại Hồ Bắc, trên đầu một ngôi mộ mới cỏ tranh thưa thớt có một tấm bảng gỗ làm mộ bia, trên viết "Người này mê cờ bạc vài tháng, thua hết vài ngàn, ngày 28. 5. 1987 treo cổ trên xà nhà tự tử, hôm sau mẹ y cũng tự tử". Vì cờ bạc mà mẹ con tự tử, nói rõ sự khốc liệt của mối hại cờ bạc.

Dưới đây hãy xem một số báo chí các nơi:

"Ngày 8. 10. 1989, Triệu Nghiệp Kỳ ở thôn Hoa Viên Phi trấn Tây Ly huyện Tùng Tư tỉnh Hồ Bắc đánh bạc chực thua một số tiền lớn, bị vợ con chửi mắng, uống thuốc độc tự tử".

"Ngày 20. 1. 1990, Long Quang Trí thôn Sa Bảo hương Hợp Chính huyện Gia Ngự thua bạc hơn

(15) *Đổ béc quy lai thoại béc thái*, xem *Văn hóa dữ sinh hoạt*, số 5, 1988

(16) *Quốc tế đại đổ béc* (Cờ bạc lớn trên quốc tế), tr. 74

3.000 đồng, chủ nợ tới đòi không ngớt ở cửa, y bị bức bách không còn cách nào nên uống thuốc độc tự tử. Vợ y là Tạ Lan Cúc thấy chồng uống thuốc độc chết, cũng đề hai đứa con ra cùng uống thuốc độc tự sát".

"Ngày 5. 4. 1990, một cặp vợ chồng ở Thượng Hải vì đánh mất chức mà gia đình lục đục, kết quả Lưu Mỗ 37 tuổi tự tử".

"Ngày 9. 7. 1992, Vương Thời Lâm ở Công ty xây dựng Nam Xương tỉnh Giang Tây mang 250.000 đồng gởi tiết kiệm không kỳ hạn đánh bạc, thua hết tất cả, bèn thắt một cái vòng lên ống gang trên nóc phòng ngủ của mình treo cổ tự tử"⁽¹⁷⁾.

3. Hai vợ hại con

Vợ con bị bức bách tự sát. Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, ở Hợp Phì An Huy có một người họ Trần, thừa hưởng nhà cửa ruộng đất rất nhiều, nhưng Trần không nghĩ tới việc giữ gìn cơ nghiệp, mà nghiện cờ bạc thành nết, cầm bán hết nhà cửa ruộng đất. Vợ y khuyên mấy lần nhưng y không nghe, phần uất tự sát, lại lưu lại mười bài thơ khuyên chồng. Bài đầu tiên viết "Thị thùy thiết thử mê hồn trận, Lung lạc lương nhân mộ tác triêu? Thân quyền nang không quy ngọa hậu, Chấm biên do thính mộng hồ yêu" (Là ai bày trận mê hồn ấy, Lung lạc chồng ta suốt cả ngày, Thân mệt túi không về ngủ muộn, Trong chăn còn thấy mờ chia bài). Bài thứ hai viết "Phản hương bảo đỉnh chúc thương thiên, Điểm hữu lương nhân tính tảo thiên. Thúc thủy phụng thân thư giáo tử, Thê quy tuyến hạ dã an nhiên" (Thắp hương khấn vái với thiên công, Chỉ điểm đường ngay sửa tính chồng, Báo hiếu mẹ cha răn trẻ học, Suối vàng hôn vợ cũng

(17) Văn hối báo, ngày 12. 9. 1992

yên lòng)⁽¹⁸⁾. Nhưng những lời khuyên bảo ai oán ấy không hề có tác dụng gì với Trần, cũng không hề nghĩ rằng chính y đã hại chết vợ, vẫn đánh bạc không thôi, sau cùng rơi rụng làm ăn mảy, lưu lạc tha hương, không biết kết cục ra sao. Trong vài năm nay việc vợ các con bạc tự sát cũng có xu thế gia tăng.

Thôn Vương Sinh hương Minh Đông huyện Gia Sơn tỉnh An Huy có người nông dân Hoa Ứng Lương và vợ vốn siêng năng. Từ khi thi hành chính sách khoán sản phẩm, gia cảnh dần dần sung túc, sắp xây phòng mới chuẩn bị cưới vợ cho con trai, cả nhà vui mừng hơn hở. Nhưng đúng lúc ấy Hoa Ứng Lương lại rơi vào vũng lầy cờ bạc không thể rút chân lên được, y càng thua càng muốn đánh, thua rất nhiều, tiền xây phòng mới đã thua sạch, đành ở trong gian phòng lợp tranh dột nát, vợ con thường khuyên y không nên đánh bạc nữa, phải để dành tiền xây phòng, không thì không thể kiếm được con dâu, nhưng đều bị Hoa Ứng Lương chửi mắng tàn tệ. Ngày 19. 10. 1990 Hoa Ứng Lương lại đi đánh bạc suốt đêm thua hết tiền, cúi đầu ủ rũ trở về. Vợ thấy đáng về như thế lại khuyên y lợp nhà để cưới dâu. Hoa Ứng Lương thua tiền vốn đã tức giận đầy bụng, lại bị vợ lăng nhăng một hồi, càng tức giận nói "Cầm cái miệng thối của bà lại!". Kế đó hai người cãi vả một trận. Con trai y quả thật không chịu nổi, nói "Đều là tại con, con làm liên lụy tới cha mẹ, con không muốn sống nữa", rồi cầm chai DDT uống luôn. Hoa Ứng Lương thấy con sùi bọt mép bất tỉnh nhân sự, vội đưa tới bệnh viện. Vợ thấy con trai bị Hoa bức tử, nhất thời không suy nghĩ, cũng cầm nửa chai DDT lên uống, kết quả hai mẹ con đều không kịp cấp cứu mà chết. Vì người chồng cờ bạc mà khiến ngoài đồng có thêm hai ngôi mộ mới⁽¹⁹⁾.

(18) Dẫn từ *Dân quốc hức xã hội*, tr. 155

(19) Xem *Dân chủ dữ pháp chế*, ngày 6. 9.1991

Chồng bị bức bách tự sát. Năm 1928, ở bến Huy Ninh Nam Thị Thượng Hải có Phương Mậu Lâm người Ninh Ba, vợ là Ưông A Xảo từ sáng đến tối lui tới sông bạc, nhưng thường bị thua, cầm cố hết vàng bạc, quần áo của Mậu Lâm không còn món nào. Vì thế vợ chồng cãi cọ, "Ưông thị lại gọi anh trai tới làm khó Phương"⁽²⁰⁾, Phương căm tức, nhảy xuống sông Phố Giang tự tử. May sao được thuyền chài cứu sống, nhưng giữa vợ chồng đã hình thành một vết thương không thể hàn gắn. Vài năm nay cũng phát sinh mấy vụ tương tự. Vợ Trương Mỗ thôn Đông Oa huyện Liêu Lâm tỉnh Sơn Tây ham mê mật chược, thường đánh bạc thâu đêm suốt sáng, ban ngày thì ngủ, nợ nần rất nhiều, lại dan díu với một con bạc đàn ông trong sông. Trương Mỗ hết lời khuyên can, lại trả nợ cờ bạc cho chị ta, nhưng người vợ không nghe lời khuyên, ngày 5. 6. 1992 lại đi đánh bạc, Trương Mỗ thấy thế rất tức giận, bèn bế đứa con nhỏ bốn tuổi đang ngủ treo cổ tự tử⁽²¹⁾.

Vì cờ bạc mà khiến vợ chồng phải tự sát, là vì đánh bạc thua tiền, sinh hoạt gia đình không được bảo đảm, phát sinh khó khăn, lại thêm kẻ ham mê cờ bạc thì tất nhiên dần ông quên lao động, dần bà quên việc nhà, dẫn tới việc bất mãn cao độ của các thành viên trong gia đình, phát sinh cãi vã to tiếng, chửi bới tục tằn, động chân động tay đánh nhau, có người còn cho là "mất thể diện", tuyệt vọng về đời sống, từ đó đi tới con đường tự tử.

Tàn hại vợ chồng. Người tham gia cờ bạc sau khi thua một khoản tiền lớn, vì bị một đòn nặng, tinh thần có thể thất thường, mất hết lý trí, gây nguy hiểm cho sự an toàn về tính mạng của người nhà, thậm chí giết vợ giết con từ đó nảy sinh.

(20) *Thân báo*, ngày 1. 10. 1928, *Kỳ đồ luy cập trung phu* (Nghiện cờ bạc làm lụy cho chồng).

(21) *Dân chủ dữ pháp chế*, ngày 21. 12. 1992

Ở Thượng Hải có một thanh niên họ Phương 29 tuổi là công nhân ở một xưởng cơ khí, vợ 28 tuổi, cũng làm việc cùng xưởng. Phương chơi bạc bắt đầu từ chỗ "cò con" về sau phát triển thành đánh lớn, say mê. Có lần trong một đêm y thua hết hơn 2.000 đồng mang theo trong người, còn vay thêm 1.000 đồng. Y về nhà lột nhẫn vàng của vợ trả nợ, vợ sống chết không chịu. Sau cùng để ép vợ vào khuôn phép, y bèn bắt cô uống DDT, vợ kiên quyết không chịu. Y lại táng tận lương tâm điên cuồng bức ép vợ phải uống; đứa con trai nhỏ cũng bị y đổ DDT mà chết, sau cùng y cũng đi tới chỗ cùng đường. Đúng là một thanh niên đánh mất lý trí, đánh bạc bằng tính mạng ba người trong một gia đình.

Dưới đây là một vụ án mạng, xem qua nhất định sẽ cảm thấy hơi buồn cười, nhưng cũng vô cùng đáng đau xót.

Đỗ Dũng là Tổ trưởng chống cờ bạc ở một huyện tự trị phía tây Liêu Ninh biệt phái xuống cơ sở, nhưng lại không chống được sự hấp dẫn của cờ bạc, rơi vào vòng đồ đen, không những thua sạch toàn bộ tiền lương hàng tháng mà còn thua luôn cả tiền phụ cấp cho con trai. Vợ thấy tình hình như thế rất lo lắng tức giận, mắng y một câu. Hai người cãi cọ, càng cãi càng hăng. Sau cùng Đỗ Dũng rút súng bắn chết vợ rồi kê súng vào miệng tự tử. "Tổ trưởng chống cờ bạc chết vì cờ bạc", chẳng phải có một ý vị phúng thích to lớn sao?⁽²²⁾

Hành hạ con cái. Để có tiền trả nợ cờ bạc và tìm tiền đánh bạc, trong đám con bạc thường phát sinh bi kịch cầm bán con cái. Đúng như *Thanh bị loại sao* giải thích, mặt chược là vật bất tường "Phương tương thủ nhữ tử, Phí hựu hủ nhữ thất" (Đã cướp mất con người, Lại phá nát nhà người). Có một số con bạc mờ mắt vì tiền vì nhu cầu cờ bạc mà hành hạ, thậm chí giết chết con cái. Trong Hoa hội cờ

(22) Vương Chấn Hưng, *Cầm đồ tổ trưởng tử vụ đồ* (Tổ trưởng chống cờ bạc chết vì cờ bạc), *Gia đình*, số 5, 1990

bạc ở Thượng Hải thời trước, một số phụ nữ bị đầu độc để được "thần chỉ báo trong giấc mộng" mà đánh một lần là trúng, đã tìm mọi cách cầu mộng. Không biết từ lúc nào, trong các con bạc của Hoa hội có lời đồn "Nếu đặt cái đầu người chết bên cạnh mình lúc ngủ, cái đầu ấy nhất định sẽ báo mộng cho mình nói với anh ngày mai sẽ ra cửa nào, lại mười phần linh nghiệm. Vì thế có phụ nữ ngu xuẩn, bị đầu độc quá nặng mong có được một cái đầu người chết cùng ngủ với mình bèn giết chết con ruột để cầu mộng phát tài. Chuyện này báo chí ở Thượng Hải đương thời có đưa tin"⁽²³⁾.

Bây giờ hãy nêu một ví dụ về việc hành hạ con cái.

Nông dân Tưởng Sơ Tân ở hương Mỗ huyện Chư Kỳ tỉnh Chiết Giang đánh bạc thua hết tiền dành dụm trong nhiều năm. Năm 1917 y kết hôn với Chu Mỗ, sinh được một con gái, nhưng Tưởng Sơ Tân vẫn đi vào con đường cờ bạc tà đạo. Chu Mỗ thường khuyên can nhưng thấy chồng không chịu tỉnh ngộ, một lần tức giận bèn bỏ con gái ở lại mà về nhà mẹ ruột. Tưởng Sơ Tân sợ con kêu khóc ảnh hưởng tới việc đánh bạc bèn cho con uống thuốc ngủ. Có lúc Tưởng đánh bạc một mạch ba mươi sáu giờ liền, đưa con đói không có cách nào, muốn ra ngoài tìm cái ăn, kết quả coi cửa sổ là cửa chính, bò qua đó ra ngoài, may là nhờ đinh móc áo lại nên chưa gặp tai họa. Năm 1981 đưa con mắc bệnh, càng ngày càng nặng, Tưởng vẫn chưa đưa tới bệnh viện, lại cho nửa miếng a kỳ sát linh, vẫn nhẫn tâm rời nhà đánh bạc. Lúc trở về con gái đã chết thắm, vợ thấy thế bèn chính thức ly hôn với y.

Vợ chồng họ cá thể Tần Cương gia đình dư dật, còn có con gái lanh lợi khá ái 16 tuổi. Nhưng vợ chồng họ rất mê cờ bạc, cứ đến chiều tối là phải ra ngoài đánh bạc, không ai muốn ở nhà trông con. Để ngăn cấm "hoạt động" của con, mỗi

(23) *Cựu Thượng Hải dịch yên đồ xướng*, tr. 131

ngày cho nó uống một viên Đông miên linh. Mấy tháng sau con gái củ chỉ đỡ dần, phản ứng chậm chạp, ngay cả cách thêm bớt đếm que cũng không biết, chỉ số thông minh chỉ như một đứa trẻ hai ba tuổi. Tới bệnh viện, bác sĩ cho rằng đã khó có thể khôi phục lại được tình trạng bình thường. Hai vị chồng hồi hận thì đã muộn⁽²⁴⁾.

4. Vợ chồng ly hôn

Những ví dụ về việc vì cờ bạc mà đưa tới chỗ vợ chồng bất hòa, tình cảm tổn thương, sau cùng đưa tới ly hôn có thể nói là kể ra không hết. Chuyện này thời trước đã có, không có gì lạ. Năm 1931, Từ Bàn Lâm người Long Hồ đường ở Thường Châu mê cờ bạc, sau khi cửa hàng tạp hóa mà cha để lại lụn bại, y lưu lạc tới Thượng Hải, tiếp tục đánh bạc, quên cả cơm nước. Vợ là Cố thị không chịu nổi đời sống quần bách, sau khi quen biết dan díu với một người khách ở Tô Châu, bèn trốn đi⁽²⁵⁾.

Vài năm nay những vụ án ly hôn vì cờ bạc ở nước ta ngày càng nhiều. Theo thống kê ở một số khu vực, những vụ vì đánh bạc chược dẫn tới ly hôn trong năm 1987 chiếm 4% trong các vụ ly hôn, năm 1988 tăng lên tới 20%, năm 1989 lại tăng lên tới 25%. Mức độ gia tăng mau lẹ khiến người ta phát sợ⁽²⁶⁾.

Trong những vụ ly hôn mà Tòa án nhân dân khu Tiên Tiến thành phố Giai Mộc Tư ở Hắc Long Giang thụ lý hàng năm, những vụ do cờ bạc dẫn tới chiếm 34,6%⁽²⁷⁾. Một cặp vợ chồng nghiện đánh bạc chược, hết giờ làm việc về nhà không nấu cơm, không lo việc nhà, chơi luôn đến nửa đêm, thậm chí suốt đêm. Kết quả hai người đều thua, lại cãi nhau về việc

(24) *Quý hoa*, số 2 - 3, 1992

(25) *Thân báo*, ngày 26. 1. 1931

(26) (27) *Thế kỷ tật bệnh tảo* (Chứng bệnh cấp tính cuối thế kỷ) tr. 87

dọn dẹp nhà cửa, cuối cùng chỉ còn cách ly dị. Lại có Bành Hạo là nhân viên một công ty ở huyện Giang Lăng, vốn có một "tổ ấm" hạnh phúc, nhưng y thường đánh bạc ở ngoài, không lo lắng cho vợ con, vợ tức giận bế con về nhà mẹ ruột. Bành Hạo cho rằng như thế càng "tự do", lại càng say mê đánh bạc chược, thua sạch mấy trăm đồng trong nhà, còn mắc nợ thêm 2.000. "Từ đó gia đình vốn hòa thuận này không còn được ngày nào bình yên nữa, cãi cọ, đánh nhau không thôi". Về sau vợ y hẹn hò, khiêu vũ với người khác, tiến tới ở chung, sau cùng vợ chồng ly hôn.

Vì cờ bạc mà ly hôn phần lớn do đám con bạc không lo lắng tới gia đình. Có kẻ đánh bạc thua tiền, nợ nần chồng chất, khiến gia đình túng thiếu, có kẻ say mê thành nghiện, không nghĩ tới việc hối cải, giữa vợ chồng thiếu cuộc sống tình cảm, thường cãi cọ, lại có kẻ không làm hết nghĩa vụ với gia đình, không quan tâm tới nỗi khổ của vợ con. Theo thống kê của Tòa án Mỹ ở Thượng Hải, ba nguyên nhân kể trên chiếm tỷ lệ 37,8%, 32,5% và 29,7% trong những vụ ly hôn loại này. Sự lục đục trong gia đình do cờ bạc dẫn tới này làm căng thẳng thêm mâu thuẫn trong gia đình, gây rối trị an xã hội, vì thế nhất định phải nghiêm khắc xử trị đám con bạc theo pháp luật.

II. Dẫn tới phạm tội

1. Đánh nhau giết người

Trước tiên là phát sinh cãi cọ, tranh chấp trong sòng bạc dẫn tới đánh nhau, thậm chí giết người. Ở Thượng Hải thời trước cơ hồ hai ba hôm lại phát sinh một vụ đánh nhau vì cờ bạc. Ngày 8. 2. 1916, trong quán trà Tiểu Phong Viên ở bến Sinh Nghĩa phía nam Thượng Hải có một số phu khuân vác vì phát sinh cãi cọ đánh nhau trong sòng bạc, kết quả hai người bị thương ở mặt, một người bị thương ở tay, đám

con bạc bị cảnh sát bắt giữ. Qua hôm sau, ở quán trà số 75 đường Tân Giáp Mai Bạch Khắc Thượng Hải lại phát sinh đánh nhau vì cờ bạc, hai con bạc bị thương, cũng bị bắt giữ.

Gần đây, một người họ Vương ở thôn Hoàng Lược và một người họ Dương ở thôn Văn Xa tại khu Mỗ đánh cờ ăn tiền với nhau, phát sinh cãi cọ, kẻ đó động thủ. Có người lợi dụng mâu thuẫn lâu đời giữa hai họ, tiến hành kích bác. Lúc ấy bên nào cũng tự tổ chức đội cầm tử, phát thẻ phải trả thù cho dòng họ, chia nhau bố trí chướng ngại vật, hàng rào trong thôn ngoài thôn. Thôn Hoàng Lược còn bảo du kích dùng sáu khẩu súng trường, hơn 8.000 viên đạn bắn bừa qua thôn đối phương làm 2 người chết, 14 người bị thương, tổn thất vật chất trên 1 triệu đồng⁽²⁸⁾.

Có kẻ vì đòi nợ cờ bạc mà đánh nhau giết người. Vương Thụ Ba nông dân ở thôn Cao Đài hương Dương Tra huyện Tập An tỉnh Cát Lâm đánh bạc thua 17 đồng 4 hào, còn thiếu hai người Chu Lục, Lưu Quý Tượng 2 đồng 4 hào. Lúc Chu Lục đòi nợ Vương Thụ Ba, hai người phát sinh cãi cọ, tay đánh chân đá. Vương Thụ Ba bị đánh chảy máu mặt nhất thời nổi giận, vớ dao thái rau chém chết Chu Lục cùng người anh ruột, còn chém một con bạc khác là Lý Quốc Hoa trọng thương⁽²⁹⁾.

Có kẻ vì đòi tiền thua bạc không được mà giết người. Ngày 19. 7. 1992, bọn Hạ Quốc Chí, Kim Ngọc Lâm, Diêu Mỗ và Vương Mỗ hơn mười người ở thành phố Giai Mộc Tư họp nhau đánh bạc. Nhưng bọn Hạ Quốc Chí rủi ro, thua tới mấy vạn đồng. Bọn Vương Mỗ đi rồi, bọn Hạ, Kim, Diêu không cam tâm, "bèn mang súng kíp, súng săn tự tạo tới chỗ Vương Mỗ đòi trả lại tiền, bị Vương từ chối, ba người bèn bắn Vương

(28) *Pháp chế nhật báo*, ngày 28. 1. 1992

(29) *Thế kỷ mạt bệnh tảo*, tr. 87, *Ma tương cuồng diêm s* (Con lốc mạt chược).

Mồ chết tại chỗ⁽³⁰⁾. Về sau bọn Hạ trốn lên Thượng Hải, vì hoạt động lừa đảo bị lộ mặt, bị bắt về xét xử.

Có kẻ vì "xoay" tiền đánh bạc mà giết người. Lâm Chúc Tiến công nhân xưởng đúc Mồ ở Ôn Châu Chiết Giang vào sông bạc, bị thua mắc nợ, nhưng vẫn muốn lấy lại vốn. Để tìm tiền đánh bạc nên mắc tội lừa đảo. Y thấy bác Từ cha nuôi của cô em con cô con cậu là kiều bào nước ngoài có tiền, bèn tới "mượn" tiền, bác Từ không cho. Lâm Chúc Tiến bèn rút chùy sắt mang sẵn theo người đánh vào đầu Từ, bác Từ gãi thấy thế kêu cứu, cũng bị đánh ngã lăn ra đất. Lâm Chúc Tiến rất mau lẹ sa lưới, từ sông bạc đi tới pháp trường. Lúc lâm hình, y hối hận nói "Cờ bạc khiến tư tưởng của tôi bị đầu độc biến chất, trở thành hung thủ cướp của giết người. Nó đưa tới sự hủy diệt bản thân, cũng đưa tới sự bất hạnh cho gia đình... Tôi đến lúc chết mới hiểu rõ, cờ bạc là nguồn gốc của muôn điều ác"⁽³¹⁾.

Buồn cười hơn là có người vì 10 đồng tiền đánh bạc mà giết người. Thôn Tứ Long Câu trấn Sa Hải huyện Kiến Bình tỉnh Liêu Ninh có nông dân Quách Vũ hai mươi ba tuổi, vào một ngày năm 1988 đánh bạc ở nhà anh y thua mất 7 đồng, trong lòng rất tức giận, muốn lấy lại tiền. Đến nửa đêm y đột nhiên nghĩ ra hôm tết cha từng cho bà nội kể bảy mươi sáu tuổi 10 đồng, bèn nảy ý xấu, thác cổ tức ngực phải lấy thuốc uống, vào phòng bà nội nháy xổ vào xiết cổ bà già chết, lấy 10 đồng bỏ trốn⁽³²⁾.

Cũng có kẻ vì giận cá chém thớt mà giết người. Thẩm Kim Long ở Xưởng gạch ngói trấn Nam Giao huyện Thái Thương tỉnh Giang Tô cùng "bạn thân" là Tiền Mồ bị đám

(30) Văn hời báo, ngày 18. 10. 1992

(31) *Tha từng đồ trường tẩu hương pháp trường* (Y từ sông bạc đi tới pháp trường), Văn hóa dữ sinh hoạt, số 4, 1986

(32) *Đồng bác tam tỉnh đồ phong thẩu thị* (Nhìn lại tình hình cờ bạc ở ba tỉnh vùng Đông bắc), Liêu vọng, ngày 18. 2.1990

con bạc rủ rê, thường vào sòng chơi một hai ván. Nhưng Thẩm Kim Long thua nhiều thắng ít, có đêm thua hơn 500 đồng. Thẩm Kim Long thua bạc cay cú, lại giận lây qua Tiền Mỗ, đêm ấy đặt hai sợi dây điện trên giường ngủ của Tiền Mỗ định giết Tiền, về sau vì trên giường xet lửa bị người ta phát giác, nên chưa đạt được mục đích. Lại như ở Hoàng Kinh thành phố Thường Thục tỉnh Giang Tô có một chủ quán nhỏ ham mê đánh bạc, thua hết cả tiền, vợ khuyên can nhiều lần vẫn không nghe bèn bỏ về nhà mẹ đòi ly hôn. Y qua nhà mẹ vợ cãi nhau với vợ, bà mẹ cũng ngồi bên cạnh nói con rể không phải. Y thẹn quá hóa giận, giận lây qua mẹ vợ, bèn lên cơn vợ một cái xẻng sắt, đập chết bà già⁽³³⁾.

2. Cướp giật bắt cóc

Vì đánh bạc thua hết tiền, không sao sinh sống, hoặc vì muốn gỡ vốn mà tìm tiền đánh bạc, có người mạo hiểm đi vào con đường cướp giật bắt cóc. Ngày trước một số con bạc chính vì cờ bạc mà thành giặc cướp. Số người vì cờ bạc mà đi cướp bóc vài năm nay cũng ngày trầm trọng, gây nguy hiểm rất lớn. "Năm 1985, ở khu Mỗ tỉnh Hắc Long Giang bắt được một nhóm trộm cướp lớn, có 26 người vì thua bạc mà gây án, chiếm 34,8% trong loại tội phạm này"⁽³⁴⁾. Như Trần Xảo Tân nhân viên cửa hàng lương thực đường Cổ Trung Thị thành phố Thành Đô, vốn rất nổi tiếng trong hệ thống lương thực toàn thành phố, y học tập chuyên cần, công tác tận tụy, xử sự hòa nhã, thường được biểu dương. Nhưng hàng ngày cứ đóng gạo bán miến, hình thành một "khoảng cách" lớn với thế giới náo nhiệt bên ngoài, y cảm thấy rất tịch mịch, nên vào khu "vui chơi" tìm "thú vui tinh thần" trong bài poker, từ những

(33) *Đồ bác thị hại nhân đích nê đàm* (Cờ bạc là vũng lầy hại người), xem *Tô Châu nhật báo*, ngày 12. 1. 1992

(34) *Đồ bác hoạt động tất tu nghiêm lệ tra cấm* (Phải điều tra nghiêm cấm hoạt động cờ bạc), xem *Pháp chế nguyệt san*, số 12, 1989

sự khích liệt nhỏ từng bước tiến lên đánh lớn. Nhưng y thua liên tiếp, thua sạch tiền mặt, đồng hồ, nợ nần chồng chất. Để tìm tiền đánh bạc, y bất kể tất cả diên cuồng mạo hiểm. "Trưa ngày 8. 5. 1980, y giắt hung khí trong người, đi khắp nơi tìm đối tượng để cướp giật, cuối cùng vào nhà xí trong công viên Nhân Dân, giơ gậy đập mạnh vào đầu lão nghệ nhân Kinh kịch Hoàng Bội Liêm, lột chiếc đồng hồ vàng dính đầy máu bỏ đi"⁽³⁵⁾. Vụ án mau chóng bị phá, Trần Xảo Tân cuối cùng thua sạch cuộc sống gần gũi trên sông bạc.

Còn như vì đánh bạc mà bắt cóc thì cuối những năm 20 thế kỷ này có vụ Ngụy Đình Vinh khá nổi tiếng. Ngụy Đình Vinh là Kinh lý Công ty vàng bạc Trung Pháp, Tổng tư lệnh Nghĩa dũng đội trong tô giới Pháp, là con rể đầu của Chu Bảo Tam mãi biền sớm nhất ở Thượng Hải, bản thân cũng có thực lực kinh tế, chính trị nhất định, cũng biết một ít võ nghệ. Trưa ngày 24. 7. 1929, Ngụy Đình Vinh cùng ba con trai lên xe hơi đi từ công ty vàng bạc Trung Pháp tại ngã tư đường Chu Bảo Tam (nay là đường Khê Khẩu) và đường Ái Đa Á (nay là đường Diên An Đông) chưa bao xa, đột nhiên trước xe xuất hiện hai người cầm súng, hai bên xe lại có hai người mở cửa xe, bắt lái xe và hai đứa con của Ngụy xuống, sau đó lái xe chạy mau về phía nam. Tới đường Dân Quốc (nay là đường Nhân Dân), lại đuổi một đứa con của Ngụy xuống xe, xe hơi lại đổi hướng phóng mau về chỗ lúc đầu, mất hút trong Thượng Hải mênh mông.

Về sau có người bí mật tố cáo, nguyên người gây ra vụ án này chính là Triệu Ủy Tiên, con rể Chu Bảo Tam, anh em cột chèo với Ngụy. Triệu Ủy Tiên vốn là viên chức trong Công ty vàng bạc Trung Pháp, Ngụy Đình Vinh đối xử với y không tệ. Chính là ở nhà Ngụy mà Triệu làm quen với con gái út của Chu Bảo Tam, hai người cưới nhau, Triệu thành

(35) Xem *Mỗi chu văn trích*, tập 4, tr. 40 - 41

em cột chèo của Ngụy. "Triệu Ủy Tiên nghiền cờ bạc thành nết, nhận Đỗ Nguyệt Sinh làm thầy, trong mấy năm thua sạch mấy vạn đồng hồi môn của tiểu thư họ Chu"⁽³⁶⁾, để kiểm tiền bất chính, bèn đạo diễn vụ bất cóc nói trên. Sau khi bị bắt, Ngụy Đình Vinh bị đưa tới nhốt dưới làng. Về sau Ngụy thuyết phục được người canh gác mình mới lén trốn thoát được, chân tướng bộc lộ, nhưng vì Triệu Ủy Tiên là ác bá ở Thượng Hải, em y lại là Cục trưởng Cục Xã hội thành phố Thượng Hải, nên vụ án ấy không kết thúc được. Loại vụ án này cho thấy rất rõ là bọn con bạc điên cuồng táng tận lương tâm có thể lấy oán báo ơn, không kể gì tới người thân, vì tiền mà họ có thể bất kể tất cả.

3. Lừa đảo lường gạt

Lừa dối bất cóc. Vũ Thành Bình ở tù mãn hạn được tha về ở thôn Song Long trấn Hợp Đức huyện Xạ Dương phía bắc tỉnh Giang Tô, vì đánh bạc mắc nợ mấy trăm đồng. Để trả nợ, chiều ngày 30. 10. 1992, lúc đưa con trai bốn tuổi của Từ Thọ Khôi ở thôn Hưng Bắc trong trấn một mình chơi đùa ngoài phố, y bèn tới lừa gạt nó mang lên xe, mau lẹ chở tới trấn Phụ Thành huyện Phụ Ninh, vào trọ ở một nhà trọ tư nhân phía tây trấn. Về sau ra đường, "tự nói là vì phạm việc sinh đẻ có kế hoạch, không có tiền nộp phạt, nuôi không được nên bán đứa nhỏ, ra giá 1.500 đồng"⁽³⁷⁾. Đúng lúc y đang giao dịch với một nông dân ở huyện Tân Hải cạnh Cung Văn hóa Công Nhân thì bị hai cảnh sát do huyện Phụ Thành phái xuống bắt tại chỗ.

Gian trá. Ở khu Mỗ có L. thua bạc liên tiếp, mắc nợ

(36) Ngô Cơ Dân, *Cựu Thượng Hải đích bang phiếu án* (Vụ án bất cóc ở Thượng Hải ngày trước), xem *Thượng Hải thân* (Bến Thượng Hải), tr. 18

(37) *Giang Tô pháp chế báo*, ngày 4. 11. 1992

mấy ngàn đồng. Để trả nợ, y nảy ý xấu. Y thấy M. chơi thân với vợ mình là D., bèn bảo D. thông gian với M. "Dưới sự thôi thúc đe dọa của chồng, D. đồng ý". Có lần M. tới thăm D. suốt ngày, D. nói chồng đã ra ngoài đi chợ, nói xong ưỡn eo khêu gợi M., lúc hai người đang ôm ấp hôn hít nhau, L. đột nhiên xuất hiện trước mặt họ, qua một hồi uy hiếp, M. đành đưa ra 2.000 đồng tiền "thông gian". Nhưng lúc D. biết chồng mình đánh bạc thua tiền nên giá họa cho M, mới biết mình mắc câu, trở thành tòng phạm, rất áy náy hổ thẹn, bèn chủ động tới tìm M., quan hệ giữa hai người lỏng giả thành chân. D. tư tình với M., cuối cùng L. phát hiện được. Một hôm, L. "bắt được quả tang", hai người đàn ông đánh nhau một trận, "D. bước lên can, bị L. đá một đá trúng hông, chỉ nghe D. gào thảm một tiếng ngã xuống đập vào góc bàn, máu tươi phun ra đầy đất, M. thấy thế hận là không thể lập tức giết chết L., hai người lại xông vào đánh nhau"⁽³⁸⁾, sau cùng hai người đánh nhau tới mức máu me đầm đìa, vết thương chi chít, D. lúc trên đường đưa tới bệnh viện vì vỡ động mạch thận xuất huyết quá nhiều nên tử vong.

Cờ bạc là một loại hoạt động tội phạm phải bị pháp luật chế tài. Có một số phần tử tội phạm lợi dụng điểm đó, thông đồng với nhau, mạo nhận là cảnh sát "bắt bạc", nhân cơ hội vói vĩnh hạch sách. Năm trước thanh tra kinh tế Lý Kim Sâm ở Xưởng chế tạo cơ khí Thượng Hải vì tìm tiền đánh bạc mà mạo nhận là nhân viên công an lần lượt tới nhà họ Từ, họ Khang ở đường Trường Trung để "bắt bạc", trước sau lấy được hơn 500 đồng. Ở trường Cao đẳng Mô tại Thượng Hải có mấy học sinh vào tháng 12. 1991, để tìm tiền chơi đêm Noel, mạo nhận là dân phòng tới chỗ dân công đánh bạc cạnh trường tiến hành lừa đảo. Lúc họ dùng mấy trăm đồng cướp được vui chơi thoải mái qua đêm Noel, cao

(38) *Gia đình báo tình tuyến bản*, Thượng Hải (tháng 6. 1990 - 5. 1991), tr. 13

hứng vì mình thắng, thì chiếc còng vô tình đã bập vào tay họ. Tội lừa đảo của họ bị khởi tố.

Lừa gạt. Ở khu Mỗ vùng Đông bắc có Lý Sơn Bảo thích ăn lừa làm, được gọi là Hồn tử, vì tà khí đầy người, bị Diêu Văn Quý quen cờ bạc dụ vào con đường cờ bạc đen tối. Diêu Văn Quý cùng "chiến hữu" phối hợp rất hay, cho y được bạc, kết quả khiến Lý Sơn Bảo lui tới thua sạch tiền. Để đánh bạc, Lý Sơn Bảo đầu tiên giả mua áo quần cho con, lừa vợ lấy 200 đồng. Vì kỹ thuật đánh bạc kém xa nên không đẩy vài hợp lại thua hết tiền, nhưng y vẫn không nhận thua, mượn tiền đánh tiếp, "càng thua càng muốn gỡ, càng gỡ càng nóng ruột, càng nóng ruột càng thua to", "tất cả thiếu hơn 4.000 đồng nợ cờ bạc"⁽³⁹⁾. Để trả nợ, bèn lấy cơ vay tiền gấp để mua hàng hóa, xe mô tô, chất đốt, xăng dầu trả lãi cao để dụ dỗ, lừa gạt người khác. Từ tháng 4. 1985 đến tháng 6. 1986 trong thời gian 14 tháng, Lý Sơn Bảo trước sau lừa 18 người lấy được 23.300 đồng. Phần lớn số tiền này bị thua bạc, số còn lại cũng bị tiêu hết. Người bị hại phát hiện mình bị lừa, tố cáo với tòa án, cơ quan thi hành pháp luật bắt y xét xử, bị giam tám năm, tước quyền công dân một năm. Lý Sơn Bảo đi vào bốn bước ngoặt lưu manh, cờ bạc, lừa đảo và bị tù tội, rơi xuống thảm cảnh đáng buồn.

4. Trộm cắp

Chuyện vì cờ bạc mà trộm cắp càng không thể kể xiết, có thể thấy khắp nơi, nhân viên Sở thú có thể đánh cắp khi mà mình chăm sóc ra bán để trả nợ cờ bạc, nhân viên quản lý cửa hàng mai táng có thể trộm cắp hủ đựng cốt ra bán, cũng để trả nợ cờ bạc.

Cũng có kẻ vì đánh bạc thua mà tiến hành trộm cắp báo thù. Chu Vĩnh Tường ở đường Bắc Tây trấn Thất Bảo

(39) *Pháp chế dữ văn minh*, Thẩm Dương, số 9, 1987, tr. 22 - 26

huyện Thượng Hải đánh bạc với láng giềng là bọn Ngô Mỗ bị thua liên tiếp, trước sau tổng cộng mấy ngàn đồng. Chu cho rằng ba người bọn Ngô Mỗ thông đồng với nhau lột tiền mình. Để "báo thù", ngày 20. 11. 1991 Chu mang phương tiện đột nhập vào nhà Ngô trộm cắp, mở khóa cửa chấn song, lấy trộm tất cả 80 đồng nhân dân tệ, 5.000 đồng gửi tiết kiệm, một cái tivi, một cái đồng hồ điện tử thạch anh, đi vào con đường phạm tội⁽⁴⁰⁾.

Còn có người vì cờ bạc mắc nợ mà bị bức bách phải trộm cắp. Các con bạc ở Áo Môn sau khi thua bạc, nếu không trả nổi tiền lãi cao của sòng bạc, đám Mã tử đánh thuê dưới quyền chủ nợ Đại Nhĩ Long sẽ bắt kẻ thiếu nợ đi ăn cướp, trộm cắp, lấy số tiền thu được mà trả nợ.

5. Tham ô

Việc vì đánh bạc mà tham ô, nhân cách bị cờ bạc nhấn chìm từ xưa đã có, theo *Thuật dị ký* của Đông Hiên chủ nhân thời Thanh ghi chép thì thời Thanh có Kỳ Đình vận chuyển lương thực cho triều đình tham ô lương thực, dùng đó để "chơi gái đánh bạc và trả nợ", đến nỗi "hụt mất một nửa". Lại như thời Dân quốc, Lữ Nhượng Tuyên Phó Kinh lý Ngân hàng thành phố Thành Đô say mê kỹ nữ Hồng Bảo ở Dương Châu, đánh bạc trong kỹ viện, "đến nỗi tham ô 6 triệu đồng của ngân hàng, sau khi bị phát giác, ngân hàng giải y tới tòa án thẩm tra"⁽⁴¹⁾.

Hiện nay những vụ án tương tự quả thật rất nhiều, thủ pháp gây án càng lúc càng cao minh, số tiền cũng càng lúc càng lớn, tình tiết phức tạp, ở đây không thể kể ra tất cả.

(40) *Họa khởi Phương Thành* (Tai họa dấy lên ở Phương Thành), xem *Văn hồi báo*, ngày 5. 3. 1992

(41) Xem *Long Môn trận tình hoa bản*, Tứ Xuyên nhân dân xuất bản xã, 1993, tập 1, tr. 31

III. Đầu độc thiếu niên

Người thanh niên cờ bạc, đưa tới cho thanh thiếu niên ảnh hưởng rất xấu, có thể nói là di hại vô cùng. Vì thanh thiếu niên đang trong thời kỳ phát triển về ý thức xã hội và quan niệm đạo đức thì thiếu ý chí và sức kiểm chế, rất dễ bị cờ bạc dụ dỗ, ảnh hưởng.

Có người tiến hành điều tra thì trong các học sinh nam tiểu học có 50% tham gia cờ bạc tự giác hoặc không tự giác. Cũng có người tiến hành điều tra ở bốn trường thuộc ba cấp khác nhau tại huyện Mỹ phía bắc tỉnh Giang Tô. Trong 165 học sinh được điều tra, có 51 biết đánh mạt chược, chiếm 30,72%, trong đó có 30 nam sinh, 21 nữ sinh. Ở lớp 2 trường sơ cấp trung học M. có 44 học sinh thì gần một nửa biết đánh mạt chược, trong đó một nửa là nam một nửa là nữ. Ở lớp 5 trường tiểu học Y. trong 60 học sinh có 14 biết đánh mạt chược, trong đó có 9 nam 5 nữ. Trường tiểu học trên đường Diên Bình thành phố Thượng Hải, có một lớp trong 41 học sinh có ba phần tư biết đánh mạt chược. Lại căn cứ theo điều tra của Nhóm điều tra thành phố An Huy, trong 407 học sinh vì chịu ảnh hưởng cha mẹ, đã có 37% biết đánh mạt chược. Còn có 10,5% học sinh tiểu học, lúc người lớn ở nhà đánh mạt chược cũng thường tham gia, hoặc làm "tham mưu", hoặc "đánh giúp".

Thật ra việc cờ bạc di hại cho thanh thiếu niên thì hoàn toàn không phải hiện nay mới như thế, mà từ thời trước cũng đã như thế. Trong niên hiệu Đạo Quang thời Thanh, ở một dải Hạ Môn "đưa trẻ con cao ba thước cũng biết đánh bạc" ⁽⁴²⁾. Đất ấy vì đối diện với cửa khẩu, thủy thủ quân đội tập nhiễm thói xấu cờ bạc nước ngoài, "con em các nhà phú quý học theo càng nhiều, dần dần thành phong tục xấu" ⁽⁴³⁾. Ở Đài Loan, trong niên hiệu Càn Long lưu hành đủ loại

(42) (43) Đạo Quang, *Hạ Môn chí*, *Phong tục*.

cờ bạc, "lớn nhỏ đều tập nhiễm"⁽⁴⁴⁾. Số thanh thiếu niên này bị con ma cờ bạc ràng buộc, sau khi khuynh gia bại sản thì sa đọa làm trộm cướp. Trong thời Dân quốc, có một số học sinh đang đi học tham gia cờ bạc, lấy tiền học, tiền ăn mà gia đình cung cấp chơi bạc thua sạch, thậm chí không có cả tiền về nhà.

Đối với việc thanh thiếu niên đánh bạc ăn tiền ngày càng tăng trước mắt, vả lại quy cách càng lúc càng lớn, có học sinh trung học lúc bắt đầu dùng tiền phụ cấp chơi cờ con, về sau càng lúc càng say mê, "Trong hai tháng gần ngủ, hơn ba mươi lần đánh bạc, con số đạt tới hơn 1.000 đồng"⁽⁴⁵⁾. Khoản tiền đánh bạc lớn như thế thì học sinh trung học không sao trả nổi, không những ảnh hưởng tới việc học tập, mà còn xô đẩy thanh thiếu niên đi vào con đường phạm tội.

Một số thanh thiếu niên để tìm tiền đánh bạc mà can dự vào những vụ trộm cắp. Thanh thiếu niên Đài Loan để tìm tiền chơi game, đi vào con đường phạm tội. "Năm 1987 toàn Đài Loan có 25.563 người phạm tội trộm cắp, trong đó có 1.141 là trẻ em dưới 12 tuổi, chiếm 4,46%, 11.243 từ 12 tuổi tới dưới 18 tuổi, chiếm 43,98%. Nếu phân tích theo nghề nghiệp thì trong số tội phạm ấy, học sinh chiếm 30,98%. Rất nhiều tội phạm cùng chỉ ra rằng chủ yếu là vì không có tiền chơi game mới giờ hạ sách ấy ra"⁽⁴⁶⁾. Bọn học sinh lớp sơ tam Biện Ngọc Bằng ba người ở trấn Lạc Đới tỉnh Tứ Xuyên, sau khi chơi game trên máy vi tính, ham mê mất nét, nghiện cờ bạc thành thói, không những kết quả học tập giảm sút, mà còn làm nhiều việc xấu xa, trước sau ăn cắp mười chiếc xe đạp bán với giá thấp, bị phát giác bắt giam.

(44) Càn Long, *Đài Loan huyện chí*, *Phong tục*.

(45) *Nam phương chu mật*, ngày 15. 2.1991

(46) *Thoại thuyết đồ báo*, Thương Hải văn nghệ xuất bản xã, 1989, tr.

IV. Nạn cho vay nặng lãi ở sông bạc

Chuyện nhiều con bạc đi vào đường phạm tội có quan hệ trực tiếp với việc cho vay nặng lãi ở sông bạc. Một số kẻ cho vay nặng lãi lợi dụng tâm lý thua thì muốn gỡ của con bạc, nên cho họ vay tiền. Thời Dân quốc, con bạc sau khi thua sạch tiền ở sông bạc thường hỏi vay tiền "người Phóng bao" (kẻ chuyên cho vay nặng lãi để đánh bạc), vì lãi chồng lên lãi, giống như ma quỷ vướng vít bên người mà không sao thoát được. Có loại vay nặng lãi gọi là "Tám tính thành mười", "tức vay 10 đồng nhưng trong thực tế chỉ đưa 8 đồng, còn 2 đồng là khấu trừ tiền lãi trước. Nhưng lúc trả thì phải đủ 10 đồng không được thiếu một xu, và lại còn hạn định là phải trả trong vòng một ngày"⁽⁴⁷⁾. Quá kỳ hạn không trả, phải tính lãi thêm. Ở một dải Hương Cảng Áo Môn, vì bị loại Đại Nhĩ Long cho vay nặng lãi này bóc lột nên một số con bạc thua tiền không sao trả nổi, một số đàn ông bị bắt đi trộm cướp, một số phụ nữ bị bắt làm kỹ nữ, buôn bán thân xác. Đám Đại Nhĩ Long chuyên cho vay nặng lãi ở Hương Cảng thường qua eo biển tới các sông bạc ở Áo Môn để "làm ăn". Một số con bạc thua sạch tiền trong sông bạc, đặc biệt là những người trước "thắng lớn" sau "thua đậm", muốn liều mạng "chơi xả láng" mà đánh lớn một tiếng. Lúc ấy, bọn Xà tử (còn gọi là Mã tử) cò mồi cho Đại Nhĩ Long sẽ tới rủ rê cho vay tiền. Lãi suất của Đại Nhĩ Long cao tới mức ghê người, có khi "vay 9 trả 13", có khi "tối nay mượn 3.000, ngày mai trả 4.000"⁽⁴⁸⁾, và lại tiền lãi trong ngày và tiền cò cho đám Mã tử đều bị trừ ngay lúc nhận tiền. Số con bạc mượn tiền xong thắng được vô cùng ít, đa số sẽ bị Đại Nhĩ Long áp giải về Hương Cảng lấy lại tiền, mà tiền về tàu, tiền ăn ngủ của người áp giải đều do con nợ chịu, mỗi ngày còn phải thêm

(47) *Dân quốc hắc xã hội*, tr. 154

(48) *Hiếu Anh, Đại Nhĩ Long - Hấp huyết quỷ* (Đại Nhĩ Long - con quỷ hút máu), *Hương Cảng phong tình*, số 12

cờ bạc, "lớn nhỏ đều tập nhiễm"⁽⁴⁴⁾. Số thanh thiếu niên này bị con ma cờ bạc ràng buộc, sau khi khuynh gia bại sản thì sa đọa làm trộm cướp. Trong thời Dân quốc, có một số học sinh đang đi học tham gia cờ bạc, lấy tiền học, tiền ăn mà gia đình cung cấp chơi bạc thua sạch, thậm chí không có cả tiền về nhà.

Đối với việc thanh thiếu niên đánh bạc ăn tiền ngày càng tăng trước mắt, vả lại quy cách càng lúc càng lớn, có học sinh trung học lúc bắt đầu dùng tiền phụ cấp chơi cờ con, về sau càng lúc càng say mê, "Trong hai tháng gần gũi, hơn ba mươi lần đánh bạc, con số đạt tới hơn 1.000 đồng"⁽⁴⁵⁾. Khoản tiền đánh bạc lớn như thế thì học sinh trung học không sao trả nổi, không những ảnh hưởng tới việc học tập, mà còn xô đẩy thanh thiếu niên đi vào con đường phạm tội.

Một số thanh thiếu niên để tìm tiền đánh bạc mà can dự vào những vụ trộm cắp. Thanh thiếu niên Đài Loan để tìm tiền chơi game, đi vào con đường phạm tội. "Năm 1987 toàn Đài Loan có 25.563 người phạm tội trộm cắp, trong đó có 1.141 là trẻ em dưới 12 tuổi, chiếm 4,46%, 11.243 từ 12 tuổi tới dưới 18 tuổi, chiếm 43,98%. Nếu phân tích theo nghề nghiệp thì trong số tội phạm ấy, học sinh chiếm 30,98%. Rất nhiều tội phạm cùng chỉ ra rằng chủ yếu là vì không có tiền chơi game mới giở hạ sách ấy ra"⁽⁴⁶⁾. Bọn học sinh lớp sơ tam Biện Ngọc Bằng ba người ở trấn Lạc Đới tỉnh Tứ Xuyên, sau khi chơi game trên máy vi tính, ham mê mất nết, nghiện cờ bạc thành thói, không những kết quả học tập giảm sút, mà còn làm nhiều việc xấu xa, trước sau ăn cắp mười chiếc xe đạp bán với giá thấp, bị phát giác bắt giam.

(44) Càn Long, *Đài Loan huyện chí*, *Phong tục*.

(45) *Nam phương chu mật*, ngày 15. 2.1991

(46) *Thoại thuyết đồ báo*, Thương Hải văn nghệ xuất bản xã, 1989, tr.

mấy trăm đồng thủ tục phí. Nếu con nợ không có tiền trả, họ sẽ tới nhà hăm dọa hoặc dùng điện thoại quấy nhiễu, ép anh vào khuôn phép, vì phía sau Đại Nhĩ Long còn có ông trùm Anh Cả. Hiện nay các tập đoàn Đại Nhĩ Long cho vay nặng lãi ở Áo Môn có không dưới 20 nhóm, cơ hồ nhóm xã hội đen nào cũng tham gia. Hà Trụ Nguyên 41 tuổi có vợ sinh được một trai một gái, gia đình cũng rất hòa thuận. Lúc y đánh bạc lại vay Đại Nhĩ Long 4.000 đồng, rơi vào tuyệt cảnh, cho dù vợ hết sức giúp y trả nợ cũng trả không xong, sau cùng tháng 4. 1987 treo cổ lên xà nhà tự tử.

Vài năm gần đây, loại sòng bạc cho vay nặng lãi ấy cũng xuất hiện trong lục địa Trung Quốc. Như ở vùng Ôn Châu, tiền đặt bạc ngày càng lớn, người "cho vay" trong sòng bạc cũng ngày càng nhiều. Trong vụ án cờ bạc bắt được ở hương Giang Bắc huyện Vĩnh Gia, một tiếng bạc ăn thua tới hàng chục hàng trăm ngàn. Người cho vay (Đạo gia) ở đó cũng đặc biệt giàu có, số tiền cho vay cũng lớn ghê người, điều kiện cũng ngày càng hà khắc, cho vay trong hai ba ngày, nếu vay 10.000 đồng phải trả lãi từ 2.000 tới 3.000, lãi suất mỗi ngày gần 10%. Vả lại còn khấu trừ tiền lãi trước, thực tế chỉ vay có 7.000 hoặc 8.000 đồng nhưng lúc trả phải đủ 10.000. Đồng thời người cho vay còn có thể lấy từ 2 đến 5% tiền "số dõ" (hồng lợi) mà người vay thắng được.

Ngô Gia Trân được gọi là Hoàng Thế Nhân đời nay, cũng là một Đại Nhĩ Long ở lục địa, y là người thành phố Diêm Thành tỉnh Giang Tô, chuyên cho vay nặng lãi trong sòng bạc, tội ác chồng chất. Hai cha con y thấy ai mở sòng bạc là vội vàng vác rương tiền tới, xem ai thua thì mau mắn cho vay nặng lãi. Một lần có người tên Lôi Cương bị bạn bè rủ rê đánh bài, không mang tiền theo, Ngô Gia Trân "chủ động", "nhiệt tình" cho y mượn mười tờ "Đầu anh Cả" (Lão đại đầu), không đầy vài ngày Lôi Cương thua sạch 3.000 đồng tiền vay lãi. Ngô Gia Trân lòng dạ tàn độc thủ đoạn độc ác,

dùng đủ cách đòi nợ, ép Lôi Cương tới mức ăn cơm cũng có chuyện, vì thế cô vợ làm ầm lên đòi ly hôn. Về sau nhờ bạn bè khuyên can, lại giúp đỡ cho, trả hết món nợ 3.000 đồng, Ngô Gia Trân mới chịu thôi. Để đòi nợ, Ngô Gia Trân và con y thường dùng vũ lực, phát sinh những vụ đổ máu, còn dùng xe hơi, mô tô làm phương tiện, xiết nợ bằng cách lấy vật dụng, đồ điện trong nhà người mắc nợ để trừ nợ, ầm ĩ tới mức cả xứ không yên. Ngô Gia Trân trở thành ác bá đất ấy, thường ép người ta tới chỗ cùng đường. Sau cùng y bị chính quyền địa phương xử lý theo pháp luật.

V. Có hại cho sức khỏe

Một số người chơi bài, mau thì ba bốn giờ, lâu thì chơi tới sáng, thâu đêm suốt sáng ảnh hưởng lớn tới sức khỏe. Nhất là ba loại bệnh nhân cao huyết áp, bệnh tim mạch, xuất huyết dạ dày thì càng không nên chơi mạt chược. Bởi vì tỷ lệ ba loại người ấy phát bệnh trong sòng bạc đặc biệt cao.

Vì con bạc không được ngủ và nghỉ ngơi, đại não bị đặt vào trạng thái hưng phấn kéo dài, sức khỏe tiêu hao rất lớn, khiến hệ thống thần kinh thực vật rối loạn, xuất hiện các hiện tượng vầng dầu hoa mắt, thị lực giảm sút, tinh thần hoảng hốt bất định. Nhất là một số người lớn tuổi mắc bệnh cao huyết áp, xơ cứng động mạch dễ dẫn tới bệnh đau tim nhồi tim, nghẽn van tim, đưa tới mất mạng. Theo thống kê những người bị đau tim chết vì cờ bạc chiếm 30% số người đau tim⁽⁴⁹⁾.

Thời Dân quốc Đới Húc Quang Bí thư Cục Công bộ tờ giới Pháp ở Thiên Tân vì đánh bạc thua một số tiền lớn, hoảng hốt lo sợ, đến nỗi "đờm kéo lên mất mạng". Ở Thượng

(49) *Đổ bác dữ tật bệnh* (Cờ bạc và bệnh tật), *Nông thôn khoa kỹ khai phát*, (Phát triển khoa học kỹ thuật ở nông thôn), số 2, 1991

Hải có một công nhân về hưu họ Thích mắc bệnh tim, vào năm 1998, vì rút được một lá bài tốt mà bị kích động xỉu luôn trên chiếu bạc, may mà cấp cứu kịp mới giữ được tính mạng. Bác sĩ năm lần bảy lượt khuyên là người mắc bệnh này ngàn vạn lần nên kiểm chế đừng đánh bài, nhưng y không nghe, trưa ngày 1. 10 năm sau lại mời bạn bè tới chơi bạc. Có một ván y sơ ý rút thiếu một lá bài, vô cùng buồn bã, nhưng bạn bè trong sòng không cho y rút nữa, lại chế nhạo y là "Hồ công" (có một số địa phương gọi là Tướng công, tức chỉ có thể bồi tiếp trong sòng bài chứ không có tư cách thắng). Y nghe thế giận xanh mặt, tay chân run bắn, cười nhạt một lúc rồi gục đầu xuống bàn chết luôn.

Phân tích từ tư liệu thống kê thì càng có nhiều trường hợp vì thắng được tiền, cao hứng quá độ mà trúng phong mất mạng. Chiều ngày 19. 3. 1989 có bốn phụ nữ ở thôn Bách Hồng trấn Yên Cơ thành phố Ngạc Châu tỉnh Hồ Bắc, ăn cơm trưa xong tụ họp đánh bạc, xây "Trường thành". Hà Mỗ không gặp may, suốt buổi chiều không thắng ván nào, thấy tiền trong túi không còn bao nhiêu, sốt ruột tới mức tay chân luống cuống. Đúng lúc ấy thì thời vận xoay chuyển, Hà Mỗ lại rút được loạt bài "Một sắc đen", chỉ cần một lá Nhị bính là đủ. Hà Mỗ sốt ruột rút lá bài trên thấy không phải, đúng lúc đang thất vọng, lại vô tình rút được lá Nhị bính mình đang chờ. Bà ta cao hứng tới mức tim đập thình thịch, mặt đỏ bừng, cười lớn ha ha một tiếng rồi ngã vật xuống đất không đứng lên được nữa. Nguyên vì bà ta tâm tình kích động quá mức nên bị đứt mạch máu não, chết ngay tại chỗ⁽⁵⁰⁾. Ở Hàng Châu có một thanh niên công nhân giữa lúc đánh bạc khẩn trương, vì được bài tốt, thắng một món tiền lớn, hưng phấn quá độ mà đột nhiên trúng phong tử vong. Dương Lão Hán hơn 60 tuổi ở hương Tôn Lâu Phong huyện tỉnh Giang Tô, mùa xuân năm 1993 đánh bạc chược, đánh được một lúc,

(50) *Thế kỷ mạt bệnh tảo*, tr. 82

Dương Lão Hán lúc bình thời thân thể khỏe mạnh rút được một quân Lục điều, "kêu lớn: Số đỏ rồi, ha ha cười lớn, kể ngã vật ra bất tỉnh nhân sự, bác sĩ tới thì đã không còn cách nào cứu chữa"⁽⁵¹⁾. Theo phân tích là bệnh đau tim cấp tính dẫn tới nghẽn van tim mà đột tử.

Có lần diễn viên hài Tưởng Vân Tiên ra ngoài thành phố biểu diễn, có một người đánh trống tới nói là những người đánh trống "Hôm nay chôn năm người, có bốn người chết trong sòng mạt chược. Một người rút được quân Thiên hòa bài, mừng quá ngất luôn tại chỗ, đưa tới bệnh viện bác sĩ đành bó tay. Một người được nước bài "Một sắc đen", rút quân Bách tháp, cũng đi theo đường "Bách tháp". Một người muốn lá "Trùng phong", nhân bước ra vươn vai một cái, cũng trùng phong. Còn một người được nước bài Chàng đầu khai hoa, hưng phấn kích động tới mức không kìm được, đập đầu vào cạnh bàn, đầu cũng lập tức nở hoa". Tưởng Vân Tiên còn trình trọng thanh minh việc lạc cực sinh bi ấy "hoàn toàn không phải là chuyện cười. Căn cứ thống kê của Ủy viên Hội làng xóm thì số chết vì mạt chược có rất nhiều người như thế"⁽⁵²⁾. Đó là vì tranh giành trong sòng bạc tác động lâu dài tới vỏ đại não, khiến cơ năng rối loạn, vì vỏ đại não gây ra chương ngại cho sự điều tiết của trung khu vận động huyết quản ở thùy dưới mà khiến huyết áp tăng cao, cuối cùng gây ra xuất huyết não và nghẽn van tim tới nỗi mất mạng.

Ngoài ra thời gian đánh bài kéo dài, sẽ tạo thành chứng mất ngủ và suy nhược thần kinh. Cờ bạc đưa tới cho người đánh bạc sự kích thích mãnh liệt, lúc thắng lúc thua, vui giận thất thường, tình hình ấy kéo dài sẽ tạo thành chương ngại tâm lý nghiêm trọng. Lại thêm sợ có người tới

(51) *Dương Tử vân báo*, ngày 26. 1. 1993

(52) Tưởng Vân Tiên, *Ngã bất hỷ hoan tẩu thân phòng hữu* (Tôi không thích thăm hỏi họ hàng bạn bè), *Tân Dân văn báo*, ngày 21. 7. 1992

bất bực, suốt ngày trong lòng nơm nớp, tâm tình đặc biệt khẩn trương, tất nhiên càng làm nặng thêm gánh nặng tâm lý. Có người tiến hành điều tra tâm lý trong 50% số con bạc tới chữa trị trong bệnh viện, phát hiện có 46% người bệnh mắc bệnh cuồng tháo, tâm tình vô cùng phiền muộn khẩn trương, kích động, đứng ngồi không yên, rất dễ nảy sinh ảo tưởng. Cứ trong 4 người thì có 3 người mắc bệnh trầm uất, cứ trong 5 người thì có 4 người có ý định tự sát.

Cờ bạc sẽ đưa tới những rối loạn trên vỏ đại não, thậm chí dẫn tới giảm sút cơ năng. Có một người thường đánh bạc suốt đêm, tới mức kiệt sức, lại liên tiếp như thế ba tháng, đặc biệt trong nửa tháng cuối không gặp may, nảy sinh tâm tình phiền muộn, tính tình cau có, đau lưng mỗi gối, vầng đầu ù tai, ăn uống không ngon, trướng bụng khó tiêu, trí nhớ giảm sút rất rõ, lại thường mất ngủ. Vì mệt nhọc quá độ nên thương tỳ hao huyết, tỳ thận đều hư, tâm thần rối loạn, ảnh hưởng tới công năng điều tiết của đại não, đối với trung khu và hạ khu thần kinh, mà dẫn tới trở ngại trong cơ năng, khả năng tình dục giảm sút, dẫn tới bất hòa trong tình cảm vợ chồng, tiến tới ranh giới của sự tan vỡ tình cảm.

Đồng thời, quân bài qua ít nhiều người sờ mó dập nước bọt, qua nhiều người chuyển tay, đặc biệt là có người quen dập nước bọt vào ngón tay rút bài, những vi trùng độc hại sẽ nhân dịp xâm nhập vào miệng. Cũng có người lúc đánh bạc để tiết kiệm thời gian ăn uống, không rửa tay mà trực tiếp cầm bánh bao, bánh màn thầu ăn luôn, sẽ đưa vi trùng trên quân bài vào miệng, rất dễ bị các bệnh viêm gan siêu vi. Theo sự đo lường của bộ phận vệ sinh phòng bệnh, phát hiện trên quân bài mặt chược có hơn 30 loại vi khuẩn gây bệnh như viêm ruột, thương hàn, kiết lỵ, viêm gan, còn có trứng giun sán. Chơi bạc với người có bệnh, hôm nay là bạn cờ bạc, rất có thể ngày mai trở thành bạn bệnh tật.

Ngoài ra, cờ bạc là trò chơi cần vận dụng trí óc, vì không khí trong sòng bạc ô nhiễm, vỏ đại não bị kích động song lại thiếu dưỡng khí bổ sung, sẽ dẫn tới các chứng bệnh về não. Vì mất thường chuyển động trên chiếu bạc, khoảng cách quá gần, cũng sẽ dẫn tới sự giảm sút thị lực. Thậm chí còn phát sinh sự cố thai nhi chết trong bụng mẹ, ở khu Đại Đông thành phố Thẩm Dương có một nữ thanh niên có thai bảy tháng, ngày tết tới nhà họ hàng đánh mạt chược, trong lúc không hay không biết chơi liền ba ngày ba đêm, "chiến cuộc" vừa kết thúc, lúc ấy mới nhớ ra cái thai đã bất động quá lâu, vội tới bệnh viện kiểm tra, phát hiện là thai nhi đã chết từ lâu. Cô ta nghe xong liền bật tiếng khóc lớn, hối hận là không nên như thế⁽⁵³⁾. Nói tóm lại, cờ bạc đối với sức khỏe thì có hàng trăm cái hại mà không có chút lợi ích gì.

Tóm lại, hậu quả đối với người đánh bạc vô cùng nghiêm trọng, nhân dân Hải Nam hình dung con bạc là "một lòng muốn thắng, hai mắt đỏ ngầu, ba bữa không ngon, tứ chi bất động, năm nghề không làm, lục thân không nhận, bảy con không quản, tám hướng mắc nợ, chín nghèo một giàu, mười phần có hại", đủ để nói rõ tội ác của cờ bạc, khái quát tới mức một nhát châm thấy máu, phê phán kẻ cờ bạc.

(53) *Lão niên báo*, ngày 13. 4. 1993

Chương 7

Việc ngăn cấm cờ bạc trong lịch sử Trung Quốc

Cờ bạc đầu độc tư tưởng con người, phá hoại trật tự xã hội, trực tiếp dẫn tới việc nảy sinh các loại tội phạm đánh nhau, trộm cắp, trấn lột, giết người, đưa tới cho xã hội một mối nguy hiểm rộng lớn. Kẻ thống trị các đời để bảo vệ sự yên ổn của quốc gia, củng cố sự thống trị của mình, đối với hành vi của bọn con bạc đánh bạc vì mục đích tiền bạc hoặc bọn mở sòng bạc đều ràng buộc và trấn áp bằng pháp luật.

I. Từ thời Chiến quốc đến thời Nam Bắc triều

Đầu thời phong kiến, Nho gia đã nhìn thấy sự nguy hại của cờ bạc, đề xuất tư tưởng "người quân tử không cờ bạc" có tác dụng rất tốt trong việc thúc đẩy các triều đại ngăn cấm cờ bạc.

Lệnh ngăn cấm cờ bạc sớm nhất ở Trung Quốc còn ghi chép trong thư tịch là *Pháp kinh* do Lý Ly nước Ngụy làm ra, *Pháp kinh*, *Tạp luật*, điều *Hy cấm* nói "Cờ bạc phạt tiền ba đồng vàng, Thái tử mà cờ bạc thì phạt roi, nếu không chứa thì đặc biệt phạt roi, nếu không chứa thì truất ngôi"⁽¹⁾, tức nói đối với những người đánh bạc thì phải phạt tiền, mà đối với Thái tử sẽ thừa kế ngôi vua thì xử phạt đặc biệt nghiêm khắc, phải phạt roi, nếu không sửa đổi thì sẽ bị truất phế. Pháp luật nước Tấn coi đánh bạc là phong tục xấu xa,

(1) Xem Đồng Thuyết, *Thất quốc khảo dẫn từ Hoàn đàm tân luận*.

càng tăng cường ngăn cấm. Lý Tư thay mặt Tần Thủy hoàng định ra pháp luật quy định, đối với quan lại nhân dân lên mở sòng bạc, nhẹ thì bị thịch kinh (thịch chữ lên mặt), nặng thì đánh roi.

Việc ngăn cấm cờ bạc của nhà Hán đặt trọng điểm tấn công vào nội bộ giai cấp thống trị, vì nhân vật tầng lớp trên đánh bạc thì ảnh hưởng không nhỏ mà tác hại càng lớn. Cho nên quy định chư hầu đánh bạc, khi bị tố giác sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Chư hầu là bọn Thái Quân Phương vì tham gia trò Lục bác và Yểm tiền, không những bị tước mất chức vị mà còn bị phạt thêm. Thái tử của Thường Sơn Hiến vương Lưu Vũ là Lưu Bột "thông gian, uống rượu, đánh bạc chơi bời, cùng con gái đua ngựa vòng quanh thành bằng qua chợ, vào ngục xem tù. Thiên tử sai Đại hành (Trương) Tái thẩm tra, tìm được chứng cứ, vương lại che giấu"⁽²⁾. Vì thế quan Hình bộ đề nghị xử tử Thái tử và vương hậu, hoàng đế nghị Thái tử Bột phạm tội vì không có thầy giỏi dạy bảo, vì thế truất phế tước vương, đày ra Phòng Lăng. Lại theo *Hán thư, Thực hóa chí*, vào thời Hán vì "con em các nhà thế gia giàu có, hoặc đá gà hoặc đua chó, săn bắn cờ bạc làm loạn đất Tề", nên triều đình "bèn bắt những kẻ phạm tội, sai giải ra mấy ngàn người, gọi là Bổng tống đồ". Nghĩa là đối với tội đá gà đua chó cùng các trò cờ bạc khác, quấy nhiễu sinh hoạt bình thường của trăm họ thì thực hành cách thức liên hoàn theo gốc tìm rễ, đày ra nơi xa.

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, vì thế lực của các sĩ tộc tăng lên, pháp luật lỏng lẻo, cũng có thể do sử liệu mất mát nên ít thấy có ghi chép nào về việc chính quyền trực tiếp ngăn cấm cờ bạc, nhưng cũng có một số quan lại sáng suốt coi cờ bạc như kẻ thù, nghiêm khắc ngăn cấm. Đào Khản thời Đông Tấn thấy ai cờ bạc là nói với mọi người "Bạc thánh nhân tiếc một giờ, còn người thường nên tiếc một khắc". Những kẻ giúp việc nếu có ai vì ham vui mà bỏ bê công việc

(2) *Hán thư, Thường Sơn Hiến vương truyện*.

thì ông lấy xúc xắc ném xuống sông nói "Vu bồ là trò vui của bọn nô lệ chăn heo mà thôi!"⁽³⁾. Đào Khản biết rất rõ cờ bạc là việc vô nghĩa hao phí thời giờ, bỏ bê công việc nên mới ném xúc xắc xuống sông. Tham quân của Tướng quân Dữu Dục nhà Đông Tấn là Vu Tấn nói với Dữu Dục "Phạm cờ bạc đều nhằm cướp bóc của nhau, không phải là gốc của việc trị an, từ nay các trò Vu bồ, Trích mã đều nên nhất thiết cấm tuyệt". Dữu Dục đồng ý với Vu Tấn, quả nhiên cương quyết quy định "Nay chỉ cho phép đánh cờ vây, còn những trò cờ bạc khác đều ngăn cấm"⁽⁴⁾.

Đương thời cũng có một số người vì cờ bạc mà bị bãi quan hoặc bài xích. Nhan Đình Chi làm quan với nhà Tấn tới chức Trấn Đông tướng quân Tư mã, "Vì tội chơi cờ vây mà bị bãi chức"⁽⁵⁾. Thời Lưu Tống, Vương Hoảng nắm quyền lớn trong triều, có người xin cho làm quan, Vương Hoảng vì người ấy "từng vì chơi Vu bồ bị tội"⁽⁶⁾ mà nghiêm nghị cự tuyệt. Vương Cảnh Văn lúc giữ chức Hữu vệ tướng quân, vì chơi Vu bồ thắng được 120 vạn quan, bị tước quan hàm, "làm dân thường giữ chức"⁽⁷⁾. Lưu Khang Tổ rất thích cờ bạc, "lấy việc rong chơi rượu chè cờ bạc làm vui, mỗi lần phạm pháp đều bị quận huyện ghi lại". Về sau làm quan tới chức Viên ngoại lang, "lại phạm tội chơi Vu bồ, bị cách chức"⁽⁸⁾. Vương Chi lúc làm Trưởng sử phủ Tư đồ "phạm tội tụ họp mọi người cờ bạc, bị cách chức"⁽⁹⁾. Những chuyện ấy đều nói rõ dưới thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều đối với việc quan lại cờ bạc cũng có sự ngăn cấm nhất định.

Vấn đề chủ yếu của việc ngăn cấm cờ bạc từ thời Chiến quốc tới Nam Bắc triều là không thành hệ thống,

(3) *Tấn thư*, quyển 66, *Đào Khản truyện*.

(4) *Uyên giám loại hàm*, quyển 330, dẫn từ *Canh dục tập*.

(5) *Thái bình ngự lãm*, quyển 753, dẫn từ *Tấn khởi cư chú*.

(6) *Tống thư*, *Vương Hoảng truyện*.

(7) *Tống thư*, *Vương Cảnh Văn truyện*.

(8) *Tống thư*, *Lưu Khang Tổ truyện*.

(9) *Nam sử*, *Vương Chi truyện*.

thiếu tính hoàn chỉnh, điều luật đơn giản, vì vậy tính chủ quan duy ý chí rất lớn, lại thêm xử lý thiên lệch. Phạm vi ngăn cấm phần lớn cũng chỉ trong nội bộ giai cấp thống trị, đối với việc ngăn cấm cờ bạc toàn diện dường như còn thiếu sự suy nghĩ chu đáo.

II. Từ thời Tùy Đường đến thời Minh

Nhà Đường đưa việc ngăn cấm cờ bạc vào pháp luật, điều khoản rất rõ ràng. *Đường luật*, *Tạp luật* quy định "kẻ cờ bạc ăn tiền đều đánh 100 trượng" (ở đây nêu một ví dụ, những trò khác cũng thế). Ăn thua lớn đều xử theo luật trộm cướp (kẻ thua cũng xử theo tội tòng phạm). Chủ nhà chứa bạc và những kẻ thu tiền hồ cùng đám con bạc cũng thế". Theo *Đường luật nghĩa sơ* giải thích thì cái gọi là đánh bạc ăn tiền và việc xử phạt là chỉ việc ăn thua không đầy 5 tấm vải, đều bị đánh 100 trượng. "Ăn thua lớn" là chỉ vào việc "kế tang vật thì nặng hơn tội bị đánh 100 trượng". Cái gọi là "đều xử theo luật trộm đạo" là chỉ việc ăn thua trên 5 tấm vải, xử đầy một năm, kẻ ăn thua lớn thì theo tội trộm cướp mà trị nặng thêm. Kẻ thua cũng phải xử theo tội tòng phạm. Cái gọi là Chủ nhà chứa bạc (Đình chỉ chủ nhân) tức chỉ chủ sòng bạc, Thu tiền hồ (Xuất cử) là tất cả những kẻ thu tiền hồ, Con bạc (Hòa hợp giả) chỉ những người tụ họp đánh bạc. Những người này cho dù "không được bạc" cũng phải "đánh 100 trượng", "nếu được bạc" thì tính toán số tiền xử theo luật trộm cướp. Sau cùng, *Đường luật* quy định đánh bạc ăn uống hoặc để "luyện tập võ nghệ", thì có thể không xử tội. Nhà Đường là một nhà nước ưa chuộng võ nghệ, nên có quy định ấy. Luật pháp nhà Đường khá toàn diện, hoàn chỉnh, nó căn cứ vào tiền đặt bạc lớn nhỏ, sự thua thắng, kẻ tham gia ăn hay thua mà đưa ra đối sách tương ứng, trở thành phép tắc cho đời sau noi theo. Nhưng nó quy định "đánh bạc để ăn uống" có thể không bị xử trị, chừa lại cho cờ bạc một khoảng trống, đó là chỗ sơ hở của nó.

Nhà Đường cũng xử trị các quan lại ham mê cờ bạc.

Thời Thịnh Đường, Tống Chương làm Điện trung Thị Ngự sử, "Đồng liêu có người đánh bạc trên đài, bèn tâu hặc tên họ quan hàm xin cách chức, những kẻ cờ bạc sợ hãi mà thôi" ⁽¹⁰⁾. Thời Trung Đường, Đường Văn tông mỗi lần phái Ngự sử ra ngoài, lúc bệ từ cung "ắt ân cần ban sắc dặn không được ham mê cờ bạc, không được uống rượu, trong ngoài ai nghe thấy cũng áy náy" ⁽¹¹⁾. Dù thấy thời Đường mặc dù phong khí cờ bạc rất thịnh nhưng đối với quan lại ham mê cờ bạc cũng không dễ dãi tha thứ.

Nhà Tống là triều đại ngăn cấm cờ bạc nghiêm khắc. *Tống Hình thống* do bọn Đâu Nghi biên soạn cũng như *Đường luật*, quy định cờ bạc ăn thua không đầy 5 tấm vải thì kẻ tham dự đều bị đánh 100 trượng. Nếu "tiền đặt bạc bằng 5 tấm vải, tất cả bị đi đầy một năm, thua bạc 5 tấm vải cũng đi đầy một năm, khép vào tội tòng phạm". Tháng 2 năm Thuần Hóa thứ 2 (991), Tống Thái tông Triệu Quang Nghĩa hạ lệnh "những kẻ chơi Vu bồ trong kinh thành, phủ Khai Phong phải bắt, kẻ phạm tội sẽ xử chém!" ⁽¹²⁾. Láng giềng biết nhà bên cạnh cờ bạc mà không tố cáo, cũng xử cùng tội với kẻ đánh bạc. Nhờ vậy trong một thời gian phủ Khai Phong phong khí yên ắng, "đại khái tình người sợ chết", thi hành trừng phạt nặng, phong khí cờ bạc "tự nhiên giảm hẳn" ⁽¹³⁾. Tháng 3 năm Đại Trung Tường Phù thứ 3 (1012), có người tố cáo với hoàng đế là Tiêu Nguyên Chi vừa thi đỗ Tiến sĩ đánh bạc, nói Nguyên Chi tên thật là Lưu, "vì cờ bạc bị phạt đánh trượng, nay đổi tên đi thi được đậu. Vua hạ chiếu sai Hữu ty triệu Nguyên Chi vào cất vấn, bèn nhận tội. Bị tước sắc phong Tiến sĩ, nộp 40 cân đồng chuộc tội, khiển trách nặng nề" ⁽¹⁴⁾. Không những thủ tiêu tư cách Tiến sĩ của Tiêu Nguyên Chi mà còn bắt nộp phạt, cho thấy thời Bắc Tống thi

(10) (11) Cố Viêm Vũ, *Nhật tri lục*, quyển 28, *Đổ bác*.

(12) *Tống sử*, *Thái tông bản kỷ*.

(13) Thẩm Đức Phù, *Vạn Lịch dã hoạch biên bổ di*, quyển 3, *Đổ bác lịch cấm*.

(14) Cố Viêm Vũ, *Nhật tri lục*, quyển 28, *Đổ bác*.

hành việc ngăn cấm cờ bạc rất nghiêm khắc. Thời Bắc Tống, một số quan lại nhìn xa thấy rộng về chính trị cũng rất căm ghét cờ bạc. "Tô Đông Pha nói người cờ bạc giỏi cũng ngày thắng ngày thua. Vương Kinh công (An Thạch) đổi thành ngày thắng ngày nghèo" ⁽¹⁵⁾. Lữ Chính Hiến (Công Trứ) rất ghét người ta cờ bạc, có nói "Cờ bạc thắng thì tổn thương đức nhân, thua thì tổn thương đức liêm" ⁽¹⁶⁾. Họ đều từ sự nguy hại của cờ bạc, chỉ ra việc cờ bạc tạo ra nghèo khó, hủy hoại lương tâm, mà yêu cầu nghiêm khắc ngăn cấm cờ bạc.

Nam Tống tổng kết kinh nghiệm Bắc Tống, quy định điều luật ngăn cấm cờ bạc, trong *Khánh Nguyên điều pháp sự loại*, quyển 80, *Tạp môn*, điều "Đổ bác tài vật" ghi rất rõ ràng "kẻ mở sòng bạc, đánh bạc ăn tiền thì đầy qua cho châu huyện lân cận quản thúc. Những kẻ mở sòng bạc xuất thân từ quân doanh thì phát phối trong bản thành". "Đề cử người cờ bạc, đánh 18 trượng". "Những chủ sòng, nhà cái, binh lính tham gia đánh bạc, binh lính thì đầy một năm rưỡi, phát phối qua châu huyện lân cận. Những người còn lại trong bản thành đánh 100 trượng, đầy qua cho châu huyện quản thúc", xử lý cực kỳ nghiêm khắc. *Điều pháp sự loại* còn quy định, người đánh bạc mà tự thú có thể được thưởng. Người tố cáo càng có thể được thưởng, "những người tố cáo giúp bắt được kẻ mở sòng bạc hay xuất thân từ quân doanh đánh bạc ăn tiền, thì thưởng cho tất cả tiền bạc trên chiếu bạc và của chủ sòng, nhà cái, con bạc". Cũng chính là cấp toàn bộ tiền đặt bạc tịch thu được ở hiện trường và tiền bạc của những người trong sòng cho người tố cáo. "Người tố cáo giúp bắt được kẻ mở sòng bạc hay xuất thân từ quân doanh" thì quy định cụ thể hơn là có thể được thưởng 10 quan.

Quan lại thời Nam Tống đối với lệnh cấm này có nhiều người kiên quyết chấp hành. Lúc Tiết Quý Tuyên giữ chức Kinh Nam Thư tả cơ nghị văn tự, vì nạn trộm cướp nghiêm trọng, ông thực hành phép Bảo ngũ ở địa phương,

(15) (16) Chu Huy thời Tống, *Thanh ba tạp chí*, quyển 9

"cấm các trò cờ bạc, nhưng cho phép đánh vật luyện võ"⁽¹⁷⁾. Đời Lý tông, Hồ Đình giữ chức Tri phủ Bình Giang kiêm Đề điểm Hình ngục Chiết Tây, sau khi đảo nhiệm lập tức ra lệnh ngăn cấm cờ bạc, khuyến khích đám con bạc tự thú hoặc tố cáo. Có con bạc Tăng Tế Tam ra đầu thú khiến một tập đoàn cờ bạc mau chóng bị bắt. Tăng Tế Tam vì chủ động tố cáo có công, được phán thả ngay lập tức, lại được thưởng hai phần mười số tiền thu được. Nhưng phải đem số tiền ấy cho vào tráp, trên tráp cấm lá cờ giấy viết "Con bạc tự thú Tăng Tế Tam xin được tiền thưởng vài quan", do Tăng tự đi tới các nơi thành quách, cao giọng nói hai câu ấy, "lấy đó khuyên răn, khuếch đại ảnh hưởng"⁽¹⁸⁾. Tội phạm trong vụ án là Hùng Ấu không chịu khai báo, bị xử đánh 100 trượng, lại phải đeo gông giải đi ngoài đường để thị chúng. Viên Lục Nhị mở sòng bạc bị đánh 100 trượng đuổi qua cho châu lân cận quản thúc. Tiêu Tam, Tướng Lục đứng ngoài nhìn tuy chưa vào chơi, nhưng đối với hành vi cờ bạc không hề ngăn cản, đều bị đánh 80 trượng, cho thấy Hồ Đình đối với việc ngăn cấm cờ bạc rất nghiêm khắc. Vì Hồ Đình giữ phép rất nghiêm, nên nhất thời ở Chiết Tây phong khí cờ bạc mất vết.

Nhà Kim trong việc ngăn cấm cờ bạc đặc biệt nghiêm khắc với quan lại. *Kim sử, Hình chí* chép "Năm Đại Định thứ 8 (1168) (đời Kim Thế tông), định ra hình phạt với quan lại phạm tội cờ bạc", chuyên dùng để đối phó với vấn đề quan lại đánh bạc. Quy định cờ bạc không đầy 50 quan thì đánh trượng cho chuộc tội, tái phạm bị đánh trượng. Lại nói, đánh trượng là hình phạt dành cho kẻ tiểu nhân. Đã là quan lại thì trước tiên phải biết liêm sỉ, đã không biết liêm sỉ thì dùng hình phạt dành cho kẻ tiểu nhân để trừng phạt"⁽¹⁹⁾. Về sau lại quy định quan văn phạm tội cờ bạc phải cách chức về làm dân, quan võ thì không những bị cách chức mà còn bị đòi

(17) *Tống sử*, quyển 34, *Tiết Quý Tuyên truyện*.

(18) Xem thêm La Tân Bản, *Tống đại cấm đồ thủ văn* (Giai thoại về việc ngăn cấm cờ bạc thời Tống), *Gia đình dữ sinh hoạt báo* số 248

(19) *Kim sử*, quyển 45, *Hình chí*.

lại lương bổng lúc làm quan.

Nhà Nguyên cũng thực hành ngăn cấm cờ bạc, từ tháng 2 năm Chí Nguyên thứ 12 (1275) đã quy định "Cấm dân gian cờ bạc, kẻ phạm tội sẽ bị đày lên phương bắc"⁽²⁰⁾, tức phạm kẻ đánh bạc sẽ bị đày tới khu vực gần sông Hắc Long Giang, quyết không được khoan hồng. "Cải cách mới năm Chí Nguyên" về pháp luật của nhà Nguyên cũng quán xuyến tư tưởng ấy của Thế tông. Luật pháp nhà Nguyên quy định "Người đánh bạc ăn tiền, đánh 77 trượng, tiền bạc đều sung công, làm quan thì cách chức,... người mở sòng cũng xử tội như thế, tái phạm thì đày thêm một năm... Cờ bạc để uống rượu không bị tội... Cờ bạc bị phát giác, đuổi tới sông bạc, tang chứng đầy đủ sẽ xét theo tội này"⁽²¹⁾. *Nguyên sử, Hình pháp chí* còn quy định quan viên vì cờ bạc bị cách chức, phải chờ một năm mới có thể được bổ nhiệm vào "tạp chức". Như với bọn con bạc "phải bắt bằng được, đánh 47 roi, kẻ được tiền cũng cùng tội", "tất cả tiền đánh bạc, người cùng đánh bạc tự thú, không bắt tội"⁽²²⁾, đủ thấy nhà Nguyên ngăn cấm cờ bạc rất nghiêm khắc.

Đến thời Minh, Chu Nguyên Chương càng ngăn cấm cờ bạc nghiêm khắc hơn, năm Hồng Vũ thứ 20 ban chiếu răn dụ đám tội phạm là con bạc trên toàn quốc đều nhất loạt "giải uyên" (chặt tay). Năm Hồng Vũ thứ 23 còn ban thánh chỉ nói "Kẻ học hát để làm kỹ nữ thì cắt lưỡi, kẻ đánh cờ, chơi Song lục thì chặt tay, chơi Tụ viên thì chặt chân, ai vi phạm sẽ theo phép thi hành"⁽²³⁾, về mức độ nghiêm khắc thì vượt qua tất cả pháp luật đã có, có điều phạm vào một số hoạt động văn thể chính đáng, như ca hát đá cầu cũng trong diện bị cấm, dường như có phần quá đáng. *Đại Minh luật, Hình thiên* mà ông đích thân đốc thúc hiệu đính có quy định

(20) *Nguyên sử, Thế tổ kỷ*.

(21) (22) *Nguyên sử, quyển 105, Hình pháp tử*.

(23) Thẩm Đức Phù, *Vạn Lịch Dã hoạch biên bổ di*, quyển 3, *Đỗ bác lịch cấm*.

rất rõ về tội cờ bạc và cách xử lý "phạm kẻ đánh bạc ăn tiền, đều đánh 80 trượng, tiền bạc trong sòng đều sung công, kẻ mở sòng bạc cũng cùng tội, kẻ ngăn chặn việc tổ giắc cũng bị tội, quan chức thì tội nặng hơn một bậc. Cờ bạc để ăn uống thì không kể". Trong việc chấp hành cụ thể, thì chia kẻ phạm tội làm ba loại để xử lý, phạm những người quen thói cờ bạc không lo làm ăn và người mở sòng thì "định tội vào loại đầu, đóng gông làm hiệu lệnh hai tháng", nếu lúc bình thời không thuộc vào loại trước, chỉ là con bạc, nhưng có tiền bạc chức vụ thì "xếp vào loại thứ hai, đóng gông một tháng", "nếu tuổi nhỏ vô tri, ngẫu nhiên bị kẻ khác dụ dỗ thì xếp vào loại thứ ba, theo lệ phát lạc. Quan lại có ai phạm vào loại đầu loại hai thì phải tâu lên hặc tội, quan văn cách chức về làm dân, quan võ cách chức chờ lệnh". Điều khoản này trong luật pháp nhà Minh là căn cứ vào tội lỗi nặng nhẹ phân biệt xử trị, đối với thanh niên thì lấy việc giáo dục làm chủ, thay đổi cách thức bên trọng bên khinh trước kia.

Nhà Minh còn mấy lần tiến hành tập trung tấn công cờ bạc. Trong niên hiệu Chính Thống (1436 - 1449) ở kinh sư xuất hiện hiện tượng đánh bạc uống rượu, vì kinh thành là nơi bốn phương tụ họp, bộ mặt của toàn quốc nên đối với cờ bạc phải nghiêm khắc ngăn cấm. Triều đình đem việc nên cấm uống rượu đánh bạc thế nào ra hỏi ý kiến các quan. Tri huyện Đại Hưng phủ Thuận Thiên kiến nghị "Ở kinh sư có bọn gọi là Hán tử phong lưu chuyên lấy việc đánh bạc ăn tiền để rượu chè. Nay nên ra lệnh cho các nhà xưởng kỹ không được chơi những trò Song lục, bài xương, bài giấy, xúc xắc. Kẻ nào say ngủ trên đường thì ra lệnh cho Tuần bổ bắt về, chờ tỉnh lại sẽ đóng gông". Về sau Hình quan bàn bạc, phạm những kẻ cờ bạc đều phải xử theo cách "chuyển vận lương thực ngoài biên giới, nhưng việc đóng gông người say để thị chúng vì không phù hợp với luật cũ nên không thi hành"⁽²⁴⁾.

(24) Xem *Vạn Lịch Dã hoạch biên bổ di*, quyển 20, *Ngôn sự*, *Cấm xưởng đồ ẩm tửu*.

Khoảng giữa và cuối thời Minh, vì phong khí cờ bạc lan tràn, nên năm Thành Hóa thứ 4 (1468) từng tiến hành chỉnh đốn trật tự ở các thành thị. Một lần bắt được bọn con bạc Quách Trư Nhi 43 người, ngoài việc bị đánh trượng, đều "dùng gông 150 cân gông giải ra chợ làm hiệu lệnh ba tháng". Nhưng vấn đề chưa được giải quyết hoàn toàn, đến năm Thành Hóa thứ 16 (1480) chính quyền lại đặc biệt ban cấm lệnh, trong ngoài kinh thành không cho phép mở sòng bạc, tiến thêm một bước trong việc ngăn chặn cờ bạc.

Việc ngăn cấm cờ bạc trong thời kỳ này, pháp luật khá hoàn chỉnh chặt chẽ, trọng điểm tấn công là "nhà cái", đối với bọn con bạc chuyên nghiệp và bọn lưu manh sống bằng nghề cờ bạc thì xem tình tiết nặng nhẹ mà xử trị khác nhau. Nhưng triều đại nào cũng có hiện tượng đầu voi đuôi chuột, từ nghiêm ngặt chuyển qua lỏng lẻo. Như bắt đầu từ cuối thời Bắc Tống, pháp luật lỏng lẻo, quan lại và bọn con bạc dựa vào nhau làm điều gian trá, làm hại nhân dân. Một số sĩ đại phu cũng coi việc ngăn cấm cờ bạc là chuyện không quan trọng, thậm chí có người tố cáo tội cờ bạc cũng không thụ lý, đến nỗi "luật pháp không đủ để trị kẻ gian", "mở cửa cho bọn trộm cướp". Lại như nhà Kim, lúc đầu thì bắt bớ ráo riết, âm ỉ một hồi, về sau lại vì quan lại bao che cho nhau, lệnh ngăn cấm cờ bạc trở thành một tờ giấy có viết chữ, kẻ bị xử phạt cực kỳ ít ỏi.

III. Việc ngăn cấm cờ bạc thời Thanh

Nhà Thanh cho rằng "Thói xấu trong dân gian không gì bằng cờ bạc"⁽²⁵⁾. Hoàng đế nhà Thanh chỉ ra rằng "Kẻ cờ bạc bỏ bê công việc, phá tán gia tài", phẩm hạnh ngày càng hèn hạ, tâm thuật ngày càng gian trá, "ấu dâm vì thế mà sinh, kiện tụng vì thế mà dấy, trộm cướp vì thế mà nhiều, bọn phi đồ vì thế mà tụ họp", sự nguy hại đối với phong tục nhân tâm không thể kể xiết⁽²⁶⁾. Cho nên nhà Thanh đối với cờ bạc

(25) *Khâm định Đại Thanh Hội điển sự lệ* (Quang Tự), quyển 239

"trước sau mấy lần ban cấm lệnh", coi ngăn cấm cờ bạc là "việc quan trọng của các địa phương"⁽²⁷⁾. Lại công bố chỉ dụ ngăn cấm cờ bạc trên toàn quốc. Một số địa phương còn triển khai tuyên truyền ngăn cấm cờ bạc, ở Quảng Nguyên Tứ Xuyên còn có bia đá khắc lệnh ngăn cấm cờ bạc. Trong văn bia còn cường điệu cờ bạc là "gây loạn cho phong tục", "sau cùng sẽ mắc hại", khuyên mọi người "đừng tham cái lợi nhỏ", nhất thiết phải khinh rẻ cờ bạc⁽²⁸⁾.

Nhà Thanh coi trọng việc ngăn cấm cờ bạc, lúc mới lập quốc đã quy định "phàm kẻ đánh bạc ăn tiền đều đánh 80 trượng, tất cả tiền bạc trong sòng tịch thu sung công"⁽²⁹⁾. Đời Ung Chính quy định "phàm kẻ mở sòng bạc thu lợi, lần đầu đánh 100 trượng, đồ 3 năm, tái phạm đánh 100 trượng, đầy 3.000 dặm. Mở sòng chứa bạc, lần đầu đánh 80 trượng, đồ 2 năm, tái phạm đánh 100 trượng, đồ 3 năm". Đối với người trong Bát kỳ thì càng nghiêm khắc, kẻ mở sòng chứa bạc thu tiền, đều bị kết án trăm giam hậu. Ung Chính không cho buôn bán dụng cụ cờ bạc, kẻ trái lệnh bị trị tội nặng, phạm kẻ chế tạo, mua bán dụng cụ cờ bạc và kẻ đánh bạc thì xử các tội sung quân, phát phối, lưu đầy, đánh trượng. Phàm quan lại cờ bạc, một khi tra xét ra, lập tức cách chức, vĩnh viễn không được bổ dụng lại.

Đời Càn Long quy định, người Bát kỳ chế tạo buôn bán dụng cụ cờ bạc, kẻ thủ phạm bị phát phối sung quân ra nơi biên viễn sơn lam chướng khí, kẻ tòng phạm và kẻ thủ phạm buôn bán phát phối sung quân ra nơi biên viễn, kẻ tòng phạm buôn bán phát phối sung quân ra biên giới. Về kẻ chế tạo dụng cụ cờ bạc cung cấp cho sòng bạc thì căn cứ vào thời gian cung cấp dài hay ngắn mà phân biệt xử trị theo các mức đánh 100 trượng đồ 3 năm, đánh 100 trượng đầy 2.000

(26) (27) *Khâm định Đại Thanh Hội điển sự lệ*, quyển 826, 399

(28) Xem *Khoa học chí hữu*, số 12, 1992

(29) *Thẩm Văn Long, Cận đại Trung Quốc sử liệu tàng thư*, thiên 3, tập 32

dậm và phát phối sung quân ra nơi biên viễn. Càn Long còn quy định, phạm kẻ mở sòng bạc thu tiền, lần đầu sung quân ra nơi biên viễn sơn lam chướng khí, tái phạm xử tội trăm giam hậu. Kẻ chứa bạc, lần đầu phát phối sung quân ra biên giới, tái phạm xử sung quân ra nơi biên viễn sơn lam chướng khí. Đời Quang Tự quy định, "phạm đánh bạc ăn tiền, một khi tra xét ra, đều đánh 100 trượng, đóng gông làm hiệu lệnh 2 tháng"⁽³⁰⁾. Nhà Thanh đối với việc chế tạo dụng cụ cờ bạc, mở sòng bạc xử lý đặc biệt nghiêm khắc, ý tứ vốn là muốn lấp nguồn cờ bạc, đạt tới mục đích "dứt nguồn để phòng dòng chảy".

Triều Thanh cũng như kẻ thống trị các triều đại đặt trọng điểm ngăn cấm cờ bạc vào các quan lại của chính quyền. Trong niên hiệu Sùng Đức, Thanh Thái tông đã có lời răn dụ người Bát kỳ "Phạm cờ bạc làm hao tổn tài sản, dấy lên trộm cướp. Từ nay trở đi phạm việc đánh bạc ăn tiền, thấy đều cấm chỉ"⁽³¹⁾. Kẻ thống trị nhà Thanh cho rằng, "Thân đã làm đại thần mà còn cờ bạc, làm sao có thể cai quản kẻ dưới!". "Nếu bản thân không cờ bạc, cai quản nghiêm ngặt, thì có chuyện gì mà không làm được"⁽³²⁾. Kết luận là "muốn sửa phong tục thì phải bắt đầu từ chỗ quan lại". *Đại Thanh luật* quy định quan lại cờ bạc thì trị tội nặng hơn thường dân một bậc. Năm Ung Chính thứ 4 có chỉ dụ "Bất kể đánh bạc ăn tiền hay ăn uống" thì quan lại người Hán người Mãn ngoài việc bị cách chức còn phải đóng gông làm hiệu lệnh 2 tháng sẽ xử trị"⁽³³⁾. Năm Gia Khánh thứ 18 còn phát sinh một việc sau đây. Để giải quyết vấn đề sinh kế cho tôn thất nhà Thanh, đương thời đã dời bảy mươi hộ rảnh rỗi trong tôn thất từ Bắc Kinh tới Thịnh Kinh (tức Thẩm Dương), về mặt sinh hoạt đã làm việc an trí. Nhưng đám tôn thất ấy quen nhàn rồi lâu ngày, tính tình lười biếng, mượn cơ

(30) Dẫn từ *Thanh triều cấm đồ xu nghị*, xem *Xã hội khoa học*, số 2, 1991

(31) *Thanh Thái tông Thực lục*, quyển 11, tr. 157

gả con gái, xin tạm thời về lại Bắc Kinh, "chứa bạc thu tiền", lúc quan binh đi tuần kiểm tra thì cầm binh khí "cùng đám con bạc chống cự đã thương quan binh, kết quả là bị phạt giao cho Tôn nhân phủ cấm cố 3 năm, sau khi xét xử đánh 40 hèo, mãn hạn áp giải về Thịnh Kinh giao cho Nha môn Tướng quân ở đó quản thúc nghiêm ngặt⁽³⁴⁾. Đương thời có một người tên Anh Hoài, sau khi tới Thịnh Kinh hẹn ước với bọn dân lêu lổng là Trần Ổn, Vương Ngọc tìm chỗ "mở sòng bạc", họp con bạc để thu tiền, sau khi bị bắt bị cách quan hàm tứ phẩm, cấm cố 9 tháng, đóng gông đánh 35 roi, phạt bổng 1 năm⁽³⁵⁾. Đương thời người trong tôn thất là Thuần Tế, Kỳ Anh lưu lại Bắc Kinh cũng rất không tự trọng, cùng thường dân là bọn Trương Thất họp bọn cờ bạc, bị đánh 50 roi, giao cho Tôn nhân phủ cấm cố 9 tháng, phạt bổng 1 năm⁽³⁶⁾. Lại một người tôn thất khác là Thường Lục ngụ ở đường Sá Tử Hồ Đồng cửa Trục Môn phía đông thành Bắc Kinh, mở sòng bạc "tụ họp con bạc thu tiền", sau khi bị bắt bị theo lệ đóng gông đánh trượng, phạt bổng 6 tháng, giao cho Tôn nhân phủ cấm cố 4 tháng. Còn có một người trong tôn thất tên Đồng Thọ, vì "mở sòng tụ họp con bạc" trên đường Lưu Ly Hồ Đồng ở Bắc Kinh, cũng bị xử đánh 100 trượng, đầy 3 năm⁽³⁷⁾. Những điều kể trên nói rõ nhà Thanh xử phạt quan lại rất nghiêm khắc, cả tôn thất cũng không phải ngoại lệ.

Nhà Thanh còn thực hiện chế độ trưởng quan phụ trách việc ngăn cấm cờ bạc. Phàm quan lại trong huyện phạm tội đánh bạc thì Tri huyện chịu trách nhiệm, quan lại trong phủ phạm tội đánh bạc, thì Tri phủ chịu trách nhiệm,

(32) (33) (34) *Khâm định Đại Thanh Hội điển sự lệ*, quyển 826 - 827

(35) *Tông nhân phủ đường cáo*, Bộ quân Thống lĩnh nha môn, *Vị tông thất thịnh hành oa đồ sự*, Trung Quốc đệ nhất lịch sử đáng án quán tàng.

(36) Như trên, *Thịnh kinh Hình bộ, Nã hoạch Trần Ổn đẳng tụ đồ sự*.

(37) *Tông nhân phủ đường cáo*, Bộ quân Thống lĩnh nha môn, *Vị nã hoạch tụ đồ sự*.

trở lên cũng thế. Biết rõ thuộc quan phạm tội cờ bạc mà không tham hặc thì trưởng quan bị giáng ba cấp điều đi nơi khác, trưởng quan không cùng nơi thì phạt bổng một năm. Lại đối với những quan lại bất lực trong việc ngăn cấm cờ bạc thì phải chế tài bằng biện pháp hành chính, kinh tế, nếu có bách tính phạm tội cờ bạc mà quan lại không giám sát được thì phạt bổng ba tháng, nếu biết rõ có kẻ cờ bạc mà không tiến hành tra xét thì phạt bổng một năm. Ngược lại đối với quan lại có công trong việc ngăn cấm cờ bạc thì thưởng, "người bắt được kẻ chế tạo dụng cụ cờ bạc, thì Tri huyện được thăng hai cấp, Tri phủ được thăng một cấp, Đốc Phủ Ty đạo được kỷ lục hai thứ". Nha lại, binh lính nếu bắt được cờ bạc thì được thưởng tất cả tiền bạc thu được. Vì thế một số tướng quân, quan lớn của nhà Thanh rất đặc lực trong việc ngăn cấm cờ bạc. Trong đời Khang Hy, học giả Lý học danh thần Thang Bân giữ chức Tuần phủ Giang Tô ra cáo thị nghiêm khắc ngăn cấm cờ bạc. Ông ta nói "chỉ vì một chuyện bài lá Mã điều mà sĩ nông công thương mê đắm vào đó, bỏ bê công việc. Bọn vô lại dụ dỗ con em nhà giàu, ăn thua hàng ngàn hàng vạn, đêm ngày la hét âm ỉ", "gian dân trộm đạo vì thế mà dấy lên". Lại chỉ ra "cờ bạc là nguyên nhân dẫn tới táng gia bại sản, là nguồn gốc của việc làm giặc", vì thế "đều phải nghiêm khắc truy bắt để địa phương được yên tĩnh"⁽³⁸⁾. Theo truyền thuyết, sau khi Thang Bân đão nhiệm, "sai Hữu ty chế ra sáu loại công", kẻ phạm tội cờ bạc phải bị đóng công để thị chúng. Lại "dụng lấu Tiêu Dao ở Hoàn Đường, trong lấu có đủ dụng cụ cờ bạc, những tội phạm cờ bạc bị bắt đều giam vào đó, bảy ngày không cho ăn uống, sau đó thả ra"⁽³⁹⁾. Bước vào lấu ấy không khác gì nộp mạng, nên không ai dám đem tính mạng mà thử, nhờ thế cách thức ấy thu được kết quả nhất định. Đời Càn Long Trần Hoằng Mưu làm

(38) Dẫn theo Vương Vệ Bình, *Thanh đại Ngô địa đồ phong luận thuật* (Bản vẽ phong khí cờ bạc ở đất Ngô thời Thanh), Tham luận trong Hội nghị quốc tế về văn hóa đất Ngô.

(39) *Đan ngọc bút ký*, Dương Văn Vũ tri Ngô.

Tuần phủ đất Ngô, chỉ ra rằng "đất Tam Ngô phong khí cờ bạc rất mạnh", nguồn gốc là từ bọn con bạc lớn phủ thương thân hào. Lại vì cờ bạc làm "táng gia bại sản", "trộm cướp nổi lên", vì thế đối với bọn phạm tội cờ bạc, ắt phải "nghiêm trị không tha"⁽⁴⁰⁾. Lại như Tướng quân Tương quân Giang Trung Nguyên đối với cờ bạc thì "thê độc cố bỏ", Lý Thành Muu sau khi hiển đạt "những nơi tới làm quan, tuyệt không mang dụng cụ cờ bạc theo, người trong nha thự cũng răn bảo nhau không được phạm pháp"⁽⁴¹⁾.

Đồng thời triều đình nhà Thanh còn khuyến khích người tố giác cờ bạc, phạm kẻ đánh bạc ra tố cáo trước thì có thể được miễn tội, được thưởng một nửa số tiền bạc tịch thu được, tiền thua bạc được trả lại. Nhà Thanh thi hành cách thức liên tọa trong việc ngăn cấm cờ bạc, có người đánh bạc thì "láng giềng thông đồng che giấu không tố cáo ngay bị đánh 100 trượng, nếu chia chác tiền bạc thì đánh 100 trượng, đầy 3 năm". Vì thi hành nghiêm khắc nên việc cấm cờ bạc thu được hiệu quả nhất định, trong đời Khang Hy "ruộng vườn tươi tốt, làng xóm bình yên"⁽⁴²⁾. Đời Ung Chính "những người cờ bạc và các nhà chế tạo dụng cụ cờ bạc dần dần đổi nghề mà gia đình yên ổn"⁽⁴³⁾. Những thành tựu ngăn cấm cờ bạc của triều đình nhà Thanh chỉ là tạm thời. Vì điều luật ngăn cấm cờ bạc của nhà Thanh quá phiền phức không dễ tuân thủ, vả lại chính sách ngăn cấm cờ bạc sáng ban ra chiều thay đổi theo xu hướng lợi lỏng dần, nên đến cuối thời Thanh thì lệnh cấm được mở cửa.

Nhà Thanh ngoài việc công khai ban hành pháp lệnh ngăn cấm cờ bạc còn lợi dụng ảnh hưởng thế lực của tôn thất, gia tộc để ra sức khuyến cáo ngăn cấm cờ bạc. Đối với việc cờ bạc thì một số tộc quy trong gia tộc thực hiện trừng phạt rất nghiêm khắc. Gia tộc Diêu Giang Chiết Giang quy định người

(40) *Ngô Quận tuế hoa kỷ sách, Sám ngôn.*

(41) *Thanh bị loại sao, Đỗ bác loại.*

(42) (43) *Khâm định Đại Thanh Hội điển sự lệ*, quyển 399, 400

đánh bạc phạt 5.000 đồng, gia tộc Tiêu Sơn quy định đánh 30 roi. Gia tộc Nam Xương Giang Tây quy định con em đánh bạc bị đánh 30 roi, cha anh bị phạt 2 lượng bạc. Gia tộc Ma Thành Hồ Bắc quy định đánh bạc hoặc mở sòng bạc bị đánh 80 trượng, tước bỏ tư cách tế tự tổ tiên. Gia tộc Nam Hải Quảng Đông quy định phạm người mở sòng bạc bị tước bỏ tư cách tế tự tổ tiên trong hai năm⁽⁴⁴⁾. Gia tộc họ Diệp ở Kiếm huyện An Huy "những điều cấm làm chuyện bậy bạ trong tông tộc rất rõ ràng, mà nghiêm khắc nhất là về chuyện cờ bạc. Lệ cấm cờ bạc đã hơn trăm năm, kẻ nào vi phạm thì bị đánh trước nhà thờ họ 30 roi, dù là sĩ nhân già yếu cũng không được tha"⁽⁴⁵⁾, phép tắc rất nghiêm nên có hiệu quả nhất định. Lại như thôn Giang Khẩu huyện Lật Dương tỉnh Hồ Bắc, thủy tổ là họ Vương, để ước thúc con cháu bền lập một tấm Bật đồ bì (Bia không đánh bạc) trong thôn, văn bia ghi lại quá trình lập nghiệp gian khổ và tộc quy của họ Vương, quy định kẻ phạm tội đánh bạc, "nhẹ thì phạt quỹ đánh đòn, nặng thì đuổi ra khỏi nhà", nên di phong đến nay vẫn còn, già trẻ trai gái trong thôn ấy hoàn toàn không ai đánh bạc⁽⁴⁶⁾. Còn những điều có liên quan tới việc ngăn cấm cờ bạc và xử trị kẻ cờ bạc trong gia đình cũng có không ít sử sách ghi chép. Có người thấy con trai tập nhiễm thói xấu cờ bạc, bèn làm thơ khuyên "Đồ giả thì quỷ bất thị nhân, Chỉ vì kim bối khởi họa căn, Hữu triêu nhất nhật phân bối liễu, Đáo đầu thành vị bối giới nhân" (Con bạc là ma chẳng phải người, Chỉ vì tiền bạc chuốc lỗi thôi. Có ngày một sớm chia tiền bạc, Sau rốt đi làm giặc cướp thôi). Chỉ là một bài thơ Ly hợp thể, chữ Bối và chữ Giả là chữ Đồ (đánh bạc), chữ Kim và chữ Bối là chữ tham (tham lam), chữ Phân và chữ Bối là chữ Bần (nghèo khó), chữ Bối và chữ Giới là chữ Tặc (giặc cướp), bốn

(44) Xem thêm *Trung Quốc bệnh thái xã hội sử luận* (Luận về lịch sử xã hội bệnh tật của Trung Quốc), Hà Nam Nhân dân xuất bản xã, 1991, tr. 272

(45) *Nam Bình Diệp dân tộc phổ, Tổ huấn gia phong*.

(46) Xem *Dân chủ dữ pháp chế*, số ra ngày 21. 12. 1991

chữ Đồ Tham Bản Tặc về hình tượng có liên quan tới con đường và kết cục tất yếu của đám con bạc, có tác dụng giáo dục rất lớn đối với con em. Nhưng vì cờ bạc hoàn toàn không trực tiếp xâm phạm tới quan hệ huyết thống làm cơ sở cho tổ chức tông pháp nên quy định xử trị tội cờ bạc trong tông tộc so với pháp luật của quốc gia thì nhẹ hơn, lại thêm sức mạnh chế định trong bản thân tông tộc cũng có mức độ nhất định, nên số người không tuân thủ quy định của tông tộc không phải là thiểu số.

Trong xu thế mục nát của nhà Thanh, làn sóng vận động Thái Bình Thiên quốc dấy lên ở các tỉnh phương nam, suýt nữa thì làm tiêu tan cơ nghiệp nhà Thanh. Họ đối với các hủ tục cờ bạc thuộc phiên vô cùng căm ghét, ra lệnh cấm đoán nghiêm ngặt. *Nguyên đạo cứu thế ca* coi cờ bạc là điều bất chính thứ sáu, chỉ ra rằng cờ bạc là cách thức âm toán giết người "về lý thì không chính đáng", nhất định phải ngăn cấm. Trong mười khoản thiên điều, cũng quy định "cờ bạc, mại dâm, đánh đề đều phạm thiên điều". Người vi phạm nhất loạt bị trừng trị nghiêm khắc khép vào tội tử hình. Như trước mắt nói tới việc cờ bạc trên Thuyền giáo, triều đình nhà Thanh không biết làm sao, ngược lại còn câu kết với bọn giặc cướp trên Thuyền giáo, nhưng Thái Bình Thiên quốc vào năm 1860 tức năm thứ 3 sau khi chiếm được Tô Châu, xuất kích ra bốn phía tiêu diệt Thuyền giáo, nhất thời "sòng bạc các nơi đều tan rã, bọn chủ sòng đều trốn biệt tích". "Từ đó phong khí cờ bạc rộng rãi mới bắt đầu chấm dứt"⁽⁴⁷⁾. Có thể thấy trong thời Thái Bình Thiên quốc việc tấn công cờ bạc có hiệu quả phi thường.

Xem xét toàn bộ thời kỳ phong kiến đến thời cận đại, ngoài thời gian các phong trào khởi nghĩa nông dân tạm gác ra ngoài, thì từ thời Chiến quốc đến thời Thanh, cho dù qua việc thi hành chính sách ngăn cấm cờ bạc cũng thu được một số hiệu quả, nhưng cờ bạc rốt lại vẫn cấm mà không dứt,

(47) Thẩm Từ, *Ty khấu nhật ký*.

càng cấm càng lan ra, lúc nghiêm ngặt lúc lỏng lẻo. Đó là vì kẻ thống trị phong kiến trên từ hoàng đế dưới tới quan lại có không ít người ưa thích cờ bạc, người trên làm kẻ dưới học, việc ngăn cấm cờ bạc cũng không từ sự ngăn cấm mà dấy lên.

Thứ hai là quan lại bao che cho nhau, thậm chí những thế lực xã hội đen cũng câu kết với quan lại, công nhiên cờ bạc. Đúng như Cố Viêm Vũ trong *Nhật tri lục* nói "Luật hiện nay thì kẻ phạm tội cờ bạc, quan văn bị cách chức làm dân, quan võ bị cách chức chờ xét", "nhưng trong hàng trăm người không có một người bị trị tội, trên dưới bao dung cho nhau nên luật pháp không được thực thi chính là vì vậy"⁽⁴⁸⁾. Con hoàng tộc Kỳ Khuông thời Thanh mạt là Đới Chấn, đầu tiên mở sòng bạc ở Thiên Tân, về sau dưới áp lực của dư luận bèn triệt hồi sòng bạc. Lúc đầu Đới Chấn còn sợ Ngự sử đàn hặc, nhưng em trai là Đới Sư lại nói "Sợ cái gì! Tôi nhất định làm với anh, xem bọn Ngự sử nghèo làm gì được mình!". Họ có chỗ nhờ cậy không hề sợ sệt như thế là vì có cha che chở. Về sau sòng bạc bị Thượng thư Bộ Dân chính Thiện Kỳ điều tra, anh em Đới Chấn cũng bị phạt mỗi người 5.000 lượng vàng, nhưng dưới sự giúp đỡ của một số người lại triệt hồi sòng bạc về Thiên Tân, vẫn làm theo ý mình, thu được số tiền bất chính lớn. Lại nữa, sở dĩ cấm mà không dứt được cờ bạc còn vì quan lại dung túng cho thế lực xã hội đen. Trần Tích Kỳ trong *Tý bình nhật ký* nói "Việc ngăn cấm cờ bạc theo lệ có điều luật rõ ràng, nhưng vì quan lại ngầm nhận hối lộ, che giấu quan trên, để mặc cho mở ra, dần dần tụ họp ngày càng nhiều, số tiền hối lộ cũng ngày càng lớn. Thậm chí có khi còn món bỏ chia nhau, mặc khách và những người thân tín đều cam tâm làm tai mắt, một khi bị phát giác thì lập tức báo tin. Thân sĩ bản xứ có ai tố giác thì họ câu kết với bọn giặc làm khó dễ"⁽⁴⁹⁾. Khoảng giữa năm 1859, Tuần phủ Giang Tô hội đồng với Tuần phủ Chiết Giang kết hợp

(48) *Nhật tri lục*, quyển 28, *Đỗ bác*.

(49) *Minh Thanh hy kiến sử tịch tự lục*, tr. 33

trấn áp bọn lưu manh cờ bạc và bọn đầu sỏ cờ bạc trên Thuyền giáo ở bốn phủ Tô Châu, Tùng Châu, Gia Châu, Hồ Châu, đánh trượng chết một tên, "giam nhốt" một tên, số còn lại thì vẫn ung dung hành nghề như cũ, thậm chí "thần nhiên mở sòng bạc"⁽⁵⁰⁾. Chính quyền không những không tiếp tục trấn áp, mà ngược lại còn "phong quan chức cho đám đầu sỏ cờ bạc, hen cùng tấn công" quân Thái Bình Thiên quốc.

Một nguyên nhân nữa là do chính phủ công khai thu thuế cờ bạc. Trờ cờ bạc Vi tính ở Quảng Đông vốn phạm điều cấm nên người mở sòng phải cấu kết với nha dịch công sai, đưa tiền hối lộ mới có thể mở sòng. Về sau Tuần phủ Quảng Đông hạ lệnh "Các sòng Vi tính bị phạt thêm khoản bổ sung để sung quân phí, nhưng kể lại chuẩn cho các sòng bạc Vi tính nộp hồ sơ, chiêu mộ thương nhân nộp lương"⁽⁵¹⁾. Cuối cùng do Thượng thư Bộ Hộ La Thuần Diễn dần hặc mới bị cấm chỉ. Nhưng đến năm 1884, quân Pháp xâm lấn, "tình Việt giới nghiêm, quân phí cần gấp, khổ nỗi không biết lấy vào đâu", lúc ấy bọn lưu manh cờ bạc thừa cơ hội đề xuất, mỗi năm xin đóng góp hàng vạn tiền quân lương, xin Tổng đốc chuẩn cho mở sòng bạc. Về sau quả nhiên được phê chuẩn, từ đó đám lưu manh cờ bạc to gan lớn mật, giống trống khua chiêng "Theo lệnh Tổng đốc mở sòng bạc" (Phụng Hiến khai đồ), đương thời mỗi năm nộp cho chính quyền khoảng 12 triệu đồng bạc. Năm 1902, Tuần phủ Quảng Tây Đinh Chấn Phong vì lo việc bồi thường chiến phí năm Canh tý cũng tổ chức Công ty Vi tính nộp ngân sách (Vi tính đồ bác sung thừa công ty), đánh thuế cờ bạc. Cờ bạc đã công nhiên tiến hành không hề úy kỵ thì làm sao nói tới chuyện ngăn cấm cờ bạc!

Sau cùng, về mặt pháp luật thì những khoản ngoại lệ

(50) *Thái Bình Thiên quốc sử liệu tùng thư giản tập*, tập 4, tr. 327; Thẩm Tử, *Ty khẩu nhật ký*.

(51) Đường Thượng Ý, *Thanh mạt Lương Quảng địa khu dịch vi tính* (Vi tính ở khu vực Lương Quảng thời Thanh mạt), *Lịch sử đại quan viên*, số 11, 1992

được tha bổng quá nhiều, như cờ bạc ăn uống, đánh cá về vô nghệ đều không coi là cờ bạc. Trên thực tế, chuyện ăn uống có thể chuyển thành tiền bạc, có một số trò cờ bạc như bắn chim cũng có thể dùng chiêu bài "vô nghệ" để tiến hành.

IV. Việc ngăn cấm cờ bạc thời Dân quốc

Năm 1912, Dân quốc thành lập, các loại chính sách đều thay cũ đổi mới, thượng tuần tháng 3 Đại Tổng thống căn cứ vào báo cáo của Bộ Nội vụ, ra lệnh nghiêm cấm cờ bạc. Bộ Nội vụ trong Báo cáo về việc ngăn cấm cờ bạc nói "Cờ bạc là tập tục xấu xa, lừa gạt lấy tiền, làm hại đời sống của dân, gây nguy hại cho xã hội", vì thế xin các bộ, Đô đốc các tỉnh, Cảnh sát trưởng Nam Kinh, Tri phủ Nam Kinh đối với các loại cờ bạc nhất loạt nghiêm cấm, lại tiêu hủy các loại dụng cụ cờ bạc, "nếu ai vi phạm thì theo Hình luật trị tội"⁽⁵²⁾. Có thể nói là thái độ kiên quyết, khẩu hiệu rõ ràng. Nhưng từ khi chính phủ dời lên phía bắc thì pháp lệnh ấy hoàn toàn không được thi hành trong thực tế.

Thời Dân quốc từ quân phiệt Bắc Dương tới chính quyền Nam Kinh đều thực hiện việc ngăn cấm cờ bạc. Chính phủ Quốc dân đảng ngày 10. 3. 1928 công bố "Hình pháp", điều 266 chương 20 quy định cụ thể đối với các tội phạm cờ bạc thông thường "kẻ đánh bạc ăn tiền ở những nơi công cộng hoặc nơi công chúng được ra vào, thì phạt 1.000 đồng trở xuống, nhưng người tạm thời vui chơi đánh bạc thì không trong phạm vi ngăn cấm này. Những dụng cụ cờ bạc cùng tiền bạc hay phỉnh đối bằng tiền trong sông, bất kể là của phạm nhân hay không, đều bị tịch thu". Điều 267 quy định phạm những kẻ lấy cờ bạc làm nghề nghiệp, thì "xử tội đồ (lao dịch khổ sai) 2 năm trở xuống, lại phạt tiền 1.000 đồng trở xuống". Điều 268 quy định, phạm những kẻ "muốn thu lợi, cung cấp chỗ đánh bạc hoặc tụ họp người đánh bạc, xử tội đồ ba năm trở xuống và phạt 3.000 đồng trở xuống". Điều 269

(52) *Lâm thời chính phủ công báo*, số 29

quy định, phạm những kẻ "muốn thu lợi, đặt ra giải thưởng, hoặc chưa được chính quyền phê chuẩn mà phát hành vé số, thì xử tội đồ hoặc lao dịch 1 năm trở xuống, lại phạt tiền 3.000 đồng trở xuống". Điều 270 quy định, "Người thi hành công vụ bao che cho người khác phạm vào những điều trong chương này, thì theo hình phạt quy định trong các điều mà tăng thêm từ hai tới một bậc". Luật Vi cảnh của chính phủ Quốc dân đảng cũng quy định, phạm vi phạm điều luật ngăn cấm cờ bạc, có thể phạt từ 15 đồng trở xuống, hoặc làm lao dịch một tuần trở xuống. Thậm chí người buôn bán vé số cũng bị phạt, chính phủ Bắc Dương quy định "người bán vé số phải xử phạt 100 đồng trở xuống, kẻ nào thu lợi trong đó thì phạt gấp đôi trở xuống. Nếu khoản phạt gấp đôi mà chưa đầy 100 đồng, thì xử theo khoản phạt một 100 đồng trở xuống"⁽⁵³⁾.

Thời Dân quốc một số quan chức đứng đầu chính quyền địa phương cũng ban bố không ít quy định ngăn cấm cờ bạc. Như tháng 6. 1921, Tỉnh trưởng Quảng Đông kiêm Tổng tư lệnh quân Việt hạ lệnh "Cấm mọi hình thức cờ bạc lớn nhỏ ở đất Quê" (Cấm Quê đại tiểu đồ bạc)⁽⁵⁴⁾. Tiếp đó các địa phương Ngô Châu, Quế Bình cũng phụng lệnh ngăn cấm cờ bạc. Lại như Sảnh trưởng Vương Cổ Khánh đại diện Sảnh Tuần cảnh Tùng Hộ Thượng Hải trong báo cáo tháng 1. 1925 nói cờ bạc "nhỏ thì của cải tích góp được lúc bình thời một sớm mất sạch, lớn thì táng gia bại sản, không dám nghĩ tới". Vì thế bản sảnh "thông tri cho các địa khu trực thuộc thường xuyên ngăn cấm, ai vi phạm ắt trừng phạt, vì thế bố cáo : các tầng lớp nhân dân đều phải tuân lệnh thi hành, nếu ai cố ý vi phạm nhất định sẽ tra xét trị tội không tha"⁽⁵⁵⁾. Mao Tổ Quyền Sảnh trưởng Sảnh Dân chính tỉnh Giang Tô vào tháng 1. 1928 cũng ra thông cáo "Nghiêm khắc cấm chỉ cờ

(53) Khương Văn Nghĩa, *Mọi mãi thái phiếu dịch xử phạt* (Xử phạt tội mua bán số đề), xem *Thân báo*, ngày 13. 1. 1925

(54) *Thân báo*, ngày 1. 7. 1921

(55) *Thân báo*, ngày 28. 1. 1925

bạc vào dịp tết"⁽⁵⁶⁾. Sảnh Dân chính tỉnh Chiết Giang cũng công bố "Điều lệ tạm thời về việc ngăn cấm cờ bạc", quy định "Kẻ đánh bạc ăn tiền, phạm tội lần đầu phạt 300 tới 600 đồng, tái phạm phạt từ 600 tới 1.000 đồng"⁽⁵⁷⁾. Tháng 8 cùng năm tỉnh Chiết Giang còn ra quyết định nghiêm cấm phạt hành vé số biến tướng. Tưởng Kinh Quốc lúc làm Chuyên viên kiêm Tư lệnh Bảo an Cống Châu thi hành chính sách mới ba điều gồm cấm thuốc phiện, cấm cờ bạc, cấm mại dâm ở Cống Nam từ tháng 11. 1940 đến tháng 10. 1944, liên tiếp ra huấn lệnh, chỉ lệnh bố cáo cấm cờ bạc. Ngày 14. 11. 1940 ông ta ban hành huấn lệnh số 51 trong chỉ rõ "cờ bạc gây hại rất lớn", thể hiện rõ tinh thần "triệt để ngăn cấm", quy định : 1. Người vi phạm lần đầu phạt quỳ một ngày làm lao dịch 6 tháng, tái phạm phạt quỳ 3 ngày làm lao dịch 1 năm, vi phạm lần thứ ba thì coi như lưu manh, trục xuất khỏi địa phương. 2. Người chế tạo, buôn bán hoặc cung cấp dụng cụ cờ bạc cho các sòng bạc, coi như kẻ phạm tội cờ bạc, xử trị như điều trên. 3. Người thi hành công vụ bao che cho kẻ cờ bạc phạt quỳ 1 ngày và lao dịch 6 tháng, nếu vì ăn hối lộ mà bao che thì trị theo tội tham ô. 4. Nhân viên khu, hương (trấn), bảo, giáp và Cảnh sát trưởng gặp cờ bạc trong khu vực của mình, nếu không lập tức bắt giam, hoặc không báo cáo lên trên để cơ quan đi bắt, thì xử theo tội bao che, phạt quỳ 1 ngày và lao dịch 6 tháng, sau đó cách chức xử tội, Huyện trưởng sở tại cũng chịu trách nhiệm liên đới⁽⁵⁸⁾. Trong huấn lệnh ngày 28. 12. 1943 ông ta cũng chia ra sáu biện pháp trừng phạt kẻ phạm tội cờ bạc "1. Phạm tội cờ bạc lao dịch 1 năm, Giáp trưởng sở tại phạt lao dịch 3 tháng, Bảo trưởng sở tại phạt lao dịch 1 tháng trở xuống, Hương trấn trưởng sở tại ghi lý lịch một lần. 2. Dụng cụ cờ bạc và tiền bạc trong sòng bạc đều tịch thu. 3. Phòng ốc dùng để đánh bạc bị niêm phong. 4. Kẻ thường đem phòng ốc làm nơi đánh bạc, ngoài việc thu hết tiền thuê phòng còn tịch thu một phần hoặc toàn

(56) *Thân báo*, ngày 29. 1. 1928

(57) *Thân báo*, ngày 26. 2. 1928

bộ tài sản. 5. Nhân viên thi hành công vụ bao che cho người khác vi phạm các quy định trên đây thì theo đó trị tội nặng thêm một hai phần. 6. Quân nhân đánh bạc thì ngoài việc trừng phạt theo "Biện pháp xử trị tạm thời đối với quân nhân đánh bạc" (*Thủ đề quân nhân đồ bạc tạm hành biện pháp*) còn quy định các khoản liên đới dưới đây : a. Binh sĩ đánh bạc, thì Ban trưởng, Bài trưởng đều bị cấm cố, b. Ban trưởng đánh bạc thì Bài trưởng, Liên trưởng đều bị cấm cố, c. Bài trưởng đánh bạc thì Liên trưởng, Doanh trưởng đều bị cấm cố ⁽⁵⁹⁾, d. Còn lại theo đó mà suy ⁽⁶⁰⁾.

Các điều luật, pháp lệnh trên đây căn cứ vào tội cờ bạc thế nào mà xử trị tương ứng, quy định vô cùng rõ ràng và cụ thể. Vả lại còn coi việc phát hành vé số chưa được chính phủ chuẩn y là cờ bạc để xử trị. Đối với quân nhân đánh bạc cũng có pháp luật riêng, đối với người đang làm quan mà cờ bạc thì phải xử phạt nặng hơn. Những điều đó cho thấy pháp luật ngăn cấm cờ bạc ngày càng hoàn thiện. Nhưng những pháp luật đó tựa hồ đều chú trọng tới việc cờ bạc nơi công cộng mà đối với việc cờ bạc ở nhà riêng thì dường như lại thiếu khả năng thực hiện, cũng chưa thể thi hành nghiêm túc.

Thời Dân quốc báo chí đưa tin về việc khám xét, bắt cờ bạc nhiều không kể xiết. *Thân báo* ngày 9. 1. 1916 đưa tin Phòng Tuần bổ Thượng Hải phá được sòng bạc ở nhà số 17 đường Hách La bắt được bọn Hạ Chi Cát chứa bạc thu tiền, sau khi điều tra xét xử, bị phạt mỗi người 5 đồng Tây dương, toàn bộ dụng cụ đánh bạc bị tiêu hủy. Qua hai hôm Thám cảnh Áp Bắc Thượng Hải lại phá được sòng bạc ở ngõ Đông Lai An đường Ngọc Sơn, bắt được bọn lưu manh cờ bạc Chu Ngưỡng Tiên, Trần Chính Hưng giải tới Tòa án thẩm vấn. Lại qua hai hôm Nguyễn Minh Đức người Ninh Ba tụ họp người đánh bạc ở Hồng Khẩu bị bắt, phạt 20 đồng Tây

(58) (59) (60) *Dân quốc đáng án*, số 4, 1992

dương⁽⁶¹⁾, có thể nói như tờ nhện chẳng chặt, theo riết không thôi, nếu có một tin tức cờ bạc, thì "lập tức" ra tay hành động. Ngày 4. 11. 1921, Phòng Tuần bố trong tô giới Pháp bắt được sòng bạc trong khách sạn Tân Đăng Phong trên đường Đa Ấ, bắt được tại chỗ 47 người, tiền đánh bạc mấy vạn đồng, 3.050 đồng tiền phỉnh và các dụng cụ cờ bạc như bài cầu, xúc xắc. Kết quả chủ khách sạn bị phạt 500 đồng, ba người làm cái bị giam mỗi người 1 năm. Lại như tháng 4. 1925, trong câu lạc bộ Ba Hy Mễ Ô số 125 đường Tây Lào Hôi trong tô giới chung, cảnh sát phát hiện có người tụ tập đánh bạc, lập tức xuất hành tới bắt, câu lạc bộ bị niêm phong, khởi tố. Ngày 1. 10. 1928 Cục Công an thành phố Thượng Hải phá được một sòng bạc ở Quảng Oai Thủy Mộc tại cầu Hình Gia, tịch thu được 145 đồng Tây dương. Lại như tháng 7. 1928, ở khu Đặc Nhất tại Thiên Tân bắt được ba sòng bạc lớn là ba câu lạc bộ Đông Tây, Hoa Dương, Duy Lạp Thị. Điều kiện gia nhập ba câu lạc bộ này rất cao, tiền điện là 3.000 đồng một tháng, mỗi ngày còn phải đóng 600 đồng tiền bảo hiểm, vì thế người đánh bạc phần đông là các di thái thái, thiếu gia, tiểu thư. Về sau bị phát hiện, nhà chức trách sai người sưu tra, bắt được 152 con bạc, trong đó không ít người là ngoại kiều⁽⁶²⁾.

Nhưng một số sòng bạc mà Cảnh sát bắt thời bấy giờ là của binh dân, chứ còn đối với các sòng bạc cao cấp và công thự tư dinh của các yếu nhân trong quân đội chính quyền hay đại thương nhân thì đều không dám dính vào. Chỉ đánh ruồi không bắt cọp là một nét đặc sắc lớn trong cái gọi là "ngăn cấm cờ bạc" ở Trung Quốc đương thời.

Việc ngăn cấm cờ bạc thời Dân quốc hư trương thanh thế thì nhiều chứ hiệu quả thực tế rất nhỏ. Lý do là bản thân chính quyền bất lực, họ lấy việc "từ thiện", "chấn cấp" làm

(61) Trở lên xem *Thân báo* ngày 9, 11, 13. 1. 1916

(62) *Thân báo* ngày 20. 7. 1928

danh nghĩa mà đi đầu trong việc phát hành vé số. Năm 1929, chính quyền tỉnh Chiết Giang mở hội triển lãm ở Tây Hồ, phát hành "Vé số Hội triển lãm Tây Hồ" (Tây Hồ bát lãm hội hữu tướng thường khoán). Sau kháng chiến chính quyền thành phố Thượng Hải phát hành "Vé số châu ngọc" (Châu ngọc tướng khoán) vân vân, còn có "Vé số xây dựng đường hàng không cộng cộng" (Hàng không công lộ kiến thiết tướng khoán) mang tính toàn quốc. Đó là một loại trực tiếp khen thưởng hành vi đánh bạc.

Thứ hai là sự phá hoại của quan chức lớn và quân nhân trong chính quyền. Thời Dân quốc, một số yếu nhân là Bộ trưởng, Tướng quân coi thường pháp luật, nhiều lần vi phạm lệnh cấm cờ bạc, còn ép Cảnh sát phải nới lỏng lệnh cấm. Như từ năm 1912 đến nửa đầu năm 1913 tỉnh Quảng Đông thi hành việc ngăn cấm cờ bạc, bọn chủ sòng cờ bạc chỉ có thể xuống đất. Nào ngờ năm 1914 quân phiệt Long Tế Quang tiến vào Quảng Đông xong, lập tức khôi phục các trò cờ bạc Sơn phiếu, Phố phiếu, chỉ là đổi tên gọi thành Thập tự hữu tướng nghĩa hội và Thập ngũ tự hữu tướng nghĩa hội mà thôi⁽⁶³⁾. Lại như *Thân báo* ngày 28. 4. 1921 đăng tải điện tín từ Bắc Kinh gửi tới, nói "Việc ngăn cấm cờ bạc ở Bắc Thị bị binh lính đơn vị nọ phá hoại. Bắt đầu từ hôm nay, Cảnh sát chuẩn y bỏ lệnh cấm cờ bạc". *Thân báo* ngày 2. 5 năm ấy đưa tin từ Hương Cảng điện về "Trong tỉnh (chỉ Quảng Châu) việc đánh bạc ở nhà riêng rất phát triển", nguyên nhân là vì "Khu trưởng quân đội che chở".

Thứ hai vì thuế cờ bạc là một nguồn thu quan trọng của chính phủ Quốc dân đảng. Ở Quảng Châu thời kỳ này vì tài chính cắt riêng, chính phủ Quốc dân đảng cho phép quân đội ở đó tự thu thuế, vì thế tướng đứng đầu Điện quân giao "Bát thập tự hữu tướng nghĩa hội" cho Công ty Bảo Hàng làm, về sau tướng đứng đầu Tương quân cùng lữ đoàn 16 trong quân đoàn 5 nối nhau phê chuẩn nguồn lợi, Công ty

(63) *Dân quốc hắc xã hội*, tr. 158

Thiên Lợi đứng ra phụ trách ngạch cờ bạc ấy, thu thuế để giải quyết vấn đề quân lương. Về sau cùng một ngạch cờ bạc mà ba công ty cùng phụ trách, mâu thuẫn rất lớn, Tổng cục quân lương tỉnh Quảng Đông bèn triệt tiêu quyền hạn của ba công ty mà giao lại cho Công ty Hoằng Ích tình nguyện nộp mỗi ngày 3.300 đồng. Ngoài ra ở các cửa đông nam bắc Tân Thành cũ ở Quảng Châu có rất nhiều công ty xổ số cũng chiêu mộ thương nhân phụ trách. Đến thời Bắc phạt, chính quyền vẫn công khai phê chuẩn cho các công ty thương nghiệp lãnh thầu xây dựng đường sắt Quảng Châu và Quảng Tam với các ngạch "Tam thập lục tự hoa hội", "Bát thập tự hữu tướng nghĩa hội" và các trò cờ bạc khác, thu thuế sung làm quân phí. Lại như năm 1936, "thu nhập tài chính của tỉnh Việt mỗi năm khoảng 7. 000.000" mà trong đó khoản thuế cờ bạc là 1.200.000, "nếu một sớm cấm hẳn" thì chi phí của chính quyền sẽ "không còn lối thoát". Cho nên chỉ có thể kéo dài thời gian ngăn cấm cờ bạc⁽⁶⁴⁾.

Còn có lý do khác, là vì chủ sòng bạc câu kết với quan liêu, quân phiệt, lưu manh, nên cờ bạc được "che chở". Như vào những năm 30 Quảng Tây "cấm cờ bạc", đám thương nhân cờ bạc bèn đưa tiền bảo hộ phí tới cho chính quyền Quế huyện, Hiến binh đoàn Quảng Tây, Cục Cảnh sát Tỉnh hội, để xin che chở được yên ổn lâu dài. Có lần, vì có vài chi tiết không chú ý, Phân cục Bạch Quế thuộc Tỉnh hội Cảnh sát cục tới khu vực Hiến binh đoàn bảo hộ để bắt cờ bạc, dẫn tới đôi bên nổ súng, về sau Trưởng quan đôi bên đều bị cách chức mới êm chuyện. Lại như người đứng đầu, Cảnh sát, phiên dịch trong Cục Công bộ tô giới chung ở Thiên Tân vào những năm 20 - 30 không muốn bắt sòng bạc, chỉ muốn tìm cái hay, gõ được một món tiền là thả con bạc ra, nếu không thì sẽ cắt đứt nguồn lợi cơm áo của mình, nên kiên quyết không làm chuyện bắt bạc. Lại như thời nguy Dịch các sòng bạc ở phía tây đất Hộ đều nhận "giấy phép" của Hiến binh Nhật Bản, để

(64) Hương Cảng, *Sinh sản nhật báo*, ngày 28. 7. 1936

được sự thừa nhận và bảo vệ của Hiến binh Nhật Bản. Cùng lúc ấy, sông bạc còn tới Tổng bộ số 76 của ngụy Ưông đăng ký vào sổ sách, nộp "tiền hiệu kính", thủ lĩnh công tác đặc biệt Ngô Tứ Bảo sẽ phái đặc vụ lưu manh thủ hạ tới "giữ chân trận", vì thế trong thời kỳ ấy sông bạc ở phía tây đất Hộ phát triển một cách bệnh hoạn, từ 6 sông phát triển tới 21 sông. Sau khi Quảng Châu thất thủ không lâu, đầu tháng 11. 1938, các sông bạc ở Quảng Châu xin quân đội Nhật Bản "bảo hộ", lại mở cửa làm ăn. Từ đó trở đi ngụy Nhật lại gọi công ty Dụ Vinh và công ty Đại Lợi phụ trách các trò cờ bạc như Sơn phiếu, xúc xắc, để quân Nhật đánh thuế giải trí. Năm 1941, sau khi công ty xổ số của khu vực triệt tiêu, thì công ty Quảng Phúc phụ trách sông bạc trong đặc khu Nam Giao, hình thành một dải sông bạc như rừng, con bạc như mây, tạo thành một đám mây đen dày đặc chướng khí.

Sau cùng là sự suy yếu trong thế lực của kẻ thống trị chính phủ Quốc dân đảng. Ở các khu vực mà thế lực của quân phiệt và các nước tư bản đan xen với nhau, đều hình thành các khu vực có ba điều hay nhiều điều không quản lý. Như trước chiến tranh chỗ giáp giới giữa tô giới Thượng Hải với khu vực không phải là tô giới chính là nơi dày đặc sông bạc. Trước chiến tranh chống Nhật ở những khu vực giặc Nhật, quân đội Quốc dân đảng, quân đội ngụy Ưông các cứ, nghề cờ bạc cũng có sự phát triển rất lớn. Còn có một số khu vực vùng biên giới và duyên hải chính phủ Quốc dân đảng cũng không với tay tới. Như khu vực Ô Lỗ Mộc Tế ở Tân Cương, đã đạt tới mức độ "phong tục địa phương thích cờ bạc, nhà nào cũng thế"⁽⁶⁵⁾.

Tóm tắt những điều nói trên, thì ngăn cấm cờ bạc trước nay là một vấn đề khiến người ta đau đầu. Người viết cho rằng chỉ có đề cao tố chất văn hóa của toàn dân tộc, hoàn thiện pháp chế thêm một bước, tích cực triển khai các hoạt động văn thể lành mạnh, thì vấn đề này mới được giải quyết tốt đẹp.

(65) *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí*, thiên hạ, quyển 8, Tân Cương.

LỊCH SỬ CỜ BẠC

Qua Xuân Nguyên

Cao Tự Thanh dịch

<i>Chịu trách nhiệm xuất bản:</i>	LÊ HOÀNG
<i>Biên tập:</i>	THANH LIÊM
<i>Sửa bản in:</i>	NGUYỄN TRUNG
<i>Về bìa:</i>	DUY NGỌC
<i>Đơn vị liên doanh :</i>	Cty TNHH phát hành sách Sài Gòn

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B LÝ CHÍNH THẮNG - QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

In 1000 khổ 14,5 × 20,5cm. Tại CTy In Chuyên ngành LDXH.
Số đăng ký KHXB: 297/79. Giấy trích ngang KHXB số: 252/2001.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2001

Mời các bạn tìm đọc :



PHÂN NHAI :
 **nhà sách QUỲNH MAI**
 46A NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q.3 - TP. HỒ CHÍ MINH
 ĐT: 8334350 - 8998183 * FAX: 84.8.3304393

GIÁ: 32.000đ